

HENRY MILLER

MÙA XUÂN ĐEN

PHƯƠNG TÂY
XUẤT BẢN

HENRY MILLER

mùa
xuân
đen

In lần thứ nhất

NGUỒN
Nguyễn Bảo
THỰC HIỆN EBOOK
Nguyễn Đăng Phương

HÀ NỘI – 2022

quê nhà yêu dấu

TÔ I là con người có tinh thần yêu nước, sinh trưởng ở khu phố Ward 14 tại Brooklyn. Những nơi khác của Mỹ quốc đối với tôi hầu như không có nữa ngoại trừ tư tưởng, lịch sử và văn chương Mỹ thôi. Năm lên 10, tôi phải lìa nơi chôn nhau cắt rốn để thiêng cùi tôi ở gần một nghĩa trang của những người theo đạo Tin lành hệ phái Luther, một nghĩa trang mồ mả được sắp xếp rất ngay hàng thẳng lối và hoa cúng cho người quá cố không lúc nào thấy phai tàn. Tuy nhiên tôi đã sinh trưởng ở đường phố, những con đường của thời đại cơ khí văn minh có trồng những trụ điện bằng sắt rất đẹp và gây nhiều ảo tượng về đêm... Sinh ra đời dưới chòm sao Bạch Dương, nên thân thể tôi có vẻ bừng sống, hoạt động, căng đầy nghị lực, làm việc không biết mệt. Lại ở căn nhà số 9, nghĩa là sao Hỏa Tinh chiếu mạng.

Sinh trưởng ở đường phố có nghĩa là lang thang suốt đời, là tự do, là lóng bông, là tai nạn, là nhiều truyện tình cờ, là kịch tính và hoạt động và nhất là, nhiều mơ mộng. Sự hòa hiệp của nhiều sự kiện tình cờ xa lạ làm cho cuộc sống lóng bông của ta có tinh cách bí nhiệm, huyền mơ. Ta có thể học được ở đường phố đâu là thực chất của con người, nếu không thì mãi về sau này hai thứ tóc

trên đầu ta mới có thể khám phá và hiểu được thực chất đó. Cái gì ở đường phố thênh thang ấy là giả dối, huyền hoặc, nghĩa là tiểu thuyết văn chương! Không có gì đáng gọi là phiêu lưu nếu chưa tầm trong hương vị của phố phường. Dù có lấy máy bay lên những miền địa cực, dù ta có lệnh đênh trên biển cả trên chiếc thuyền buồm, dù có đi khắp mọi thành phố, hoặc như anh chàng Kutz một mình một tay chèo ngược dòng sông và đi lang thang đó đây cũng chẳng đi tới đâu cả. Dù công việc của ta có tính cách kích động đến đâu chăng nữa, dù hoàn cảnh có bi đát, không chịu đựng được, sao đi nữa, thì ta vẫn luôn luôn tìm được một lối thoát, luôn luôn có sự cải tiến, dễ chịu, bù trừ, báo chí đề giải khuây và tôn giáo, miễn là một khi ta được tự do, diên khò, ngày dài, sát nhau...

Những chàng trai lần đầu tiên đi phố bạn gặp, họ sẽ ở kiếp ăn đời với bạn. Họ thực sự là những anh hùng vĩ nhân. Napoleon, Lenin, Capone... tất cả chỉ là tiểu thuyết. Đối với tôi thì Napoleon chả ra gì cả, nếu so sánh với Eddie Carney, người đã ban cho tôi cặp mắt đen láy đầu tiên khi vào đời. Chẳng có ai lại có cái vẻ vương giả, huy hoàng, quý phái như Lester Reardon cả, một con người chỉ độc có việc đi ngoài phố cũng đã làm cho mọi người khiếp sợ và cảm phục, Jules

Verne chưa bao giờ dẫn ta tới những nơi mà Stanley Borowsky khi trời sầm tối là xắn tay áo lên ra tay hành động. Robison Crusoe so với Johnny Paul thì óc tưởng tượng còn kém xa. Tất cả con trai ở phố Ward 14 vẫn còn những hình ảnh sống động đầy thi vị về những con người đó, những con người không phải do trí tưởng tượng sáng tạo ra, họ là những con người có thật. Tên họ kêu vang như những đồng tiền vàng, Tom Fowler, Jim Buckley, Matt Owen, Rob Ramsay, Harry Martin, Johnny Dunne... tất cả đều chả nghĩa lý gì bên những cái tên oai hùng: Eddie Carney hay là vĩ nhân Lester Reardon. Không biết tại sao, ngay cả lúc này, khi tôi nói tới cái tên Johnny Paul thì ngay cả tên các vị thánh cũng gây ra một cái vị khó chịu trong miệng tôi. Johnny Paul thực sự đã là một Odyssey bằng xương bằng thịt của khu phố Ward 14. Sau này ông ta lại trở thành một bác tài xe vận tải thì đó cũng là một điều tôi không sao hiểu nổi.

Dù có một cuộc đổi thay, xáo trộn lớn, thì cũng chẳng ai coi như để ý xem là phố xá có trở thành xấu xa hoặc bẩn thỉu hơn thường không. Nếu có người mở nắp ống cống chính của thành phố lên, ta bụm mũi lại để khỏi ngửi thối. Nếu ta có hắt hơi, thì ta thấy nước mũi dài trong khăn tay chứ đâu có thấy mũi. Ai nấy đều có một niềm

an tĩnh và an phận thủ thường. Phố xá đầy những tiệm càfé, những vết chân người, những vết xe đạp, những người đàn bà đi te tái, những con ngựa chạy nước kiệu. Đời sống cứ trôi đi một cách u nhàn, ít ra là ở khu phố Ward 14. Những sáng Chúa nhật, chả có ai mặc áo đẹp cả. Nếu bà Gorman trên thang gác đi xuống với bộ quần áo tã, bụi bám đầy mặt đè vái chào vị linh mục «Chào cha ạ!» «Chào bà Gorman!» thì đương phố như sạch trơn tội lỗi. Pat McCarren giặt một chiếc khăn nhỏ xinh xắn trong chiếc túi áo veste đè sẵn sàng sử dụng trông không khác gì một bông hoa gắn vào ve áo. Bia một khi đã sủi bọt trong ly, người ta thôi không nói chuyện với nhau nữa.

Trong giấc mơ, tôi trở về khu phố Ward 14 chẳng khác gì kẻ điên khùng trở về với chính những gì ám ảnh mình. Khi tôi nghĩ tới những chiếc tàu chiến vỏ thép xám nằm im trong Quân cảng Hải quân, tôi thấy chúng nằm theo một chiều hướng nào đó và tưởng tượng tôi là một người thợ đúc súng, một nhà hóa học, một thương gia rất nổi tiếng, một người thầu đám tang, một tên bạo dâm, một luật sư, một người chuyên cạnh tranh, một vị học giả, một tên vô công rỗi nghề, một thằng đầu bò, một tên mặt sắt.

Chỗ nào người khác có thể nhớ lại được tuổi thơ với một căn vườn đẹp đẽ, một người mẹ đầy

tình luyến thương, một cuộc cảm trại bên bờ biển thì tôi chỉ nhớ lại thật rõ rệt, thật sống động như khắc bằng acit, những bức tượng xám xịt bồ hóng, những ống khói nhà máy thiếc đứng đối diện với những tấm thiếc sáng bóng, cong vòng vứt bừa bãi ở ngoài đường. Có một số tấm thiếc còn sáng bóng, nhưng một số khác đã rỉ sét, xanh lè, quẹt vào là thấy bắn tay. Tôi nhớ lại những lò rèn sắt đỏ rực, những công nhân rèn sắt đi xuống lò đúc, tay cầm những chiếc xêng cõi lớn, trong khi bên ngoài lò có để những chiếc xúc than có tay cầm, vô phúc vấp phải không gãy chân cũng gãy cõi. Tôi còn nhớ như in những bàn tay đen đúa của những người thợ đúc sắt, có những mầu chai ăn sâu vào da không có gì có thể tẩy xóa cho sạch được, dù là dùng xà bông, thuốc tẩy, tiền bạc hay tình yêu hoặc sự chết. Giống như các ẩn tin đen đã đóng trên người họ. Họ đi xuống lò đúc trông chẳng khác gì những con quỷ có bàn tay đen rồi sau đó với những đóa hoa trên người họ, lạnh lẽo và cứng ngắc trong bộ áo ngày Chúa nhật, ngay cả mưa cũng không làm sạch được những vết chai sẹo đó. Tất cả những con dã nhân đẹp này sẽ về với Chúa mang theo những bắp thịt gồ ghề lên với bệnh đau lưng và đôi bàn tay đen đúa...

Đối với tôi thì cả thế giới này như thu gọn

trong phạm vi của vùng 14. Nếu có cái gì xảy ra bên ngoài ranh giới đó hoặc không xảy ra thì cũng chả có gì là quan hệ. Nếu cha tôi có vượt ranh giới khu vực này để đi ra ngoài câu cá thì cũng chẳng có gì là thích thú với tôi cả. Tôi chỉ còn nhớ mỗi buổi chiều câu cá về, ông cụ nồng nặc mùi rượu, rồi mở chiếc túi màu xanh lá cây thả ra những con quái vật mắt tròn xoe chạy lung tung trên sàn nhà. Nếu có một anh lính chiến nào, tôi chỉ còn nhớ rằng mỗi chiều thứ Bảy anh ta trở về, đứng trước cửa nhà vị mục sư mỉa thòi tháo ra rồi cởi áo lau sạch bụi đường và đống mỉa đi... Tôi còn nhớ Rob Ramsay, con trai vị mục sư. Ai cũng mến anh ta cả, anh ta là cậu con cưng của gia đình, mặc dầu anh ta là con người chẳng ra gì và anh ta cũng biết rõ chuyện đó, nhưng bất xét. Đối với anh ta thì những ngày Chúa nhật cũng như thứ Tư, ngày nào cũng vậy. Người ta thấy anh chàng đi phố luồn dưới những tấm màn che nắng, áo khoác vắt trên tay, mồ hôi lăn dài trên trán, chân thì lêu khêu run rẩy, bộ áo mặc vừa dài vừa cứng ngắc của một chú lính thủy vừa trên tàu lên bờ sau một cuộc tuần thám dài đến đáng kể. Nhựa thuốc lá dính nhẹp ở mép, thỉnh thoảng lâm bầm chửi thề, có đôi khi nói như quát lên, thật ồn ào. Cái vẻ bè ngoài lười biếng, sự vô ưu của con người, những cảnh tồi tệ, những tội phạm thánh. Không có người của Chúa

nào lại như cha chàng cả. Không có ai là người cảm hứng được tình yêu thương đến thế. Sự yếu đuối của người cũng là sự yếu đuối của con người nói chung, người đã mang những nỗi yếu đuối đó một cách nhẹ nhàng và sung sướng, một cách hài hước và vô sỉ như là phuờng trộm cướp. Ta có thể thấy ông đi trên con đường phố ấm áp lúc trời mờ sương, lúc các ống ga chính bị xả, không khí đầy mặt trời, tiếng xe rít, tiếng chửi thề tục tĩu; có thể là ông ta quần áo xốc xếch, cửa quần mở tung, hay áo ngoài trắng xóa những đồ bị ói mửa ra. Đôi khi ông ta xông xáo trên đường phố như con bò mộng, lúc đó phố bỗng vắng hoe một cách kỳ ảo, như thể có cái miệng khổng lồ mở rộng ra nuốt hết mọi lời phạm thượng. Chàng khùng Willy Maine có thể cũng đang đứng ở lề đường trước một tiệm vẽ, quần áo dài thậm thụt, liên hồi chửi bới cuộc đời chó má đáng yêu. Họ đang đứng ở đó dưới tiếng điện nổ lụp bụp khô khan ở ngoài phố vắng cùng với những ống «ga» chính đang nổ tung. Đó là một chuyện làm đau lòng vị mục sư.

Cuộc đời quá khứ của Rob Ramsay là thế đó. Một con người lúc nào cũng chịu chơi hết mình. Anh ta từ chiến tuyến trở về, ngực đeo đầy huy chương, lòng còn sói sục, say máu chiến đấu. Hắn thở mửa trước cửa nhà hắn, rồi cởi áo lau sạch những đồ vừa mửa ra. Anh ta cũng có thể quét sạch

đường phố nhanh như khẩu súng máy của anh ta. *Quét cho sạch! Tiêu diệt cho kỳ hết!* Châm ngôn của anh ta là vậy. Rồi chỉ một lúc sau đó, với một cách thiếu hụng khởi, vô ưu, vô tư lự, hắn đi hết chiếc cầu đá rồi gieo mình ùm xuống nước.

Tôi còn nhớ anh ta rõ lắm, kể cả căn nhà anh ta ở. Bởi vì, vào những chiều hè bức sốt, chúng tôi thường tụ tập đông đảo kề cận nhà Rob Ramsay đứng nhìn người ta qua lại trên đường phố để vào một phòng trà ở bên kia đường. Người ta cứ tới lui lui như vậy suốt đêm, chẳng có ai thèm kéo màn che nắng lên nữa. Bỗng, một viên đá từ căn nhà của anh hất tên Bum bay ra. Chung quanh nhà hất Bum là các trà đình, túru quán, bar. Đêm thứ Bảy nào cũng có một dãy dài những người nối đuôi nhau, tuần tự, dãy nhau đi, lượn khúc quanh co trước quầy bán vé. Những đêm thứ Bảy, khi các cô gái bạch mi ở «tột đỉnh vinh quang của mình,» thì chắc chắn thế nào cũng có những thủy thủ man rợ xổng ra khỏi căn cứ Hải quân để vào ôm cứng lấy những cô chiêu đãi ở bar Millie de Leon. Cũng đêm đó, họ cũng lại sẽ đi lang thang ngoài đường phố thật khuya rồi mới tạt về nhà. Rồi họ sẽ lại đứng trong phòng ngủ cạnh phòng khách, cởi những chiếc quần chật cứng, bó sát ra và người vợ thì cũng đang lột bỏ những chiếc nịt vú ra. Họ gãi lung cho nhau y hệt những con khỉ,

rồi cùng nhau uống lade xùm xụp, rồi cắn tai nhau, ré lên những tiếng cười man rợ không khác gì chất cốt mìn đang xì khói. Tất cả những cảnh đó, từ thèm nhà Rob Ramsay có thể nhìn rõ hết. Ông cụ già vừa đọc kinh vừa lèn thang gác có chiếc đèn dầu đang leo lét cháy. Cụ cầu nguyện như thể một con chiên cái tội lỗi đang sám hối vì giờ cuối cùng đã đi kèm. Đôi khi đọc kinh cầu nguyện mệt rồi, cụ khoác chiếc pijama vào đi xuống nhà y như một thầy dòng già, lấy cán chổi đậm nhẹ vào những cậu thanh niên đang túm năm tóm ba ở đó.

Từ quá trưa thứ Bảy tới sáng thứ Hai là cả một thời gian dài vô tận. Sự việc này tan vào sự việc kia. Từ sáng thứ Bảy người ta đã sẵn sàng, sự việc sẽ ra sao chỉ có Chúa mới biết rõ. Ta vẫn chỉ cảm thấy rằng những tàu chiến vẫn bỏ neo ở ngoài vịnh. Người ta vẫn thấy những chiếc cầu tàu đã được chùi bóng láng và hạ xuống, cái khối lớn của những quái vật trên biển cả này vẫn nằm lì trên mặt nước bần thiểu sáng như gương, nó là một cái khối xa hoa lộng lẫy đối với tôi. Tôi đã mơ ước là chạy trốn, chạy trốn đi những nơi thật xa xôi. Nhưng tôi chỉ đi xa lăm đến bên kia bờ sông, xa hơn về phía Bắc tới Đại lộ thứ 2, đường số 28 đường Belline. Ở đó, tôi đã chơi bản nhạc Valse «Mùa Hoa Cam Nở» và lúc nghỉ lung chừng, tôi đã rửa mặt trong một chiếc chậu rửa bằng sắt.

Chiếc dương cầm đặt ở một góc phòng trà. Các phiến đàn đã vàng khè, và bàn đạp không thể dùng được nữa. Tôi mặc quần áo lụa.

Mọi việc xảy ra ở bên kia bờ sông thấy đều rất buồn thỉu: sàn nhà đầy cát những ngọn đèn dầu oliu, những bức tranh bằng mica tuyết như không bao giờ tan trong bức tranh đó cả, những người Hòa Lan khùng khùng, những ly bia lớn cầm trong tay, những chiếc chậu rửa mặt đầy cáu bẩn, người đàn bà từ Hambourg tới, con lừa của bà ta gãi sὸn sὸt vào ghế ngồi, rải rác trên sân nhà đầy những bắp cải thối rữa. Mọi sự việc trong ba phần tư thời giờ cứ tiếp tục hoài như vậy. Tôi đi giữa cha mẹ tôi, một tay trong túi áo của mẹ, một tay trong túi áo của ba. Mắt tôi nhắm nghiền thật chặt và chỉ mở ra để khóc thối. Tất cả những làn sóng chập chờn đổi thay cùng thời tiết lướt qua trên dòng sông đều hiện rõ trong tâm hồn tôi. Tôi còn như cảm thấy sự tron trượt của những chiếc cột buồm thật lớn, tôi thường dựa lưng vào đó những khi trời có sương mù hoặc mưa gió. Nó truyền qua thân xác tôi sự run rẩy của con tàu trong gió lạnh, như thể con tàu đang trượt dốc vậy. Tôi còn có thể hình dung ra được cái thành tàu mốc meo đang nằm bền bỉ trên mặt nước cùng với chiếc bánh lái tròn ở đầu tàu, làn nước đen đang tuôn ở bên trong tàu ra rồi chảy tràn lên thành

tầu. Trên đầu tôi một bầy hải âu đang kêu khéc khéc, chúng nhào lộn, lượn vòng, gây ra một thứ giọng ồn ào, bắn thổi; mỏ của chúng gai vào nhau gây ra một thứ tiếng xộp xoap kỳ ảo của một bữa tiệc vô nhân đạo, như thể những cái miệng câm như hến để từ chối, như thể những chân đầy sẹo đang quay trong làn nước đục ngầu.

Người ta cứ vô tình trải qua hết cảnh nọ đến cảnh kia, hết tuổi này đến tuổi khác, hết cuộc sống này đến cuộc sống kia. Bỗng nhiên, ta lại thấy mình đi phố không biết là thực hay mộng nữa. Lần đầu tiên, ta mới nhận ra rằng thời gian năm tháng đang trôi qua, rằng tất cả những gì đã trôi qua là trôi qua luôn, và ta chỉ còn sống trong ký ức thôi. Rồi bỗng nhiên ký ức ta quay về với lòng mình với một cái gì đó có vẻ kỳ lạ và trong sáng vô cùng. Ta cứ lướt qua những cảnh trí này một cách liên tục, trong mộng mị và mơ màng, khi thì thấy mình đang bát phô, khi thì thấy mình đang nằm với một người đàn bà, khi thì đọc sách, khi thì nói chuyện với một người lạ mặt... Bỗng nhiên, nhưng luôn luôn với một cái gì có tính cách van lơn cầu khẩn, ghê gớm, luôn luôn với một cái gì có tính cách chính xác dễ sợ, tất cả những hoài niệm này xông xáo, vùng đứng dậy như những bóng ma quái và thám nhập vào mọi thớ thịt của ta. Rồi từ đó, mọi thớ thịt ta như di chuyển trên

một mặt phẳng chuyên động: tư tưởng, giấc mơ, hành động và cả cuộc đời chúng ta. Chả khác gì một hình đồng dạng, ta rời chỗ này để sang một chỗ khác cũng thấy in hệt. Và từ đó, chúng ta lại như rơi vào một nơi có muôn ngàn mảnh vụn, giống như con rết có những chiếc chân lơ quơ nhẹ nhè trong không khí; chúng ta cứ đi mãi có cảm giác rằng mình đã tham lam uống hết quá khứ, vị lai, mọi vật như tan chìm vào âm nhạc và buồn rầu. Chúng ta gặp lại một thế giới đã được hợp nhất, và để chấp nhận sự chia cách của chúng ta. Khi chúng ta cất bước đi thì vạn sự vật như đều tan nát cùng chúng ta thành muôn ngàn mảnh nhỏ có muôn sắc màu. Cái mảnh lớn của sự trưởng thành, sự thay đổi lớn lao. Trong lúc còn thanh niên, chúng ta là tất cả, nhưng nỗi sợ hãi và sự đau khổ của trần gian cứ thâm nhập hoài hủy vào con người của ta. Không có biên giới cách biệt giữa niềm vui và nỗi khổ, cả hai hòa nên một, như khi ta vừa tỉnh ngủ đã thấy cuộc sống thực tại như hòa trộn với mộng mị và giấc ngủ. Sáng ngày khi vừa thức dậy, ban đêm chúng ta lại lặn sâu vào lòng đại dương u tối, ta như bám chặt lấy các vì sao và ôm lấy sức ấm nóng còn sót lại lúc ban ngày. Rồi có một lúc, vạn sự vật như bỗng nhiên sụp đổ. Chúng ta sống trong tâm tưởng rất rời rạc, ta không còn đủ lực thường thức điều nhạc man rợ của

đường phố nữa, ta chỉ còn như *nhớ lại* mà thôi. Giống như người chỉ sống cho độc một tư tưởng, chúng ta làm sống lại bi kịch tuổi thanh niên. Hết như con nhện nhả tơ, kết mạng theo đúng một khuôn mẫu đã có sẵn. Nếu ta có bị xúc động vì một tượng bán thân mập thì chính là bán thân của một gái điếm mập đã cùi xuống ta vào một đêm mưa và trả cho ta biết lần đầu tiên cái vẻ đẹp lạ lùng của những gò bồng đảo vĩ đại; nếu ta rung động vì những ánh phản chiếu long lanh trên một vỉa hè uớt sũng nước là bởi vì hồi lên bảy, ta đã bất thẩn bị một cảm giác đầu tiên của cuộc sống xâm chiếm ta khi ta xoe mắt nhìn một cách vô ưu vào vũng nước phản chiếu ánh mặt trời ngoài đường phố. Nếu tiếng cửa mở cót két làm ta xúc động cũng vì ta nhớ lại có một chiều hè nào đó, khi tất cả mọi nhà lần lượt đóng cửa lại, thì chỗ nào có làn ánh sáng ủa ra đè ve vuốt bóng tối, thì chỗ đó y như có những tấm da mạ vàng với những chiếc dây và những chiếc dù óng ánh, rồi có những tiếng ồn ào luồn qua những cánh cửa rít, giống như cát nhuyễn chảy qua chất ngọc thạch, ở đó tỏa dâng những điệu nhạc đậm đật và mùi thơm của những xác thịt xa lạ đẹp lộng lẫy. Có lẽ khi cánh cửa này hé mở, hiến cho ta một thoáng nhìn về vũ trụ, có lẽ lúc đó tâm hồn ta có cảm tưởng như bị sức nặng nề ghê gớm của tội lỗi đè nặng lên, cùng với những ảo ảnh quay cuồng trong ánh

sáng. Chân ta gài gại một cách nhàn nhã trên đống mạt cura, tay cầm chiếc ly lạnh cold, và cũng ở đây, trên những chiếc bàn nho nhỏ, rồi đây, chúng ta phải nhìn vào đó với một niềm khát khao và kính cẩn. Cũng ở đây, chúng ta sẽ phải cảm thấy rằng, với năm tháng xiềng xích của tình yêu đầu tiên sẽ đến để trói buộc; những vết bầm đầu tiên của rỉ sét, những bàn chân đen đúa có móng nhọn của con gà đá, miếng thiếc tròn sáng vứt bừa bãi ngoài phố, những chiếc ống khói bám đầy lớp muội mỏng tro bụi trên mái nhà, cây sồi già rít lên trong gió dưới ánh nắng chiều hè, hú thét lên khi trời đổ mưa, trong khi đó, từ dưới đất nóng, các con ốc sên chui lên lồm ngồm thật kỳ lạ, cả bầu không khí bỗng đổi thành màu xanh và đượm mùi hăng hắc như diêm sinh. Ngồi bên những chiếc bàn nhỏ ở đó, vừa khi tiếng gọi đầu tiên cất lên, vừa khi bàn tay vẫy vẫy ra hiệu thì có một cái gì khó chịu quặn lên, gặm nhấm trong ruột, trong gan. Rượu như trở thành chua loét trong bụng, có một cái gì đau đớn bò từ dưới bàn chân thốc lên, đầu thì quay cuồng trong sự buồn rầu, khổn khổ, mỗi đốt xương nóng rực lên như than hồng khi sờ vào chiếc bàn. Cứ thế, lai rai hết chuyện nợ đến chuyện kia, nào chuyện thời thanh niên, nào những phiền sầu khổ não, nào những đêm man rợ, những cuộc khiêu vũ thân

mật kỳ ảo trên những vũng nước ngoài đường, rồi chuyện những người đàn bà cười hi hi khi họ gãi, những tiếng cười hô hố khả ố của những tên thủy thủ, một dãy dài những người đang nối đuôi nhau xếp hàng trước quầy bán vé hát, những con tàu đang lướt cạnh nhau trong sương mù và đang chống trả kịch liệt với làn sóng đang ào tới va vào mạn tàu rật rật, ào ào. Trong khi đó mãi cao trên cầu Brooklyn, một người đàn ông đang đứng dựa vào lan can trông điệu thiều nǎo, hắn đang chờ đê nhảy tòm xuống. Hoặc có khi hắn chờ đê sáng tác một bài thơ, hoặc chờ đê máu chảy hết khỏi mạch máu bởi vì nếu hắn tiến một chân kia lên nữa thì e rằng nổi đau khổ vì tình yêu của hắn sẽ giết hắn... Tất cả cứ như tiếp nối mãi mà trôi đi vậy.

Cái chất liệu của mộng mị chính là sự đau khổ khi phải chia lìa. Ước mơ vẫn hiện hữu khi thân xác đã bị chôn vùi. Chúng ta đi bộ trên phố phường cùng với hàng ngàn đôi chân và đôi mắt, với một cái vòi có nhựa dính nhặt nhanh cho kỳ hết bất cứ cái gì dù là nhỏ nhất nhất, cùng những hoài niệm trong quá vãng. Mở hoặc miệng, ngửa cổ ta uống đêm thâu vào rồi cả một biển máu ngọt chìm vào giấc mộng tuổi thanh xuân. Chúng ta uống rồi lại uống, uống như không bao giờ hết khát. Chúng ta chả bao giờ sống toàn bị nhưng sống

từng mảnh vụn của cuộc sống. Những mảnh vụn đó ngăn cách nhau bằng tấm màng mỏng manh nhất. Vì thế khi đoàn chiến hạm lướt sóng tập trận ở Thái Bình Dương thì đó là cả một thiên anh hùng ca của tuổi trẻ lóe lên trước mắt ta cùng với giấc mơ một đường phố vắng và những tiếng chim hải âu khέk khéc đang liệng vòng, nhào lộn, mồ ngậm những chiếc mồi thừa; hoặc đó là giấc mơ toàn nghe thấy tiếng kèn trận và tiếng cờ bay lật phật trong gió lặng, với tất cả những vùng đất lạ trên trái đất đang trôi nổi trước mắt ta, không ngày tháng, vô ý nghĩa, phi lý quay tròn như chiếc bàn ru-lét trong ánh sáng đỏ rực của quyền hành và vinh quang. Vào lúc sáng tinh mơ, nếu đứng trên cầu Brooklyn nhìn xuống những ống khói tàu thủy đèn ngòm đang nhả khói, ta sẽ thấy những nòng súng sáng ánh lên cùng với những cúc áo thủy binh, nước chia đôi dưới cái mũi tàu sắc cạnh một cách kỳ lạ, trông như thể nước đà trôi bên dải lụa, tựa như một chất đang nô bung và một chất đang xì khói, nước biển cuồng nhiệt nhào lộn đổi từ màu xanh sậm sang màu xanh da trời với cái vẻ lạnh lẽo của rượu sâm-banh và rượu Gill bị đốt nóng. Mũi tàu xe nước làm đôi như một lời nói hai nghĩa bất tận, thân tàu nặng nề, bền bỉ lay động với cái mũi tàu luôn xé nước làm đôi, trọng lượng của tàu là

trọng lượng không thể đo lường được của vũ trụ; nó chìm xuống tới một độ áp lực nào ai mà biết, chìm xuống tới địa tầng nào cũng chẳng ai biết nốt; trong các hang động, nước lượn vòng một cách nhịp nhàng, các vì sao như bay lượn ở trên và cứ dần tắt đi, trông gần tựa như tay ta có thè với tới và nắm gọn lấy được nhưng chẳng bao giờ nắm được cả. Khi các vì sao dần tắt từng ngôi, hàng tỷ sao trôi, hàng tỷ tỷ vũ trụ đang chìm vào một cái gì vừa đỏ rực lại sáng lên một cách lạnh lẽo chiếu vào bóng đêm kỳ ảo có màu xanh lá cây và màu xanh da trời như nước đá đang tan, sâm-banh đang trào bọt cùng với tiếng kêu não nuột của loài hải âu, mỏ chúng ngậm đầy tôm biển, những cái mỏ bắn thủ của chúng ăn hoài hoài không biết chán dưới những lườn tàu im lặng.

Nếu nhìn từ cầu Brooklyn xuống, ta thấy những đống bọt sóng hoặc một cái gì gần như dầu gazoan, hoặc một đống những mảnh vụn nhỏ tí, hoặc như một chiếc bobo không người lái; thế giới trôi qua lộn tung phèo tất cả với những phiền muộn, khổ đau, lửa phiền đốt ruột, làn da ngoài đang nứt nẻ, những con dao nhọn thọc sâu vào sụn và bộ xương tan rã thành một cái gì vô nghĩa.

Từ thế giới cõi sơ, những lời nói diên khờ lướt đến ta cùng với những điềm báo và những dấu hiệu, chữ viết trên tường, những tiếng rít của những

cánh cửa phòng khách, những người đánh bài hút những ống điếu bằng đất nung, cái cây trơ trụi bên nhà máy thiếc, những bàn tay đen đến chết vẫn còn đen, khi trên đường phố đêm nhìn cây cầu nồi bật trên nền trời như chiếc thụ cầm, đôi mắt ngái ngủ hoa lên nhìn bức tường trại hoa; cầu thang sụm đồ xuống nát vụn, những con chuột chạy lẹ qua trên trần nhà; có tiếng người gọi cửa và có những con vật dài, bò được với những cái voi ngoe ngoe và hàng ngàn những chiếc chân nhỏ roi từ ống nước xuống trông giống như những giọt mồ hôi, những vị thần sát nhân, vui vẻ cùng với những tiếng rít của gió đêm và những tiếng guyễn rửa của những người có đôi chân nóng rực; những chiếc hòm thấp, nồng lòng có những then ngang xuyên qua, mưa bụi buồn thảm roi xuống trên những thân xác đã giá lạnh, hóa sáp, làm những đôi mắt đã chết lại càng thêm cứng ngắc, làm cho những mảnh sò cứng của những con sò chết lại càng trơ trọi thêm. Chúng ta như thể đi vòng trong một chiếc lồng tròn trên một thế đất chông chênh, biền dâu hoài, những vì sao và mây bay dưới cầu thang tự động, chiếc cửa cứ xoay tròn, không có người đàn ông và đàn bà nào lại không có đuôi, hoặc không có móng vuốt cả, trong khi tất cả các sự vật ta đều thấy viết các chữ A, B, C bằng sắt và bằng manganát già. Ai nấy cứ đi bộ vòng vo trong chiếc lồng tròn tới chỗ có một lò lửa; rạp

hát đang cháy bùng lên và các nghệ sĩ cứ tiếp tục gào thét vai trò của mình, ruột thi nồng tung, răng rụng hết ra ngoài, các tiếng rên xiết của những thằng hè ôa xuống như gầu tóc đang rơi. Vào những đêm không trăng, chúng ta đi lang thang trong thung lũng đầy miệng núi lửa, thung lũng của những ngọn núi lửa đã tắt, đầy những chiếc đầu lâu trăng hếu của loài chim không cánh. Ta cứ tiếp tục đi hoài, tìm kiếm một cái trực bánh xe và những chiếc bù loong, nhưng lửa đã cháy tàn và phái tính sự vật được giấu nhẹm trong cái ngón của bao tay. Thế rồi, bỗng có một ngày xác thịt ta bị hủy hoại, máu dưới lớp thịt đông đặc lại, vũ trụ như bỗng nhiên thét gào thê thảm và bộ xương của thân xác ta chảy mềm ra như sáp. Cái ngày như vậy, có lẽ là ngày lần đầu tiên bạn đụng đầu với Dostoevski. Bạn còn nhớ lại cái mùi cuốn sách còn quyện trên tấm khăn trải bàn. Nhìn vào đồng hồ, ta nhận thấy chỉ còn năm phút nữa là phải đi vào cõi đời. Bạn đếm các đồ vật trên bàn lò sưởi và lúc đó âm thanh các số đếm là một cái gì hoàn toàn mới lạ trong miệng ta, và vạn sự vật mới, cũ, đã được nhớ tới hoặc đã quên khuấy đi thì tất cả đều như là lửa và lửa. Giờ đây, mọi chiếc cửa của chiếc lồng tròn đã được mở ra và bắt cứ theo cửa nào ra thì cũng bước trên con đường thẳng dẫn ta tới chốn đời đời, một đường thẳng tắp có những bờ dốc trên đó những kẻ tàn sát đang gào thét và

vẫn những tảng đá lớn màu xanh chàm quăng xuống ta để cơn giận của họ được vơi đi phần nào. Rẽ làn nước vụt lên không ta thấy những con ngựa tráng men muôn sắc màu đang dập bước oai hùng sáng như lân tinh cùng đi với Alexandre Đại Đế, cái bụng hiên ngang cột cứng của chúng sáng rực lên với chất đá vôi, mũi của chúng phì ra mùi thuốc phiện. Giờ thì tất cả là tuyết và chảy rận với ban nhạc vĩ đại có bộ phổi của Orion đang rập rình chung quanh các góc của đại dương.

Lúc đó là đúng 7 giờ 5 phút, ở góc đường Broadway và Kosciusko, khi Dostoevski lần đầu tiên xuất hiện trên chân trời mơ mộng của tôi, thì tôi thấy hai người đàn ông và một người đàn bà đang chưng cửa hàng. Từ giữa cảng chân trên trở xuống của những chiếc hình nhân, tất cả chỉ là lò xo, những hộp giày rỗng nằm chồng đống dựa vào cửa sổ giống như tuyết năm rồi... Đó là lý do tại sao tôi lại sực nhớ tới Dostoevski. Chả có gì dễ mà kiêu hãnh cả. Giống như chiếc hộp đựng giày cũ rich. Người Do Thái nói tên hắn cho tôi nghe thì có đôi môi dày. Hắn ta không thể nói được tiếng Vladivostok chẳng hạn, hoặc tiếng Carpathians. Nhưng hắn ta có thể nói tiếng Dostoevski một cách tuyệt diệu. Ngay lúc này, khi nói tiếng Dostoevski, tôi vẫn hình dung ra được đôi môi dày, bập bạp của anh ta

với dòng nước miếng chảy dài bên mép như sợi dây cao su khi anh đọc tiếng đó. Giữa hai răng cửa của anh ta có một khe hở bất thường, hẳn nhiên là từ giữa khe đó mà tiếng Dostoevski run run và kéo dài ra với một chút nước miếng mỏng màu sắc như cầu vòng thu gọn cả ánh sáng vàng vọt chiều hôm vào đó. Mặt trời đang xuống trên phố Kosciusko, những cảnh di động trên đầu chúng ta đang tan ra dải suối. Có một thứ tiếng động như khi ta nhai kẹo cao su hoặc như ta đang nghiến nát một vật gì tựa như các hình nhân với đôi cẳng chân bằng lò xo đang nhai sống lẫn nhau. Một lúc sau, khi tôi đi tới miền Houyhns, tôi cũng nghe thấy cái giọng nhai nhóp nhép đó cùng cái giọng đang nghiến nát một vật gì trên đầu tôi và thấy một bãi nước miếng nữa, sùi lên và chảy dài xuống, long lanh dưới ánh sáng chiều tà. Lần này thì do miệng của Gorge khạc ra, một người đang đứng ở trước mặt tôi, tay cầm một cái roi mây nhỏ, quát tháo; một người Ả-rập man rợ đang mỉm cười. Lại một lần nữa, trí óc tôi chấn khác gì cái tử cung, khi bức tường của thế gian đang sụp đổ xuống. Tên của Swift giống như là đáy thật mạnh vào cái vỏ mạ kền của thế gian. Trên sân khấu, có một anh chàng nuốt lửa mặc áo màu xanh lá cây, bộ ruột của anh ta như là được lót lớp vải dầu, hai cái răng trắng ẩn đang ngầm vào cái dây cua-roa bôi đầy mỡ đen,

nối liền với một hành lang đầy bồ hóng bên nhà tắm hơi. Cái dây cua-roa lướt trên một cái khung bằng xương trắng hếu. Con rồng xanh của Swift di chuyển trên những chiếc bánh xe với những tiếng xì xì liên hồi, rồi nó nghiến cái thân hình nhỏ thó, lùn tịt của một người đang bị nó hút vào như là những mảnh mì ống. Thực quản lồi lên, xẹp xuống chung quanh cái xương bả vai và vùng dưới dài tai, rồi tòm vào cái thùng không đáy dạ dày, rồi sủi lên ụng ục, lộn lên lộn xuống. Hầm răng ngoác ra, xương hàm tiếp tục chuyển động nuốt sống những thân hình lùn tịt như mì ống đang treo gần mép đỗ lử của con rồng. Tôi nhìn nụ cười trắng hếu của người chào hàng, nhìn nụ cười đầy phấn khởi của anh chàng Á-rập vọt ra từ miền Đất Hứa trong mơ, rồi tôi bình lặng đứng giữa bụng con rồng mở toang. Đứng trên cái xương sườn đang lên đang xuống của nó, tôi thấy miền đất Houyhms trải dài trước mắt. Tôi nghe trong tai có tiếng hí hí, xì xì như thế tiếng của loài người được tạo bằng nước ê-te. Dây cua-roa đen, bôi đầy mỡ cứ đi lên đi xuống chỗ nhà tắm hơi, giữa những căn nhà trống trải, trên mặt nước phản ánh trời xanh lơ, giữa những chiếc ống điều bằng đất sét và những trái bóng bằng bạc nhảy múa trên dòng nước đang sục sôi: cái thế giới siêu nhân loại của cây đàn fedora và banjo, của

những chiếc khăn bandana lốm đốm nhiều màu sắc, của những điếu xì-gà màu đen, của những chai rượu bia sủi bọt, những ly nước đường thăng, phở nóng, những vỉ thịt nướng xì xèo, bột sóng và cây xương rồng bụi bặm, phấn hương, hoa giấy confetti, bắp vẽ trắng muốt của đàn bà, một cái chèo gãy, những chiếc đậu gỗ nét đan dọc, đan ngang, nụ cười bất tuyệt, nụ cười man rợ ma quái của anh chàng Ả-rập, của cái miệng đỏ lửng và ruột gan màu xanh lá cây...

Ôi! Thế giới đã bị bóp nghẹt và sụp đổ xuống đâu là những bộ răng khỏe! Ôi thế giới tan vỡ như bọt nước bạc, với những chiếc phao câu cá và những chiếc phao cắp cứu, còn đâu là những da sọ màu hồng? Ôi sáng lóa và lóa sáng rồi biến tan, hối thế giới nhăn nhíu đang tàn mòn, chết lun, hối vàng trắng chết, mi còn nắm lạnh và chiếu sáng không?

mùa xuân đèn

CĂN nhà tôi ở suốt trong những năm quan trọng nhất trong đời chỉ có độc ba phòng. Một phòng, ông ngoại tôi qua đời ở đó. Lúc đám tang, mẹ tôi buồn khóc lầm, thiếu điều là mẹ tôi lăn xả vào kéo xác ông ngoại tôi ra khỏi quan tài. Ông ngoại đã quá vãng trông vẻ buồn cười, trông như cũng đang khóc với nước mắt của cô con gái và đang khóc cho chính đám tang của mình.

Ở một phòng khác, dì tôi đã hạ sinh hai anh em sinh đôi. Dì tôi người nhỏ thó như con cá rô ron, khi nghe được tin dì sinh đôi, tôi tự hỏi: Sao lại sinh đôi? Mà sao không sinh ba? Sinh bốn? Tại sao chỉ có hai thôi? Dì tôi người ốm nhom nhách, da bọc xương, căn phòng lại quá bé nhỏ. Tường quét vôi màu xanh lá cây và góc phòng có một lavabo bằng sắt bắn thủi. Tuy nhiên, đó lại là căn phòng duy nhất trong nhà có thể sản xuất ra những đứa trẻ sinh đôi, sinh ba hay những đứa con khờ khờ. Phòng thứ ba, gọi là phòng nhung thật sự là một góc nhà nơi đó nào tôi bị lén sỏi, đậu mùa, nào ban cua, yết hầu và v.v... tất cả những bệnh tật đáng yêu của tuổi thơ làm cho thời gian như dài thêm ra và trở thành một niềm hạnh phúc tối đa, bất diệt cùng những cảnh hấp hối gần thần Chết. Hóa công quan phòng đã dành cho tôi một

chiếc cửa số ngay trên đầu giường, có chấn song
đề tôi có thể bám chặt vào đó. Mồ hôi dính quyện
vào đó dày lên như da cóc. Tuy nhiên thời gian
lại trôi qua như một dòng sông và mầm sống cứ
vươn lên tựa như lúc nào cũng là mùa xuân và
nhiệt đới, bàn tay cứ u lén như những miếng thịt
bò phi-lê làm bít-tết, chân nặng trịch hơn chì, có
khi lại nhẹ bỗng hơn tuyết. Đôi khi ở đó tôi có
cảm tưởng như chân và tay tôi xa cách nhau như
một đại dương thời gian hoặc bởi chiều dài rộng
của ánh sáng, những cục bùn nhỏ sot soat như cát
trong óc, móng tay móng chân mục nát một cách
tự do thoái mái y như cảnh hoang tàn của Athènes.
Trong phòng này tôi chẳng nghe thấy gì ngoài
những lời nói ngu si, mê muội, khi mỗi lần có
một bệnh mới xuất hiện, ba mẹ tôi lo sốt vó cả
lên, (Bạn thử nghĩ xem, hồi còn bé tí, nếu tôi dẫn
bạn đến bồn rửa chén rồi nói: bé có thích uống
nước bằng ly nữa không, lúc ấy bạn trả lời không
và tôi đã ném mạnh cái ly vào bồn rửa chén). Cô
Sonowska thường nhón góit đi nhẹ vào phòng tôi,
(Đại tướng Smerdiakow lại nói: đi nhón góit một
cách nhẹ nhàng), cô là gái chưa chồng, chả biết
bao nhiêu tuổi nữa, nhưng tôi thấy cô thường mặc
chiếc áo màu xanh lá cây đậm. Khi đi vào cô mang
theo cả cái mùi bơ cũ — bộ phận kín của cô hồi rinh
xông qua lớp áo của cô — nhưng có điều là cô
Sonowska thường mang theo bao đựng đồ kỷ niệm

ở Jerusalem: nào là những đinh sắt đã đâm thủng chân tay Chúa, to đến độ lỗ đinh còn mãi ở chân tay Chúa. Đến sau đoàn viễn chinh Thập Tự Quân là thần Chết đen đầu, đến sau Kha Luân Bố là bệnh hoa liễu, đến sau cô Sonowska là bệnh sưng hoành cách mạc.

Bệnh sưng hoành cách mạc! Cứ tưởng tượng cả thế giới này bị bệnh đó thì sẽ ra sao. Chả còn chỗ nào để mà tham khảo ý kiến về bệnh nữa, chả còn đâu là khí thế con người nữa. Thượng Đế có nhẽ cũng bị chứng sốt rét thương hàn. Chả có gì là tuyệt đối ở đời cả, chỉ là những năm đói tệ không tiến bộ được chút nào cả. Khi tôi nghĩ tới những thế kỷ mà cả Âu châu bị Tử thần đen đúa ngự trị, tôi mới thấy cuộc đói thật xiết bao tốt đẹp, nếu như chúng ta được xếp đặt đúng vị trí con người của ta. Nhảy múa và sốt nóng lạnh giữa cảnh băng hoại đó! Âu châu sẽ chẳng bao giờ lại múa nhảy một cách ngất ngư như vậy nữa. Và bệnh hoa liễu! Ghê tởm quá! Nó xuất hiện ở Âu châu và ở lì đó như ngôi sao mai treo lơ lửng ở chân trời rìa trái đất.

Năm 1927, tôi có lần ngồi ở quán Bronx lắng nghe một người đang đọc cuốn nhật ký của dân làng bếp. Ông ta vừa đọc lên là đã cười hô hố một mình. Hai cảnh bề ngoài thật khác biệt nhau: một bên là một người đang nằm dưới cái chao đèn

tinh thần căng thẳng đến nỗi chân anh ta thò ra ngoài cửa sổ mà đâu có hay biết còn nửa thân người thì nằm trong cảnh ngất ngây; còn một bên là một người, cũng chính người đó đang ngồi ở quán Bronx cười ngặt nghẽo một mình vì hắn chả hiểu mô tê gì cả.

Chà, mặt trời vĩ đại của thần Hoa liễu đang xuống. Mức nhìn rõ, rất kém: tiên đoán cho quán Bronx, cho Mỹ châu và toàn thế giới. Mức nhìn kém, kèm theo là những trận bão cười. Chả có ngôi sao mới nào xuất hiện trên nền trời cả. Đại họa!... Chỉ là đại họa!

Tôi đang nghĩ tới cái thời Chúa Cứu thế lại tái lâm, lúc đó con người sẽ chiến đấu và sát hại cho Chúa được vinh quang cũng như bây giờ và muôn đời mãi về sau con người đang chiến đấu cho cái ăn và cái mặc. Tôi đang nghĩ tới cái thời chả ai thiết làm việc nữa, và sách vở giữ một địa vị quan trọng thực sự trong đời sống, khi đó có lẽ chả còn cuốn sách nào, ngoài một cuốn sách vĩ đại: cuốn Thánh Kinh. Theo tôi nghĩ thì sách là người và sách của tôi là con người thực của tôi: một con người lộn xộn, cầu thả, vô ưu, khỏe mạnh, dâm dật, hay om sòm la lối, trầm tư, tỉ mỉ quá, trực tính quá. Tôi đang nghĩ rằng vào một tuổi nào đó sắp tới đây, tôi chẳng bị ai dòm ngó nữa. Rồi tiều sử tôi tới lúc đó sẽ trở thành một cái gì

quan trọng và vết tích tôi để lại trên trái đất sẽ có một ý nghĩa lớn lao. Tôi không thể quên rằng tôi đang làm lịch sử, một lịch sử bên lề cuộc đời giống y như một mụn nhọt sẽ ăn tươi nuốt sống, hết cái lịch sử vô nghĩa khác. Tôi nhìn vào tôi không phải như nhìn vào một cuốn sách, một đĩa hát, một tài liệu nhưng như nhìn vào cả cái lịch sử của thời đại chúng ta, một lịch sử của tất cả mọi thời đại.

Nếu như ở Mỹ tôi không được sung sướng, nếu tôi khao khát được thêm một phòng đề ở nữa, một cuộc phiêu lưu nữa, một tự do phát biều tư tưởng nữa là bởi tôi cần những thứ đó. Tôi ghi ơn Mỹ quốc vì đã giúp tôi thể hiện được những nhu cầu của tôi. Tôi có thể phục vụ lý tưởng của tôi ở Mỹ. Giờ thì tôi chẳng có nhu cầu gì nữa, tôi là con người không quá khứ lắn vị lai. *Tôi hiện đang sống*, có thể thôi. Tôi chẳng quan tâm đến điều bạn thích hay không thích. Bạn có tin hay không tin điều tôi nói cũng chẳng hề gì. Lúc nào tôi cũng là vậy, dù lúc này bạn có bỏ rơi tôi ngay đi nữa. Tôi không phải là một cái bình xịt nước thành bụi để bạn xịt ra một làn mây mỏng hy vọng. Tôi thấy Mỹ châu đang gieo rắc tai họa. Tôi thấy Mỹ châu đang như một lời nguyền rửa đen tối lên thế giới. Tôi thấy một đêm dài đang xuống và những nấm độc đang làm độc cho thế giới và làm nó héo úa ngay từ gốc rễ. Vì thế tôi sốt sắng viết ra cuốn sách này như lời tiên báo về chung cuộc có thể

là ngày mai hoặc trong vòng 300 năm nữa đây. Cũng vì thế, thỉnh thoảng tôi có những tư tưởng vụt nảy sinh và tôi bó buộc phải khơi lại ngọn lửa không những bằng nguyên những niềm hy vọng mà bằng cả những sự thất vọng ê chề, bởi lẽ tôi tin rằng không ai có thể nói những điều đó thay cho tôi được. Tôi do dự, ngập ngừng tìm cách để diễn tả tư tưởng, thật là một thứ ngô ngợp ma quái. *Tôi bị hoa mắt vì sự sụp đổ kinh hoàng của thế giới.*

Chiều nào cũng vậy, sau khi ăn xong, tôi đồ những đồ ăn thừa xuống cho gà ăn. Khi cho ăn xong, tay cầm chiếc giỏ rỗng. Dừng lại chỗ cửa sổ cầu thang nhìn nhà thờ Sacré-Coeur ngất cao trên đồi Montmartre. Và mỗi chiều khi đem đồ ăn thừa xuống, tôi tưởng mình như đứng trên ngọn đồi cao trong một mẫu trắng rực rỡ. Không phải nhà thờ Sacré-Coeur đã gọi húng cho tôi và tôi cũng chẳng nghĩ về Chúa Kitô. Có một cái gì còn lý thú hơn Chúa Kitô, có một cái gì còn vĩ đại hơn nhà thờ Sacré-Coeur, tôi nghĩ tới một cái gì còn vượt ra cả Thượng Đế Tối Cao đó là *chính con người tôi*. *Tôi là con người*. Hình như như vậy là quá đủ cho tôi rồi.

Tôi là một con người của Thượng Đế và là một con người của quỉ sứ. Tôi phải có bồn phận với cả hai. Không có cái gì là vĩnh cửu, không có cái gì là tuyệt đối. Trước mắt tôi là hình ảnh của

xác thịt, là thần tam vị của dương vật và hai dịch hoàn. Ở bên phải là thần ngôi cha, ở bên trái chỗ hơi thấp hơn là thần ngôi con, ở giữa và trên hết cả là thần thánh linh. Tôi không bao giờ quên được rằng vị thần tam vị này không phải do con người tạo dựng nên, rằng nó luôn luôn bị cảnh biến dịch. Nhưng bao lâu chúng ta ra khỏi lòng mẹ có đủ tay chân, bao lâu còn có những vì sao lấp lánh trên đầu, ta còn được vui sướng đến đên lên giữa lòng cuộc đời, bao lâu còn có cỏ dưới gót chân ta đi, ta còn quyền có một niềm tin tưởng cháy sáng trong tim, thì bấy lâu thân xác này còn dùng để ca lên những bài ca ngắt ngây và huýt sáo êm ám.

Hôm nay là ngày thứ Ba hoặc thứ Tư gì đó của mùa Xuân, tôi đang ngồi ở Công trường Clichy dưới ánh nắng chan hòa. Hôm nay còn ngồi đây dưới ánh mặt trời, tôi xin nói với bạn là chả cần gì chửi đời là chó má, đời có đúng hay sai, xấu hay tốt cũng thây kệ. *Đời là thế*, vậy là đủ rồi. Đời là cái đời là, và tôi là cái tôi là. Tôi nói như vậy, nhưng không phải giống như một Phật Thích Ca đang ngồi tĩnh tọa tham thiền, nhưng nói một cách bình thản, không có gì là vui, chả có gì là phải suy nghĩ lao lung, cũng chẳng cần phải có sự yên lặng nội tâm. Cái này ở ngoài cái kia, và cái này ở trong tay tôi, tất cả những cái này, tất cả *mọi sự*, đó là kết quả của

những sức mạnh không cắt nghĩa nổi. Một đống hỗn mang, hồng hoang, trật tự của nó chả ai hiểu nổi. Vượt ra ngoài sự hiểu biết của trần nhân.

Giống như một kẻ lang thang trong lúc xế tà hay vào lúc bình minh, vào những giờ thật lả lùng, như không bao giờ có ở trần gian, cảm thấy mình là kẻ cô độc, duy nhất ở trần đời, bỗng tôi cảm thấy mình yếu đuối tới độ khi tôi hòa mình với lũ đồng tôi thấy mình không còn là một người nữa, nhưng là như hạt bụi, một bãi nước miếng. Tôi thấy mình là kẻ cô độc trong không gian bao la, bị cái hoang vắng lạnh người vây phủ, một thứ vật có hai chân đi giữa những căn nhà chọc trời, phố xá hoang vu, mọi người đã trốn đi hết, tôi, một mình di bộ hát vang và điều khiển thế giới. Tôi không cần nhìn vào ngực để thấy tâm hồn mình phồng lên tràn ngập với tiếng ca hát vang lừng. Nếu nói rằng tôi vừa rời đám đông vì mọi người đã chết hết cả trừ một mình tôi di bộ một mình trên đường phố hoang vắng, tự đồng hóa với Thượng Đế. Tôi biết như vậy là nói láo. Cái chết hiển nhiên là vẫn trước mắt tôi. Nhưng cái chết của toàn thể vũ trụ, cái chết cứ luôn tiếp diễn, cái chết từ ngoài vào trong, cái chết đi từ chân lên đầu tôi để tiêu hóa con người tôi, cái chết luôn luôn đi trước tôi nửa bước là một cái gì hiển nhiên quá. Vũ trụ là tấm gương phản chiếu chính con người tôi, vũ trụ đang chết cũng như tôi đang chết, một ngàn năm nữa tôi sẽ sống hơn

là tôi sống hiện trong lúc này; và cái vũ trụ này trong đó tôi đang dần chết hiện đang sống mạnh mẽ mặc dầu đã chết từ ngàn năm về trước đây. Khi vạn vật đã sống trọn vẹn cuộc sống của mình thì chả có gì gọi là chết chóc, hối tiếc, cũng chẳng có một thời xuân huyễn hoặc, mỗi lúc ta sống lại mở ra một chân trời bao la rộng rãi hơn, và không có chuyện gì kẽ là trốn sống, trừ việc sống trọn vẹn kiếp sống.

Những kẻ mơ màng sống chẳng khác gì thân xác họ đã bị trói gài vào chiếc ghế điện. Tưởng tượng ra một thế giới mới túc là sống cái thế giới đó hằng ngày mỗi tư tưởng, mỗi liếc nhìn, mỗi bước đi, mỗi ước mơ, mỗi hành động tiêu diệt và sáng tạo đều mới nhưng, cái chết vẫn luôn luôn bước trước ta một bước. Phỉ nhão vào quá khứ chưa đủ, ta phải *hành động như thể là quá khứ đã chết*, và *tương lai không bao giờ thực hiện được*. Cứ tưởng tượng mỗi bước tiến lên phía trước là bước tiến cuối cùng và cùng bước đó, vũ trụ này sẽ chết theo ta luôn. Chúng ta hiện đang sống trên trái đất này như không bao giờ có cùng, quá khứ không bao giờ kết thúc, tương lai không bao giờ bắt đầu, hiện tại không bao giờ chấm dứt. Cái vũ trụ, không bao giờ có này ta đang cầm trong tay, ta nhìn thật kỹ, nhưng thật ra nó chẳng phải của chúng ta. Chúng ta là một cái gì không bao

lâu nữa sẽ kết thúc, không bao giờ có một hình dạng để nhận định ra, là tất cả nhưng không phải là toàn thể, cái thành phần có nhỏ hơn cái toàn phần bao nhiêu thì một toán học gia siêu đẳng cũng không thể biết nổi.

Cười lên đi! Rabelais đã khuyên ta như vậy. Cười là liều thuốc thần diệu. Ngoại trừ Chúa Jêsu, thật khó ai trên đời nắm được đức khôn ngoan lành mạnh và vui tươi của Ngài. Làm sao ta có thể cười được khi dạ dày rách nát? Làm sao ta có thể cười được một khi đau khổ đã giết chết chúng ta, tạo cho ta một bộ mặt xám ngoét, má hõm, tinh thần buồn chán, trang trọng, đứng đắn, nghiêm khoan, như thiên thần? Tôi đã thấy rằng sự phản phúc đã khởi hứng cho họ. Tôi đã tha thứ cho các mưu mô xảo quyết của họ. Nhưng để giải thoát khỏi mọi nỗi buồn khổ họ đã tạo ra, thật là một công việc nhiều khê.

Khi tôi nghĩ tới tất cả những kẻ cuồng tín bị đóng đinh thập giá, khi nghĩ tới những kẻ thiếu niềm tin, những đứa điên khờ: tất cả chẳng qua là bị các tư tưởng của chính họ sát hại họ. Tôi mỉm miệng cười và tự nhủ ta hãy chặn hết mọi con đường giải thoát lại. Hãy đóng cửa thành phố tân Jérusalem rồi bụng hẫy áp bụng, ta chia sẻ ngọt bùi, chả cần chi phải hy vọng đâu xa. Dù là đã được rửa sạch tội lỗi hay chưa, dù là đứa sát nhân hay người giảng Tin Lành, dù những kẻ có bộ mặt xám ngoét, những kẻ có bộ mặt méo xẹo, những

kẻ biết trở cờ, chụp cơ hội, những ai ngoan cố ta hãy để cho những người này sống gần với nhau hơn, hãy để bọn họ cùng ngập thở trong bước đường cùng này. Dù cả cái thế giới này có không hoàn toàn, dù tôi là kẻ ít được học hỏi, hay học hành đầy đủ, nếu tôi trở thành một đứa dị kỳ, khó hiểu, tôi lại được người đời hiểu ngay. Sự khác biệt giữa sự hiểu biết và không hiểu biết nó cũng tẽ vi như một sợi tóc, như sự khác biệt giữa hai milimét, và khoảng không gian giữa Trung Hoa và Hải Vương Tinh lại càng tẽ vi hơn. Dù tôi có được mầu bánh thế nào chăng nữa thì khâu phần của tôi vẫn y cựu; chả cần gì phải bàn thêm về sự trong sáng, rõ rệt và v.v... (cái chữ và v.v... rất quan trọng!). Tâm trí ta hay lầm lỗi vì đó là một dụng cụ rất chính xác, không khác gì muôn dùng sợi chỉ cưa cây gỗ đào hoa tâm, cây bách hương hoặc gỗ mun vậy! Ta cứ nói về thực tại như thể thực tại là một cái gì do lường được, hoặc như một bài tập đàn dương cầm, hay một bài học vật lý. Thần Chết áo đen đã xuất hiện khi Thập Tự Quân trở lại. Bệnh hoa liễu đã tới khi Kha Luân Bố trở lại. *Thực tại cũng sẽ đến: cái thực tại nguyên sơ.* Ông bạn Cronstadt của tôi đã nói như vậy, ông căn cứ vào một bài thơ đã được viết dưới đáy biển...

Để tiên đoán cái thực tại này, ta cũng có thể sai đi tới cả hàng triệu năm ánh sáng. Sự khác biệt là số lượng do các đường phố giao nhau tạo thành,

một số lượng là hàm số của vô trật tự được tạo thành do việc ta cố ép mình vào một khuôn mẫu đối chiếu nào đó. Cái đẽ ta đổi chiếu cũng chẳng khác gì việc ta đuổi một người lão bộc sống với ta đã lâu, hoặc là nặn nước mủ khỏi một ụng nhọt đã chín muồi.

Những tư tưởng trên đây đã nảy sinh tự đường phố trong đầu óc một thiên tài bị chứng động kinh. Bạn đi lang thang cầm một cây đàn guita đứt dây có như thế mới dễ suy nghĩ bởi lẽ tư tưởng không in sâu vào tim óc ta như là ngôn ngữ. Để nhớ lại một giấc mơ, ta thường phải nhắm mắt lại, không cử động vì chỉ hơi cử động là toàn thể cái tôi chung đó rã rời thành những mảnh vụn. Trên đường phố ta bị muôn ngàn những yếu tố phá hoại, hủy hoại vây phủ tư baffle. Tôi đẽ cho vài sự vật phóng những vật tàn phá vào tôi. Tôi cúi gập người xuống để tìm ra những diễn tiến bí mật, để vâng lời hơn là điều khiển. Có những niềm vui vĩ đại trong đời tôi sẽ mất đi mãi mãi. Những niềm vui đó đã tan mát, phung phí trong những câu chuyện, những hành động và ký ức, giấc mơ. Chưa bao giờ tôi đã *thực sự sống* cuộc đời của một người chồng, một tinh nhân, một người bạn thiết. Bất cứ tôi ở đâu, bất cứ tôi đã tham dự vào một công việc gì, tôi đã sống một lúc nhiều cuộc sống; vì thế, bất cứ tôi là cái gì tôi đã lựa chọn và coi như là chuyện của tôi thì cũng đã tiêu tán đi hết, đã chìm đắm và hòa lẫn với những cuộc sống, những tấn bi kịch trong

đòi và những câu chuyện của người khác một cách rắc rối như không thể tháo gỡ ra được.

Tôi là một người của một thế giới cõi lỗ, một hạt cây được gió tung gieo nhưng không thể nở ra được trên khoảng đất phì nhiêu đầy nấm độc của Mỹ châu. Tôi là cái cây nặng trĩu một quá khứ xa xăm. Tôi bái phục những người Âu châu, những người trước kia là dân Gôloa, Viking, Hung nô, Tartare. Cảnh vực cho tâm hồn và thể xác tôi phải là Âu châu, nơi có sự nhanh chóng và ung thối. Đối với những chiêm tinh gia nào không thể theo dõi được những sự xuất hiện của các vì sao, tôi xin gởi kèm theo đây đôi lời chỉ dẫn về tử vi bên cạnh cái thế giới của sự chết của tôi. Tôi, con người bị bệnh hạ cam, chòm Sao Giải chiếu mạng. Chòm sao của tôi di chuyển trong những vùng nhiệt đới, tôi thích buôn bán những chất rất dễ nồ, nước hoa, vân thạch, nhũ hương, ngọc bích, những món ăn quý giá như chân nhím... Thiên Vương Tinh cũng chiếu mạng tôi nữa, thành thử tính ta uống rượu, thất thường, thích ăn dồi heo nóng, tu nước mà uống. Hải Vương Tinh chiếu mạng tôi, thể có nghĩa là tôi được di truyền một bẩm chất hay thay đổi, thích giễu cợt, anh hùng rơm, bất thường, thích độc lập và hay hứng lên bất tử. Với cái bộ ngũ đần, tôi có thể giả bộ kẻ phách lối, hoặc một thằng hề chẳng kém ai được bẩm sinh là hề. Đây là một bức họa sơ sài, nhớ cái gì nói cái đó thêm vào đó là một mỏ neo, một chiếc

chuông rung báo giờ ăn cơm, một chút ria mép, cái phía sau của một con bò cái. Tóm lại, tôi là một đứa du thủ du thực, lãng phí thì giờ. Tôi tuyệt đối chẳng có gì để chứng tỏ rằng tôi có làm việc ngoại trừ tài năng thiên phú của tôi. Rồi có một lúc, con người lang thang có tài lại phải ra đứng ở cửa sổ để mửa những đồ thừa mứa ra. Tôi nghĩ rằng, nếu bạn là một thiên tài, lăm lúc bạn cũng làm như vậy với mục đích để xây dựng một cái thế giới nho nhỏ có thể hiểu được cho chính mình để mình khỏi bị chạm chập như một chiếc đồng hồ cũ rích. Bạn càng bình tĩnh bao nhiêu, bạn càng chiếm được cảm tình của người bên cạnh bấy nhiêu, bạn càng ném những đồ thừa thãi ở mạn tàu đi bạn càng dễ chiếm được sự quí mến của người chung quanh. Rồi bạn càng bay lên cao, lên tận tầng tĩnh khí, rồi hãy buộc hòn đá vào cổ để người nhào xuống đất. Làm như vậy ta sẽ gây ra cảnh tàn phá, đồ vỡ hoàn toàn cái giấc mơ thiền định cùng với chúng sưng miệng do việc xúc thuốc bằng thủy ngân gây ra, và vì ban ngày ta cười hô hố quá nhiều. Khi tôi đứng trước bar Little Tom Thumb, thấy những người khách lạ lộ ba phần tư bộ mặt và như chui từ cửa Địa ngục lên, lèng xêng những dây ròng rọc và dây xích, rồi tiếp đó là những đầu máy xe lửa thở hùng hực rồi những chiếc đàn piano, ống nhô... tôi tự nhủ «Thật là vĩ đại! Vĩ đại! Tất cả những đồ lạc xoong này! Tất cả những máy móc này thật

là kỳ diệu! Vĩ đại! Đó là một bài thơ được tôi sáng tạo trong khi tôi đang ngủ».

Điều tôi học được trong nghệ thuật viết chung qui là thế này: *đó không phải là điều người ta nghĩ như vậy*. Tuyệt đối là lúc nào cũng có một cái gì mới lạ đối với một người. Thí dụ Valparaiso. Valparaiso, mỗi khi nói tiếng đó thì nó có một cái nghĩa hoàn toàn khác biệt với tất cả những gì tôi đã nghĩ trước đó. Nó có thể có nghĩa là một con mẹ chúa người Anh, rồng rụng hết, hoặc là một tên ma cô đứng đàng tím khách làng chơi. Nó cũng có nghĩa là một thiên thần mặc áo lụa mỏng đang dan tay trên những dây đàn thụ cầm màu đen. Nó cũng có nghĩa là một cung nga thế nữ với một con muỗi đang vo ve bên tai con lừa của cô. Nó có thể chỉ bắt cứ cái gì, nhưng luôn luôn là một cái gì khác, hoàn toàn mới. Valparaiso, luôn luôn là năm phút trước khi lia đời, một chút bên này của Peru, hoặc có thể là gần đó chỉ có ba phân, đó là cái quạt ta phì phạch trong lòng khoái lạc ngất ngây. Nó có nghĩa như Trimalchio nói «đái nóng, uống lạnh», bởi vì mẹ đất của chúng ở giữa, no tròn như một trái trứng, mẹ có mọi sự tốt đẹp trong mẹ như một chiếc bông ong mật».

Và giờ đây, thưa quý ông, quý bà, giờ tôi đang cầm một cái mở hộp nhỏ xíu và sắp sửa mở một hộp cá sardine. Với chiếc mở hộp bé nhỏ này, ta có thể mở một hộp cá sardine hoặc mở một nhà thuốc. Đó là ngày thứ Ba hoặc thứ Tư mùa xuân

gi đó, tôi đã nói với bạn nhiều lần như vậy, mặc dù đó là một mùa xuân nghèo nàn, tồi tàn, gợi lại trong trí óc, hàn thủ biếu làm tôi điên lên, khờ khạo như một con rệp. Bạn nghĩ rằng tôi đang ngồi ở Công trường Clichy cả ba bốn năm trước đây rồi, tôi cũng đã ngồi ở bar Little Tom Thumb, và bị một con cua cắp vào tim, phổi tôi. Tất cả những sự việc đó khởi sự trong xe điện ngầm (hạng I) với câu này «Lúc này, tôi không còn là con người quá khứ của tôi nữa».

Đi lướt qua sân ga, tôi bị hai nỗi sợ bao vây: một là nếu tôi ngược mắt nhìn lên cao một chút thì mắt long ra, thứ đến là sợ rằng hàm rụng ra. Có một sức căng thẳng kỳ lạ mạnh đến độ các khả năng suy nghĩ thỉnh thoảng như bị loãng đi. Ta cứ tưởng tượng cái cảnh cả thế giới cùng bảo nhau nghỉ cùng một ngày. Thật là tịch mạc. Trong ngày đó sẽ có nhiều vụ giết người xảy ra, đến nỗi không còn đủ toa xe lửa để chở xác chết. Đi qua sân ga bằng ngả cửa lớn, tôi ngửi thấy cái mùi hôi thối lộn mửa từ toa xe chở súc vật ùa ra. Ngày lại ngày, giống nhau như đúc, hôm qua cũng như hôm nay, cứ kéo dài như thế trong ba bốn năm trời, người ta cứ chen chúc nhau ở sân ga trong cảnh đồ mồ hôi, sôi sục hãi. Thân thể họ tàn phế vô cùng. Đi qua họ, tôi thấy tâm trí tôi sáng suốt vô cùng, tư tưởng tôi trong sáng như gương. Tôi vội vã nói rằng tôi chạy qua họ trong đêm tối hãi hùng. Tôi sợ toát mồ hôi lạnh. Tôi

hồn hồn, khát nước. Tôi đang đi bên cạnh họ như những lá thư gửi bằng đường bưu điện. Tôi nghĩ tôi không phải là tôi, nhưng lại là một tên thầy bói có thể nói tiên tri. Tất cả những tư tưởng đó đã được sắn sàng niêm phong, đóng triện, cất kỹ đi. Tư tưởng của tôi chạy thành một sê-ri, giống như các cuộn dây điện. *Sống vượt ra các ảo tưởng hay là sống với ảo tưởng đây?* Đó là cả một vấn đề. Trong tâm hồn tôi có một viên kim cương không bao giờ biến mất cả. Viên kim cương đó có thể cắt những tấm kiếng ngọt xót giống như tôi trốn lủi trong đêm tối. Đoàn súc vật đang được đưa xuống tàu và kêu be be. Chúng đứng xùm xum trong đống phần hôi thối nồng nặc của chúng. Giờ đây tôi mới nghe rõ điệu Tú khúc La thứ trên những phiếm tơ đang hấp hối rỉ rên. Có một thằng điên trong lòng tôi, hắn đang chơi chướng, suy di tính lại để cuối cùng chơi một điệu nhạc thật chói tai. Có một cái gì đang bị tiêu diệt không có tính cách mập mờ, khó hiểu. Sau này, tôi mới biết là chẳng có gì bị tiêu diệt cả. Một bánh xe mong manh đang lăn xuống vực thẳm, rơi vào một cái hố không đáy. Tôi, Beethoven, tôi đã sáng tác bài đó, tôi đã hủy bỏ bài đó đi.

Từ giờ trở đi, thưa quý ông bà, quý ông, bà đang đi vào địa phận Mẽ Tây Cơ. Kề từ giờ phút này, mọi cảnh vật đều lạ lùng và đẹp đẽ, vô cùng đẹp đẽ, và lạ lùng và nó cứ càng tăng lên mãi. Kề từ nay không còn gì phải giặt rửa nữa, không

còn có dây đeo quần, không xu cheng, không quần áo lót. Lúc nào cũng là mùa hè và tất cả đều là sự thật nguyên sơ, là thiên nhiên. Nếu là con ngựa, thì đó là con ngựa của cả mọi thời đại. Nếu là chửng kinh phong thì là chửng kinh phong, không phải là điệu nhảy của thánh Vitus. Không còn có những ma cô, đĩ điểm đón đường rước khách, cũng chẳng còn cây sơn chi nữa. Không còn có những con mèo chết ở dưới cống, không còn mồ hôi và toát mồ hôi nữa. Vì ở Mẽ Tây Cơ, thưa quí ông bà, lúc nào cũng là mặt trời chính Ngọ, cái gì rực rõ vẫn là cây vẫn anh, cái gì chết là chết và không có chồi lông gà quét bụi. Bạn ngủ trên sàn xi-măng ngon lành như trên ghế nệm. Khi bạn bỗng nhiên trở nên giàu có, bạn là kẻ có vận may. Khi bạn bỗng nhiên trở nên nghèo khổ, đó là điệu đứng, khổ sở, cuộc đời thật vô cùng chó đẻ, chẳng còn đạo nhạc, không còn những nốt nhạc duyên dáng, không còn nhịp phách. Dù bạn có nắm được manh mối hoặc không. Hoặc bạn bắt đầu với một điệu nhạc thuần túy hoặc bắt đầu bằng điệu nhạc mê hồn. Nhưng không có Lửa luyện tội cũng chẳng có thuốc trưởng sinh bất tử. Đó là Bài hát đối ngắn thứ tư hay là khu phố thứ mười ba gì đó.

chiều cuối tuần

DÓ là một chiều cuối tuần khác hẳn mọi chiều cuối tuần khác, cũng không giống buổi quá trưa thứ Hai hoặc thứ Ba. Chiều đó, tôi đi xe về hướng cầu Neuilly qua cái đảo nhỏ Robinson và những nhà thờ trên đảo mãi cuối đường xa. Trong đèn thờ có những bức tượng nhỏ như quả lắc chuông, tôi có cảm tưởng như ở chốn quê hương và hình như có một điều không thể tin được đó là tôi đã sinh ra ở Hoa Kỳ. Mặt nước phẳng lặng như tờ, những con tàu đánh cá, những cọc sắt đánh dấu eo biển sâu, những chiếc dây kéo nằm thấp dài thượt uốn mình lười biếng, những chiếc xà lan màu đen, những cột chống tàu mầu sáng, trời không bao giờ thay đổi, dòng sông đang uốn khúc lượn vòng, những ngọn đồi như trải dài ra và như không bao giờ vây quanh thung lũng, toàn cảnh trí cứ luôn luôn thay đổi bất tận. Những nhịp sống cứ thay đổi liên lỉ với ngọn cờ tam tài, và tất cả đã dệt nên lịch sử của dòng sông Seine trong tim máu tôi và sẽ luân lưu trong máu huyết những thế hệ đến sau tôi khi họ đi dọc theo những bờ biển này trong một chiều cuối tuần.

Khi lái xe qua cầu Boulogne, dọc theo con đường đưa tôi Meudon, tôi đi vòng vòng rồi xuống đồi dốc tới Sèvres. Đi qua một phố vắng, tôi thấy một tiệm nhậu nho nhỏ nằm giữa một căn

vườn; ánh mặt trời xuyên qua kẽ lá và nhảy múa trên mặt bàn. Tôi xuống xe.

Chả có gì tốt hơn việc đọc thơ của Virgil hoặc nhớ lại những bài thơ của Geothe. Tại sao mình lại ăn bữa cơm giá 80đ ngoài trời, dưới tấm vỉa hè cảng che nắng ở quán Issy-les-Moulineaux. Dầu sao thì tôi cũng đã tới Sèvres rồi. Chả sao. Ở đây, tôi nghĩ tới việc viết một cuốn «Nhật Ký của một người điên» mà tôi tưởng là đã gấp ở quán Issy-les-Moulineaux. Vì cái tên điên rõ đó chẳng là ai xa lạ, chính là thằng tôi. Tại sao lại không ăn ở Sèvres mà lại ăn ở quán Issy-les-Moulineaux? Khi cô hầu bàn đem một chai bia tới? Đừng lo gì cả về những điều sai lầm khi bạn đang viết. Những người viết sử sẽ cắt nghĩa được lý do của tất cả những điều sai lầm kia. Tôi đang nghĩ vơ vẩn tới ông bạn tên Carl, một ông bạn đã bỏ ra bốn ngày tròn để khởi sự tả một người đàn bà. Khi sắp viết anh ta nói rằng: «Tôi không thể làm được chuyện đó! Không thể được.» — «Được! Thế thì để tôi làm cho» — cái anh chàng điên nói như vậy. Hãy bắt đầu! Đó là việc chính yếu thứ nhất. Ta cứ giả sử là mũi cô ta không quăm đi? Giả sử đó là mũi thiên thần, dọc dừa? Có gì khác nhau đâu? Khi khởi họa một người mà đã thấy sai là vì anh không dùng tâm hồn để diễn tả người đàn bà đó. Anh đang nghĩ tới những người đang nhìn vào bức họa hơn là anh nghĩ về người đàn bà đang ngồi để anh họa. Cứ xem như Van Norden, anh

này lại là một trường hợp khác. Anh ta đã bỏ ra hai tháng để khởi sự viết một cuốn tiểu thuyết. Mỗi lần tôi gặp anh ta, anh lại có một mẻ đầu mới cho câu chuyện. Hôm qua anh ta hỏi tôi «Anh thấy vấn đề tôi đặt ra thế nào? Đó không phải là một vấn đề khởi sự sao? Dòng chữ đầu tiên quyết định cho toàn cuốn sách. Đây là dòng đầu tiên tôi viết hôm nọ, anh thử đọc xem: Dante đã sáng tác một bài thơ ở gần một nơi gọi là H-H-gạch ngang một cái, vì tôi không muốn bị lôi thôi với sở Phối hợp Nghệ thuật.» Ta hãy nghĩ về một cuốn sách bắt đầu với chữ H gạch ngang! Một chi tiết bé nhỏ không làm phật lòng những ông sở Kiểm duyệt. Tôi liền gọi ý rằng, khi Whitman sáng tác một bài thơ, đã viết: «Tôi, Walt, hồi 37 cái xuân xanh, tôi rất khỏe mạnh!... Tôi rất sáng suốt với trực giác của tôi... Tôi say mê con người của tôi... dù là trong mộng tưởng. Walt Whitman, một tiểu vương, con trai của Manhattan, ngỗ nghịch, hồn láo, ưa đệ tam khoái, ăn uống và yêu đương... Thường vặn ốc chìa khóa cửa ra. Tháo tung cả những cánh cửa khỏi mộng cửa... Từ đây, hoặc kề từ lúc này trở đi thì lúc nào đối với tôi, cuộc đời vẫn cứ vậy... Tôi hiện hữu như hiện tôi hiện là, thế là đủ...»

Đối với Walt, thi lúc nào cũng là chiều cuối tuần cả. Nếu, diễn tả một người đàn bà mà thấy khó, thì ông dành chịu vậy, và dừng lại ở dòng thứ ba. Thứ Bảy tối, nếu thời tiết đẹp, ông ta sẽ thêm

vào hình ảnh người đàn bà đó một chiếc răng ông đã bỏ quên hoặc một chiếc mắt cá chân. Cái gì ông ta cũng đợi được hết, đều chờ dịp thuận tiện mà thi hành. *Tôi chấp nhận cuộc đời một cách tuyệt đối.* Trong khi đó, ông bạn Carl của tôi, sống dai như con rệp, đang rái dầm đầy quần vì đã bốn ngày qua mà anh ta mới nặn được mỗi một câu ở thẻ chối. Anh ta nói «Tôi chả thấy có lý do nào để tôi sẽ không chết cả thì ta ngăn chặn cái công việc sẽ phải tới làm gì nhỉ!» Rồi anh ta xoa đòn bàn tay, nắm riết trong phòng để ngủ quên chết. «Anh ta sống chẳng khác nào con rệp ẩn trong khe vách.»

Mặt trời nóng gắt đang xuyên nóng qua tấm vải lều. Tôi mừng quỳnh, vì mình đang được chết thật nhanh. Mỗi giây đồng hồ là một bước tới gần cõi trường sinh. Tôi không nghe cái giây đồng hồ vừa tích tích trôi qua... nhưng tôi bám riết vào nó như một người điên, nó không nói gì cả, cứ đê mặc... Có gì tốt hơn là đọc thơ của Virgil lúc này không nhỉ? Cái này. Cái lúc này đang lan tỏa và nó không tự định nghĩa như tiếng tích tích của đồng hồ, cũng không như tiếng đồng hồ đánh giờ. Cái lúc muôn thuở này tàn phá mọi giá trị, mọi giai tầng và vạn sự vật khác nhau. Cái này phun lên và bắt nguồn từ một suối nguồn bí mật. Chả có sự thật nào phải nói lên cả, chả có sự khôn ngoan nào cần được chia sót cả. Thế nhưng nó vẫn cứ nói ào ào, huyên thuyên cho mọi người, mọi nơi bằng mọi thứ ngôn ngữ. Hiện tại là một

tấm mành mong manh nhất giữa sự điên khờ và lương tri con người. Hiện tại là tất cả vạn việc, nó đơn giản đến nỗi như một lời giēu cợt. Từ đỉnh cao của ngất ngây, ta lăn tòm xuống một bình nguyên của sức khỏe, rồi ta đọc ngẫu nghiến nào thơ Virgil, nào thơ văn của Dante, của Montaigne và những văn thi sĩ khác... những tác giả đã nói tới cái khoảnh khắc, cái kỳ gian vươn rộng ra mãi và chỉ nghe biết chứ chả thấy bao giờ. Ta hãy nói chuyện với hết mọi người, nói thao thao bất tuyệt, nói lảm nhảm, đại ngôn. Đây là lúc ta nâng ly rượu lên môi. Thấy tôi làm như vậy, chú ruồi tự đâu bay tới đậu lên mí mắt tôi. Lúc này tôi thấy con ruồi cũng quan trọng như cái bàn tay nâng ly rượu và ly rượu, hoặc rượu trong ly, hoặc những tư tưởng vươn lên do tinh thần, hoặc cái chết vì quá chén. Đây là lúc tôi nhận ra rằng cái bảng chỉ đường «Đi Versailles» hoặc «Đi Sở An Ninh», bất cứ bảng chỉ đường nào, ta đều đ... cần biết, vì có mỗi một nơi ta bắt buộc phải đi tới mà chả cần có bảng chỉ đường để tới. Đây là đường phố vắng hoe từ lâu tôi đã ngồi ở đó, giờ đây nhộn nhịp người người đi lại, và những con đường đông người giờ đây lại đến phiên vắng ngắt. Đây là lúc không tiệm ăn nào thực sự gọi là tiệm ăn mà phải gọi là tiệm giành cướp đồ ăn. Đây là món ăn ngon nhất mặc dầu trước kia là món dở nhất tôi chưa hề đụng dũa. Đây là một món ăn không ai đụng dũa trừ một thiên tài vì nó luôn luôn vừa túi tiền, dễ tiêu, và để lại một dư vị ngon lành. Phó-mát Roque-

fort, không ngon sao? — Người hầu bàn hỏi.
 Ngon tuyệt! Thứ phó-mát ôi nhất, nhiều giỏi nhất
 chưa bao giờ người ta chế tạo được ngon lành như
 vậy. Nó nhung nhúc nào giỏi của Dante, của Virgil,
 Homer, Boccaccio, Rabelais, Goethe... tất cả những
 con giỏi chưa bao giờ thấy xuất hiện trên mặt đất
 đều đã chui rúc vào thứ bơ này. Đó là thứ bơ tôi
 tự chôn tôi trong đó. Tôi, Miguel Feodor François
 Wolfgang Valentine Miller.

Đường tôi gần cầu lát toàn đá cuội. Tôi lái xe
 thật chậm tới độ sỏi bắn tung cǎ vào xương sống tôi,
 bắn cǎ vào sọ dừa của tôi đang điên điên
 khùng khùng. Khi qua Sèvres, nhìn bên phải, bên
 trái, tôi biết là chẳng phải đi qua cây cầu nào nữa
 dù là cây cầu bắc qua sông Seine, Marne, Oureq,
 Ande, Loire, Lot, sông Shannon hay Liffey, sông
 East hay Hutson, Mississippi, Colorado, Amazon,
 Orinoco, Jordan, Tigris, Iriwaddy... không đi qua
 cầu nào mà lại đã đi qua hết mọi cầu đó kè cǎ
 những cây cầu bắc qua sông Nile, Danube, Volga,
 Euphrate. Tôi đã đi qua cầu Sèvres cũng như khi
 đi qua nhà thờ St. Paul. «Hồi tử thần! Đâu là lưỡi
 hái ác độc của người?». Sau lưng tôi là Sèvres,
 đằng trước tôi là Boulogne, nhưng dòng sông Seine
 lại dưới chân tôi. Dòng sông ấy phát nguyên từ
 đâu, quy tụ hàng triệu những dòng nước li ti, nó
 vọt lên từ hàng tỉ những tia nước nhỏ họp lại, rồi
 họp thành một tấm gương phẳng lặng phản ánh
 những đám mây lung lờ bay ngang, ghìm lại quá
 khứ, tiếp tục xô đi đầy lại và trong khi tôi đi

ngang quá tấm gương nước không lồ đó, cùng với những đám mây bay ngang qua ghìm lại quá khứ. Những đám mây cứ tiếp nối nhau đi ngang qua tấm gương phản chiếu này, rồi cả hai như hòa thành một, không biết bao nhiêu thế kỷ đã gặp nhau ở cùng một cung đích tôi và con sông đang trôi dưới tôi cùng những đám mây đang bay trên đầu tôi, với tất cả những gì đang lướt qua tôi, tất cả họp thành một chuyền động liên tục. Dòng sông Seine này và tất cả mọi dòng sông Seine nào có cầu bắc ngang thì được coi như một phép lạ đối với một người đi qua cầu bằng xe đạp.

Cái này thì tốt hơn là đọc Virgil...

Hướng về phía St. Cloud, bánh xe lăn rất chậm, chiếc đồng hồ tốc độ lảo đảo trong một chiếc hộp xám như một người say rượu. Tôi là người có một áp kế còn nguyên vẹn. Tôi là người ngồi trên cái máy và kiểm soát được nó. Tôi đang lái xe xuống đồi chân đạp mạnh vào thắng. Tôi có thể lái xe hét như lái trên đất nện bằng phẳng, để cho tấm gương lướt qua tôi và lịch sử dưới chân tôi hoặc ngược lại thế. Tôi đang lái xe dưới ánh nắng gắt gay. Tôi là một con người hiểu biết nhiều nhưng tuyệt nhiên không hiểu gì về hiện tượng ánh sáng. Ngọn đồi St. Cloud nổi bật lên đằng trước mặt tôi về bên trái, cây cối cong mình xuống che nắng cho tôi, con đường phẳng lì tưởng như không bao giờ hết, bức tượng nhỏ vẫn còn nguyên trên chiếc chuông nhà thờ cũng như quả

lắc chuông vậy. Mọi Thời Trung Niên nào cũng tốt cả, bất cứ của con người hay của lịch sử. Trời nắng chang chang những con đường dẫn đi tám hướng ngàn phương, đường nào cũng đi xuống đồi cả. Tôi không thể cản đường cho phẳng hoặc san bằng những chỗ lồi lõm. Mỗi lúc xe xóc lên, lại gởi một tín hiệu cho đồng hồ tín hiệu. Tôi đề ý tới mọi nơi tôi đi qua: để ghi lại những tư tưởng của tôi, tôi chỉ cần vẽ lại cuộc hành trình của tôi và cảm thấy lại những chỗ xóc này.

Tới cầu St. Cloud, tôi bỗng dừng khụng lại. Tôi chả có gì phải vội vã tôi có cả một ngày dài để lãng phí. Tôi dựng xe đạp vào một gốc cây và đi tiều tại một cầu tiêu. Chỗ nào cũng có đá sỏi kè cả cầu tiêu. Khi tôi đứng đó nhìn lên mặt tiền của dãy nhà, có một người đàn bà trẻ dáng đoan trang nghiêm minh ra cửa sổ nhìn tôi. Đã biết bao nhiêu lần tôi đã đứng như vậy trong cái thế giới đầy mỉm cười, duyên dáng này. Mặt trời tỏa sáng chan hòa trên tôi, chim chóc hót líu lo inh ỏi và tôi thấy một người đàn bà từ cửa sổ mở nhìn tôi, nụ cười của bà ta tan vụn ra thành những mụn bánh nhỏ chim chóc mồ nhặt ăn, và đôi khi chúng còn đánh rơi những mụn bánh đó ở cầu tiêu, chỗ này nước chảy róc rách vui tay và một chàng đàn ông tới đó mở nút quần dốc bầu tâm sự lên những mẩu bánh vụn đó, đang tan rã. Cứ đứng như vậy, với trái tim, nút quần, bụng đái mở toang, hình như tôi nhớ lại mọi cầu tiêu tôi đã đi với tất cả những cảm giác khoái thú nhất, những kỷ niệm đắm say mê hồn, không khác gì óc tôi là một cái

đi-vắng vĩ đại ngồn ngang những gối là gối và đời tôi là một giấc ngủ trưa dài trong một buổi trưa nóng nực và mờ màng. Tôi không ngạc nhiên khi thấy người Mỹ đặt cái bồn tiểu ở trung tâm triển lãm của Paris tại Hội chợ Chicago. Tôi nghĩ rằng nó hợp với chỗ đó lắm chứ chả chơi vả lại nước Pháp cũng nhận rằng đó là một quà tặng có giá trị. Thật ra đâu có cần phải cảm lá cờ tam tài trên đó. Cái đó hơi quá đó! Tuy nhiên người Pháp đâu có biết rằng cái bồn tiểu đó là một trong những đồ vật đầu tiên đập vào mắt một người Mỹ đến viếng gian hàng hội chợ, cái đó làm hắn run lên, làm ấm lòng hắn lên? Làm sao một người Pháp có thể hiểu được sự cảm kích của người Mỹ khi nhìn thấy một bồn tiểu của dàn bà hay của dàn ông, muốn gọi sao cũng được, vì hắn đang sống trong một xã hội mà nhìn trộm khi này khi khác đã trở thành một nhu cầu, hắn cũng biết rằng khi đi tiểu phải đi vào bồn tiểu, không được tiểu nơi công cộng, phải làm nơi kín đáo, tiểu ngoài đường phố hoặc dưới đường xe điện ngầm lại chẳng hợp chút nào cả vì những chỗ đó luôn có những con mắt dòm hành làm ta mất tự nhiên thoái mái.

Tôi là kẻ đi đái nhiều và đái luôn kinh, cái đó là dấu hiệu của một người có đời sống tinh thần rất mạnh. Dù sao đi nữa, tôi cũng biết rằng tôi đang buồn khổ vô cùng khi tôi thả bộ trên đường phố New York. Luôn luôn cứ lo ngay ngáy không biết là lần tới sẽ dừng lại ở đâu và không biết rằng

mình nhịn đái có lâu được không. Vào mùa đông, lúc ta mệt nhoài và đói lả, thế mà được đứng làm một phát trong vài phút tại một trạm xe điện ngầm tiện nghi, ấm áp, thật là thú vị tinh thâm. Vào mùa xuân thì sự việc lại khác hẳn. Ta lại thích «làm giấc mộng con» dưới nắng xuân giữa những người trên cao nhìn xuống và mỉm cười với chúng ta. Khi một người đàn bà ngồi xồm đê dốc bầu tâm sự trong một bồn tiêu thì đó không phải là cái cảnh đáng ta thường ngoạn, không có một người đàn ông nào dù có cảm nghĩ thế nào đi nữa cũng không thể chối cãi được rằng cái cảnh một người đàn ông đứng sau tấm kiếng đục nhìn vào đám đông với nụ cười thỏa mãn, dễ dãi, bâng quơ, với cái nhìn dăm dăm, tái hồi, khoái trá mà cho là một việc tốt, được. Giải quyết được «giấc mộng con» là một trong những khoái trá nhất của con người.

Có một số bồn tiêu tôi thường tới để đi như là cái bồn tiêu cũ nát ngoài bệnh viện кам điếc, ở góc phố St. Jacques và phố Abbé-de-l'Épée, ở chỗ nhà máy lốp xe Hutchinson gần vùn Luxembourg góc phố d'Assas và phố Guyemer. Ở đây, vào một đêm xuân thơm nức, bắt xét những biến cố dù là thế nào đi nữa xảy ra, tôi thấy tôi là bạn cõi trí của Robinson Crusoe. Suốt một đêm dài trằn trọc trong hoài nhớ, khổ sở, sợ hãi, mệt nhọc, những nỗi mệt nhọc *sung sướng*, những nỗi lo sợ *vui vẻ*.

Cái bài tựa của một cuốn sách có viết: «Cái lụt lùng của đời sống của người này, tóm lại là người ta thấy hắn còn tồn tại; đời sống của một người hầu như đủ lực làm nhiều chuyện khác nhau.» Hòn đảo bây giờ người ta nhận ra là đảo Tobago, ở cửa biển Orinoco cách Trinidad 30 dặm về hướng Bắc. Ở đó, Crusoé đã sống cô độc từ 8 tới 24 năm, những vết chân trên cát được vẽ lại một cách rất đẹp ở bìa sách. Tên mọi Vendredi, cái dù... Tại sao cái câu chuyện đơn sơ đó lại làm những người ở thế kỷ 18 say mê đến thế? Ta hãy nghe Larousse nói: «... câu chuyện phiêu lưu của một người bị lạc vào hoang đảo, tìm những phương tiện để tự túc, tự tạo cho mình một niềm hạnh phúc tương đối lại được tên Vendredi, một người được Robinson giải thoát khỏi tay dân mọi rợ, đến bờ túc cho... Cái lý thú của câu chuyện không phải là vì truyện nói lên được một sự thật về tâm lý con người, nhưng ở chỗ nó có nhiều tình tiết tỉ mỉ làm ta có một ấn tượng như là có thật.

Không những Robinson đã tìm được một cách để tồn tại, mà còn tự tạo cho mình một hạnh phúc tương đối. Hoan hô! Một người tự mãn với một *hạnh phúc tương đối*. Nhưng đó lại là một người Anglo-Saxon! Lại là người tiền Kitô giáo. Hãy hiện đại hóa câu chuyện đó xem sao, Larousse nghĩ ngược lại, chúng ta như một nghệ sĩ muốn tự xây dựng cho mình một vũ trụ thật là một câu chuyện

có vẻ khùng, một người đã tự đánh đắm con tàu của mình để sống ngoài thời đại của thế giới hắn đang sinh sống, hắn không thể chia sẻ với người khác dù là với một người mọi rợ. Điều đáng lưu ý là trong khi thực hiện cái giấc mộng điên khùng của hắn, hắn đã tìm ra được một thứ hạnh phúc tương đối, mặc dù là cô độc trong hoang đảo. Trong tay hắn chẳng có gì cả ngoại trừ một khẩu súng lục cũ rich, một chiếc quần đùi rách, một bàn tay trắng với 25 ngàn năm tiến bộ thời hậu tuần lộc chìm sâu trong nơ-ròn của hắn, một quan niệm của thế kỷ 18 về niềm hạnh phúc tuyệt đối! Và khi Vendredi tới, mặc dầu hắn là một người man rợ không nói được tiếng nói của Crusoé, thì cái chu kỳ đã hoàn tất rồi. Tôi thích đọc lại cuốn sách, nhưng phải vào một ngày có mưa. Một cuốn sách quý giá, tuyệt đỉnh của nền văn hóa Faust, những tên tuổi như Rousseau, Beethoven, Napoléon, Goethe đều đã góp mặt. Cả một thế giới văn minh đều thức trắng đêm để đọc cuốn sách đó in bằng 97 thứ tiếng khác nhau. Một bức tranh vẽ được thực tại của thế kỷ 18. Từ đó không còn hoang đảo nào nữa. Từ đó bắt cứ con người sinh ra ở đâu cũng là hoang đảo. Mỗi người là một sa mạc được văn minh hóa, là hoang đảo cho chính mình đã tự làm đắm tàu để trôi giật lên đó. Hạnh phúc tương đối hay tuyệt đối là ngoài đề. Từ đó mọi người tự trốn mình để tìm một hoang đảo trong tưởng tượng, để sống cái giấc mơ của chàng

Robinson Crusoé. Ta hãy dõi theo những cuộc phiêu du cổ điển của Melvilles, Rimbaud, Gaugin, Jack London, Henry James, D.H. Lawrence... cả ngàn người như họ. Nhưng chả có ai trong bọn họ tìm được hạnh phúc. Rimbaud thì bị ung thư, Gaugin bị bệnh hoa liễu, Lawrence bị dịch tả. Thà không bị bệnh dịch còn hơn! Thà bị bệnh ung thư, hoa liễu, hoặc lao chử thà không bị bệnh dịch. Bệnh dịch! Bệnh của thế giới tân tiến: chế độ thực dân, thương mại, Thánh kinh phát không, chiến tranh, bệnh tật, chân tay giả, nhà máy, nô lệ, thiếu vê sinh, ho lao, thiếu máu, đình công bãi thi, sự liên kết giữa các chủ hãng để đóng cửa xí nghiệp trước sự đe dọa đình công của thợ thuyền, chết đói, tiêu diệt, trống rỗng, không lúc nào ngoại nghỉ, chạy vạy chiến đấu, thất vọng, buồn khổ, tự tử, phá sản, chứng cứng động mạch, chứng cuồng tôn hiếu đại, điên cuồng, bệnh bướu thot, nha phiến, acid prussic, bom hơi ngạt, bom hơi cay, chó dại, tự kỷ ám thị, say sưa bét nhè, tâm lý liệu pháp, thủy liệu pháp, xoa bóp bằng điện, máy hút bụi, thịt khô để dành, nho khô, bệnh trĩ lậu, chứng hoại thư. Không còn những hoang đảo, không có thiên đàng, không có cả hạnh phúc tương đối nữa. Con người tự trốn mình một cách điên cuồng đến nỗi họ tìm sự cứu rỗi dưới lớp đá băng hoặc trong những cánh đầm lầy nhiệt đới, hoặc giả trèo lên đỉnh Hy Mã Lạp Sơn hoặc làm cho mình ngạt thở ở tầng tĩnh khì...

Cái điều làm cho những người thế kỷ 18 bị mê hoặc ấy là viễn cảnh của chung cuộc. Họ có đầy đủ mọi sự rồi. Họ lại muốn trở lại đường xưa lối cũ, muốn chui vào lòng mẹ một lần nữa.

Đây là phần phụ lục cho LAROUSSE...

Cái điều làm tôi xúc động trong câu tiêu gần vùn Lục-xâm-bảo so với cái điều cuốn sách gây xúc động thì chả nghĩa lý gì; chỉ cái lúc đang đọc sách là đáng kinh, cái lúc mà cuốn sách chứa đựng cái lúc xác định thời gian đặt cuốn sách vào một khung cảnh sống động của một căn phòng có ánh sáng mặt trời chan hòa, cùng với cái khung cảnh khi ta mới khỏi bệnh, những chiếc ghế giản tiện, sơ sài, tấm thảm rách mùi nấp bếp và giặt giũ, cái hình ảnh mẫu hệ to lớn, những chiếc cửa sổ mở ra mặt đường lùa vào đáy mắt ta những bước đi hồn hập của những bộ mặt lang thang, dài thượt, của những thân cây đầy bướu, những dây cáp xe điện, chuột chạy trên nóc nhà, những con ác mộng tả tai, nhảy múa trên những dây phoi quần áo, các cửa phòng khách xoay xoay, những chiếc dù trương ra, tuyết đóng lại, ngựa trượt chân, những cuộc đua xe, kính cửa sổ lạnh cóng lại, cây cối dầm chồi nảy lộc.

Ít ra, đối với riêng tôi thì câu chuyện Robinson Crusoe chỉ có đó khi tôi thấy nó. Nó tiếp tục còn tồn tại trong cái thế giới đầy ảo tưởng tăng hoài không dứt, một phần đời ta chưa đầy những ảo tưởng. Đối với tôi thì Robinson cũng được liệt vào

một loại với tác phẩm của Virgil hoặc là của cái thế giới *mấy giờ rồi?* Vì hễ khi nào nghĩ tới Virgil thì tôi tự động nghĩ tới — *Mấy giờ rồi?* Đối với tôi Virgil là một anh chàng sói đầu, mắt đeo kiếng cận, ngồi ngửa người ra ghế dựa để lại một vết mổ trên bảng đen; một anh chàng sói đầu mổ ngoác miệng trong cảnh tĩnh tọa và anh ta đã giả bộ như vậy cứ năm ngày một tuần lễ và kéo dài như vậy trong nhiều năm trường. Một cái miệng rộng với bộ răng giả tạo ra một cái cảnh thật vô nghĩa và kỳ quái như sấm ngữ: *rari nantes in gurgite vasto.* Tôi nhớ lại một cách thật sống động cái niềm vui xác xược khi ông ta đọc cái câu này mà theo cái anh chàng đầu sói, mắt ốc nhòi, con trai của một tên «chó chết» thì đó là một câu nói thật vĩ đại. Chúng ta ngâm nga phân tích, rồi lặp lại câu nói theo ông ta, chúng ta có cảm tưởng nuốt câu nói đó như nuốt viên dầu cá thu, ta nhai câu nói đó như nhai một viên thuốc khó nuốt, chúng ta mổ miệng thật rộng như ông ta và làm lại cái phép lạ đó cứ năm ngày một tuần lễ trong vòng một tuần lễ, năm này qua năm khác, giống như những đĩa hát cũ rích để kỷ niệm khi Virgil trở thành chính bản thân ta và mãi mãi trở thành đời sống của ta.

Nhưng mỗi lần cái anh chàng mắt ốc nhòi này ngoác miệng ra, và khi câu nói đó loảng xoảng rời ra, tôi lắng nghe cái điều quan trọng nhất tôi phải nghe lúc này đó là câu nói — *Mấy giờ rồi?* Sắp

đến giờ làm toán rồi, sắp tới giờ nghỉ rồi, sắp tới giờ rửa mặt. Tôi là một kẻ sắp sửa chân thành như Virgil và câu nói tuyệt vời: *rari nantes in gurgite vasto*. Tôi nói nhưng không ngâm lên hoặc nhấn mạnh gì cả, không chút lẩn lộn, tiếc nhớ hay hối hận, rồi chui vào phòng tắm thì còn hơn là đọc cả ngàn thi sĩ Virgil, luôn luôn sự việc đã là thế và sẽ cứ như thế. Lúc nghỉ ngoi, ta trở nên sống động. Lúc đó, ta trở nên con người dẽ mến, không có cái gì là thảng thốt, hồi hộp: ta chạy vô chạy ra phòng riêng đóng cửa rầm rầm, bẻ tan cả khóa. Hình như ta bị một nỗi sợ hãi ghê gớm bao phủ. Khi chúng ta lấy đồ ăn ném nhau ào ào, la hét, chửi rủa om sòm, quèo chân nhau té nhào, miệng liên tiếp sủa ra câu — *rari nantes in gurgite vasto*. Tiếng hò hét, huyên náo chúng ta gây ra thật quá lớn lao, sự tàn phá ghê gớm đến độ mỗi khi chúng ta mời một người khách lạ vào phòng tắm ta phải kéo luôn cả giáo sư sinh ngữ đi kèm, hoặc nếu ngày đó chúng ta đi ngoài trời thì phải có ông giáo sư sử địa đi kèm. Họ có thể có một bộ mặt nhăn nhó, đứng im trong phòng tắm tay cầm mẩu bánh mì thịt nguội, nhồi bơ, lắng nghe tiếng đấm nhau thùm thụp, tiếng la hét của bọn trẻ nhãi là chúng ta. Lúc họ rời phòng rửa mặt để ra ngoài hút một làn không khí trong lành cho căng buồng phổi, chúng ta hát vang rân và chẳng có ai phiền nhiễu vì chuyện đó, nhưng chắc chắn ai cũng biết rằng đó là một điều kiện mà

các giáo sư bàng quan đó phải có đời sống ra người, họ, những người luôn luôn sử dụng phòng toilette và luôn học để biết mình là hạng người gì.

Ôi! Những cuộc giãn xả tuyệt diệu trong nhà cầu. Nhờ vậy mà tôi biết được nào là Boccaccio, Rabelais, Petronius, và tác phẩm *The Golden Ass*. Bạn có thể nói rất đúng khi bảo rằng, các tác phẩm hay tôi đọc được đều diễn ra trong nhà cầu. Tệ nhất là cuốn *Ulysses* và những truyện trinh thám. Có những đoạn hay nhất của *Ulysses* chỉ đọc được trong nhà cầu thôi, nếu ta muốn thưởng thức trọn vẹn hương vị văn chương của cuốn đó. Nhưng làm như vậy không có nghĩa là phỉ báng tài nghệ của tác giả, ta chỉ cần so tác giả với Abelard, Petrarch, Rabelais, Boccaccio, những thiên tài tuyệt vời, hết sức chân thành, dám chấp nhận phân là phân, thiên thần là thiên thần. Chỉ là người đồng hành khá nhưng không phải là *rari nantes in gurgite vasto*. Và nhà cầu nào càng cũ kỹ, càng hư hại lại càng tốt (đối với cầu tiêu cũng vậy). Thí dụ, để thưởng thức Rabelais như đoạn «làm sao để tái thiết các bức tường thành Paris»... tôi phải tìm ra được một nhà cầu giản dị ở đồng quê, một căn nhà nhỏ làm riêng ra trong một miếng đất trống, có một luồng ánh sáng lọt vào qua chỗ cánh cửa cát hình trăng lưỡi liềm. Không có cái giật nứt, không có dây kéo, không có giấy đi cầu màu hồng, chỉ có một chỗ ngồi chồm hổm và hai chỗ ngồi khác cho hai người khác. Nếu có người cùng đi cầu với bạn

như vậy thì thật là tuyệt! Một cuốn sách luôn luôn là một người bạn tốt. Trong nửa giờ bạn ngồi ở đó với người-bạn-sách đó—nửa giờ đó sẽ ghi sâu mãi trong trí nhớ bạn suốt đời cuốn sách đó, cùng với hương vị đó! Nếu là một cuốn sách dày cộm với bạn trong nhà cầu cũng vô hại. Chỉ có những cuốn sách mỏng là hơi phiền. Những cuốn sách làm giấy lau thì tốt nhất. Thí dụ như cuốn *Little Caesar* đã được dịch sang Pháp ngữ, được xếp vào loại truyện gay cấn, đam mê. Giờ những trang sách đó, hình như tôi có cảm tưởng là lại phải trở về nhà ngồi đọc những tít báo lớn, nghe radio lải nhải, hoặc đi trên chiếc xe ngựa hai bánh tồi tàn, uống rượu Gin rẻ tiền, tán gẫu với gái tàn, hoặc cột những người da đen vào rồi dốt sống. Có một cái gì làm ta bị đi tháo dỡ. Ta có cùng cảm giác này khi đọc nguyệt san Atlantic, hoặc những nguyệt san đại loại, hoặc đọc văn của Huxley, Gertrude Stein, Sinclair Lewis, Hemingway, Dos Passos, Dreiser v.v... Tôi không nghe thấy lòng tôi rộn ràng khi mang những con chim đó vào nhà vệ sinh. Tôi kéo dây và theo cổng chúng nhảy xuống mốc tiêu, xuống tới sông Seine rồi vào lòng Đại Tây Dương. Có lẽ một năm sau đó chúng lại nồi lèn bành trên mặt Đại dương rồi trôi giạt vào bờ Coney Island hoặc Midland Beach hay Miami cùng với những xác sứa chết thối, ốc bùu nhão nhẹt, cùng những đồ vô dụng, giấy đi cầu màu hồng, những tin tức hôm qua, những cuộc giết người ngày mai...

Chẳng còn cái cảnh nhìn trộm qua lỗ khóa nữa! Không còn cảnh thủ dâm trong bóng tối! Không còn cảnh tự thú trước chốn công cộng! Hãy vứt bỏ hết mọi cánh cửa ở khung cửa! Tôi muốn có một thế giới trong đó âm hộ được tượng trưng bằng một kẽ nứt đơn giản. Tôi muốn có một thế giới có xương, có thịt, có những màu sắc đơn giản, một thế giới biết sợ hãi và tôn quý cái nguyên ủy như loài vật của mình. Tôi mỏi mòng thấy cảnh đầy vui tươi, hoan lạc, không có gì là che giấu, hoặc bị biến thề hoặc lý tưởng hóa. Tất cả đều sáng rõ như ban ngày. Tôi không còn muốn thấy cái cảnh những nàng trinh nữ thủ dâm trong thăm kín khuê phòng, hoặc buồn khổ, nằm không trên chiếc giường vương đầy mụn bánh. Tôi không muốn có những đòn đâm ma của người Madagasca có tạc hình những con vật đứng chồng chất lên nhau và trên hết là hình Adam Eva. Eva có một kẽ nứt đơn giản, hiền thực giữa đôi chân khép lại. Tôi muốn rằng những ai là ái nam ái nữ thì thực sự là như thế đi, chứ không phải mơ hồ tin mình như vậy rồi đi lang thang như chó d... với một cái dương vật èo ọt và một âm hộ ráo hoén. Tôi muốn một đứa trinh khiết cô điền theo đó thì phần là phần và thiên thần là thiên thần. Thí dụ cuốn Kinh Thánh theo lời King James thì không phải là cuốn Kinh Thánh của Wycliffe, hoặc bản kinh thánh Vulgate, cũng không phải là bản

viết bằng tiếng Hy Lạp, hoặc bản Hebrew, nhưng là bản Kinh Thánh huy hoàng được viết ra trong thời kỳ Anh ngữ đang thời kỳ phôi thai. Khi ngữ vựng chỉ gồm có 20.000 chữ mà đủ lực để xây dựng những tác phẩm để đời. Một cuốn Kinh Thánh viết bằng tiếng Tegalic hoặc Svenska, một cuốn Kinh Thánh viết cho người Hottentot hoặc cho người Trung Hoa, một cuốn Kinh Thánh không được viết bằng thứ ngôn ngữ lắt léo của dân Gaulois thì không phải là Kinh Thánh nữa, đó chỉ là giả mạo, mạo hóa. Bản Kinh Thánh của King James được cái bọn người nhai cả xương tạo ra. Cuốn đó làm sống lại những cảnh huyền niêm sơ khai, rồi những cảnh hiếp dâm, giết người, dâm dật, chứng kinh phong, bạo dâm, tính kiêu căng, hiếu đại, quỉ sứ, thiên thần rồng, các thầy tu tế, ảo thuật, thần chú, những bệnh hay lây, bùa phép, những cảnh anh em trong nhà giết nhau, thần tử thí vua, con giết cha, tự sát, những trò thoi miên, vô trật tự, mộng du, những tiếng ca, điệu vũ, kịch trường, những lời nói tiên tri, lên đồng, bí thuật của những thuật sĩ, những điều huyền bí quyển hành, tội ác và vinh quang, nghĩa là Thượng Đế. Tất cả đều được đem ra ánh sáng ở cõi thật không lồ, chua thêm mắm muối, tiêu ót thật mặn mà đến độ tối thời đại Nước Đà sấp tới cũng không nhạt mùi.

Một cái gì nguyên tuyên cỗ điền — hãy đốt đi tất cả những uy quyền chính thức. Vì những thứ uy quyền đó mà những cảnh cỗ điền không được sống dậy trọn vẹn đầy đủ, nó ra cái cảnh sống dở cũng như ta đang chết nhưng vẫn chưa chết? Những gì đã làm cho những cảnh đó thoát khỏi sự tàn phá của thời gian, phải chăng đó là muối trộn trong những truyện đó! Khi tôi đọc Petronius hoặc của Apuleius hoặc Rabelais, họ xem ra gần nhau quá. Cái mùi muối của họ! Cái mùi xú uế ở trong chuồng thú của họ. Cái mùi nước đái ngựa, phân sư tử, mùi hôi mõm con cọp và da voi. Tục tĩu, dâm dục, nhục tình, ác ôn, buồn bực, điên rồ. Những tên hoạn quan thực sự, những người lại cái chính cống, những dương vật chính hiệu, những âm hộ thực sự, những bữa tiệc thực sự là tiệc. Rabelais tái thiết những bức tường thành Paris bằng phân người. Trimachio tự dâm vào cỗ mình. Trong vận động trường của Ceasar, những con ác thú ngái ngủ, đang thiêu não nằm dài nhớ cảnh rừng xanh nào là sư tử, hổ lang, chó sói, hổ báo cọp rắn, chúng đang nhai xương người rào rạo. Trong khi đó những vị tử đạo đang hiên ngang đi tới, cái vẻ hiên ngang dần độn, ngu si đang lên đoạn đầu dài ca vang Hallelujah!

Khi đề cập đến vấn đề nhà vệ sinh, tôi lại sống dậy vài giây phút tuyệt vời. Đứng ở cầu tiêu ở Boulogne, bên phải là đồi St. Cloud, người đàn bà đứng ở cửa sổ trên đầu tôi, mặt trời đang tỏa

sáng trên mặt sông lặng lờ, tôi thấy một người Hoa Kỳ lạ lùng là cái thằng tôi đang nói, đang dụ những người Mỹ khác theo tôi. Tôi đang đứng ở một xó đất Pháp nào đó để tiêu tiện, tôi mời họ cùng làm việc đó như tôi. Tôi chúc họ được khỏe mạnh luôn, thận không bao giờ bị sạn. Đè kỹ hơn, tôi dặn là có một số cầu tiêu tôi đã biết rõ, những cầu tiêu luôn có một người đàn bà mỉm cười nhìn xuống cười tình với ta. Chỗ đó thường có một bức tường đồ, một lầu chuông cũ kỹ, một mặt tiền của tu dinh, một chỗ có vải lèn dày màu sắc chăng lên, một máng cho ngựa ăn, một vòi nước, một chuồng chim câu, một quán sách, một chợ rau... Hình như người Pháp luôn luôn khéo léo tìm được những nơi để đặt cầu tiêu cho thuận tiện. Tôi thường nghĩ tới cái cầu tiêu ở Carcassonne, nếu tôi chọn đúng giờ thuận tiện, thì từ đó tôi có thể nhìn được toàn cảnh thành phố Paris. Cầu tiêu đặt chỗ đó thật tuyệt, dù lúc tâm hồn tôi có nặng trĩu sầu buồn, khi tới đó tôi cũng lấy lại được sinh lực, và phấn khởi lạ thường. Rồi lại thấy dâng lên cái niềm kiêu hùng, dũng mãnh, vương mầu sợ hãi ngập hồn giống như nhà hiệp sĩ thuở xưa mệt mỏi khi dừng lại ở chân đồi chỗ có một dòng suối hiền lặng lờ, ngược mắt nhìn lên cao hướng về những tháp chuông nhỏ, còn vương vết tích chiến chinh đang nổi bật trên nền trời giò lộng.

Bỗng nhiên tôi lại nghĩ đến một cầu tiêu khác ngay bên ngoài đền Các Đức Giáo Hoàng ở Avignon.

Chỉ là một tảng đá đơn giản ném ở một góc nhỏ kỳ thú nào đó mà vào một đêm xuân trông như được bao phủ bằng nhung ren và những hoa confetti. Thời gian trôi đi êm đềm tới độ ta có thể nghe được cả những tiếng tù và tắt nhỏ dần, nghe quá khứ trùm đi như ma quái rồi chìm vào những tiếng chuông ngân dài đang nghiến nát những điệu nhạc đêm. Cứ y như một tảng đá ném bịch trong một góc tối nào đó đang có những ngọn lửa đỏ lấp lóe. Ở đó vào những lúc chiều mát, ta thấy trên những con đường nhỏ quanh co xao xao những hoạt động của những người đàn bà mặc áo bikini hay áo sơ-mi ngắn, đi rong rong trên những thềm nhà, miệng ngậm thuốc lá, tay ngoéo khách bộ hành. Khi đêm xuống, những bức tường trông như rắp liền vào nhau, những con đường nhỏ như chảy dồn vào một cái khe ở đó tụ tập cả một đoàn người hồn tụ đang tờ mờ láo liêng, khát tình đứng nghẹt cả lối đi. Họ cứ lượn đi lượn lại vòng lên vòng xuống chả có chủ đích gì cả, họ cựa quậy như những con tinh trùng đang quẩy đuôi đi tìm noãn, và cuối cùng họ bị cái miệng mồ toác hoác của nhà thờ nuốt gọn hết.

Ngày nay khi ta đứng ở cầu tiêu bên cạnh Đền Đài đó, người ta chỉ hơi nhận ra có chút thay đổi. Đền Đài vẫn đứng sừng sững lạnh lùng như nhà mồ trước một công trường rộng mênh mông, trống vắng. Đối diện với Đền Đài đó là một biệt thự trông tức cười có tên là Âm nhạc viện. Hai

ngôi nhà đó đối diện với nhau qua một khoảnh đất trống trải. Giáo Hoàng cũng đi hết rồi, nhạc cũng cuốn gói theo. Tất cả màu sắc và ngôn từ của cả một thời huy hoàng cũng chẳng còn nữa. Đối với cái khu vực nhỏ ở đằng sau Âm nhạc viện, ta có thể tưởng tượng được rằng ngày xưa đã có một cuộc sống như vậy sát bên bức tường của Đền Giáo Hoàng. Hồi sinh thời ở ngôi nhà mồ này, tôi tin rằng không có sự ngăn cách nào giữa Đền Đài và những ngã nhỏ quanh co đó. Tôi tin rằng những căn nhà tồi tàn, bé nhỏ, lợp rạ này đã chạy tuốt từ dưới lên tới cổng của Đền Đài. Tôi tin rằng Đức Giáo Hoàng bước ra khỏi căn phòng huy hoàng của Ngài để đi vào vùng lung linh ánh nắng thì bỗng nhiên Ngài cảm thông được với đời sống chung quanh Ngài. Hãy còn sót lại một vết tích của đời sống vương vả này như những bức họa đời sống ngoài trời, săn bắn, câu cá, đánh bài, đời sống của chim ó, của chó của những người đàn bà và các con cá vàng lóng lánh. Một đời sống Công giáo lan tỏa cùng với những màu xanh cây óng ánh đời sống tội lỗi và ân sủng Chúa, của ăn năn, thống hối, của những màu vàng đậm và màu nâu mạ vàng, của những chiếc áo lê có vẩy vết rượu nho và của những dòng suối có màu da cam hồng hồng. Từ căn phòng mặc áo ở một góc Đền Đài ta có thể phóng tầm mắt nhìn vào những mái nhà không bao giờ quên được của lâu đài Avignon và cây cầu bắc qua sông Rhône bị sập, người ta nói rằng các

Đức Giáo Hoàng đã thảo những chiếu chỉ này trong nhà mặc áo này, các bức bích họa hẫy còn mới, tự nhiên và sống động đến độ ngay cả những lăng tẩm này — nghĩa là Đèn Đài này — ngày nay xem ra còn có vẻ sống động hơn là đời sống ngoài trời. Ta vẫn còn có thể tưởng tượng thấy vị Cha Chung của Giáo Hội đang ngồi ở bàn viết của Ngài ở đây, với một chiếu chỉ Giáo Hoàng trước mặt, một bình lớn có quai để uống nước ngay chỗ khuỷu tay Ngài. Ta cũng dễ dàng mường tượng thấy một thiếu nữ duyên dáng, mập quì dưới đầu gối Ngài, trong khi đó ở dưới kia trong căn nhà bếp thênh thang, những con vật đã được chiên ngon vàng ngậy trên đầu những cây sắt nhọn nướng và các chúc sắc cấp dưới của Giáo Hội, những người ăn nhiều, uống nhiều đang ăn uống thỏa sức sau những bức tường lớn đầy tiện nghi và an ninh, không có việc lý giáo, không có lý sự cùn, không có chuyện tảo điên. Khi thần bệnh tật tối, nó quét suốt lượt từ nhà gianh đến đèn đài, từ các linh mục mập mạp tới các bác nhà quê gây nhom nhom. Khi Chúa Thánh Linh hiện xuống trên Avignon, Ngài đã ngự xuống ở Âm nhạc viện bên kia đường, Ngài đã đi xuyên tường, xuyên thịt và xuyên qua hết mọi đẳng cấp trong xã hội. Ngài làm cho tất cả được thịnh vượng lên, ở trong những khu đèn đỏ cũng như trong những khu cao tuốt trên đồi. Đức Giáo Hoàng không thể nâng cao gấu áo người lên và khi đi qua không ai được chạm vào gấu áo

Ngài. Bên trong và bên ngoài bức tường chỉ là một cuộc sống thô thiển: đức tin, gian dâm, đồ máu, những sắc màu sơ lậu. Những đam mê đầu tiên. Những bức bích họa kể truyện. Những bức bích họa đó đã kể ra họ đã sống ra sao mỗi ngày và suốt ngày còn rõ rệt, âm vang hơn là sách vở nữa. Những điều các Đức Giáo Hoàng lầm nhầm trong râu của các Ngài là một chuyện — những điều các Ngài bảo về trên tường lại là chuyện khác. Ngôn từ đã chết cả rồi.

Những trang sau đây có mục đích kể lại sự hình thành của một đại tác phẩm. Đại tác phẩm đang được treo trên tường trước mặt tôi; giờ nó đã khô màu. Tôi đang viết để ghi lại cái quá trình hình thành của nó bởi lẽ không bao giờ tôi sẽ vẽ được một tác phẩm như vậy nữa.

Ta phải trở lại từng tí một mới được... Vì đã hai ngày qua hình như tôi cứ vật lộn với cái gì đó. Nếu diễn tả bằng lời nói tôi có thể nói rằng tôi không khác gì một viên đạn đẹp lép. Hình ảnh đó hình như thích hợp lắm vì khi tôi tỉnh giấc mờ sáng nay chỉ còn mỗi một hình ảnh còn sót lại, kéo dài ra mãi đó là hình ảnh thân xác tôi tan tành như một chiếc mũ rách.

Ngày đầu tiên, cuộc chiến đấu hào hùng không định nghĩa được. Tuy nhiên nó cũng đủ lực để làm tê liệt. Tôi đội mũ vào rồi đi xem phòng triển lãm

tranh Renoir, sau đó đến viện bảo tàng Louvre, rồi từ Louvre đi tới phố Rivoli. Tới đó tôi ngồi uống lave suốt ba giờ liền, trân trối nhìn những con quái vật đi qua tôi.

Sáng hôm sau trở dậy lòng cứ định ninh rắng tôi sẽ làm được một cái gì đó. Niềm tin đó báo một điểm lành. Cuốn sổ tay nằm lăn lóc bên cạnh tôi, nhặt lên, lần giở bâng quơ. Tôi lại lật lần nữa, nhưng lần này chăm chú hơn. Những ghi chú được ghi bằng những dấu hiệu bí hiểm: một câu đơn giản có thể ghi lại một cuộc đánh lộn trong năm. Có vài hàng tôi không thể đoán ra là gì nữa — cuốn những người viết tiểu sử sẽ lo về chuyện đó. Tôi vẫn cứ bị ám ảnh với ý nghĩ rằng hôm nay tôi phải viết một cái gì đó. Tôi vẫn cứ tiếp tục lần giở những trang ghi chú như là học ôn vây. Tôi cứ tưởng tượng là thế. Như khi thoảng qua những ghi chú này, thì có một cái gì bất thường xảy ra cho tôi.

Cái xảy ra đó là việc tôi đã động cập túi dì Melia. Giờ đây, đòi tôi như nổ bùng lên, giống như suối nóng phun lên từ lòng đất. Tôi đang đi về nhà với dì Melia, và bỗng nhiên tôi thấy túi nồi cơn điên. Dì hỏi tôi về nguyệt cầu. Dì thét lên «Nó ở trên kia kia! Đó đó!».

Khi tiếng đó ré lên với tôi thì khoảng 10 giờ sáng. Từ lúc đó trở đi tới 4 giờ sáng hôm sau, tôi như bị những ma lực vô hình lôi cuốn. Tôi bỏ máy chửi đi và bắt đầu ghi lại những

cảm nghĩ của tôi. Từng trang lại từng trang tôi nhớ lại mỗi sự việc đã xảy ra cùng là những nơi đã xảy ra. Cuốn blocnotes giờ đây nằm tro chảng còn tờ nào trên sàn. Tôi nằm xoài trên sàn, tay cầm viết chì ghi chú như điên. Cứ thế và cứ thế. Tôi vui sướng như điên nhưng đồng thời cũng lo lắng làm sao. Nếu cứ tiếp tục theo đà này, dám tôi bị khái huyết chả Choi đâu.

Khoảng 3 giờ sáng, tôi định không tuân theo cái thói thúc đó nữa. Tôi muốn đi ăn. Có thể sau bữa ăn, thói thúc đó sẽ tiêu tán hết. Tôi đi xe đạp để máu trên đầu rút xuống. Tôi chủ tâm không mang theo cuốn sổ. Nếu cái thói thúc đó lại bắt đầu thay kệ tôi phải đi ăn cái đã. Vào 3 giờ chiều, bạn chỉ có thể ăn đồ nguội thôi. Tôi gọi thịt gà nguội với xốt mayonnaise, ăn như vậy đỡ tốn tiền hơn, nhưng đó chính là điều tại sao tôi phải gọi món đó. Sau một cuộc tranh luận nho nhỏ, tôi gọi rượu Burgundy mạnh thay vì rượu vang thường. Tôi hy vọng nhờ vậy tôi được khuây khỏa được chút nào chăng. Rượu vang chắc sẽ làm tôi hơi chuểnh choáng. Tôi sắp sửa gọi chai thứ hai và khăn trải bàn đã dày đặc những tờ ghi chú. Đầu óc tôi vô cùng nhẹ nhàng. Tôi gọi phó-mát, nho tươi và bánh ngọt. Hôm nay ăn thấy ngon tuyệt vời. Tuy nhiên, như có một cái gì không trôi xuống dạ dày được, hình như có một ai khác trong tôi đang ăn tất cả những đồ ăn thay tôi. Cuối cùng, phải đứng lên trả tiền. Đứng dỗng dạc trả tiền rồi lại leo lên con ngựa sắt dỗng

thẳng. Rồi tôi lại dừng chân ở một quán café gọi một ly đen. Tôi như thế không còn đủ sức đứng vững. Nhưng có một người nào đó như sai khiến tôi hoài chả đếm xỉa gì đến sức khỏe của tôi. Cả ngày, tôi cứ uống theo điệu đó. Tôi đã đầu hàng từ lâu. O.K. tôi tự nhủ. Nếu hôm nay là cái ý tưởng thì đó là cái ý tưởng. Tâu nữ hoàng, xin tuân lệnh. Và tôi mệt nhọc làm tôi mệt, như thế chính tôi muốn làm như vậy.

Sau bữa cơm chiều, tôi mệt nhoài. Nhưng những ý tưởng đó vẫn cứ xâu xé tôi, nhưng vì mệt quá, mệt đến độ phải ngả lưng, và tôi để mặc những tư tưởng đó ào ào bức bách tôi như tôi bị đấm bóp bởi vậy. Cuối cùng tôi đuổi sức tới độ chỉ còn đủ sức nhặt cuốn sổ lên và nằm nghỉ. Đó là một tạp chí cũ. Có lẽ tôi sẽ có thể tìm được sự an bình trong đó chăng. Lạ quá, tôi mở ra đúng chỗ có những dòng chữ: «Goethe và Ác quỷ của ông». Tôi lại cầm bút chì lên và lè cuốn tạp chí cùng đầy những ghi chú của tôi. Đã nửa đêm. Tôi vô cùng phấn khởi. Sự thúc bách phải viết đã hết. Tôi bây giờ được trả tự do. Tôi vô cùng sảng khoái và tôi lấy làm lạ là sao mình không đạp xe lòng vòng chút nữa trước khi ngồi viết có hay hơn không. Chiếc xe dựng trong phòng của tôi. Chiếc xe bần thiu. Tôi lấy miếng vải rách lau chùi nó, lau sạch từng nan hoa, chùi dầu bóng loáng tất cả. Tôi lau sạch tấm chăn bùn. Quay bánh xe, nó kêu lách tách reo vui. Xe đi êm và lăn tròn. Tôi đạp xe qua Bois de Boulogne...

Khi đang rửa tay, tôi bỗng thấy cái gì cắn nhói trong dạ dày. Tôi đói, nên mới ra có sự. Được, giờ đây sự thô thiển không còn nữa, tôi được tự do muốn làm gì thì làm. Tôi khui chai rượu, cắt miếng bánh mì lớn, ăn vào giữa một miếng xúc xích lớn. Xúc xích có nhiều tỏi. Tốt. Ở Bois de Boulogne, chả ai để ý tới mùi tỏi cả. Một chút rau nữa, thế là tuyệt. Giờ đây tôi ăn ngấu nghiến, ngon lành. So với những bữa khác, chưa bữa nào ngon bằng. Rượu nho, mùi tỏi hòa hợp với nhau tuyệt khoái. Ăn xong, hút một điếu thuốc. Có một bài tiểu luận ngay dưới tầm tay đầu đề «Nghệ thuật và Bệnh điên». Cuộc đi dạo đã kết thúc. Đầu sao thì cũng là quá muộn rồi, tôi, không thể viết được nữa. Tôi đang thực sự muốn làm một cái gì à, đúng rồi, tôi muốn vẽ một bức tranh. Vào năm 1927-28 gì đó, tôi đang sắp sửa trở thành họa sĩ. Thỉnh thoảng tôi vẽ một chút, vẽ tranh thủy mặc. Trong nhà thương điên, người ta vẽ những người điên không đầu. Họ vẽ những chiếc ghế, những bức tường, những cái bàn, ván lót giường... một tác phẩm kỳ quái. Nếu chúng ta hăng hái bắt tay vào việc như những người điên này, thì không biết sẽ làm được những gì trên đời này.

Bức tranh trước mặt tôi do một họa sĩ trọ nhà bác Charenton vẽ; bức họa có một cái gì đặc sắc. Tôi thấy một cậu con trai và một cô con gái quí cạnh nhau, cả hai cầm chung một cái khóa lớn. Thay vì một cái dương vật và một cái âm hộ, họa

sẽ lại vẽ một chiếc chìa khóa lớn tra sâu vào lỗ khóa lớn. Hai người xem có vẻ hạnh phúc và có vẻ hơi lơ đãng... Trang 85 có một bức họa phong cảnh. Trông giống như một tác phẩm của Hilaire Hiler vậy. Đó là một bức tranh đẹp hơn hết mọi tác phẩm của Hiler. Bức tranh có một điểm đặc biệt là chỗ phần màu sắc đậm có vẽ hình ba người đàn bà trông hơi méo mó, nhưng không biến dạng lắm. Chỉ có đôi chân làm cho họ có dáng điệu nặng nề thôi. Những phần khác của bức tranh vẽ khá đến nỗi làm ta bị nôn ợ thay vì bị khó chịu. Bên cạnh đó là một thế giới hoàn hảo đến độ không còn ba người đàn bà nữa, những người xem ra quá nặng nề vì đôi chân của mình. Theo tôi thì người điên cũng có quyền có một cái nhìn riêng của họ.

Tôi rất phấn khởi bắt tay vào việc. Đúng y như lúc tôi bị lúng túng vì các tư tưởng. Tôi lưỡng lự sao y một trong những bức tranh này. Nhưng tôi hơi tự thẹn sao y một tác phẩm của người điên là một hình thức tệ nhất của kẻ «đạo» nghệ thuật. Chà, khởi sự, quả là một vấn đề. Bắt đầu bằng con ngựa xem sao. Tôi nhớ mang máng hình vẽ những con ngựa của Etruscan tôi đã thấy ở Bảo tàng viện Louvre. (Ghi chú: trong tất cả những thời kỳ vĩ đại của nghệ thuật, ngựa cũng rất gần với con người). Tôi khởi sự vẽ; tự nhiên là phải bắt đầu bằng những phần dễ vẽ nhất của con ngựa — dài ngựa. Tiến ra một chút là vẽ cái đuôi, ta sẽ gắn vào sau. Vừa khi bắt đầu vẽ

mình con ngựa, tôi thấy là hơi dài quá. Nên nhớ là đang vẽ con ngựa chứ không phải vẽ lá gan. Nhớ mang máng, hình như tôi có xem thấy hình vẽ vài con ngựa xứ Ionie trên những bình hoa màu đen có thân mình dài thòng thì phải. Rồi những cái chân bắt đầu từ trong thân thể vẽ ra, phác phác vài nét, rồi ta cứ theo tưởng tượng mà thấy. Nghĩ vậy, tôi liền vẽ một con ngựa xứ Ionie. Nhưng lại có một khó khăn nữa. Đó là cái chân. Hình dáng chân ngựa ra sao, thật khó kiềm soát được, nếu ta chỉ dùng nguyên trí tưởng tượng. Tôi chỉ có thể nhớ lại được từ chùm lòng sau chân nghĩa là chỗ cái móng của nó. Cho thịt vào chỗ móng ngựa, quả là một công việc hết sức tẻ nhạt. Làm nó nối liền với thân một cách tự nhiên chứ không thể như lấy nhựa dán vào. Con ngựa của tôi đã có năm chân rồi. Việc làm dễ nhất là làm một trong năm cái chân đó thành cái d... ngựa đang cương. Chưa nói xong thì tôi cũng vẽ xong rồi. Giờ đây, con ngựa trông giống như một pho tượng nặng bằng đất sét hồi thế kỷ VI trước Chúa Giáng Sinh. Đuôi chưa được vẽ thêm vào, nhưng tôi để chừa một chỗ đúng ngay chỗ lỗ khu. Đuôi thì lúc nào vẽ vào chả được. Điều quan trọng là phải làm sao nó có vẻ sống động, phải làm cho nó chồm lên. Vì vậy, tôi vẽ hai chân trước nó cong lên. Nửa thân nó trong thế động, còn nửa phần kia trong thế tĩnh. Với một cái đuôi thích hợp, tôi có thể dễ dàng biến nó thành con kangaroo. Trong khi tung vó lên bụng nó như bị xé ra. Tôi vẽ chỗ đó thật kỹ, đến

độ trông giống như một cái vỗng. Cứ để ngựa đi theo điệu đó. Nếu vẽ xong mà ngựa không ra ngựa tôi sẽ biến nó thành hình cái vỗng. (Há chẳng đã có người ngủ trên mình ngựa như tôi đã trông thấy hình vẽ ở một lọ độc bình sao?).

Những ai chưa từng quan sát kỹ đầu ngựa mà phải vẽ mới thật là nhiều khê. Không chừng vẽ thành cái máng ăn. Khi vẽ mắt vào, nhưng phải làm sao cho con ngựa có vẻ cười. Phải làm cho nó có vẻ ngựa chứ không phải người. Về điểm này, phải thú thật là tôi hoàn toàn chán ngấy cái lòng can đảm của tôi. Tôi quyết xóa bỏ hết rồi lại bắt đầu vẽ, vẽ lại hoài hoài. Nhưng tôi ghét cục gôm lắm. Tôi nghĩ thà là biến con ngựa thành một cái dynamo hay một chiếc piano hơn là cứ tẩy tẩy xóa hoài.

Tôi nhắm mắt lại, hết sức bình tĩnh vẽ một con ngựa bằng trí tưởng tượng. Tôi xoa tay trên cái bờm, trên vai và cạnh sườn con ngựa. Hình như tôi nhớ rất rõ cách con ngựa rùng mình ra sao nhất là khi có ruồi bu. Đặc biệt là cảm giác ấm nóng và co giật của những tĩnh mạch. (Ở Chula Vista, tôi quen chải lông con lừa trước khi cưỡi nó ra dồng chơi. Tôi nghĩ, hay mình biến con ngựa thành con lừa cũng hay!).

Vì thế, tôi lại bắt đầu lại. Lần này thì bằng cái bờm. Bờm ngựa là một cái gì hoàn toàn khác hẳn cái đuôi heo hoặc bím tóc của con cá đầu người mình cá. Chirico đã vẽ những chiếc bờm

tuyệt diệu trong những bức tranh ngựa của họa sĩ Valentine Prax cũng vậy. Cũng xin nói là cái bờm không như một làn tóc uốn dợn. Nó cần có cả biển cả và một lô những thằn thoại trong chiếc bờm đó. Cái gì tạo thành tóc, răng, móng tay, không thể gọi là bờm được. Nó là một cái gì riêng biệt... Tuy nhiên, khi tôi rơi vào trạng thái bất như ý như lúc này đây, tôi biết sau này có thể thoát khỏi tình trạng đó, khi tôi tô màu. Vẽ xong phải tô màu mới là vẽ. Hội họa là thế giới tư tưởng. (Michelangelo có lý khi chê Da Vinci). Có cái gì có tính cách ghê rợn khủng khiếp, gợi ý hơn là bức họa «Bữa tiệc ly» không? Có cái gì kiêu kỳ hơn bức họa «Mona Lisa» không?

Một chút màu sắc sẽ đem lại sự sống động cho cái bờm. Tôi thấy cái bụng vẽ hơi trật. Được rồi, chỗ nào nó cong, tôi làm cho nó cong, và ngược lại thế. Giờ đây, con ngựa của tôi bỗng nhiên phi nước đại. Mũi nó phì ra lửa. Nhưng đôi mắt nó trông có vẻ ngờ nghênh và hơi người là đàng khác. Vậy ta phải xóa con mắt nó đi. Như vậy trông nó càng ngày càng giống ngựa hơn. Nó còn có vẻ thông minh là khác, giống như ngựa Charley Chase trên màn ảnh. Đề ngựa nào giống đó, cuối cùng tôi quyết định vẽ thêm những cái vằn. Và như vậy là tôi có thể biến nó thành con ngựa vằn. Giờ thì, đốt hết cả đi, nó trông giống như một tấm giấy bồi. Những sọc rắn đã làm con ngựa như bẹt ra, dính nhẹp vào giấy. Tôi nhắm mắt lại, tôi có thể nhớ lại những con ngựa của Cinzano, nó cũng có vằn và

đẹp lắm. Có lẽ tôi phải xuống nhà để uống khai vị và xem lại bức tranh ngựa rắn của Cinzano. Có lẽ tôi sẽ thay đổi chút ít. Nếu một người loạn trí mà vẽ được chiếc xe đạp thì hắn cũng vẽ được một con ngựa chử. Thật là kỳ thú, tôi thấy đủ loại tranh, nào là nam thần, nữ thần, quỷ sứ, dơi, mày khâu, bình hoa, sông, cầu, khóa và chìa khóa, những kẻ trúng phong, hòm, bộ xương — nhưng không có một bức tranh ngựa nào hết mới bực. Nếu một người điên đã soạn ra cuốn sách này, ý hắn anh không muốn ghi lại những nhận xét đích thực sâu xa của mình, và chúng ta sẽ có một nhận xét về cái sự thiếu sót kỳ lạ này. Khi bỏ quên không vẽ một con ngựa thì quả là một cái gì bất xứng hợp. Nghệ thuật của con người phải có ngựa đi song hành. Đó chứng tỏ là người theo phái tượng trưng hoặc là đang có một chút loạn trí. Chúng tôi muốn khảo cứu xem những người điên vẽ con ngựa thành cái gì.

Một lần nữa, tôi lại trở lại chương vẽ phong cảnh ở trang 85. Toàn những tác phẩm tuyệt tác, mặc dầu các đường nét có cứng cỏi. (Người điên có một ám ảnh ghê gớm tính cách hợp lý và trật tự như lối của người Pháp). Từ nay tôi có nhiều điều phải vẽ nào là núi non, cầu cống, sân thượng, cây cối... Cái công trình vĩ đại của người điên đó là cây cầu luôn là cây cầu, cái nhà luôn là cái nhà. Ba người nhỏ đang khệnh khạng chống gậy ở hậu cảnh, nhất thiết là không cần cho bức

họa, nhất là khi ta họa con ngựa Ionie và cho nó một chỗ đứng đáng kể. Tôi đang kiểm một chỗ thuận tiện để đặt con ngựa vào đó. Có một điều đáng ta tò mò, chú ý ở phong cảnh này là có vẽ những bức tường thành kiểu Montauban, đã rụm đồ đó đây. Các bờ thành trông như những tầng đường, các căn nhà có rất nhiều cửa sổ, y như những người trong nhà hết sức sợ hãi trước quang cảnh đó. Có một cái gì rất gợi cảm khi ta bắt đầu họa một bức phong cảnh, tuy nhiên nó như đi ra ngoài mọi thời gian nhất định. Tôi có thể nói đơn giản là nó như nằm ở một cái vùng đất giữa Giotto và Santos Dumont với một chút thân mật của con đường tráng nhựa. Giờ đây, với phương châm đó dẫn dạo, tôi lấy lại được can đảm và bắt tay vào việc nữa.

Ngay dưới cái d... ngựa, và ngay chỗ mông con ngựa, ngay ở chỗ mà Salvador Dali rất muốn đặt một chiếc ghế kiểu Louis XV, hoặc một chiếc dày đồng hồ, tôi phóng bút vẽ một chiếc mũ cối và một trái dưa. Dưới cái mũ, tôi vẽ thêm bộ mặt người một cách hết sức vô tình vì lúc đó tôi có nhiều ý tưởng lộn xộn quá. Tuy nhiên, tôi đưa ngọn bút xuống theo đường ngoằn ngoèo của nét vẽ. Theo cách đó, tôi vẽ một bộ phận sinh dục của con ngựa thật lớn trong tình trạng cương. Nó là cái chân thứ năm, rồi tôi có thể vẽ nó cong lại thành cái tay người. Sao không! Lúc này tôi đã vẽ xong một người đội mũ cối rộng vành đứng sát

bên mông ngựa. Đẹp! Đẹp! Tuyệt vời! Có thể xem nó có vẻ hơi thô kệch, hơi xa tính chất nghệ thuật thuần túy thời Trung Cổ, tôi mặc cho cái tính chất bất thường của người diên hướng dẫn cảm hứng tôi. (Lần đầu tiên tôi thấy có một chút nghi hoặc len lén vào tâm tư, đến nỗi tôi không thể nào tập trung tư tưởng được nữa). Nhưng trang 366 viết: «Cuối cùng, với Matisse thì tính chất của đối tượng có thể được bộc lộ một cách hết sức trung thực, không cần phải theo sự chỉ dẫn của tinh thần hoặc sự chính xác của thị quan. Đó là tính cách phát biểu nguyên sơ nhất.» Tiếp tục vẽ... Sau khi hơi bị khó khăn khi vẽ chân người ta, tôi giải quyết bằng cách đặt nửa thân người đó dưới bức tường thành. Người đó đang dựa vào bức thành, có vẻ rất mờ màng, đồng thời tay hắn đang thúc vào sườn ngựa. (Đọc theo những bờ sông trên đất Pháp, bạn thường hay xô vào những người đang đứng dựa vào những bức tường chắn ở bờ sông họ đang mờ màng. Nhất là sau khi họ đã «xả bình» thật đã). Để rút ngắn công việc và xem còn bao nhiêu khoảng trống nữa trên bức tranh, tôi vẽ rất nhiều những đường ngang dọc để tạo thành một cây cầu đang đổ sụm. Việc này ít ra giết được 1/3 bức họa, nếu cứ theo đà này ta vẽ. Giờ tôi lại vẽ sân, bờ dốc thành, ba cái cây, những núi tuyết phủ, nhà và những cửa sổ hợp với những căn nhà. Nó giống như một con đường ngoằn ngoèo. Chỗ nào tảng đá nằm không đúng chỗ tôi vẽ thành một căn nhà, hoặc một mái nhà. Dần dần

tôi vẽ lên phần trên bức tranh, chỗ đó may quá, khung ảnh đã bót nhiều công việc. Chỉ cần thêm vào cây cối và núi đồi là xong.

Giờ đây, cây cối lại là một vấn đề nan giải. Làm sao vẽ thành cái cây chứ không phải là một bó hoa. Tuy nhiên, tôi cũng phải để cho ánh sáng xuyên qua lá cành để bớt được một phần công việc. Thêm một chút mây mỏng, xóa đi vài cái cành lá thừa. (Xóa bỏ luôn luôn là một kỹ thuật tốt để đơn giản hóa vấn đề). Nhưng mây lại trông giống như những tờ giấy bóng mỏng đã làm bay tung những đóa hoa đám cưới. Một đám mây quá mỏng đến nỗi trông không thấy gì cả và cũng không phải như một giấy bóng kiếng nữa. Mọi vật nào có hình thù đều có thể trông thấy được. Michelangelo đã suốt đời tìm kiếm những hình thể trong đá cầm thạch, trong thơ văn, trong tình yêu, trong kiến trúc, trong tội ác, trong Thiên Chúa... (Trang 390: «Nếu nghệ sĩ theo đuổi sự sáng tạo đích thực mà chỉ lo tìm đối tượng thì đối tượng đó có thể bị hy sinh và bị cái thiết yếu của sự sáng tạo chi phối»).

Tôi đi tới núi — như Mahomet. Từ nay tôi bắt đầu thực hiện ý nghĩa của sự giải phóng. Một ngọn núi! Núi là cái gì? Đó là một đống bụi, không bao giờ bị hao mòn, ít ra là nó không có thời gian trong lịch sử. Một ngọn núi thì quá dễ. Tôi muốn vẽ một núi lửa. Tôi muốn có cái cớ để con ngựa của tôi phải hí lên, cất vó lên. Hợp lý! Hợp lý!

«Người điên hoi tò ra lo lắng, để làm sao cho hợp lý!» (Người Pháp cũng vậy). Vậy thì tôi không phải là một người điên, nhất là không phải là một người Pháp điên. Vì thế, tôi vẽ cái miệng núi lửa trước, rồi vẽ tiếp xuống chân núi để nối với cây cầu và cái nhà ở dưới. Có một điều đúng là tôi vẽ những vết nứt ở sườn núi để diễn tả sự tàn phá do núi lửa gây ra. Đây là một núi lửa đang phun lửa và sườn núi đang bốc cháy.

Khi tôi đang làm việc, tôi vắt áo sơ mi trên tay tôi. Đúng là một áo sơ mi, vì tôi có thể nhận ra cái cổ cồn của áo và tay áo. Điều cần thiết hơn cả là cái nhãn hiệu Rogers Peet, số 16... Tuy nhiên có một việc bất ngờ rõ rệt là cây cầu. Kỳ lạ thật. Nếu bạn vẽ được một đường vòng cung thì phần còn lại của cây cầu coi như tự nhiên xong. Chỉ có một viên kỹ sư mới có thể phá hủy cây cầu.

Càng tiếp tục vẽ thì công việc hầu như xong hết. Tất cả cái phần lờ mờ ở dưới tôi nối lại để vẽ thành một nghĩa trang. Góc cao hơn phía trái, có một lỗ do núi lửa đẽ lại, tôi vẽ một thiên thần. Đó là một cái gì có một bản chất đặc biệt, một phát minh tự nhiên, có tính cách tượng trưng rất cao. Đó là một thiên thần vẻ buồn bã, bụng to, cánh do bộ xương sườn đỡ lấy. Thiên thần đó xem như bỗng nhiên hiện xuống giữa rừng tư tưởng của tôi và như bay liệng một cách huyền bí trên

những con ngựa xứ Ionie, hiện giờ đã mất về tay con người.

Bạn có bao giờ ngồi ở một ga xe lửa để xem thiên hạ giết thời giờ chưa? Họ có ngồi một cách thản não như những thiên thần bị truất phế, lung thì còng xuống, bụng phệ ra? Phút giây muôn thuở, họ bị lén án là phải sống mình với mình—tại sao ta lại không thêm đôi cánh cho họ? Tất cả những thiên thần trong nghệ thuật của tôn giáo đều là giả trá cả? Nếu bạn muốn xem thiên thần thực sự, bạn phải đi tới kho tàng Trung Ương hoặc nhà ga St. Lazare. Nhất là nhà ga St. Lazare và phòng Salle des Pas Perdus.

Lý thuyết hội họa của tôi là phải vẽ càng nhanh càng tốt, cần chăm sóc kỹ về màu sắc. Vì thế, tôi là một tay pha màu chứ không phải là một họa sĩ vẽ ngựa. Vậy thì bóp những tuýp màu ra nào. Tôi bắt đầu vẽ cạnh sườn con ngựa bằng màu bóng. Không hiệu quả lắm. Tôi quét đại một vệt màu đỏ thắm, trên bức tường cạnh đó. Hơi đẹp đẽ và hơi có vẻ Ý quốc. Xét chung tôi không bắt đầu một cách ổn thỏa về màu sắc. Có một khung cảnh của một ngày có mưa làm gợi nhớ cảnh Utrillo. Tôi không thích cái cảnh tĩnh mịch đến dỗi độn của Utrillo hoặc những ngày mưa cùng những con đường ngoại ô của thành phố đó. Tôi không thích cách đàn bà thành phố đó quay ngoắt lung lại với bạn hoặc... Tôi lấy con dao cắt bánh ra. Tôi định thử lối họa bằng cách phết thật dày son. Trong

lúc bóp mầu ở ống mầu ra, có một cái gì thôi thúc tôi phải thêm một con thuyền gondola vào bức tranh. Tôi để chiếc thuyền đó nằm ngay dưới dạ cầu, nó tự động hạ thủy.

Giờ đây, tôi bất thẩn biết được lý do tại sao muốn vẽ con thuyền gondola. Trong những bức tranh của Renoir tôi xem hôm nọ có một cảnh vẽ thành phố Venise và dĩ nhiên là không thể không có con thuyền gondola. Giờ đây có một cái gì làm tôi hơi xúc động đó là một người ngồi trên con thuyền gondola, rõ rệt là một người đàn ông. Mặc dầu hắn chỉ là một chấm đen nho nhỏ, hơi tách khỏi những chấm khác làm thành ánh sáng mặt trời, biển sóng vỗ bập bềnh, những đinh thự đang sụp đổ, những cánh buồm... Hắn chỉ là một cái chấm trong cảnh mầu sắc huy hoàng — tuy nhiên hắn rõ rệt là người. Bạn có thể bảo hắn là một người Pháp và hắn là người của năm 1870 hoặc khoảng đó... Đây chưa phải là kết thúc của chiếc gondola. Hai ngày trước khi tôi rời đất Mỹ vào năm 1927-28 gì đó, chúng tôi tụ họp đông đảo trong nhà. Lúc đó nghệ thuật vẽ thủy mặc của tôi vào độ khá nhất.

Cái chứng mè thủy mặc của tôi bắt đầu một cách khá lạ lùng. Vì đòi lại lạnh quá sức tưởng tượng, hàng ngày tôi phải lui tới trong nhiều tuần lễ với người bạn tên JOE ở các phòng tắm và cầu tiêu công cộng và ở những nơi nào chơi không tốn tiền. Vào một chiều kia, trên đường trở về

nhà xác, chúng tôi thấy một bức vẽ phỏng lại bức họa của Turner ở mặt tiền một tiệm tạp hóa. Ấy cũng vì thế mà tôi mê tranh thủy mặc, và đó cũng là một trong những thú vui nhất, hoạt động nhất trong thời kỳ bết nhất của đời tôi. Cả hai chúng tôi bỏ bừa bãi trên sàn đầy những bức họa, tôi không nói quá. Hết khô đến đâu, chúng tôi lại treo lên túi đó. Ngày hôm sau, chúng tôi hạ loạt đó xuống để treo một loạt khác lên. Hết mặt phải chúng tôi lại vẽ sang mặt trái những bức họa cũ, rồi lại xóa đi hết. Có khi phải dùng dao cạo mầu đi và trong lúc thí nghiệm, bỗng chúng tôi khám phá ra nhiều chuyện rất đỗi ngạc nhiên. Chúng tôi lại tìm ra được cách tạo được một bức họa bằng café xay nhỏ và vụn bánh, than và cúc kim sa. Chúng tôi để những bức họa ướt sũng hàng giờ trong phòng tắm, dùng bàn chải chải mầu đi, sau đó mang bức họa lại gần mồ chiên trứng gà đang nóng để nó bắn vào. Turner bắt đầu công việc họa như thế vào mùa đông giá buốt năm 1927-28 gì đó.

Hai đêm trước khi ra đi, có một số họa sĩ đến nhà để xem xét công việc chúng tôi làm. Họ là những họa sĩ nhà nghề và cũng chẳng thèm để ý gì tới công việc của những người tài tử như chúng tôi. Như thường lệ, các bức thủy mặc chờ khô nằm ngón ngang trên sàn. Để làm một thí nghiệm cuối cùng, chúng tôi đi chân không trên những bức họa đó rồi rót rượu vang từng chút một theo bước chân đi. Không hiểu cái kết quả do những gót bàn

chân tạo ra cùng với rượu đồ trên cao từ năm phân mét ra sao. Chúng tôi lại càng thấy phấn khởi. Có hai người bạn chúng tôi đang dùng bút than vẽ trên tường. Một người bạn khác đang đun café để mong vẽ được những bức họa mới. Còn một số thi đang uống café.

Trong giữa bữa tiệc trà thân mật — chừng 3 giờ chiều — vợ tôi bước vào. Nàng gọi riêng tôi ra rồi đưa cho một tấm vé tàu thủy. Nàng có vẻ hơi buồn. Tôi nhìn trán trối: «Đề làm gì vậy em?» Nàng trả lời: «Anh phải đi ngay!» Tôi trả lời: «Nhưng anh đâu có muốn đi. Anh thấy hoàn toàn sung sướng ở đây mà!» Nàng nói một cách chua chát: «Em biết thế rồi!»

Dầu sao thì tôi cũng phải đi. Và khi vợ chồng chúng tôi dừng lại ở Thames, trong đầu óc tôi chỉ quay cuồng có mỗi một ý tưởng là làm sao phải xem bằng được phòng triển lãm tranh ở Tate. Cuối cùng chúng tôi đã tới đó và đã được nhìn tận mắt những bức họa thời danh của Turner. Có cái điều may là từ đó tôi đậm say mê lối vẽ thủy mặc. Turner quả thực là một họa sĩ trứ danh về bộ môn thủy mặc. Tác phẩm luôn được sáng tạo dưới ánh sáng ngọn đèn dầu. Tôi thực sự ghét cay đắng việc phải già biệt London, thủ đô này làm tôi sống dễ chịu biết bao. Dầu sao, khi bị loại bỏ Southampton, tôi tự nghĩ «vòng tròn đã khép kín rồi, từ mặt tiền tiệm tạp hóa cho tới đây.»

Tuy nhiên cứ tiếp tục... con thuyền gondola

này sắp trở thành một trớ ngại đây. Nhưng trước hết phải lau sạch bức tường đã. Cầm con dao cắt bánh mì, tôi nhúng sâu vào thùng sơn rồi quét vào các cửa sổ nhà. Jêsu lạy Chúa, túc thời cả nhà như bừng lửa ngọn. Nếu tôi thực sự điên, hoặc không giả vờ điên, thì tôi sẽ vẽ thêm linh chúa lửa vào bức tranh, rồi vẽ những nét chéo nhau để thành những chiếc thang chúa lửa. Cơn điên của tôi đã mặc hình thức một đám cháy. Tôi sẽ biến cả căn nhà thành ngọn lửa hồng. Trước hết là bằng màu đỏ thăm sau đó đỏ son, cuối cùng màu đỏ máu. Bức tranh này được quyết định lấy tên là bức «một cuộc hiến tế thiêu sinh».

Kết quả của chủ định đó là tôi đã làm cháy xém cái lưng con ngựa. Giờ thì nó không còn là ngựa hoặc ngựa vẫn nữa, nó trở thành con rồng nuốt lửa. Chỗ đuôi ngựa bây giờ trở thành bó pháo bông và từ chỗ đó tới chỗ khu của nó, thì con ngựa Ionie không còn giữ được tư thế của nó nữa. Dĩ nhiên tôi có thể vẽ nó thành một con rồng thực sự. Nhưng việc biến đổi đó và trét màu lên làm tôi bức mình. Nếu ta bắt đầu vẽ một con ngựa thì phải là vẽ con ngựa bằng không thì xóa cho bằng hết. Một khi ta đã phác họa hình thể một con vật thì phải vẽ đến nơi đến chốn mới được.

Tôi dùng một màu xanh đậm và xanh chàm tôi xóa tuốt con ngựa đó đi. Chắc chắn là trong trí óc tôi con ngựa vẫn còn chỗ đó. Người ngoài có thể nhìn vào những đống màu trệt lèn nhau này

và nghĩ—vẽ gì mà kỳ quái. Nhưng tôi biết rằng dưới lớp màu đó là con ngựa. Dưới bát cứ một cái gì cũng có một vài con vật nào và đó là một ám ảnh to lớn nhất, sâu xa nhất của con người. Khi tôi thấy con người ngồi lên chỗ có ánh sáng như những bông hoa quỳ, tôi tự nhủ «Hãy vươn lên, hối đứa con hoang, mi tướng mi hay lầm, nhưng trong thâm tâm mi chỉ là một con rùa, một con chuột bạch. Người Hy Lạp rất mê ngựa, và họ ước mong được sống cảnh đầu người mình ngựa thay vì sống như Titan. Chà, ta lại phải nói quá nhiều về thần thoại.

Nếu bẩm sinh bạn là người đã khoái vẽ thủy mặc, thì mọi việc xảy ra đều y theo ý Trời. Nếu bạn được truyền là phải vẽ một hàng rào nghĩa trang thành một mầu vàng sáng, bạn sẽ thấy thích thú làm, chả kêu ca gì. Chỉ cần xem rằng cái mầu đó so với cái cửa chính mầu sậm hơn có quá sáng không. Có lẽ có một sự biện minh kín đáo nào đó chẳng. Và thực ra khi tôi vẽ cái mầu vàng sáng này—mầu vàng tôi coi là mầu đẹp nhất trong các mầu vàng—tôi sung sướng, tôi vui mừng. Có một cái gì tiêu điều, chán chường ảm đạm, nặng nề cứ rút dần đi mãi. Tôi không lạ rằng, dù đó là nghĩa trang ở đồi Cypress, một nơi tôi đã đi qua lòng đầy chán ngán, phiền buồn từ bao năm rồi. Từ nghĩa trang đó, tôi nhìn xuống những con đường xe lửa cong queo gấp nhau ở sân ga, nơi tôi đã từng đứng đó khạc nhão vặt. Hoặc là nghĩa trang St. John, với những bức tượng thiên thần

bằng chì trông phát ngấy. Ở đó tôi đã làm phu đào huyệt. Hoặc là nghĩa trang Montparnasse vào mùa đông trông như vừa trải qua một trận bão thép. Nghĩa địa, đất thánh nghĩa trang... Chúa ôi! Tôi từ chối không muốn được nhận chôn trong nghĩa trang. Tôi không muốn nhìn thấy bất cứ một kẻ ngu ngốc nào đứng trên thây tôi với những giọt lệ, vẻ mặt buồn thảm. Tôi chẳng muốn chút nào cả.

Khi những tư tưởng này đang lướt qua đầu óc, tôi đã vô ý làm bắn cái cây và sàn đất vì một bàn chải khô. Cây bây giờ lấp lánh như mới được mặc một bộ áo bằng vỏ cứng. Cành cây lốm đốm màu bạc, màu lam ngọc. Nếu tôi không thể đóng đinh vào tay, thì tôi cũng có thể phủ lên thân xác của các vị tử đạo những vết máu đỏ tươi. Trên bức tường đối diện có treo bức tranh vẽ cảnh hoang dã xứ Ethiopia. Thân thể Chúa Cứu Thế bị đóng đanh, nằm dài trên sàn có phủ những vết máu. Những người Do Thái khát máu, đen đúa, người Ethiopia đang dùng những chiếc đanh sắc đóng đinh Ngài. Bọn chúng có cái vẻ sung sướng một cách man rợ. Tôi mua bức tranh vì có những vết máu bắn ra đó, tại sao thì tôi cũng chẳng biết nữa. Chỉ bây giờ tôi mới rõ lý do. Và chỉ bây giờ tôi mới nhớ lại một bức tranh nào đó treo ở hầm rượu của ông Bowery nhan đề «Thần Chết giáng xuống roi rệp». Tình cờ, tôi gặp một người điên. Cuộc viếng thăm có tính cách nghè nghiệp nên chẳng thú vị gì. Đã quá trưa lâu lắm và những con đường hoang vắng, bắn thủ ở Bowery bị

trệt những tầng đờm. Ngay dưới công trường Cooper, ba tên du thủ du thực đang nằm ườn ra dưới cột đèn theo kiểu Breughel. Gió đang lùa mạnh qua chiếc cửa tờ vò. Một giọng hát siêu phàm, kỳ lạ đang cất vang lên giữa đường phố, giống như một người đang khéo léo tìm cách để thoát một cảnh sợ hãi ghê gớm. Bên trên cái cửa xiêu xiêu của hầm rượu, có bức tranh «Thần Chết giáng xuống loài rệp» đó, có một người đàn bà nằm trần truồng, tóc bạch kim, xõa trên vai đang nằm dài trên giường và gãi. Cái giường như đang bệnh bồng trong không gian và có một người đàn ông đang lượn múa chung quanh, tay cầm một món đồ chơi của trẻ em như ống chích. Hắn có cùng một cái vẻ si mê như những người Do Thái với những chiếc đinh sắt lớn. Bức tranh có lấm tấm những vết máu. Để diễn tả con vật không cánh đầu tiên trên thế giới chuyên hút máu, bụng bị bóp nhẹp đó là con rệp màu đỏ nâu hoa pha cái mùi hăng hắc làm cho nhà cửa giường chiếu thối tha lên, nó có cái tên khoa học ghê tởm *Cimex lectularius*. Tôi đang cầm một bàn chải khô quét những vết bẩn vào thân cây. Những đám mây bị những con rệp bao phủ, núi lửa đang phun cũng đầy rệp, rệp đang bò lồm ngồm xuống dốc núi đá vôi rồi xuống trầm mình trong dòng sông. Tôi giống như chàng thanh niên đang lang thang trên tầng lầu hai trong một bài thơ của Ivanovich, hoặc như một chàng kia lăn qua lăn lại trên nệm giường, anh chàng bị ám ảnh vì cảnh đói khốn

cực, đói khát, rách nát, phá sản, hoàn toàn thất vọng, mọi sắc đẹp đều ở ngoài tầm tay của chàng. Cả đời tôi như bị gói trọn trong chiếc khăn tay bẩn thỉu và hầm rượu Bowery, nơi đây tôi đi qua lại hằng ngày, rồi năm này qua năm khác, một lô những vết sẹo của nó không bao giờ mất đi được. Nếu tôi có được cái tên thì tên đó là *Cimex Lectularius*. Nếu tôi có được cái nhà thì đó là cái khe chiếc kèn trombone. Nếu tôi có được đam mê thì đó là đam mê tắm rửa thật sạch sẽ.

Giờ đây, tôi cầm bút vẽ như điên, tôi nhúng vào mọi thứ màu, hết màu nọ đến màu kia, tôi bắt đầu quét vào các công nghĩa địa. Tôi quét đi quét lại tới khi phần dưới bức họa dày lên như một lớp sô-cô-la, và bức họa tỏa một thứ mùi thuốc màu hăng hắc. Khi cái công nghĩa địa hoàn toàn bị hủy, tôi ngồi bệt xuống đất, lòng vui bâng khuâng, rồi rãi chả có việc gì phải làm.

Bỗng nhiên tôi có một cảm hứng thật sự. Tôi cầm bức họa nhúng vào chậu rửa chén, rồi lấy bàn chải móng tay cọ đi cọ lại, chảy sạch màu đi. Rồi để bức tranh lộn ngược xuống để màu cô đọng lại. Rất thận trọng, tôi trải bức tranh đó sát lên mặt bàn giấy. Tôi dám nói với bạn, đó là một đại danh họa! Tôi đã khảo cứu tác phẩm đó cả ba giờ liền... Bạn có thể nói đó là một cái gì tình cờ mà có được đại danh họa này. Đúng. Nhưng bài Thánh Thi số 23 chả cũng thế là gì. Con chim nào cũng lạ lùng và gợi thi tứ cả. Cái hiện trước

mắt tôi là kết quả của vô số những sai lầm, rút lui ý kiến, tẩy tẩy, xóa xóa, ngập ngừng, do dự. Nó cũng là kết quả của sự chắc chắn. Bạn có thể tin là như vậy được. Tin ở chiếc bàn chải móng tay, tin ở nước, tin ở mọi người và mọi vật. Tin tưởng Dante, Spinoza, Hieronymus Bosch, tin ở tiền mặt, ở công ty nặc danh, tiền nợ, sở nhật ký: Dì Melia. Cứ thế. Ta lại vẽ một chiếc cân thiên bình. Bạn hãy móc một xu ra đi. Nếu bạn có thể móc một xu ra để mua một cuốn sách, bạn có thể làm như vậy được lắm. Nhưng bạn không mặc cả với một đồng xu trong hiện tại. Không có máy móc nào đủ tinh vi để làm giả những đồng xu này vì nó có đâu mà làm giả. Thế giới của thực tại và thế giới của làm bạc giả thì ở dang sau lưng chúng ta. Thoát khỏi thế giới khả giác, ta phát minh ra một thế giới bất khả giác.

Khi bạn có thể vẽ một chiếc cân thiên bình, bạn sẽ không bao giờ vẽ được bức tranh. Giờ đây, bạn có một cái gì không sờ mó được, một cái gì tinh cờ rỗi ngủ gục suốt đêm trên cuốn sổ cái mở toang. Trên tay bạn có một dấu trù. Tất cả những ngày tháng sống động, vui vẻ đều dán lên dấu trù. Nếu bạn thấy cộng thì cũng như là bạn chẳng có gì cả. Bạn có một cái gì có tính cách tưởng tượng, từng lúc gọi là cái «cân thiên bình». Không bao giờ có cái cân thiên bình cả. Chỉ là một sự lừa bịp trắng trợn, giống như chiếc đồng hồ chết hay một cuộc hưu chiến. Bạn đụng vào chiếc cân thiên bình để thêm vào đó một trọng lượng giả

tưởng vào, và tạo ra cái lý do cho cuộc sống của bạn.

Tôi không bao giờ vẽ được chiếc cân thiêng bình. Và như vậy tôi có lý do để tiếp tục. Tôi đã để cả cuộc đời lèn bàn cân đó, nhưng nó cũng chẳng thêm ra được cái gì cả. Để chẳng được gì cả, bạn phải vứt ra ngoài vô số những bộ mặt. Đúng vậy, trong phương trình sinh tồn, dấu hiệu của tôi là vô cực. Đến chỗ chẳng chỗ nào cả, bạn phải đi tất cả những nơi nào đã biết trên vũ trụ: bạn phải ở mọi nơi để chẳng ở nơi nào cả. Để có sự hỗn loạn, ta phải triệt hạ tất cả những gì là trật tự. Để trở thành điên, ta phải có đủ mọi sự tráng kiện tinh thần. Tất cả những người điên — tác phẩm của họ đã gọi hưng cho tôi đều đã có một sự ôn kiệt tinh thần tới độ lạnh lùng. Họ đã chẳng chỉ vẽ cho tôi được điều gì cả vì cái kim trên cân thiêng bình của họ chỉ sai hết, những tính toán của họ là vô nghĩa, vì các hình vẽ đã sai lạc hết. Cuốn sổ gáy mạ vàng họ trao lại cho chúng ta có một vẻ đẹp đáng sợ như những cây bị giam hãm trong bóng râm.

Danh họa của tôi cũng không khác gì những mảnh móng tay gãy. Giờ bạn đang nhìn ngắm nó, tôi hỏi thật bạn, bạn có thấy trong đó những đại hồ bên kia dãy Ural không? Bạn có thấy chàng điên Kotchei đang đóng đúra chiếc dù bằng giấy không? Bạn có thấy cái khung vòm của Trajan nồi lên đám khói của Á châu không? Bạn có thấy

loài hải âu ở Nam Bán cầu không? Bạn có thấy tuyết đang tan ở dãy Hy Mã Lạp Sơn không? Bạn có thấy dân Creek và dân Seminol đang đi vào công nghĩa trang không? Bạn có thấy bức bích họa ở miền thượng lưu sông Nile với những con ngỗng trời, những con dơi và những chiếc lồng lớn nuôi chim không? Bạn có thấy vòm trời kỳ diệu ở đầu cán gurom của Thập Tự Quân và những công dã tràng của họ không? Bạn có thấy căn chòi kỳ lạ của người da đỏ đang phun lửa ra không? Bạn có thấy vững nước đái dơ cùng bộ xương của con la và chất hàn the lấp lánh không? Bạn có thấy mộ phần của Belshazzar hoặc con ma cà rồng đang sục sạo trong ngôi mộ đó không? Bạn có thấy những cửa sông do sông Colorado khơi ra không? Bạn có thấy con sứa biển đang nằm ngửa và những tế bào họp lại để thành con vật đó không? Bạn có thấy đôi con ngươi của Alexander đang nở ra không, hoặc những nỗi sầu muộn đọng lại trong đôi mắt đó? Bạn có thấy mực trong các bài văn châm biếm không?

Tôi sợ rằng, bạn chẳng thấy những điều đó đâu. Bạn chỉ thấy tượng thiên thần màu xanh bị nước đá làm cho già buốt, cứng đờ. Bạn cũng chưa thấy bộ gọng dù, vì bạn đâu có được chỉ bảo để sửa gọng dù bao giờ đâu. Nhưng bạn chỉ thấy có vị thiên thần, và một cái đó của con ngựa. Và bạn có thể giữ lấy những hình ảnh đó, tất cả dành cho bạn đó. Giờ đây, thiên thần không bị những vết rõ — chỉ có chấm sáng xanh lè chiếu vào cái bụng

phệ và khung cửa tò vò gãy nát. Thiên thần đứng đó để dẫn bạn lên Thiên Đàng, ở đó tất cả là dấu cộng, chẳng có gì là dấu trừ. Thiên thần đó giống như hình vẽ bóng trên giấy (đưa lên ánh sáng sẽ lộ ra), một bảo đảm cho cái viễn ảnh gạch sạch tội của bạn. Thiên thần cỏ không có bướu. Chỉ có nghệ sĩ là có thôi. Thiên thần đứng đó để bỏ những cộng ngò tây vào đĩa trứng tráng của bạn, để thêu một bông hoa trên khuyết áo của bạn. Tôi có thể tẩy sạch những thần thoại ở bờm ngựa đi, tôi có thể chùi rửa màu vàng ở Yangtsze Kiang đi, tôi có thể tẩy ngày tháng trên cái người ngồi ở thuyền gondola, tôi có thể tẩy xácn những đám mây, vứt bỏ những giấy bóng bọc các đóa hoa cùng ánh sáng xiên khoai... Nhưng tôi không thể tẩy xóa thiên thần. *Thiên thần là đại danh họa của tôi.*

tiệm thợ may

Mỗi ngày thường bắt đầu như thế này «Hồi vơ vẫn một chút về tiền thu, nhưng đừng có chửi hắn». Họ là những đứa con hoang tính hay nhộn, ta cần tránh xa như những chiếc r... thổi. Lúc nào cũng có thể kéo nhau đi nhậu. Chúng ta đang ở đó, đối diện với Olcott, tiệm may ở Đại lộ thứ V, mặc dầu chúng ta không ở Đại lộ đó. Một công ty gồm cha, con, người mẹ làm thủ quỹ.

Sáng nào cũng vào khoảng 8 giờ, phải cuốc bộ từ phố Delancey qua Bowery tới Waldorf. Chả cần đi nhanh lắm, thế nào bạn cũng gặp lão già Bendix cũng đã ở tiệm may rồi, tay cầm con dao vạch vải gắt nhặng lên vì chưa có thợ nào đến làm việc cả. Tại sao ta không bao giờ tới đó trước lão già được? Lão già có bướu Bendix. Lão chả phải làm gì cả, chuyên chạy từ tiệm may quần sang tiệm cắt sơ-mi, rồi sang tiệm kim hoàn. Những chiếc nhẫn của lão không bao giờ quá lồng hoặc quá chặt, đồng hồ không bao giờ chạy chậm dù chỉ 25 giây, hoặc nhanh 30 giây. Lão dậy sớm cũng như bất cứ ai, kè cả gia đình ông bác sĩ bị bệnh sạn chưa mai không khỏi. Nếu ta may cho lão một áo choàng vào tháng Tám thì khoảng tháng Mười, cụ đã chê là quá rộng thùng thình hoặc hẹp quá. Khi không thấy gì để chê, lão lộn áo trái ra để có cớ hạch anh thợ may quần là vụng quá, mà ăn giá cắt cổ, tại tiệm H.W.

Bendix là một gã thợ may khó tính, dễ cảm, kỳ cục, bùn xỉn, bất thường, vui đáy, buồn đáy, hèn tiện, hay thay đổi, hiềm độc. Giờ đây khi nghĩ lại những sự việc đó, tôi hình dung ra một lão già đang ngồi ở bàn ngà ngà Lưu linh, nói bằng quơ «Chà chả! Không ai cười cả là ký gì. Sao mấy người trong buồn như đưa đám cả như thế này!» Tôi cảm thấy thương hại cho lão và cho tất cả những người thợ may đã phải bợ đỡ tính ngu đần của bọn có tiền. Nếu vạn nhất việc đó xảy ra cho bar Olcott bên kia đường và cho những tên khờ dại lão thâu nhặt vào tiệm đó, thì chỉ có Trời mới biết là cái gì sẽ xảy ra cho lão thôi. Chắc chắn là trong gia đình, lão không được ưa lắm. Mẹ tôi chưa bao giờ biết bợ đỡ bọn giàu có. Bà chỉ biết cùu nhau, ta thán cùng với hơi men nồng nặc và bột khoai tây nhồi luộc để nguội. Bà thường làm chúng tôi bị kích thích vì tính hay lo của bà, đến độ tôi và em tôi không thể nuốt được nước miếng nữa. Em tôi quả là một đứa ngu đần vì nó hay chọc ông già hơn cả H.W.Bendix với những câu chuyện như là «Ông Mục sư nào đó đang sắp sửa đi Âu châu... Mục sư nào đó đang sắp sửa mở sân quần vợt... Mục sư nào đó là cái lá đà...» Ông già nói «Tại sao không là con c...».

Có ba người tên Bendix lận — H.W., tính gắt như mè, A.F., người mà lão già hay chửi xéo, giống như người có tên trong sổ đặt hàng tên Albert, và R.N., người chỉ nghe tên mà chẳng thấy ló mặt đến tiệm bao giờ cả, vì chân cụt trong một trường hợp nào

đó. Tuy nhiên ông ta vẫn ăn diện ra phết, mùa nào quần đó. Tôi chưa bao giờ thấy R.N. bằng xương bằng thịt cả. Ông ta là một đê mục mà Buncheck đê cập tới một cách thật phấn khởi và tiếp theo là một chầu lade Đức khi ông ta đến thử quần mới. Ba anh em là những cùu địch muôn thuở. Khi có mặt nhau, họ chả nói gì về nhau cả. Nếu Albert, người tinh tàng tàng, thích may những bộ gi-lê có chấm, mà tinh cờ gặp một chiếc áo nào còn mắc trên móc với hàng chữ H.W.Bendix đê thử, anh ta lùn nhau nói «Hôm nay là như mùa xuân hả khỉ?» Nghi lăm, làm gì có cái người thật tên H.W. Bendix, thế mà thanh thiên, bạch nhật ạ, chúng tôi đâu đang may áo cho quỉ!

Trong ba anh em, thì tôi mến Albert nhất. Ông đứng tuổi rồi, xương của ông ta có thê giòn, dẽ vỡ như thủy tinh. Lung không như bất cứ già nào, mặc dù ông ta biết là mình đang sửa soạn cuộn tròn lại đê trở về lòng đất mẹ. Khi Albert tới là bạn biết liền vì cứ căn cứ vào những tiếng huyên náo ở cầu thang là đúng phoóc: Một tiếng chửi thề lớn, rồi tiếp theo là một giọng than thở và một số tiền thưởng khá khi chiếc thang máy dừng lại đúng ở tầng lầu tiệm may. Nếu thang máy dừng lại chỉ sai chừng $1/4$ phân mét thi dừng hòng có tiền thưởng và cụ Albert, xương giòn, lung còng bỏ ra hàng giờ đê chọn đúng những chiếc nút áo đơm vào bộ gi-lê có chấm mới nhất của cụ. (Khi Albert qua đời, tôi thừa tự tất cả những chiếc áo gi-lê của cụ, số áo này tôi mặc hết

chiến tranh vẫn còn). Nếu có khi nào xảy ra — đó là chuyện com bùa — việc ông già cầm một chiếc kẹp nhỏ theo khi Albert tới thế là cả ngày chỉ thấy chuyện lộn xộn. Tôi nhớ những lúc Albert tức giận lão già đến độ cả ba ngày giờ không thấy mặt hắn đâu nữa. Trong khi đó, những chiếc áo gi-lê năm lăn lóc đó đây trên những tấm danh thiếp và chẳng có chuyện gì khác ngoài chuyện cũc áo gi-lê, làm như thể không cần áo, chỉ cần nút áo thôi. Ít lâu sau khi Albert làm quen được với cái lối bắt cần của lão già — họ đã làm quen với nhau được 27 năm rồi, Albert tặng tôi một chiếc nhẫn (ý chừng nói là biết nhẫn nhịn) để cho chúng tôi biết là ông ta đã quen đi rồi. Và trước khi đưa cho, ông ta nói: «Tôi nghĩ rằng, tôi đến lúc 11 giờ thì tiện cho tôi nhưng bất tiện cho anh.» Câu nói có hai nghĩa. Một là «Tôi nghĩ rằng anh sẽ mất tự nhiên khi tôi tới, thà tôi đi nhậu nhẹt với mấy bồ ruột ở quán cốc bên kia phố còn hay hơn.» Nó cũng có nghĩa: «Vào lúc 11 giờ tôi thiết tưởng sẽ ít nguy hiểm hơn để khỏi phải đụng độ với H.W.» Trong vòng 27 năm trời, chúng tôi đã may mắn 1578 bộ đồ cho ba anh em Bendix, họ đặt may thường lăm, nhiều khi chỉ gọi điện thoại tới. Khi Albert tạ thế, thì D.N. và H.W. đều mang băng tang trên tay áo ngoài bên trái hoặc trước ngực — nghĩa là những áo nào không phải màu đen, nhưng tuyệt nhiên chẳng bao giờ nói chuyện gì về người đã quá cố cả. Dĩ nhiên là R.N. đã hết sức xin lỗi vì đã không đi dự đám tang được lý do chân cựt. H.W. lại quá hà

tiện lời nói và kiêu căng đến độ không cảm thấy khó chịu khi phải nói một lời xin lỗi.

Cứ khoảng 10 giờ là ông già thường có thói quen nhấm nháp ly rượu đầu tiên trong ngày. Tôi thường có thói đứng trên cửa sổ nhìn sang khách sạn bên kia đường dòm Sandusky khuân những chiếc rương lớn lên taxi. Khi không có rương đè khuân thì Sandusky thường đứng trước cửa khách sạn, tay cầm đít, cúi chào và rất niềm nở với khách khi họ ra vào Hotel qua những cánh cửa tự động. Sandusky đã từng niềm nở, cúi chào, kéo cửa, mở cửa khoảng mười hai năm rồi kể từ lần đầu tiên tôi tới tiệm may và đứng ở cửa sổ mặt tiền. Hắn là một người ăn nói nhỏ nhẹ, có bộ tóc tuyệt đẹp, khỏe như vâm. Hắn đã nâng nghệ thuật chào khách lên thành một nghệ thuật. Một lần tôi ngạc nhiên khi thấy hắn ta lên thang máy và mặc đồ may ở tiệm chúng tôi. Khi hết giờ hành nghề thì Sandusky quả là một người trưởng giả. Lúc này anh ta có cái gu bình lặng, luôn xài đồ nỉ màu xanh hoặc xám Oxford. Một tay biết xử sự đúng điệu trong những lúc quan, hôn, tang, tế.

Sau khi chúng tôi biết nhau, ông ta cho tôi biết là ông đã tìm thấy Chúa Jêsu. Bằng một giọng nói êm đềm, ông nói, nhờ được Chúa tích cực giúp đỡ nên ông ta đã xén ra được một số tiền để có được cái nương tựa trong lúc tuổi về già. Ông là

người duy nhất tôi biết được là không có bảo hiểm sinh mạng trong thời bấy giờ. Ông cho rằng, Chúa sẽ lo cho con cháu chúng ta như Ngài đã săn sóc cho chính ông ta vậy. Sandusky chẳng sợ gì cả, dù là cho trời sa đất sụp ngay trên đầu ông. Ông vẫn định ninh, xưa giờ Chúa vẫn lo cho con người không lẽ Chúa lại làm lơ sau khi Sandusky chết. Rồi một ngày kia khi ông hồi hưu, thật khó tìm được một người thay thế ông, chả ai đủ lợi khầu, khéo nói như ông ta khi ghi hóa đơn, cũng chẳng ai có cái điệu chào điệu nghệ như Sandusky cả. Ông già lúc nào cũng quý mến Sandusky, cụ luôn ép ông ta phải nhượng nhẹt với cụ, nhưng Sandusky luôn từ chối rất lịch sự, khéo léo, cương quyết. Khách hàng của Olcott rất quý mến ông.

Cụ già thường khi giở chứng bất thường, cụ cáu sùờn khi không mời ai cùng đi nhậu, kê cả người như Sandusky. Thường thường là lúc quá trưa, khi công việc trong ngày chả ra sao cả, hoặc khi không có tiền thu, chỉ thấy những hóa đơn cũ. Có khi cả một tuần trôi qua mà chả có bóng một khách hàng nào, hoặc có người ló mặt đến là để la rầy, đòi sửa đồ lại, hoặc xin bớt tiền công may. Những việc như vậy làm lão bức bối, chụp vội lấy mũ lên đầu rồi đi nhậu. Thay vì sang dãy phố bên kia như thường lệ, cụ lại đi lang thang ăn một chút gì đó, rồi sà vào quán Breslin hay quán Brozell, đôi khi đi xa tới đường Ansonia. Ở đó

thần tượng của cụ là Julian Legree, người có cả một dãy phòng.

Julian chuyên mặc màu xám, bất cứ màu xám nào ta có thể tưởng tượng ra được và chỉ màu xám thôi. Ông ta có cái vẻ chán nản của một kịch gia người Anh, mặt đầy gân, một người hay la cà đó đây, bắt chuyện với những người chuyên bán len, buôn bán nước ngọt, hoặc bất cứ món gì. Chỉ nghe giọng nói của ông ta, người ta cũng đủ bu đến rồi. Nó có vẻ như diễn kịch, ấm cúng, ngọt ngào, sắc bén hài hước của người Anh để biến một tư tưởng rất thường thành một cái gì quan trọng. Julian không nói điều gì có thể ghi âm được, nhưng giọng nói của ông ta lại gây một ấn tượng đặc biệt với những người nghe. Thỉnh thoảng khi ông ta và lão già cùng đi lang thang lại bàn đến Corse Payton, một thần tượng của Brooklyn hồi đó. Corse Payton là một nghệ sĩ cũng như Pat McCarren là một chánh trị gia.

Những điều cụ già luận bàn lúc này luôn luôn là những cái gì thật bí nhiệm với tôi. Cả đời cụ chả bao giờ đọc một cuốn sách, hoặc xem một vở kịch kể từ ngày Bowery trình diễn ở Broadway. Tôi có thể thấy cụ đứng hàng giờ ở quầy cơm trưa miễn phí với Julian, người khoái trứng cá muối và món măng hầm ở quán Olcott ông ta ăn sạch trọn chả cần phải nhờ đến chó nữa. Họ bàn bạc với nhau về Shakespeare, hoặc Hamlet hay Lear, những kịch phẩm bất hủ, hoặc bàn bạc về

công trình của Bob Ingersoll. Cùng lúc đó, chàng sau bar có ba người Ái Nhĩ Lan mặt nặng trịch, những con người hạ tiện, hàng ngày cũng có thói hay la cà ở bar đó. Họ nghĩ một cách tự nhiên là, phải có một đặc ân mới được người ta gọi là Patsy O'Dowd, một trong những kẻ hoang đàng, miệng còn hôi sữa, con của một con diếm mới ra ràng. Nếu ta hỏi O'Dowd rằng hắn có gì đáng khen không, hắn trề môi, lạnh lùng trả lời, chỉ mình bạn là người xứng đáng để «khạc» câu nói đó ra, rồi cầm chiếc ly bạn đang uống lên, lấy khăn lau cho sạch, vì đó là công việc thường ngày của hắn. Người ta trả tiền hắn để hắn làm như vậy. Hắn càng chửi bần bao nhiêu, người ta càng quí hắn bấy nhiêu. Những thương gia ở tỉnh lên đã quen thấy chiếc xe của họ được chùi sạch bằng khăn lụa, và sau khi lấy số xe gởi được nghe cái anh chàng thối miệng con hoang của một người Ái Nhĩ Lan gọi họ là những chàng trai hoang đàng vắt mũi chưa sạch, con của những con diếm... chửi cho vui.

Ông chủ của công ty thương mại phồn thịnh này là một người hơi mập, có những bắp chân trưởng giả, đầu như đầu sư tử. Lúc đi, bụng ông ta cứ phuồn ra, một xì rượu vang nhỏ giấu sẵn trong túi gi-lê. Ông ta thường có thói gặc đầu một cách cứng cỏi kiêu kỳ với những thằng điên đang gật gù trong bar, trừ khi họ là những khách của Hotel, gấp trường hợp đó, ông dừng lại một chút, đưa ba ngón tay chuối mắn nồi đường gân xanh ra, nhếch bộ

ria, rồi quay phắt một vòng dòng luôn. Ông ta là kẻ thù độc nhất của lão già. Lão già tự nhiên là không chịu nỗi ông ta. Ông ta có cảm tưởng rằng Tom Moffat khi dè lão. Khi Tom Moffat đến may quần áo là lão già phải tăng tiền công lên 10% hay 15% để đánh thuế tính kiêu kỳ của Moffat. Nhưng Tom Moffat, bẩm sinh đã là con người trưởng giả, ông ta không bao giờ trả giá và cũng chẳng bao giờ đích thân trả tiền hóa đơn. Ông ta chỉ bảo người kế toán của ông ta tìm ra sự khác biệt trong hóa đơn rồi người này trả tiền. Nếu có lúc phải may một bộ đồ sooc, một bộ nỉ mới, hay một bộ đồ vía, ông ta đi ào ào vào tiệm với vẻ trịch thượng cỗ hữu, bụng phuồn ra, râu nhếch nhếch, đôi giày bóng loáng, lộp cộp, rồi với một vẻ hơi khinh khi lanh đậm, ông ta chào lão thợ may: «Này, cụ còn lộn nữa không đấy?» Vừa nghe nói vậy là ông già đã nỗi sùng lên, lấy một miếng ăn thừa hay bất cứ đồ gì trong tầm tay quăng vào kẻ thù Tom Moffat. Làm gì mà cứ nhai đi nhai lại hoài cái «sai làm chút xíu» của chúng tôi. Rồi ông già không tự kiềm chế được nữa. Viên kế toán của cụ, cụ dặn luôn phải tăng thêm chiều dài 3cm ở hóa đơn, nhưng không may đúng như vậy. Cuối cùng lão đụng phải một ván đề khó giải quyết. Một hôm vào chính Ngọ, sau khi ăn uống như thường lệ, sau khi đã thương lượng với những khách bán len và ren tụ họp trong bar, cụ lùi lùi rút một tờ giấy trong cuốn sổ tính tiền của bar. Lão rút cây viết chì vỏ bạc đeo ở dây đồng hõi ra, ký tên vào

tấm ngân phiếu, đưa cho Patsy O'Dowd và nói: «Bảo Moffat phải ký những tấm chi phiếu này để trả tiền thay tôi.» Rồi ông ta lặng lẽ đi ra, mòi thêm một số bạn thiết nữa, bảo nhà hàng dành riêng cho một bàn ăn và dãi bạn. Khi Adrian đưa cuốn sổ tính tiền, lão bình tĩnh nói: «Đưa cây viết chì đây... Tôi trả cho tất cả những ông bạn này.» Khi thấy rằng ăn có bạn mới vui, cụ thường mời các bạn thân cùng dùng bữa trưa, và cứ nói đi nói lại với họ rằng: «Nếu cái thằng chó đẻ Moffat không trả tiền công may áo, thì chúng ta ăn để hắn phải trả... ha... ha...» Nói rồi, cụ gọi ngay món chim câu hầm, hoặc món tôm hùm nấu kiểu Newburg, một chai rượu Moselle ngon, hoặc bất cứ loại vang nào mà tên bồi bàn gợi ý ra.

Kề cũng lạ, là Moffat xem như không thèm đếm xỉa tới chuyện đó. Ông ta vẫn cứ đặt may hàng lô quần áo như thường lệ, mùa nào áo đó và cứ thế... cứ thế ông vẫn cứ tiếp tục cãi nhau về hóa đơn và vụ này dễ giải quyết kể từ ngày có rắc rối về vấn đề ký chi phiếu ở cái bar của lão già thợ may để trừ tiền công may áo. Thôi thì đủ thứ tiền: gọi điện thoại, chim câu hầm, tôm hùm, sâm-banh, dâu tươi, rượu Benedictine... Thật ra thì ông già ăn bặm vào sổ tiền ghi trên hóa đơn đặt may áo nhiều đến độ Moffat không lấy áo ra kịp. Khi vừa đến đặt một bộ đồ nỉ thì lão già đã ăn hết hôm qua rồi.

Cuối cùng Moffat tỏ ý muốn kéo dài việc trả tiền. Phiếu đặt hàng ngừng lại. Một hôm, gấp tội

đứng ở cầu thang, cụ vỗ nhẹ vào vai tôi, mời tôi lên phòng riêng, khen tôi là một bạn trẻ nhạy cảm và nói rằng giữa tôi với cụ có thể cứ tiếp tục giao thiệp với nhau được, mà chả ai phiền ai. Nhìn vào chi phiếu trả tiền, tôi thấy cụ đã ăn bậm vào số tiền công may. Có lẽ tôi cũng đã ăn bẩm vào một bộ áo dài tay hay jacket chi đó. Chúng tôi cùng bàn là có nên tiếp tục nhận sự bảo trợ khinh khi của Moffat nữa không, có nên để ông ta tiếp tục bối những sai lầm trong hóa đơn không. Tôi kẹp vào nách một mớ những tấm chi phiếu và hứa với cụ sẽ xem xét lại tất cả.

Ông cụ già rất đỗi vui mừng vì công việc làm ăn vẫn trôi chảy, và cứ thế cả hàng bao nhiêu năm trường. Và dẫu vậy, Tom Moffat vẫn cứ đến đặt hàng, và chào ông già với lời chào cổ hữu «Sao cụ còn tiếp tục tính nhầm nữa không đấy!»—Đây là loại vải xám Barathea tuyệt đẹp tôi dành cho ông đây... Moffat khẽ nhíu đôi lông mày, cười khẩy, đi đi lại lại như một con gà tây, đôi chân nhún nhảy tinh quái. Nửa giờ sau đó, ta lại thấy lão già đứng trong bar khoái hoạt nói: «Lại ký cho lão Moffat trả một bữa cơm trù vào tiền công một chiếc áo jacket. Tiện thè, Julian, bác thích món gì nào, ta kê luôn.»

Như tôi đã nói, cứ chính Ngọ là lão có thói đi ăn; cơm trưa thì bạ đâu ăn đó và bữa ăn thường kéo dài tối bốn hoặc năm giờ chiều. Bồ bịch của lão trong những ngày đó tha hồ vui vẻ. Sau bữa

ăn, bọn người đó lại khệnh khạng lên thang lầu, khạc nhão, cười hô hố, má đỏ ửng lên, rồi ngồi vật xuống những chiếc ghế bàn lớn có đê những ống nhô kẽ bên. Ở đó có sẵn Pattee, người chuyên bán hàng tơ lụa, ren, cuộn chỉ, cúc áo, vải bối. Ông này là một người chậm chạp, thô kệch, giống như một con tàu bị bão táp quật nát, luôn luôn đi lại trong một tư thế thuyết dụ, ông ta tỏ vẻ mệt mỏi đến độ họa lầm mới nhέch mép được, nhưng khi hắn nhέch mép thì mọi người có cảm tưởng bị xóc bụng, hắn lầm bầm một mình nhất là về món bơ. Hắn khoái món bơ lăm, đẳng hạng là bơ schmierkäse và limburger, càng mềm càng tốt. Giữa chuyện bàn về bơ, hắn còn xen vào chuyện về nhạc sĩ Schubert Heine, hoặc một trận đấu võ nào đó cứ y như hắn sắp đoạt giải vô địch tới nơi. Hoặc hắn hỏi mượn hộp quẹt, bật lên rồi ngồi trên ghế nói về cái màu của ngọn lửa ra sao. Hắn không bao giờ nói «chào tạm biệt» hoặc «hẹn sẽ gặp lại», nhưng luôn luôn là tiếp nối câu chuyện bỏ dở hôm qua như thể không có sự gián đoạn của thời gian. Chín giờ sáng hay sáu giờ chiều, không thành vấn đề, hắn luôn đi lại trong có vẻ phấn khởi, vui vẻ, chậm rãi, lầm bầm một mình, đầu gục xuống, ren cắp nách, hơi thở sắc mùi rượu, mũi đỏ và nóng nhẫy, hắn lủi đi giữa phố xá đầy nhúc người, một túi bơ dày bơ schmierkäse túi kia đầy bơ limburger. Bước lên thang máy, vào nhà hắn lại nói giọng đều đều đủ thứ nào là về công việc làm ăn, sắp có vài thứ hàng vải mới,

bơ đêm qua ngon tuyệt... ta có thể nghĩ đến chuyện trả cuốn sách mới mượn hôm qua, hoặc trả tiền sớm để có hàng sớm, hoặc thà đi xem vài bức tranh bắn thủ, hoặc nhờ người gãi lưng giùm, nói chuyện tầm phào... còn hơn phí thì giờ với hắn, hoặc thà đợi mũ lèn đi nhậu với lão già còn hơn. Hắn ta vẫn cứ làm bầm, càu nhau, đợi lão già thợ may vì khi ông cụ về hắn ngang mắt lên đầy vẻ biết ơn. Ông cụ hỏi: «Ferd, chào bác, bác vẫn mạnh chứ. Gặp bác thật là hân hạnh.» Bộ mặt phèn phẹt của Ferd nở ra trở thành cái nhếch mép, đáng yêu cởi mở, thoảng một giây rồi hắn sửa lên đến nỗi Tom Moffat đi qua ở dưới cũng nghe rõ «Cụ nên thanh toán sớm cho tôi những món tôi đã bán chịu cho cụ chứ.»

Khi thang máy vừa xuống tới tầng dưới thì thằng nhỏ Rubin ở phòng sửa quần áo chạy ào ào vào, mắt hắn nhìn tôi một cách man dã rồi hỏi: «Bác có thích nghe cháu hát không?» Nó đã biết thừa là tôi thích, vì thế trở lại chiếc ghế dài, nhặt chiếc áo đang may dở lên, hắn cất cao cái giọng miền Cossack của nó lên. Nếu tình cờ gặp bé Rubin, ta có thể cho nó là một «thằng bé Do Thái bắn thủ» và có lẽ nó thế thật, nhưng nó lại biết ca hát, khi bạn túng tiền nó biết mở hầu bao, khi bạn buồn nó là kẻ buồn hơn. Nếu bạn giảm chân lên nó, nó nhô bẹt vào đùi giầy của bạn, nếu bạn tỏ ý xin lỗi, nó sẽ chùi sạch nước bọt và đánh bóng giầy lại cho bạn, hắn có thể ủi quần thẳng nếp như máy.

Ở phòng thử quần áo thì Rubin, Rapp và Chaimowitz là ba người nhỏ thó nhất. Vào chính Ngo, cả ba rút ra những miếng bánh mì to tỗ bối không men của người Do Thái, đã được cắn thận nhét đầy náo bơ ngọt, xà lách, cá mòi nướng. Trong khi ông già gọi nào là bối câu quay, rượu nho Rhine thì Buncheck, thợ cắt và ba ông thợ nhỏ thó ngồi trên những chiếc ghế dài ở phòng thử giữa những đống quần áo, nói chuyện rất hăng và thật trịnh trọng nào là tiền thuê nhà, hoặc chứng ung thư tử cung của bà Chaimowitz. Buncheck là một hội viên tích cực của Phong trào Phục hồi Quốc gia Palestine. Hắn tin rằng người Do Thái thế tất phải có một tương lai hạnh phúc rất gần. Tuy nhiên, không bao giờ hắn nói được một tiếng cho đúng giống như là «áp bức». Ngoài việc say mê với Phong trào Phục hưng Quốc gia Palestine, Buncheck còn có cái khoái là thích một ngày kia sẽ may một chiếc áo cỗ áo ôm siết vào cỗ. Hầu như khách hàng nào cũng vai tròn, bụng phệ, nhất là những tay chơi, suốt ngày chả có công việc gì hết, lồng nhồng ở tiệm may áo sang tiệm quần chuyện gẫu, hết tiệm nữ trang sang tiệm trống rỗng, tiệm thuốc tây... Có nhiều việc thay đổi xảy ra, cùng với thời gian quần áo cũng rách, mỗi mùa qua đi, lại phải xếp áo lại, chờ năm sau sẽ mặc, nhưng sang năm tới thì có người phì ra hai mươi ký hoặc sút đi hai mươi ký hoặc nướm tiêu đường... quần áo lại phải sửa lại cả.

Rồi anh chàng Paul, có thể kiếm cả mươi ngàn đô-la một năm, nhưng luôn thất nghiệp. Có

hồi kiếm được việc làm, nhưng người ta chỉ trả chín ngàn đô-la một năm, hắn không thèm chấp nhận đề nghị đó vì kiêu và đó là để tài hắn cầu nhau làm bầm suốt đi, rồi phải đi tìm việc khác. Paul cảm thấy có bỗn phận bảo trợ việc may cắt của ông già. Một khi hắn ra tay là y như công việc trôi chảy, chả có bao giờ có một chuyện thắc mắc trong đầu óc hắn vì ông cụ rất chân thật. Nhưng lại phải cái tính hay mơ mộng. Cụ là người tiêu bang Indiana, tính tình dễ thương, như một con đường phẳng lì, êm ru, trải toàn mật ong, như thế cụ có phạm tội loạn luân đi nữa người ta cũng bỏ luôn cho cụ; một khi cụ chọn được một chiếc cà vạt hợp thời, chọn được cây can vừa ý, đôi găng tay thật hợp, đôi giày bóng rít lên, và dây lưng quần có một xị rượu quiky, thời tiết đừng ấm ướt quá, hoặc quá ẩm đậm thì hình như có một suối ấm đầy tình thương yêu và hiểu biết, thông cảm luân lưu trong huyết quản đến độ những người bán ren, mặt dạn dày dà, ăn nói cục cằn, giờ gặp cụ cũng phải nói những lời êm dịu nhất.

Khi mọi việc an lành cả thì Paul cũng trở thành một người đàng hoàng như bất cứ ai ở vùng Đất Hứa của Thượng Đế. Hắn cũng biết yêu như bất cứ ai. Và tôi chura thấy ai có tài thuyết phục và gây cảm tình như vậy. Khi niềm tin đã dâng lên trong lòng hắn thì chẳng ai dập tắt được.

Paul thường nói: «Ta hãy bắt đầu từ chuyện

Marcus Aurelius hoặc Epictetus rồi hãy tiếp gì thì tiếp.» Anh ta nói chả cần học tiếng Trung Hoa hoặc thô ngữ miền Provençal. Hãy bắt đầu bằng việc suy tàn của đế quốc Rô-ma. Hồi đó tôi có tham vọng là làm sao Paul đồng ý được với tôi, nhưng anh ta quả khó chiều. Anh ta chau mày khi tôi đưa cho anh cuốn «Zarathustra đã phán như vậy». Anh ta cũng chau mày khi thấy tôi ngồi ở ghế dài tranh luận với mấy anh lùn đó về ý nghĩa cuốn «Evolution créatrice». Anh ta ghê tởm bọn Do Thái trên hết mọi sự. Khi Buncek, viên thợ may ló mặt ra, cồ quấn cái thước dây, Paul tỏ ra rất lịch sự và nể lắm. Anh ta biết là Buncek khinh mình, nhưng vì ông ta là cánh tay mặt của lão già nên hắn tảng bốc, khen ngợi hết lời. Vì vậy thỉnh thoảng Buncek cũng nhận thấy Paul hơi khùng khùng, mặc dù lùn nhưng anh ta vẫn tỏ ra có một cái gì đặc biệt làm ai cũng phải quí mến.

Xét bè ngoài thì Paul quả là sự vui vẻ hiện thân. Nhưng nội tâm, anh là con người rất buồn khổ. Thỉnh thoảng bà xã anh ta thường mắt rướm rướm, chạy ào vào tiệm khăn khoán xin ông già khuyên nhủ Paul giùm. Hai vợ chồng thường đứng ở cạnh chiếc bàn trong kê sát cửa sổ nói chuyện nho nhỏ. Nàng rất đẹp, người cao lớn, chân dài, cứ như tượng, giọng nói trầm ấm và như run run mỗi khi nói tới tên Paul. Tôi còn mường tượng thấy ông già đặt tay lên vai nàng, trấn an nàng và hứa đủ thứ với nàng. Tôi biết nàng mến ông già lắm. Nàng thường đứng sát vào cụ, nhìn sâu vào mắt như

thôi miên cụ. Đôi khi cụ chụp mũ vào rồi cùng xuống thang gác với vợ chồng Paul, điệu ủ rũ như là đi đưa đám cả lượt. Thế rồi, Paul lại biệt dạng, không ai biết tăm tích đâu mà mò, khi anh ta đang nồi con vui chơi. Rồi một ngày nào đó, anh ta lại bỗng trở về, chán nản, hối hận xấu hổ và xin lỗi mọi người, đồng thời anh ta đưa mấy bộ đồ để giặt khô, tẩy sạch những vết ói mửa và sửa lại một chút ở đầu gối.

Sau đó một chút, Paul lại nói thao thao bất tuyệt. Anh ta thường ngồi ở một chiếc ghế da sâu lòng, một tay cầm đôi găng, chiếc cán cắp giữa đôi chân, bàn luận về Marcus Aurelius. Xem ra anh nói hay hơn khi mới rời bệnh viện, hoặc khi mới sửa mũi lại. Cách thức anh ta ngồi ở ghế hành làm tôi nghĩ rằng anh ta đến tiệm may chỉ vì không tìm thấy ở đâu một chỗ ngồi tiện nghi như vậy. Quả là một công việc mệt nhọc khi phải ngồi xuống hoặc đứng dậy khỏi ghế. Nhưng khi đã ngồi rồi, Paul xem ra rất thoái mái, vui vẻ, lời nói tuôn tràn như suối reo. Ông cụ có thể nghe Paul nói suốt ngày. Cụ thường nói Paul là người bẩm mép, nhờ cái lối nói không vấp váp của Paul. Paul được coi như một người đáng yêu nhất của Đất Hứa, hơn nữa lúc nào lòng cũng phẫn khởi. Khi Paul quá hối vì đã đặt may một bộ đồ, cụ thường la anh ta và nói: «Cái anh này, chẳng có gì anh coi là tốt cả! Xà!»

Paul phải nhận rằng, giữa anh và cụ có một

cái gì hợp tính nhau lắm. Chưa bao giờ tôi thấy hai người nhìn nhau trùm mền như thế. Đôi khi họ nhìn nhau đến độ úa nước mắt và chả ai tỏ ra ngượng ngùng khi thấy nước mắt chảy ra và có ai nhìn thấy thì cũng coi như pha. Tôi còn có thể nhận ra bộ mặt đầy tàn nhang, xấu xí, môi hơi dày, hay khóc, nhếch lên của Paul, khi cụ già nhắc tôi lần thứ một ngàn rằng anh ta quả là con người tốt. Paul không bao giờ nói cho cụ già biết những điều anh ta không hiểu, nhưng nói về những chuyện thường nhật, chàng bàn luận rất hăng hái, chàng nói rất êm ái, dịu dàng và cụ già xem ra hồn lia xác để theo dõi chuyện của anh ta. Khi Paul đi rồi, cụ như kẻ mất hồn. Cụ sẽ chui vào một chỗ kín ở sở làm, ngồi đó một mình nhìn vào dãy học tủ đầy những lá thư chưa trả lời và hóa đơn chưa trả tiền một cách buồn bã. Khi nhìn cụ trong tình trạng đó là tôi vội nhẹ nhẹ xuống thang gác lùi về nhà, qua phố Bowery, rồi đi học theo đó tới cầu Brooklyn, rồi đi qua một dãy những chiếc giường rẻ tiền dàn hàng từ Tòa Đô chính tới bến phà Fulton. Nếu là một chiều hè, lối đi đầy những người chen vai thích cánh, tôi sẽ cố tìm xem trong đám đó có mấy người như Paul và tại sao họ lại thất bại ở đời như vậy, còn trong khi những người khác thành công thì lại thở hào hển như vậy. Tôi thấy lưng họ còng xuống, xương xẩu vêu ra, gân xanh nổi hẳn lên, bướu sưng lên, bộ ngực rám nắng, bụng phì ra hoặc trở thành không hình dạng với năm tháng chất chồng. Vâng, tất cả

những kẻ bán hàng rong đó tôi đều biết cả, họ bần thỉu, hôi hám, đứng bên họ như đứng bên thùng rác, rồi thân xác thì đủ mọi bệnh tật do sầu khổ và giàu sang gây ra. Khi nói về mình thì đầy giọng buồn mửa ra được, lúc nào cũng «tôi, tôi». Tôi và thận của tôi. Tôi và bệnh gút của tôi. Tôi và bệnh gan của tôi. Khi tôi nghĩ tới bệnh trĩ của Paul, nghĩ tới bệnh mũi của họ, nghĩ tới tình yêu mến và sự học hỏi phát xuất từ những vết thương nặng của họ, tôi nghĩ rằng Paul không phải con người của thời đại này, nhưng là bà con anh em của Moses Maimonides, một người dười thời Moor đã dạy ta biết cách chữa trị kỳ lạ các bệnh «trĩ, mụn cóc, nhọt bọc...»

Những người cụ già quí lại thường chết non và đột ngột. Paul chết khi đi nghỉ ở bãi biển. Chàng bị chết đuối. Có người nói là anh ta bị thất tình. Vì có một lần Cora lên thang gác, mặc bộ đồ tang rất đẹp, khóc lóc như mưa. Chưa bao giờ tôi lại thấy nàng đẹp như vậy, dáng người dong dỏng cao, đẹp như một pho tượng. Tôi còn nhớ rõ tấm khăn nhung bó sát vào mặt. Tôi còn nhớ rõ lúc hai vợ chồng Paul đứng sát nhau kề cửa sổ. Lúc này nàng khóc lóc thảm thiết. Ông già lại chụp mũ lên, rồi lại cùng nàng đi xuống lầu. Một lúc sau, không hiểu cụ nghĩ sao, cụ cứ giục tôi tới thăm vợ Paul và chia buồn với nàng. Khi bấm chuông phòng của chị, tôi run bắn người lên. Tôi cứ mong là nàng lõa thể ra mở cửa, ngực có đeo một chiếc băng tang. Tôi đám đuối vì sắc đẹp của nàng, với

cặp mắt bồ câu, đắm đuối vì vẻ mơ màng và cái hương thơm của miền Indiana nàng đã ngụp lặn trong đó. Thế mà lại mặc bộ đồ cũt, bộ đồ tang rất đẹp bằng nhung đen, bó sát người. Đó là lần đầu tiên, đối diện với một người đàn bà có tang, một người đàn bà khi khóc ngực như muốn xổ tung ra. Tôi chả biết nói gì với nàng cả, nhất là nói về Paul. Tôi ấp úng, ngập ngон, khi nàng mời tôi ngồi bên cạnh nàng trên ghế tràng kỷ, tôi có cảm tưởng đang ngồi xuống ôm lấy nàng.

Nàng ngồi trên một chiếc ghế đầu nhỏ, ánh sáng chiếu mờ mờ, cái lưng to lớn của nàng chạm vào người tôi, ngực nàng cọ vào thái dương tôi, chúng tôi nói tất cả những chuyện về Paul, rằng anh ta tính nết thế nào, tốt ra sao, cuối cùng, tôi cúi xuống không nói gì cả, nâng áo nàng lên rờ vào người nàng. Tôi tiếp tục rờ vào người nàng, nàng thở dài sùm sụt, một chút khoái thú pha lẫn chút buồn thương vì chiếc áo tang còn sờ sờ ra đó, nàng nhắc đi nhắc lại: «Em không ngờ anh như vậy... Em không bao giờ nghĩ là anh sẽ làm như vậy...» Nói xong, nàng cởi chiếc áo nhung đen ra, chiếc áo tang đẹp, cắt ngắn, nàng víu đầu tôi xuống người nàng, nói là tôi hãy hôn nàng đi, hai tay mạnh khỏe của nàng ôm ghì lấy tôi, vừa rên rỉ, vừa khóc. Rồi nàng đứng dậy khóa thân đi loanh quanh trong phòng một lúc. Cuối cùng nàng quì xuống cạnh chiếc ghế đi-văng tôi, tôi đang ngồi duỗi dài ra, nàng nói: «Anh có hứa với em là yêu em mãi mãi không? Anh hứa đi!» Tôi trả lời

«Anh húra» rồi một tay ôm ngang eo nàng, và tôi nghĩ «Không biết mình phải đợi đến bao giờ đây.» Nàng khóc như mưa, như đứa trẻ, rất chân thành, làm sao có thể nghĩ tới việc làm «tối hù» đó được. Nàng là con chim bị tên rồi.

Luôn luôn vui vẻ tươi sáng! Cứ đều đều, mỗi mùa có một số người chết. Có khi là một cái chết lẳng nhách như cái chết của Paul hay của Julian Legree, có khi một người chủ bar bị cà mũi vào chiếc đinh gỉ sét, hôm nay đang khỏe mạnh háng hái, ngày mai đã ngã ra chết, cứ đều đều như vận hành bốn mùa, các con ó già cứ chết dần. Lúc đó chả phải làm gì cả, chỉ việc kẻ một vạch đỏ ở phần lề phải cuốn sổ hóa đơn và ghi «đã chết». Mỗi cái chết có thêm một chút việc, một bộ đồ ché mới, hoặc băng tang ở tay áo bên phải. Theo cụ già thì những ai đặt may băng tang là những kẻ đáng kinh. Giống như máu đen được thay thế cho máu đỏ, máu mới! Đợt sống mới! Đó là một trận chiến vàng lênh khắp dọc đại lộ, ở đâu có bán những bộ đồ to lụa. Họ là những đợt sống mới, thoi thi đủ mặt: găng-tơ, cờ bích, gian thương, đầu cơ tích trữ, những kịch sĩ mạt hạng, những kẻ chiếm giải... Hôm nay giàu sang, ngày mai nghèo kiết, không có óc liêm sỉ, lòng chân thành, hoặc một chút tinh thần trách nhiệm. Trong máu họ luôn luôn là có vi trùng hoa liễu. Từ Paris hoặc Monte Carlo trở về với những tấm bưu thiếp bắn thủ, với những chuỗi hạch xanh

cứng như đá nỗi lên ở háng. Có người có những vết sưng tấy lên như thịt trùu chiên.

Một người trong bọn họ là bá tước Carola von Eschenbach. Chàng kiếm được một số tiền mọn ở Hồ ly vọng, rồi được tôn lên như một ngài vương bá ở đó. Rồi đến cái thời vương bá bị ném trúng thối, thật là buồn cười. Và phải nói cho vương tước đó biết cái mặt trái của triều thiên. Lúc đó đầu ngài như đầu tử thần, mũi quắn quắn hách dịch, bước đi trông dễ giận, eo lưng mặc áo nịt, gầy nhom và hay cưỡng dâm như Martin Luther, khắc khổ, hay quạo, cuồng tín, mắt nhìn tro tráo, khờ ngu như giai cấp Junker. Trước khi tới Hồ ly vọng, anh ta chỉ là một tên người Đức vô danh, bán lave ở Frankford. Cũng chẳng vương tước gì. Nhưng sau đó, khi anh ta bị đòn quật lên, hạ xuống, khi cái răng cửa bị gãy và bắn sâu vào cuống họng, một chiếc cồ chai vỡ đã rách nát mặt thành vết sẹo sâu rồi sau đó khi anh ta học được cách phải đeo cà vạt đỏ ra sao, khuơ chiếc can thế nào, tỉa râu mép ngắn lên như Chaplin, thì anh ta trở thành một nhân vật. Rồi anh ta đeo kiếng một mắt lên, tự xưng là Nam tước Carola von Eschenbach. Tất cả chắc hẳn sẽ diễn tiến tốt đẹp, nếu như anh ta không si mê một nữ diễn viên phụ tóc bạch kim bị bệnh hoa liễu đầy mình. Thế là đòn anh ta tịch!

Có một hôm, anh ta mặc quần soóc, đi ghẹt ngắn lên thang máy, ve áo gài một bông hồng đỏ chói, kiếng một mắt dán vào mắt. Trông anh ta có

vẻ vui vẻ, khoái hoạt, anh rút một tấm cạc in chữ rất nhỏ và đẹp ra. Tấm cạc in một chiếc áo nhà binh—theo như anh ta nói thì áo loại đó đã có trong gia phả suốt từ 900 năm nay. Anh ta gọi đó là «bảo vật của gia đình». Ông cụ già rất hài lòng thấy trong số khách hàng của mình có cả nam tước, đặc biệt lại trả tiền mặt. Mỗi lần thấy bá tước ào ào đi vào tiệm thật là vui, hai tay bá tước dắt hai con hầu, mỗi lần mỗi đôi khác nhau. Vui hơn nữa là khi ông ta bảo mấy con hầu đó vào phòng thủ giúp ông cởi quần. Ông cắt nghĩa đó là tục lệ Âu châu. Dần dần, ông ta làm quen được với tất cả những khách hàng quen, hay dán mũi vào cửa tiệm để nhìn xem có gì lạ không. Ông ta chỉ cho họ cách thirc ông hoàng Crown đi đứng làm sao, nằm ngồi thế nào, mỉm cười ra sao. Một hôm ông ta mang theo một cây sáo và thổi bài Loreli. Có lúc ông ta đeo đôi găng bằng da heo còn lởm chởm lồng đến tiệm. Mỗi ngày đeo một huy hiệu mới ở ve áo, luôn luôn vui vẻ, khoái hoạt, hay pha trò. Ông ta quả là một kho tiểu lâm, có một vài câu chuyện hoàn toàn mới. Đúng là con người chịu chơi.

Một hôm, gọi riêng tôi ra, ông ta hỏi vay tôi có đúng mười xu thôi để trả tiền gởi xe. Ông ta nói không biết có đủ tiền trả tiền may quần áo ở tiệm không, nhưng hy vọng tìm được một chân ở rạp chiếu bóng nhỏ Đại lộ IX, chuyên chơi piano. Trước khi cho tôi biết vậy, ông ta khóc. Chúng tôi đang ở phòng thử áo, may quá xong rồi! Tôi

cho anh mượn chiếc mùi soa để chùi nước mắt. Anh nói, chán quá rồi không muốn đóng kịch mãi nữa. Anh ta sẽ đến thăm chúng tôi hàng ngày vì ở đây thân mật, ấm cúng, ghế ngồi tiện nghi. Anh ta hỏi tôi có thể bao một bữa cơm trưa không, đã ba ngày anh chỉ nhấm nháp cà phê và bánh ngọt thôi. Tôi dẫn anh ta tới một tiệm ăn Đức ở Đại lộ III vừa là tiệm bánh, vừa là tiệm ăn. Không khí ở đây làm anh xuống tinh thần mạnh. Anh ta không biết nói chuyện gì ngoài chuyện dĩ vãng ngày xưa, rất xa xưa, tiền chiến. Anh ta nói có lần muốn làm họa sĩ, rồi đột nhiên thế chiến xảy ra. Tôi nghe anh thật chăm chú, khi cơm rồi, tôi đề nghị mời anh bữa chiều nữa và có thể là tôi sẽ giữ anh ta lại với chúng tôi. Anh tỏ vẻ rất cảm động và hứa chắc bảy giờ sẽ tới. Đúng nhé! Tốt lắm!

Trong bữa cơm gia đình, vợ tôi rất khoái nghe chuyện anh ta nói. Tôi tránh không động cập tới chuyện sa sút của anh. Chỉ nói anh ta là một Nam tước, Nam tước von Eschenbach, một người bạn của gia đình Charlie Chaplin. Vợ tôi — một trong những người vợ đầu tiên của tôi — tỏ ra rất hạnh diện được ngồi cạnh một Nam tước. Vì nàng theo đạo Chính thống, nên nàng cũng rất hiểu biết, không khó chịu gì về những câu chuyện liều lĩnh của Nam tước cả. Nàng nói, những chuyện đó hay lắm chứ và có vẻ Tây phương lắm! Cuối cùng, rồi cũng đến lúc phải đưa tất cả ra ánh sáng. Tôi cố gỡ mối chuyện dần dần, khéo léo. Nhưng làm

sao nói về thứ bệnh hoa liễu một cách khéo léo bây giờ. Tôi gọi là bệnh hay lây, bệnh kín! Nhưng tiếng «hay lây» làm vợ tôi phát rùng mình. Nàng nhìn vào cái ly chõ anh ta đã kè môi uống, rồi khắn khoản nhìn tôi như nói rằng «Tại sao anh mời một người như vậy để ngồi cùng bàn với vợ chồng mình?» Tôi thấy đã đến lúc cần đưa sự thật ra ánh sáng lập tức. «Ông Nam tước đây chỉ ở với vợ chồng mình chốc lát thôi. Ông ta thất nghiệp và cần tìm một chỗ nghỉ lung tạm.» Thú thật tôi chưa bao giờ thấy thái độ của một người đàn bà nào lại thay đổi dễ sợ đến thế. Nàng nói «Anh bảo em phải làm việc đó sao? Thế còn con thì sao? Anh muốn tất cả chúng ta bị bệnh hoa liễu sao đây? Mình ông ta bị rồi không đủ sao? Anh còn muốn con cũng bị lây nữa. Hích...» Ông Nam tước tỏ ra vô cùng bối rối vì cái tin động trời đó. Ông ta muốn đi ngay lập tức, nhưng tôi bảo cứ bình tâm. Tôi đã quá quen với cái cảnh này rồi. Tuy nhiên, anh ta tức giận lắm, nghẹn ngào, không uống cà phê được nữa. Tôi liền thọi vào lung hắn, đến khi mặt hắn xanh như tầu lá. Đóa hoa hường ở ve áo rớt xuống đĩa ăn, trông cứ như cục máu anh ta vừa khạc ra. Tôi thấy quá xấu hổ vì vợ, tức điên lên thiếu điều bóp cổ nàng. Anh ta tức giận, ho khạc lung tung, tôi dẫn anh ta vào phòng tắm, bảo rửa mặt bằng nước lạnh. Vợ tôi theo hai chúng tôi vào phòng tắm, đứng trân trối nhìn anh ta rửa ráy. Khi anh ta rửa mặt xong, vợ tôi giật cái khăn tay, mở toang cửa sổ phòng tắm, vứt ra ngoài. Cứ chỉ

đó làm tôi sôi giận và bảo vợ tôi ra ngoài làm việc khác đi. Nhưng anh ta đã vội chen vào giữa chúng tôi «Thưa bà, bà có lòng tốt và Henry, ông bà đừng lo gì về điều đó cả. Tôi có mang theo kim tiêm và thuốc mỡ, tôi có cất trong cái hộp nhỏ dưới gầm chạn đó. Ông bà đừng đuổi tôi đi, tôi chả có chỗ nào nương tựa cả. Tôi là kẻ tuyệt vọng, cô độc. Trước kia anh chị tốt với tôi, sao giờ nỡ nhẫn tâm với tôi như vậy. Tôi có lỗi vì bị bệnh hoa liễu sao? Ai cũng có thể mắc bệnh được cả. Người mà Anh chị sẽ biết là tôi sẽ trả ơn anh chị bội hậu. Tôi sẽ làm bất cứ công việc gì cho anh chị, như rửa chén, nấu ăn nữa...» Anh ta cứ lải nhải mãi như vậy, không lúc nào ngừng, sợ vợ tôi nói «không được». Sau khi nói một hồi, hứa hẹn đủ thứ, sau khi xin lỗi túi bụi, rồi quì xuống định hôn tay vợ tôi, vợ tôi giật tay lại. Anh ta ngồi bệt xuống bên nhà cầu, trong bộ đồ sooc, chân đi ghẹt, khóc như một đứa con nít. Thật là ghê gớm. Căn nhà tắm sạch sẽ, lát gạch men, cửa mở toang, ánh sáng ùa vào, rồi cái ông Nam tước chết tiệt này, trong bộ đồ sooc, đi ghẹt ngắn, xương sống trệt đầy thuốc thủy ngân, tiếng khóc bật ra như tiếng xe lửa xuống dốc. Lúc đó, tôi chẳng biết phải làm gì. Cái cảnh một thằng đàn ông như vậy, ngồi khóc rung rức trong nhà cầu, thật chịu không nổi. Lâu sau, tôi cũng quen đi. Lúc này, tôi mới thấy cái cảnh Rabelais phải thăm 250 con bệnh trong nhà thương một ngày nó thế nào.

Tuy nhiên, còn cái vấn đề khóc... Ít lâu nữa,

đứa con nhỏ của tôi cũng sẽ khóc chào đời, chắc chắn như vậy. Làm sao để dàn xếp đây. Tôi hy vọng có một phép lạ xảy ra và hy vọng dạ dày vợ tôi cũng nở tung ra như một trái dưa bở. Nàng vẫn chưa dằn được sầu khổ, nàng nằm dài trên giường, ôm cái bầu đã 6, 7 tháng, òa lên khóc nữa... Có thể lúc đó, tôi sẽ nằm ở một phòng khác, cầm một cuốn sách dày cộm, đọc ngấu nghiến. Tiếng khóc của vợ tôi làm tôi lại súc nhớ ra tiếng khóc của Nam tước Carola, mặc quần sooc, đi ghẹt ngắn, mép lật áo có viền, ve áo có gân đóa hồng đậm màu. Tiếng khóc nức nở của vợ tôi như một giọng nhạc. Nàng đang khóc một chút để gây cảm tình và chả có một chút gì gọi là tình cảm trong nhà này cả, chỉ thấy sầu khổ thêm. Nàng càng khóc, tôi càng trở thành điếc. Tôi như lắng nghe thấy tiếng sóng vỗ ầm ầm, oàm oắp vào bờ biển vào một đêm hè tiếng muỗi vo ve làm chìm mất tiếng biển gầm. Tuy nhiên, sau khi vươn mình khỏi cảnh sụp đổ này, và khi xóm giềng không chịu nổi cảnh đó nữa, bỗng tôi nghe tiếng gỗ cửa. Người mẹ già của nàng bước chậm chậm vào phòng ngủ của tôi, rướm rướm nước mắt, cụ nói tôi vào an ủi con gái cụ một chút. Tôi nói «Đề mặc kệ nhà con. Khóc mãi rồi cũng thôi.» Nghe thấy vậy, vợ tôi thôi khóc một chút, nhưng nhảy chồm khỏi giường, túc giận, tóc nàng xõa xuống rối bù, mắt sưng mọng lên, nàng lại nắc lên và khóc rồi đấm thùm thụp vào người tôi, rửa xả tôi tới độ tôi nổi sùng lên và bật cười. Thấy vậy,

nàng lại nhảy choi choi lên, như một người điên, khi đấm đã mỏi, tay đã buốt nàng hét lên «Đồ quỉ, đồ yêu!» rồi nàng bỏ đi như một con chó thầm mệt. Sau đó, tôi cõi vỗ về nàng, nói nhẹ nhàng với nàng, xốc nàng vào giường, rồi ném cho nàng cái gối ôm. Thật rõ cơ khở. Tôi chưa thấy người đàn bà nào hay rên rỉ và nói liên lẹo như vợ tôi cả. Nàng thường nói «Anh làm cho em tất cả những gì anh muốn đi!» Tôi muốn dựng nàng dậy, lôi nàng qua thăm vị mục sư, làm bất cứ cái gì rồi nàng lại vui lên như đứa trẻ hết giận hờn. Đó cũng tại cái bệnh trầm uất. Chúa phạt tôi, nếu tôi nói sai một lời. Vị mục sư thường hay nói vậy. (Chúa mà tôi thường nói trên đây, theo thánh Augustin là Đấng vô biên, ở khắp mọi nơi.)

Tuy nhiên, *luôn luôn vui vẻ và tươi sáng!* Nếu đó là thời tiền chiến, nếu hàn thủ biều xuống không độ, hoặc dưới không độ, nếu là ngày lễ Tạ ơn hoặc ngày Tết, hoặc Sinh nhật, hay bất cứ ngày lễ lạc nào, chúng tôi dễ dàng làm hòa với nhau, rồi lại tay trong tay đi phố cả gia đình, chúng tôi lại cùng với bao kẻ ngông cuồng khác ào ào xuống phố. Gia đình lại vui lên. Có một điều lạ là dù có bao nhiêu tai họa đe dọa gia đình, tôi vẫn vui như Tết. Vui bất kể gì cả, dù đã có náo là bệnh ung thư, sưng phù, thủy thũng, cứng gan, điên, ăn cắp vật, ăn mày, kẻ gian, loạn luân, tê liệt, sán xơ mít, đẻ non, sinh ba, cuồng trí, nghiện rượu, gấp bao nhiêu người tù, thủy thủ, thợ may, thợ

sửa đồng hồ, bệnh hồng châm, ho gà, sưng màng óc, tai nghẽn ngang, thò tả, nói lắp, những kẻ mơ màng, chủ bar... và cuối cùng là cả cậu George vàdì Melia, nhà xác và nhà thương điên. Một chàng thủy thủ vui vẻ ngồi cạnh cái bàn đầy đồ ăn ngon, nào củ cải đỏ, rau dền xanh, thịt heo quay, gà rô-ti, bơ, nước sốt Đức và nước tương màu đen vị chua, rau cần tây, ngọt nhồi, đậu Hòa Lan, cà rốt, bông cải màu trắng tuyệt đẹp, nước sốt táo, trái vải miền Smyrna, chuối to, bánh quy, bánh ngọt hiệu Streussel Küchen, kẹo sô-cô-la nhân hồ đào, đủ loại trái bồ đào, trái bơ, trái hạnh nhân, bồ đào hickory, lave nhẹ của Đức, bia hộp, rượu vang trắng và đỏ, sâm-banh, rượu porto, rượu mạnh, bơ nóng, phó mát, rượu nho bản xứ, rượu dâu, rượu lê, bánh tráng bằng gạo và bột sắn, hạt dẻ nướng, quit, ô-liu, chanh muối, trứng cá cavia màu đen và đỏ, cá thu nướng khói, bánh ngọt làm bằng trứng trắng và đường, sô-cô-la thanh và viên, bánh bông lan có hạt hạnh nhân, trứng thăng đường và kem, xì gà đen dài ngắn đủ cỡ, xì gà Bull Durham và Long Tom và meerschaums, lõi bắp và tăm xỉa răng, không có tăm xỉa răng làm bựa răng qua một đêm thổi lên, khăn bàn dài cả thước, có thêu bốn góc, ngọn lửa than hồng và những chiếc cửa sổ thoát hơi, mọi sự ở đời đều có trước mặt bạn trừ mỗi chén nước rửa tay (sau khi ăn tráng miệng) là thiếu.

Thời tiết lạnh tới không độ và tên khò George, một tay bị ngựa cắn, mặc những đồ thừa của người

đã chết. Thời tiết zéro độ và dì Melia tìm những con chim di cất trong mủ. Zéro, zéro và dây kéo tầu rít lên ở bến tầu, đá băng nỗi lèn bềnh, những cuộn khói quyện từ mũi tầu. Gió thổi 70 dặm giờ, hàng tấn hàng tấn tuyết rơi lá tả, mỗi bông tuyết như mang theo một con dao găm, những dòng tuyết nhỏ bám vào cửa kính như những đường xoắn ốc ngoài cửa sổ, gió gào lên, cửa kính rung động. Cậu Henry đang hát «Hoan hô đệ ngũ cộng hòa Đức.» Áo gi-lê của cậu phanh ra, dây đeo quần bỏ ra, thái dương hắt lên những đường gân xanh. Hoan hô đệ ngũ cộng hòa Đức.

Trên bức cao là cái bàn để đánh bài, dưới thấp là chuồng bò nồng nàn mùi phân mới, ngựa hí trong chuồng, hí rồi đậm chân, buoi chân xuống sàn, thở phì phì, cái mùi hăng hăng của phân và nước đái ngựa, của cỏ khô, lúa mạch, của chiếc mền còn ẩm xì và phần khô, mùi lúa mạch quyện với mùi gỗ mục, mùi da ở yên cương ngựa và vỏ dà bay tỏa lên và quyện lại như hương thơm trên đầu chúng tôi.

Cái bàn thì đứng trên những con ngựa, ngựa đứng trong nước đái nóng, thỉnh thoảng chúng chau minh, quất đuôi, đánh rầm, hí lên. Bếp rực lên như hồng ngọc, không khí xanh lên với khói. Chai lọ để dưới gầm bàn, trong tủ đựng chén và trong chậu rửa bát. Tên khờ George đang lấy một tay áo rỗng gãi cổ, Martini, anh chàng vô dụng đang chơi đai hồ cầm giả bằng chiếc máy quay đĩa, Carrie, vợ hắn đang đệm nhịp bằng thùng

thiếc rượu bia. Trẻ con chơi ở chuồng bò, tay thối um lên. Ở dưới phố chỗ những căn nhà ô chuột trẻ con đang làm một cái sân trượt tuyết. Khắp nơi đều một màu xanh lơ, với rét lạnh và tuyết. Dì Melia đang ngồi ở một góc lầu hột. Cậu Ned đang sửa chiếc yên ngựa lại. Bà, ông nội, hai bà cô nội đang ngồi sát lại lò sưởi nói chuyện về chiến tranh Pháp Phổ. George đàn mang gom những đồ vô dụng lại. Những người đàn bà đang ngồi sát lại với nhau, nói thì thầm, lười họ líu lái. Mọi sự đều hòa hợp với nhau như một trò chơi nát óc — những bộ mặt, tiếng nói, cử điệu, thân xác. Mỗi thứ quay chung quanh trục của mình. Máy hát đĩa lại quay lại, giọng hát to hơn và run run. Bỗng nhiên máy ngừng. Lẽ ra tôi không nên ở đó vì người ta đang bàn chuyện bí mật với nhau. Nhưng tôi đã có mặt ở đó và đang nghe. Tôi nghe thấy nói rằng cô Maggie càng ngày càng mập ra, lão chủ phòng trà Flushing đã ngủ với em gái của cô ta vì thế tại sao thẳng George lại khờ. Cô ta ngủ với bất cứ ai trừ với chồng. Tôi lại được biết cô ta hay dùng dây da đánh George nhử tử, sùi cả bọt mép ra. Mele ngồi ở một góc. Cô này lại là một trường hợp khác. Cô ta kỳ quái như một đứa trẻ con chẳng ai vượt được tính kỳ quái của cô ta. Thật cơ khỗ vì Paul đã chết. Paul là chồng của Mele. Vâng, mọi sự đều êm đẹp cả, nếu người đàn bà từ Hambourg này không gặp Paul và làm hại cả đời Paul. Làm sao Paul đối đầu với một người đàn bà khôn lanh như vậy được: một gái giang hồ lôi đời. Cần phải có biện pháp gì

với Mele. Cô ta ở đâu là nguy hiểm ở đó. Có một hôm, người ta thấy cô ta ngồi cạnh lò sưởi. Bỗng nhiên lửa thấp ngọn xuống. Nói dại, nếu cô ta có ý nghĩ đốt nhà lên thì sao đây? Thật cũng tội nghiệp vì cô ta chẳng tìm đâu ra việc. Chỗ làm người ta tìm được giùm cho cô là một nhà tử tế. Mele lại trở thành con người lười biếng. Đối với Paul thì cô ta làm biếng được chứ còn đi làm...

Khi bước ra khỏi cửa, ta thấy không khí thật giá buốt và trong sáng. Khắp bầu trời chỉ thấy sao nhấp nháńh, tuyết trắng phau nằm rải trên lan can, các lối đi, các cửa sổ và hàng giậu. Tuyết trǎi bao la như một tấm thảm trắng phủ lên trái đất bần thiểu, tội lỗi này. Không khí trong sạch và giá buốt mịn như da nai to. Những vì sao xanh biếc, từng lớp lại từng lớp chạy nhanh như những con linh dương. Một đêm đẹp, sâu thẳm, yên lặng như dưới lớp tuyết phủ đầy, có những trái tim đậm đoblin thức, có những dòng máu Đức đang nóng rực tuôn chảy ra các ống cống để khóa miệng những đứa trẻ thơ đang đòi lại, để rửa sạch tội ác và những xấu xa ghê tởm của thế trần. Đêm sâu thẳm, dòng sông đông đặc nước đá, những vì sao nhấp nháńh, nhảy múa, lộn nhào như những con quay. Cả gia đình đi lết trên những đường phố thủng lỗ chỗ. Đi trên cái vỏ trắng tinh của Trái đất, để lại những vết chân đi. Gia đình người Đức già đó đã dùng cây Giáng sinh để quét tuyết. Nào cậu, nào mợ, cô dì, anh chị em, cha mẹ, ông bà nội. Cả gia đình ấm cúng và chuershnh choáng hơi men,

không ai nghĩ về ai, cũng chẳng nghĩ rằng ngày mai mặt trời lại mọc, hoặc nghĩ tới những việc vặt phải làm, những lời dặn của bác sĩ, cũng chẳng nghĩ gì về những bồn phận phải làm lại càng làm cho đêm thâu trót nên linh thiêng lạ lùng với muôn vì sao lấp lánh, gió than dài, các nhật quang lan trổ nụ và mùi hăng hắc như nước đái quỉ bay khắp nơi.

Chẳng ai biết rằng Melia đang sắp sửa hoàn toàn mất trí, vì có lúc đi tới một góc đường, dì kiêng chân lên như một con tuần lộc và nói mình vừa cán được một mảnh trăng vàng. Rồi dì hé tay lên «Mặt trăng, mặt trăng!» rồi ngất đi như hồn lia xác. Trăng vút đi với tốc độ 86 triệu dặm một phút. Ra mau, ra mau bắt lấy mặt trăng. Đó, đó, nó đó. Và không ai chạy nhanh để bắt dì lại được. Giờ tôi kể bạn nghe những gì bọn người khùng nói cho tôi nghe... Họ nói thế này «Này Henry, mai anh đưa bà ấy đi nhà thương điên giùm nhé. Đừng nói để bà biết là chúng tôi có thể trả tiền cho bà ấy được nhé.»

Được lắm! Luôn luôn vui vẻ và tươi sáng! Sáng hôm sau, chúng tôi cùng leo lên chiếc xe vận tải rồi cùng lái về dồng quê chơi. Nếu Mele có hỏi chúng tôi đi đâu thì nói là đến thăm dì Monica. Nhưng Mele chả hỏi gì cả. Nàng ngồi sát bên tôi, yên lặng, thỉnh thoảng chỉ cho tôi xem những con bò cái, nàng thấy những con bò lông xanh lơ và xanh lá cây. Nàng biết cả tên từng con. Nàng hỏi

tôi, ban ngày thì mặt trăng ra sao và chúng tôi có paté gan không?

Trong lúc đi đường, tôi khóc và không cầm lại được. Khi người ta đối xử quá tốt với nhau ta phải có khóa và chia khóa. Khi người ta quá tốt cũng là một điều sai lầm. Thật ra Mele làm biếng lầm. Nàng bầm sinh làm biếng. Nội trợ lại rất tồi. Nàng cũng không biết cách giữ chồng sao cả. Khi Paul chạy theo một cô nào ở Hambourg, Mele chỉ biết ngồi một xó rồi khóc. Có người xui nàng phải làm một cái gì đó như hắn cho Paul một phát, gây sự ầm lên, kiện đè đòi tiền cấp dưỡng, Mele chỉ ngồi yên, rồi khóc, ôm lấy đầu. Có chút trí thông minh nào cũng bay hết cả rồi. Nàng như một chiếc vó rách bị đá lăn lóc, luôn luôn nằm inh ra không đúng lúc tí nào cả. Có một hôm Paul cầm dây thắt cổ. Mele chắc là hiểu việc gì sẽ xảy ra, nên nàng giờ đây mới mất trí. Hôm trước đó, có người thấy nàng ăn phần của mình, và ngồi cạnh lò sưởi hàng giờ. Giờ đây nàng rất bình tĩnh, gọi đúng tên từng con bò. Mặt trăng như thói miên nàng. Nàng không sợ gì cả vì có tôi đi bên cạnh, nàng luôn tin tưởng ở tôi. Tôi là người nàng quý mến hơn cả. Tuy nhiên nàng cũng ngờ là nàng đối xử rất tốt với tôi. Những người khác thì thông minh nhưng tâm hồn lại xấu. Khi thấy cậu em họ Adolphe hay đưa Mele đi dạo trên xe bò người ta đàm tiếu «Mele đẽ ý tới thằng nhỏ!» Nhưng tôi nghĩ Mele nói chuyện một cách ngây thơ với cậu em họ như đang nói với tôi, tôi nghĩ rằng Mele

có tính thật hồn nhiên, và nàng nghĩ ai cũng hồn nhiên như mình. Tôi nghĩ là Mele chả có ý thức gì về tội lỗi hoặc hối hận. Tôi ngờ rằng bẩm sinh Mele đã ngày thơ như thiên thần. Mele là một bà thánh.

Đôi khi nàng mất việc, người ta lại bảo tôi đến kiểm nàng. Mele không bao giờ biết đường về nhà cả. Tôi nhớ rõ nàng tỏ ra sung sướng mực nào khi nàng thấy tôi. Nàng nói một cách đơn sơ rằng nàng muốn tôi ở lại chơi với chúng tôi. Nhưng sao nàng có thể ở lại với chúng tôi được? Tôi vẫn tự hỏi mãi về điều đó. Làm sao người ta có thể để nàng ngồi yên mơ màng bên lò sưởi lúc nàng hứng lên muôn như vậy! Làm sao được vì mọi người phải làm việc dù là thánh hay thiên thần! Làm sao những kẻ mất trí phải lấy đó làm gương sáng?

Giờ tôi nghĩ rằng, có lẽ chỗ tôi đang dẫn nàng tới là chỗ tốt nhất cho nàng vì nàng chẳng làm việc gì nữa. Tôi nghĩ rằng thà là vậy còn hơn. Quẹo vào con đường nhỏ, lát sỏi để tôi chiếc cổng lớn, Mele thấy người khó chịu. Ngay cả một con chó đại cũng biết khi bị mang tới ao để đâm chết. Giờ thì Mele run sợ. Họ đang chờ chúng tôi ở cổng. Cổng mở ra. Mele đã ở trong cổng, tôi ở ngoài. Họ đang cố dỗ dành nàng. Giờ họ rất tử tế với nàng, nói rất dịu dàng với nàng. Nhưng Mele sợ hãi quá, nàng quay phắt đi và chạy về phía cổng. Tôi vẫn còn đứng đó. Nàng thò tay ra song cổng ôm ghì

lấy tôi. Tôi hôn lên trán nàng. Thật áu yếm. Tôi gỡ tay nàng ra. Họ lại đang bắt nàng lại. Tôi không chịu được cảnh đó. Tôi phải chạy đi. Tuy nhiên chưa đầy một phút, tôi đứng lại nhìn nàng trân trối. Đôi mắt nàng như lớn hẳn lên, mở tròn xoe, sâu thẳm như đêm đen, nhìn tôi một cách thật khó hiểu. Không có người đên nào có thể nhìn như nàng được. Không có kẻ khờ nào có thể nhìn được như vậy, ngoại trừ một thiên thần hay một vị thánh.

Tôi đã nói, Mele không phải là người nội trợ giỏi nhưng nàng biết làm mứt. Khi nghĩ tới điều đó bỗng tôi thấy một cái bình: đây là một thứ bột nhào làm bằng bánh mủn (ngâm vào bô nước tiêu) cộng với thịt ngựa chặt thật nhỏ rồi hòa với nước xốt. Sau đó vê tròn trong lòng bàn tay. Cái phòng trà nàng cùng làm với Paul tới khi người đàn bà ở Hambourg tới, gần sát khúc quẹo Đại lộ El II, không xa chùa Trung Hoa do Bình đoàn Salvation sử dụng mấy.

Khi tôi chạy ra cổng rồi, tôi lại dừng lại bên cạnh một bức tường cao, ôm lấy mặt, dựa lưng vào tường, khóc nức nở như chưa từng bao giờ khóc như vậy. Trong khi đó, họ đang tắm cho Mele và mặc cho nàng một bộ quần áo thích hợp; họ rẽ ngôi ở giữa, chải bẹt xuống và thắt ngay lại thành một cái bím ngay sau ót. Như vậy để trông ai cũng giống ai. Tất cả đều có một vẻ đên khùng, mặc dầu chỉ một nửa khùng hoặc ba phần tư khùng. Khi bạn nói «làm ơn đưa giùm cây viết»,

họ trả lời «được» và đưa cho bạn cây chổi quét phòng. Nếu vô tình đái ra sàn, phải lau cho sạch. Bạn có thể khóc bao nhiêu tùy ý nhưng không được vi phạm nội qui của viện. Một nhà thương điên nào cũng phải có kỷ luật.

Tuần một lần Mele được phép tiếp khách. Các chị em nàng đã đến nhà thương điên thăm nàng từ 30 năm nay. Họ chán noi đó lắm rồi. Khi còn nhỏ họ đã thường đến thăm người mẹ ở đảo Black-well bà thường dặn phải chăm sóc cho Mele. Khi Mele đứng ở cổng dõi mắt tròn xoe, sáng rực lên, có lẽ tâm hồn nàng đã bay về dĩ vãng như những chuyến xe lửa tốc hành. Mọi vật như nhảy múa trong tâm trí nàng. Mắt nàng vừa to vừa sáng tới độ họ đọc thấy ý nghĩ của nàng. Nàng mở to mắt vì sợ hãi và cũng là điều làm mắt nàng sáng đẹp lên như vậy. Bạn có thể điên được nếu nhìn sự vật một cách sáng suốt như vậy. Nếu bạn hờn người, bạn có thể giữ vững lập trường đó, người ta sẽ tin ở bạn, thè hùa là làm thế giới đảo lộn cùng với bạn. Nhưng nếu bạn chỉ hờn người một chút hoặc là một tên tiêu tốt vô danh thì đừng có hòng những chuyện đó.

Vào những buổi sáng, chúng tôi thường đi dạo để tinh thần sáng khoái qua những con đường gồ ghề phố Delancey tới phố Waldorf, nơi cụ già thường chiều chiều đi dạo với Julian Legree. Mỗi sáng tôi viết một cuốn sách mới trong lúc đi dạo từ phố Delancey tới Waldorf. Mỗi lề cuốn sách có ghi chữ:

Đảo của loạn luân. Mỗi sáng dậy là tôi lại phải lau dọn những gì tôi thồ mửa ra đêm trước và sửa mép áo lại. Tới tiệm thợ may, vẻ mặt râu rի, có lẽ đề nhìn ra Tom Jordan đang ngồi ở phòng đợi chờ tẩy sạch những vết bẩn ở quần. Sau khi đã viết ba trăm sáu mươi chín trang về tính cách vô ích của việc chào nhau buổi sáng, tôi không còn có được sự lễ độ thông thường nữa. Sáng nay tôi vừa viết hết cuốn sách thứ hai mươi ba về gia phả, viết như cua bò, đến cái phết cũng trông không rõ bởi vì viết bằng bút hết mực. Tôi, con của bác phó may, sắp sửa nói «chào buổi sáng» với ông Mumford, người chuyên bán hàng len, dạ, đang mặc đồ lót đứng trước tấm gương. Mọi chi nhánh và lá cành của gia đình đang du đưa trước mặt tôi: nỗi bật lên làn sương mù màu đen của Elbe tôi thấy cái đảo loạn luân này đang nỗi bồng bềnh. Trên đảo có những cây sơn chi kỳ lạ, tôi thường lấy hoa cài lên ve áo mỗi ngày. Tôi sắp sửa nói «chào buổi sáng» với Tom Jones. Cậu nói đang run rẩy ở lưỡi tôi. Tôi thấy một cây to vươn mình ra khỏi đám sương mù đen, trong hốc cây có một người đàn bà ở Hambourg ngồi đó, nàng ngồi gọn khít vào ghế. Qua khe cửa tôi thấy bộ mặt xanh lè màu lá cây của nàng, đôi môi nàng mím chặt lại, lỗ mũi pháp phồng. George khờ đang đi hết cửa này sang cửa khác cầm trong tay những tấm bưu thiếp, cánh tay hắn bị ngựa cắn lìa ra, con ngựa cũng đã chết và chôn rồi, tay áo rỗng bay dật dờ trong gió. Khi người ta đã giụt những tờ lịch ra trừ 6

tờ cuối cùng, George khò bấm chuông, ria mép hắn còn tuyết đọng, hắn đứng ở bậc cửa, mũ cầm tay và «sủa lớn» «Chúc một lễ Giáng sinh vui vẻ». Đây là một cái cây kỳ quặc nhất mọc ra trong gia phả họ Elbe, vì cành nào cũng khô héo, lá màu trắng xóa. Đây là cái cây mỗi năm đều đều «sủa ra» câu «Chúc một lễ Giáng sinh vui vẻ». Mặc các tai ương và trăm ngàn thứ khổ ải: ung thư, thủy thũng, ăn trộm, gian xảo, tê liệt, sán xơ mít, nghẽnh ngãng, thồ tả, đau màng óc, kinh phong, đau gan... Tôi sắp sửa nói «Chào buổi sáng». Tiếng đó run rẩy trên môi tôi. 23 cuốn sách viết về đời sống hằng ngày tả chân đến độ vô liêm sỉ, bìa sách được bọc bằng da dê tốt nhất, mỗi cuốn có một cái khóa và chìa khóa riêng. Đôi mắt vẩy máu của Tom Jordan bệt ra trên mặt gương, đôi mắt rùng rùng như con ngựa chau mình lại đuỗi ruồi. Anh chàng luôn luôn cởi quần hoặc mặc quần vào, luôn luôn giàn nút cửa quần hoặc mở ra. Luôn luôn là có những vết do cần tẩy sạch, luôn luôn có vết mờ trên quần áo. Dì Melia đang ngồi ở phòng lạnh, dưới bóng cây gia đình. Người mẹ đang tẩy sạch vết mửa tuẫn trước chưa tẩy hết. Ông cụ già đang liếc lưỡi dao cạo trên tấm da, nhưng người Do Thái đang từ chân cầu đi lên, ngày cứ ngắn lại, những chiếc dây kéo tàu đang hú ù ù và rọt rẹt như ếch nghiến răng, bến tàu uớt nhẹp những bánh kem. Mỗi trang sách viết trên không trông như mắt càng dày lên, giọng văn của những trang đó làm cho bầu không khí thêm phần u uất

man rợ. Mưa đêm như tiếng gầm của sấm sét, dùi tôi lên lối đi cửa khách bộ hành trên một xa lộ không biết là dẫn về đâu. Vang bên tai luôn luôn có tiếng nói thật trong sáng như lưỡi gurom trần bảo ta cứ phải tiến thẳng không được quay gót trở về, hoặc đứng yên một chỗ.

Từ dưới chân cầu, bọn người hạ tiện mỗi lúc mỗi đi lên thật đông, giống như một căn bệnh sài cứ càng ngày càng làm lan rộng nỗi đau đớn, hay lây từ sông này tới sông khác suốt dọc dãy phố XIV. Có dòng mủ cứ luân lưu một cách khó thấy suốt từ đại dương này tới đại dương khác, chia đôi hẳn thế giới tốt đẹp ra khỏi thế giới hạ tiện, thế giới của bọn Do Thái mà tôi sắp biết qua kinh nghiệm sống. Giữa dòng mủ này, từ con sông này tới con sông kia, có một bình hoa cẩm đàm hoa sơn chi. Xa hơn nữa vào đệ tứ hoặc đệ tam nguyên đại, ở cái thời mà trâu bò không ăn cỏ là một thế giới đầy xảo quyệt, trừu tượng, dựng đứng lên như những vách đá, và giữa lòng thế giới đó có chôn vùi một ngọn lửa cách mạng. Mỗi sáng khi đi qua làn ranh giới, ve áo cài một đóa sơn chi và một cuốn sách mới viết trong không khí, mỗi sáng tôi phải nhảy qua một cái hố đầy những chất thối mửa để tới cái đảo loạn luân đẹp đẽ, mỗi ngày bức vách tường lại cao ngất lên, những nét cửa sổ chạy dài ra như chiếc đường ray, nét lóng lánh của chúng còn sáng hơn những ánh phát ra từ những sọ sói tóc. Mỗi sáng cái hố càng mở hoặc miệng ra một cách ghê sợ hơn.

Có lẽ, tôi sắp nói «chào buổi sáng» với Tom, nhưng lời đó cứ thập thò trên môi. Cái buổi sáng mà tôi cứ bắt hụt hoài là buổi sáng gì vậy? Buổi sáng đó có tốt không, buổi sáng của mọi buổi sáng? Tôi đang mất khả năng phân biệt buổi sáng này ra khỏi buổi sáng kia. Trong cuốn sổ cái là thế giới của loài trâu đã biến mất thật nhanh; bên cạnh là những người thợ đang tán đinh hàn cái sườn của tòa nhà chọc trời. Những người Đông phương xảo quyết đi đói giày nặng như chì, đang phác họa bản đồ thế giới ngày mai, một thế giới hoàn toàn làm bằng những sản phẩm, hàng hóa, hết thùng nọ chồng lên thùng kia y như nhà máy làm hộp giấy. Hôm nay ta còn dư thời giờ để dự đám tang của một cái chết mới nhất. Ngày mai có lẽ không đủ thời giờ vì kẻ chết sẽ bị xếp vào một xó và buồn rầu thay cho người nào nhỏ nước mắt xót thương. Đây là một buổi sáng thích hợp cho một cuộc cách mạng, nếu ta có súng máy thay cho pháo. Sáng nay sẽ là một buổi sáng rực rỡ huy hoàng nếu sáng qua không phải là một cuộc thất bại rõ rệt. Quá khứ qua mau, cái hố sâu càng rộng mở. Ngày mai sẽ qua đi nữa, cũng như hôm qua vì vỏ ngựa ngày qua đã chạy mất hút, và con người có đôi giày nặng như chì làm sao đuổi kịp. Giữa cái tốt đẹp của buổi sớm tinh sương, có một dòng mủ xông ra mùi thói lợm của ngày hôm qua và làm độc cho ngày mai. Đây là một buổi sớm vô cùng hỗn độn, vì nó là chiếc dù rách thì chỉ một làn gió nhẹ cũng đủ làm nó rách buom.

Cả đời tôi là một buổi sáng không tàn kéo dài ra mãi. Mỗi ngày tôi viết bằng ngòi viết kêu rột roạt. Mỗi ngày một thế giới mới lại được tạo dựng hoàn toàn biệt lập và hoàn bị, tôi đang ở giữa những chòm sao, giống như một vị thần rất khờ ngu về mình, chả biết làm gì ngoài việc ca hát và tạo ra những thế giới mới. Trong khi đó, những thế giới cũ tan vụn ra. Thế giới cũ giống như căn phòng sửa quần áo trong đó quần áo được ủi thật thẳng, các vết bẩn được tẩy sạch hết và khuy cúc được đơm lại đàng hoàng. Luôn luôn có sự đổi mới, sửa chữa hoài, một tay áo cần cắt ngắn đi, cho cổ áo thấp xuống, cúc áo đơm xít lại, thay một đáy quần mới. Nhưng không bao giờ có một bộ áo hoàn toàn mới mẻ, không bao giờ có sự sáng tạo. Có một buổi sáng của vũ trụ bắt đầu từ lúc ngày mới bừng lên, và phòng thử quần áo luôn đầy rẫy những đồ phải sửa chữa lại. Đời tôi cứ trôi mãi như vậy chả khác gì người may làm việc về đêm. Suốt đêm tôi nghe tiếng bàn ủi xèo xèo trên vải ướt. Cái vỏ cứng của thế giới cũ bửa ra trên sàn nhà và mùi nó chua như dấm.

Những người ba tôi mến thương là những người yếu đuối và đáng yêu. Mỗi người trong bọn họ đi ra ngoài là y như những vì sao lấp lánh. Họ ra đi một cách yên tĩnh và thê thảm. Họ chẳng còn để lại vết tích gì ngoài những kỷ niệm của cái thời bừng sáng và vinh quang của họ. Giờ đây họ chảy ủa vào trong tôi như là con sông lớn đầy nhóc những vì sao rụng. Họ làm thành một dòng sông

đen đang chảy xiết làm cho trực thế giới của tôi luôn ở tình trạng diễn biến. Vụt thoát ra ngoài cái vùng đen tối, vô biên, trải rộng ra của ban đêm là buổi sáng vô biên trong buổi tạo dựng. Mỗi buổi sáng con sông tràn bờ để lại những tay áo, ve áo và tất cả cái vỏ của thế giới đã chết nằm rải rác dọc theo bờ biển, nơi tôi đang đứng nhìn đại dương của một buổi sáng đầu tiên sáng tạo.

Đứng trên bãi biển tôi thấy George khò đang đứng dựa vào tường nhà tiệm lanh tống táng. Anh chàng đang đội một mũ lưỡi trai kỳ cục, cổ cồn và không có cà vạt, anh ta ngồi trên chiếc ghế dài cạnh chiếc quan tài, không buồn cũng không vui. Anh chàng ngồi đó êm thắm như một thiên thần bước ra từ một bức họa của người Do Thái. Người trong quan tài, xác còn tươi, mặc một bộ quần áo nhuộm muối và hồ tiêu cũ của George. Hắn có một cổ cồn, đeo cà vạt và đồng hồ đeo tay bỏ trong túi áo gi-lê. George bè người đó ra, cởi áo ra và khi George thay quần áo người đó rồi thì đặt nằm trên nước đá. Không muốn lấy cái đồng hồ, anh ta để đồng hồ trên nước đá cạnh xác chết. Người đàn ông nằm trên nước đá có chiếc cổ cồn quấn quanh cổ. Trời sắp tối, khi George bước ra khỏi tiệm lanh tống táng. Giờ anh ta đeo một cà vạt, mặc một bộ đồ mới. Anh ta đang dừng lại một tiệm tạp hóa mua một cuốn sách vui cười anh ta thấy đặt ở cửa tiệm. Đó là truyện của Joe Miller. Dì Melia cũng đứng ở đó chọn những các chúc mừng kiều Valentine cho bà con. Dì mặc bộ đồng

phục xám, tóc rẽ ngôi ở giữa. Dì viết rằng dì rất sung sướng với những người bạn mới quen, đồ ăn thì ngon. Dì muốn họ nhớ mãi món *Fastnacht*, họ có thể gửi món đó bằng đường bưu điện không? Dì nói rằng có một vài cây dã yên thảo rất đẹp đang mọc quanh cái thùng rác đằng ngoài nhà bếp lớn. Dì nói là Chủ nhật rồi dì đi dạo thật xa, dì gặp vô số nai, thỏ và đà điểu. Dì nói bây giờ dì đã khá lâm, nhưng viết chữ cứ xấu hoài. Ai này đều tử tế với dì, dì có nhiều việc phải làm. Dì muốn có món bánh *Mardi Gras* càng sớm càng tốt, gởi bằng đường hàng không càng hay hơn. Dì có hỏi ông Giám đốc làm cho dì ít bánh đó và mừng ngày sinh nhật của dì nhưng họ quên mất. Dì bảo gởi cho dì ít tờ báo, tạp chí vì dì muốn xem những mục rao vặt quảng cáo. Có một lần dì thấy một cái mũ ở tiệm Blomming Dale nhưng dì nghĩ là nó đã lỗi thời rồi. Họ có thể gởi cái mũ đó cùng với bánh *Mardi Gras* cho dì được không? Dì gởi lời cảm ơn tất cả vì đã gởi các chúc mừng lễ Giáng sinh vừa qua. Dì vẫn còn nhớ những tấm các đó nhất là những tấm các có vi sao bằng bạc. Ai cũng cho rằng các đó đẹp nhất. Dì nói dì sắp sửa đi ngủ và dì sẽ cầu nguyện cho tất cả những ai đối xử tốt với dì. Chiều trời đã nhọ mặt người, luôn vào cũng giờ đó, tôi đứng nhìn mặt gương biển cả. Trời xuống tuyêt, không nhanh cũng không chậm, nhưng có một xác chết nằm trên nước đá, áo sơ-mi cỗ cồn và nếu chỉ minh hắn cương dương vật được thì kề là một điều lạ...

lạ quá! Trong hành lang tối đen dưới nhà, Tom Jordan đang đợi cụ già đi xuống. Anh ta mang theo hai cô bạn, một cô đang nịt chặt đói vó lại. Tom đang giúp cô ta một tay. Cũng vào giờ đó, lúc chạng vạng, bà Lawson đi vào nghĩa trang để nhìn một lần nữa ngôi mộ đứa con trai thân yêu. Bà nói—Jack, cậu con trai yêu quý của bà mới ba mươi hai tuổi đầu đã chết trong lần giao banh đầu tiên bảy năm trước đây. Họ nói con bà bị bệnh tim, nhưng sự thật vì cậu đã ăn nằm với những cô gái điếm đầy bệnh hoa liễu, đến nỗi xác cậu đầy mủ hút ra thối um như phẩn. Bà Lawson xem như không muốn nhớ những chuyện đó. Bà chỉ biết lo sao một con bà luôn sáng bóng như gương, bà luôn mang sẵn một tấm da linh nai trong xác để lau mó con bà cho bóng, mỗi chiều.

Cùng lúc nhợ nhem đó, cái xác cứng đơ vẫn nằm tro trên nước đá, cụ già đang đứng ở phòng điện thoại tay cầm ống nghe. Ông đang gọi để dặn là ông không dùng cơm trưa ở nhà, vì phải dẫn khách hàng đi ăn và sẽ về nhà muộn. Bừng có lo gì cả. George khờ đang lật cuốn sách vui cười của Joe Miller. Xa xa dưới đường phố về phía Mobile, người ta đang tập dượt vũ điệu St. Louis điệu Blues, trước mặt họ không có một nốt nhạc nào, người ta cũng sắp phát điên vì cứ phải nghe tái hồi bản nhạc đó. Rồi ai nấy cũng sắp sửa thành kẻ cuồng dâm, nghiện hút, xâm phạm tiết hạnh, be bét vì điệu nhạc mới thoát ra từ hơi nhựa đường. Chẳng bao lâu nữa, chỗ nào cũng

cùng một giờ cả, bằng cách vặn lại kim đồng hồ hoặc treo lơ lửng trên mặt đất bằng một khinh khí cầu. Đó là giờ các chủ tiệm ngồi vào bàn ăn của gia đình, mỗi người làm một việc khác nhau, người thì râu ria xồm xoàm, người thì khâu vá luôn tay. Vào giờ này, thật đẹp quá chừng vì ai làm gì tùy thích. Ái tình và sát nhân, cách nhau vài giờ đã khác hẳn. Ta như thấy tình yêu và cảnh sát nhân như cùng đến với chiều tà: những đứa hài nhi sẽ chui ra khỏi lòng mẹ, thịt đỏ hồn, đề rồi sẽ mềm nhão, nhẹp ra trên thép gai, tiếng thét suốt đêm dài, nát ra như xương vụn từ đâu đó hàng ngàn đậm khắp đó đây. Các nàng trinh nữ có máu khoái nhạc Jazz, cù thúc đầy những tên đàn ông ngu dai xây thêm nhưng bin-định mới, đeo thêm xích chó vào cổ... Một mầm sống mới đang dâng lên trong lòng tôi: một thế giới mới sắp khai nguyên, nhưng dù tôi có viết nhanh bao nhiêu thì thế giới cũ cũng không chết kịp được. Tôi lại nghe những tiếng súng máy mới và hàng triệu những bộ xương biết đi nát tan trong chốc lát, tôi thấy chó vô chủ chạy tung tung cuồng dại và chim câu đưa thư có những bức thư buộc ở chân.

Luôn luôn vui vẻ tươi sáng! Dù là đi về phía Bắc tới phố Delancey hoặc về phía Nam hướng về con đường mủ! Hai tay tôi sờ nhẹ vào thân thế giới, ruột nó đang bị cầy tung lên, rồi xếp đặt lại, rồi lại tung ra, rồi lại khâu lại, cái cảm giác nóng hỏi chỉ có những nhà giải phẫu mới biết, rồi những cảm giác

khi sờ vào ung hột xoài, nhọt bọc, ung thư, mụn cóc, bướu thịt... Kim cắp và kìm mỏ nhọn, kéo, cây cỏ miền nhiệt đới, thuốc độc, hơi độc đều chừa đựng cả bên trong và được lớp da che đậm thật kỹ lưỡng, cẩn thận. Tình yêu rỉ ra khỏi những ống lớn bị nứt như ga xì hơi, tình yêu ghê gớm với những chiếc găng đen, tình yêu nhai gậm, phì hơi ra, tình yêu ẩn hiện trong những thùng rượu và thổi lửa trong những căn nhà ở chuột hết đêm này tới đêm kia. Những lão đàn ông đi qua cửa tiệm cha tôi sắc những mùi tinh: người họ rùng rực, sắc mùi rượu, yếu đuối, lão đảo chả khác gì những chiếc du thuyền lảo đảo, trai to, lướt qua tôi lúc trời về đêm và làm giấc mơ tôi thêm trong sáng. Đứng ở trung tâm Nữu Uớc, tôi có thể nghe thấy tiếng lục lạc leng keng ở cổ bò, và hơi nghiêng đầu một chút, tôi nghe thấy giọng nhạc êm êm của Tứ thần nghe kinh hãi, khò khè. Một làn gạch đỏ lại gạch dưới tên một người trong số cái và trên những cánh tay áo lại có một băng tang. Nghèn cổ cao hơn một chút, tôi thấy tôi cao ngất hơn cả tòa nhà chọc trời cao nhất, rồi nhìn xuống xem những vết bánh xe của tiến bộ, tân tiến nhất đè lại trên đồi. Tôi thấy không có gì là quá khó khăn, chỉ có hơi phiền muộn và ưu tư một chút thôi. *Ở xứ tôi* thì đủ bệnh vô cơ và hữu cơ, kết nối thành một chuỗi dài hết tôi ác này, tôi tội ác kia. Cuộc đời như một cơn mê cuồng, vui vẻ mà tuổi hai mươi mốt của tôi đã sẵn sàng gỉ sét rồi.

Có lẽ khi tôi không còn trí nhớ nữa, tôi vẫn

nhớ mãi cái đêm tôi mắc bệnh lậu và nhớ cái ông già dịch, sau khi no rượu, đã mang Tom Jordan vào ngủ chung giường. Cảnh này thật đẹp và cảm kích! Khỏi bệnh lậu và danh giá gia đình tưởng đã mất mà lấy lại được. Đừng ở đó nữa vì toàn thấy tiếng hò hét, om sòm mẹ cha đang quần thảo nhau trên sàn, chofi gậy bay tung. Đừng ở đó nữa trong cái giá lạnh buốt sớm mai đê nhìn cái cảnh Tom Jordan, chân quì miệng gởi xin lỗi như tể sao thê, mà cái con người theo đạo Luther, tâm hồn chai đá chẳng biết thế nào là thứ tha. Thật là cảm kích và đẹp đẽ khi đọc báo sớm mai thấy tin cũng vào giờ đó đêm qua, người ta đã bắt gặp vị mục sư trong một phòng tối với cậu con trai trần tò hò ngồi trên đầu gối. Nhưng có chuyện nào cảm kích cho bằng chuyện hôm sau tôi xin phép được coi mắt một bà già đáng tuổi mẹ mình đê xin bà làm vợ. Bà già cầm con dao thái bánh rượt tôi chạy trối chết. Tôi nhớ khi thoát khỏi căn nhà đó, tôi dừng lại ở một kệ sách, cầm lấy một cuốn sách nhan đê «Nguyên ủy của Bi kịch». Thật là kỳ, đêm qua đã xảy ra cái gì cho cái chofi, con dao cắt bánh, bệnh lậu, ông mục sư bị bắt quả tang sôdomít, ung thư lan tràn... Tôi nghĩ rằng, mọi biến cố bi thiết trong cuộc sống đều đã được ghi chép trong sách vở cả, và nghĩ rằng cái gì lướt qua mặt ngoài chỉ là cái gì rỗng tuếch, nhạt thêch như nước ốc. Tôi nghĩ rằng một cuốn sách hay là một phần bệnh hoạn của khói óc. Tôi không bao giờ nghĩ rằng cả thế giới có thể đồng loạt bị bệnh hoạn.

Đi lên lại đi xuống, tay cắp gói đồ, ta cứ nói rằng đó là một buổi sáng đẹp trời, các ống nhô đã được kỳ cọ bóng nhoáng. Tôi lầm bầm khi bước vào bin-định Woolworth «Chào ông Thorndike. Sáng nay đẹp quá ông hỉ? Thưa ông Thorndike, ông có để ý đến áo quần không ạ?» Ông ta cảm ơn tôi rồi ném tấm cạc vào sọt rác. Chả có gì đáng nản. Tôi thử đi vào bin-định Express «Chào ông Hathaway, sáng này đẹp quá ông hỉ?» Ông Hathaway không cần một thợ may giỏi, ông đã có người thợ chuyên cắt áo quần cho ông từ 35 năm nay rồi. Ông ta hơi càu nhau và nghĩ rằng mình có lý, tôi lại lầm bầm xuống thang—một buổi sáng đẹp trời! Chả ai chối cãi điều đó, đê khặc vị chua trong miệng ra, và cũng để xem cảnh bến tàu, tôi lại lang thang trên cầu tàu tạt qua thăm một người rất tầm thường tên Dyker. Dyker thì lúc nào cũng bận bịu túi túi, chuyên ăn cơm dọn sẵn, và để trẻ đánh giầy cho bóng khi đang ăn. Ông ta bị một chứng bệnh thần kinh khi ông ta đang xào khan một con điểm. Ông ta nói sẽ còng-măng chúng tôi một bộ đồ màu muối tiêu, nên chúng tôi không tháng tháng thúc nợ ông nữa. Cô gái mới 16 trắng tròn, nhưng ông ta không muốn phá trinh cô ta. Vâng, tôi đáp! Ngoài ra, ông ta còn cơ vợ, ba con. Ngoài ra ông còn sắp bị đưa ra tòa ở Surrogate.

Khoảng 9 giờ sáng, tôi vội trở về Nữu Ước, tạt vào rạp Burlesk, ở đó người soát vé biết tôi. Ba dãy ghế đầu luôn luôn đầy nhóc những vị thầm

phán và những chính trị gia. Căn nhà tối om, Margie Pennetti đang đứng ở cầu thang tự động, mặc bộ đồ trắng lem luốc. Cô ta có cái... đó thật bự cả tinh chả ai bằng, chính cô ta cũng nhận như vậy. Sau suất hát, tôi đi loanh quanh vô chủ đích, dán mắt vào các rạp ciné, các tiệm mỹ phẩm của người Do Thái. Đứng một lúc ở máy xi-nê tự động giá vé một xu, tôi nghe tiếng ngư nữ phát ra từ máy hát. Đời sống như một tuần trăng mật dẫn ta tới nơi đầy kẹo sôcôla, bánh mứt. Bỏ một xu vào máy ciné tự động, tôi thấy người đàn bà đang cởi quần áo trên thảm cỏ, bỏ một xu vào lỗ, tôi lại vớ được một bộ răng giả. Thế giới được tạo thành bằng những phần mới mỗi buổi quá trưa. Những cái gì bẩn thì đưa cho thợ giặt, những cái gì dùng thừa lọc ra đem bán ve chai.

Tôi xuống phố qua con đường mòn, qua những dãy hành lang những khách sạn lớn, nếu thích tôi có thể ngồi đại xuống hành lang để xem người qua lại. Ai cũng trong tình trạng canh chừng. Sự việc đang xảy ra chung quanh. Sự căng thẳng đợi mong một cái gì xảy ra thật kỳ thú. Xe như mắc cửi ngược chiều nhau lướt qua mau, xe taxi bóp còi inh ỏi, xe cứu thương rú lên, thợ tán đinh đập búa nhức óc, các cậu bồi mặc áo rất sắc sỡ đang tìm những người nào nhầm tên. Trong phòng tắm ở dưới, người ta nối đuôi nhau chờ lượt tắm. Mọi vật như được dệt bằng những thứ xa xỉ nhất, hương thơm địa đàng, khoái thú. Chồi nụ

này mầm thật dễ thương, bên lề đường, những đống báo mới ra lò, những tít lớn chạy tin những vụ sát nhân, hảm hiếp, cướp bóc, đốt phá, đình công, làm giả mạo, cách mạng. Người ta chen vai thích cánh xuống xe điện ngầm. Một người đàn bà đang đợi tôi ở Brooklyn. Người đó tuổi đáng làm mẹ tôi thế mà đang đợi tôi cưới bà làm vợ. Con trai bà bị bệnh sốt te liệt nặng, làm bà suốt ngày lẩn quẩn bên giường con. Bà rón rén lên lầu làm tình, trong khi con bà ở phòng dưới ho như xé phổi. Ngoài ra, bà mới bị băng huyết, và tôi không muốn lại ngủ với bà bây giờ.

Giờ chen chúc! Đường hầm quả là một thiên đàng của tự do. Tôi ép sát vào một người đàn bà đến độ tôi cảm thấy cái râm rạp của bà ta. Ép sát quá tôi độ cái sự đời của tôi cảm ngay eo bà. Bà ta nhìn thẳng vào cái vết nhỏ ở mắt trái tôi. Nhờ lách người đi, tôi đê thật sát cái đó... vào eo bà. Xe lửa xóc lên, xóc xuống, eo bà ta lại càng cà dữ vào... đó. Rồi, dù có thura người, bà ta vẫn cứ đứng i xác ra đó, bà ta vẫn cứ uốn người ra và mắt bà vẫn nhìn vào vết mắt trái tôi. Tôi hành lang Borough, bà ta xuống xe, không thèm ngó mặt tôi. Tôi theo dính bà ta tới phố, thầm nghĩ bà ta có thể quay lại hoặc ít ra nói «chào ông», hoặc đê tôi mua cho bà một bánh sôcôla lạnh vì tôi còn dư tiền mua mà. Nhưng không, bà ta mắt hút như một mũi tên và không thèm quay mặt lại. Tôi không biết tại sao người ta có thể làm như vậy. Hàng

triệu, hàng triệu người cứ hàng ngày đứng đó, không mặc áo ngoài để xào khan như vậy. Kết cuộc ra sao? Tắm gội? Kỳ cọ? Mười người thì đủ cả mười một đều lao mình xuống giùng rồi «may tay» vậy.

Dẫu sao, cứ vào buổi chiều, khi tôi đi lên đi xuống đường hầm thì cái khốn nạn đó cứ cứng đơ ra đến độ rách cả quần. Đám đông càng ngày càng đông. Bầu trời rực sáng với những ánh đèn quảng cáo, món nào cũng bảo đảm tuyệt hảo tăng sức khỏe, bền bỉ, ngon tuyệt, êm như ru, chống mura, không thể bị phá hủy, mới nhất, không thể thiếu trong cuộc sống... nào ai có biết đâu rằng đời sống đã không thể chịu đựng được từ lâu vì làm gì có đời sống cơ chứ! Đúng giờ đó, cụ Henschke rời tiệm may tới câu lạc bộ chơi bài bên kia phố. Đó là một việc vặt cụ phải làm tới hai giờ sáng. Việc chả nhiều nhặn gì—chỉ việc cầm mũ, áo của những khách trưởng giả treo lên mắc, bung đồ uống, đồ những gạt tàn thuốc lá, cho quẹt vào hộp quẹt cho đầy. Thật ra đó là một công việc vui vui vì phải để ý từng tí một. Khoảng nửa đêm, thì sửa soạn đồ uống cho những người trưởng giả đó, nếu họ muốn. Dĩ nhiên cũng phải dọn ống nhô và chậu rửa mặt. Nhưng thường những người trưởng giả không xài những thứ đó. Luôn luôn phải tiếp thêm bơ và bánh ngọt để nhấp nháy, đôi khi cả những chén hạt mít rượu Porto. Thỉnh thoảng có cả thịt nguội. Dân trưởng giả chính hiệu

thường hút những loại xì gà tốt nhất. Và thật ra đó là một công việc hết sức thích thú.

Tới giờ cơm chiều. Đa số các tiệm may đều đóng cửa. Có một số rất ít chủ tiệm không biết làm gì trong giờ rảnh rồi dành giờ lại những chồng sở cũ để qua thời giờ trong khi chờ khách hàng tới lấy đồ. Họ cắp tay sau lưng đi đi lại lại. Mọi người đều đã đi cả, ngoại trừ ông chủ tiệm, có khi ông thợ cắt và thợ sửa quần áo. Ông chủ miên man nghĩ không biết là ngân phiếu có đến đúng lúc không để trả tiền phố ông làm nhầm «tại sao... ông đó... ừ phải... tại sao lại chắc rằng... vâng... tôi nghĩ rằng có lẽ cao hơn một chút thì hay hơn... vâng, vâng, bác nói đúng đấy à... vâng, chúng tôi sẽ sửa bộ đồ đó lại trong vài hôm nữa là xong... vâng vâng... ông Ất ông Giáp... gì đó vâng vâng vâng... đồ may xong rồi chưa ủi, còn treo trên mắc. Chốt cửa đã sẵn sàng để trên bàn. Chỉ còn đèn ở phòng thủ là còn cháy. Bỗng tiếng chuông điện thoại reo lên. Ông cụ già bên kia đầu dây nói, cụ không thể đợi lâu được nữa phải đưa ngay bộ áo dạ cho cụ, bộ có nút mới cụ mới lựa chọn tuần rồi. Người thợ cắt chụp mũ lên đầu khoác áo manto vào rồi chạy bay xuống cầu thang để dự một cuộc họp của người Do Thái ở Bronx. Còn lại một mình ông chủ tiệm may để đóng cửa tiệm và tắt tất cả những ngọn đèn nào quên chưa tắt. Rồi chính ông chủ tiệm cũng đích thân mang bộ đồ ông cụ mới gọi điện thoại mang tới, ông không nề hà gì vì chính

ông cũng muốn dàn xếp vài công chuyện vì không ai khôn khéo hơn. Không ai trông có vẻ giàu sang bằng ông chủ tiệm đi giao đồ cho ông Ất Giáp gì đó... Vui vẻ hợp thời trang, đôi giày bóng láng, tóc gọi sạch, găng tay thơm phức, râu mép tẩy khéo... Chỉ khi bắt đầu ngồi ăn cơm chiều ông mới thấy lo lo, không biết ngày mai có hàng làm không, ngân phiếu có đến không. Có khi tới 10 giờ ông đã đi ngủ vì thấy buồn ngủ, nhưng khi đặt lưng xuống lại thao thức không ngủ được.

Đi bộ trên cầu Brooklyn... Phải chăng thế giới này, cái cảnh kẻ đi người lại chen chúc, những bin-định sáng trưng ánh điện, dàn ông, dàn bà đi lướt qua? Tôi nhìn đôi môi họ mấp máy, đôi môi những người dàn ông, dàn bà đi qua tôi. Họ đang nói gì vậy—có một số người nói hăng hái lắm. Tôi đại ghét những người có vẻ mặt nghiêm nghị quá, trong khi tôi là thằng tồi hơn ai hết. *Một đời sống.* Sống có một đời: nhưng có hàng triệu hàng triệu lối sống. Tôi chả có gì để nói về đời tư tôi cả, chả có gì cả. Có lẽ tôi đã không có lòng can đảm. Tôi phải trở lại gặp Jane để dẫn cô đi phố với tôi và đến gặp ông Thorndike để đái vào mặt ông ta. Có lẽ tôi phải đứng ở Công viên Times đái một phát. Có lẽ tôi phải cầm khẩu súng sáu bắn tưới vào lũ đông. Ông già đang hướng dẫn cuộc đời cho Reilles, người bạn nổi khổ của cụ. Tôi đi lại lại, mặt xanh mét vì giận dữ và ganh ghét. Khi tôi trở lại thì thấy bà già đang khóc như muốn

vỡ tim. Tôi ghét cái lối khóc như vậy lắm. Kẻ thì trộm cắp của tôi, kẻ thì phạt tôi. Làm sao tôi có thể đi sâu vào tâm hồn bà, an ủi bà và điều tôi muốn hơn cả là làm sao bóp nát tim bà? Đi dọc theo đường Bowery... và một bãi cỏ xanh đẹp vào lúc đó. Ma cô, đầu bếp, bọn ăn mày, ăn xin, chiêu đãi viên, kẻ cuớp dân Tầu, bọn lưu dân Ý, bọn bợm nhậu. Ai nấy đều bù đầu đi tìm xem có cái gì cho vào lỗ miệng và một chỗ ngả lưng. Đi nữa, đi mãi và đi mãi. Năm nay tôi hai mốt tuổi, nước da trắng, sinh trưởng ở Nữu Ước, người to lớn, thông minh có thừa, giống tốt, không có tật xấu v.v... chả phạm một tội hình nào cả, trừ một tội bị sinh ra ở đây thôi.

Xưa kia, mọi người trong gia đình tôi đều phải làm việc bằng chân tay cả. Tôi là thằng con hoang, mồm miệng đỡ chân tay giỏi, tâm hồn bần vô cùng. Một cái rác bồng bềnh trong lũ đông; cả đời chỉ thấy may với vá, may đi may lại, may tái may hồi. Tối đến thì bật đèn lên, tắt đèn đi, tắt tắt, mở mở. Đôi khi đó là một sợi cao su, đôi khi là một miếng kẹo cao su. Có cái buồn là chẳng ai biết nỗi buồn hằn lên mặt tôi. Ngày ngày, người ta cứ lướt lướt qua nhau, mà chẳng ai nhận ra nhau cả. Đèn rung rinh nhẹ như những chiếc kim điện. Nguyên tử đang lao đầu vào ánh sáng và sức nóng. Một đám cháy đang tiếp tục bên dưới thủy tinh và không có gì bị cháy cả. Người ta vật gãy xương mình, làm vỡ óc ra để sáng chế một cái máy mà đứa bé nít cũng sử dụng được. Nếu tôi thấy một

đứa trẻ nào làm vỡ chiếc máy này, tôi sẽ đưa thêm cho nó cái búa và bảo đập nát đi! Đập nát đi!

Đập nát đi! Đập nát đi! Đó là điều tôi muốn nói. Ông già đang đi dạo trên chiếc xe ngựa bốn bánh. Một người bạn nối khố ngồi bên cù và một lit quit-ky đeo ở lưng quẩn. Ngón tay tôi đang vẫy ra hiệu. 20 tuổi đầu rồi mà mỗi ngày mỗi tội tệ đi, thật nghẹn ngào. Trong 20 năm trường chả thấy ai là kẻ chờ đợi tôi, chào đón tôi một cách đầm ấm. Những bạn thân giờ đây mỗi đứa mỗi phương xé nghé tan đàn. Quanh tôi chỉ thấy cảnh sắt đá, vô tình vây phủ, vỉ hè ngày càng trở nên cứng rắn hơn. Thế giới mới ăn gặm tôi tàn tạ. Chả bao lâu nữa, tôi cũng chẳng còn được cái tên nữa.

Có một lần tôi nghĩ rằng ở tiệm may này có dành riêng cho tôi những điều lạ lùng. Dẫu tôi không xây được lâu đài trong không, một lâu đài thuần bằng nước tiểu trắng cao ngất vượt mọi bin-định cao nhất, giữa những vật khả giác và bất khả giác, như đặt tôi vào một thế giới của âm thanh mọi vật cứ theo nhau sụp đổ, nhưng trong thế giới đó, tôi có thể tránh được mọi phiền nhiễu, cao cả, linh thiêng, hết sức linh thiêng. Chính tôi, thằng con của bác phó may đã nghĩ tưởng ra chuyện đó. Tôi chỉ là một cái hạt của một cây vĩ đại vô cùng. Trong cái vỏ mong manh của cái hạt đó, tôi nghe được cả những rung chuyển tế vi nhất của Trái đất. Tôi là một phần của thân cây vĩ đại, một phần của quá khứ, với đỉnh cao và đường

nét, và kiêu kỳ, kiêu căng. Khi rót bịch xuống đất, và khi đã bị vùi nồng một nấm, tôi nhớ ra *tôi là ai, ở đâu mà đến*. Giờ tôi đã bị lạc hướng, lạc mất rồi, bạn có nghe thấy không. Tôi đang gào thét, tru tréo. Bạn có nghe thấy không? Hãy tắt đèn đi! Đập nát những bóng điện đi! Giờ đây bạn có nghe tôi không? Bạn nói: anh nói to lên! To lên! To lên! Lạy Chúa Ki-tô, Chúa nghe tôi không? Ngài có đứa giỗn với tôi không đó! Ngài có cảm, điếc, mù hay không? Tôi có phải đi lộn đầu xuống đất không?

Được! Tôi đang sửa soạn nhảy múa cho bạn coi. Anh em ơi, tôi là con quay, hãy để nó quay mãi, quay tít, không bao giờ ngừng. Hãy thi cho nó một đôi quần nỉ đặc biệt khi bạn đang dự cuộc vui. Và đừng quên nhé, chờ để tôi mặc quần trái. Bạn có nghe thấy tôi nói không? Nào chúng ta đi! *Luôn luôn vui vẻ và tươi sáng!*

hǎn

HÀN sống trong một căn vườn rậm rạp đầy lau lách và những cây có gai nhọn, những cây bách hương, bao bát: một thứ cảnh gây một ấn tượng buồn nôn với những hình kỷ hà kỳ quặc thường thấy nơi những lều của dân mọi Buxtehude. Ta đi qua căn nhà lầu có một người canh cổng ria mép cong trông giống một nhân vật trong vở kịch Ouida. Họ sống ở tầng lầu ba trông giống như một chòi canh có những thanh cửa sổ dọc có khắc hình những con chó xù và những con cừu mập mạp.

Trên nút nhận chuông thấy có ghi dòng chữ «Jabberwhorl Cronstadt, thi sĩ, nhạc sĩ, nhà thực vật học, nhà thiên văn, nhà ngôn ngữ học, nhà đại dương học, nhà sưu tập quần áo và cổ cồn cũ». Dưới hàng chữ đó viết thêm «Xin chùi chân và hỉ mũi!» Dưới nữa gài một bông hồng bé nhỏ lấy ở một áo cũ ra.

Tôi vẫn thường nói với Bey, một anh bạn thân rằng «Tất cả những cái đó toát ra một cái gì kỳ lạ. Có lẽ hắn lén cưa rồi đó không chừng».

Sau khi nhấn nút chuông, chúng tôi nghe thấy tiếng trẻ khóc ré lên. Cuối cùng thấy Katya ra mở cửa, đứng đằng sau nàng là thằng bé Pinoc, người gầy nhom, tay cầm chiếc cà-rem. Pinoc nói: «Mời bác vào phòng khách, ông chủ còn đang thay đồ ra ngay bây giờ.» Tôi hỏi: «Liệu có lâu

không, vì tôi cũng chõ quen biết mà.» Nàng nói: «Dạ, không lâu đâu vì đã mặc cả giờ rồi. Bác thế nào cũng được xem bài thơ mới nhất ba cháu mới làm để chõ bàn lò sưởi kia.» Trong khi Bey cởi giày ra, Pinoc cười hinh hích và nói có gì mà lạ, đều cũ rích cũ ràng cả rồi. Bác có bao giờ đọc truyện một cô gái làm biếng đến độ lấy cuống chiếu xỉa răng chura? Truyện đó ba cháu đọc cho cháu nghe ở một cuốn sách to và cũ lám rồi. Trên lò sưởi chả thấy bài thơ nào cả, ngoài một lố những đồ lặt vặt nào là cuốn «Phân tích tâm trạng buồn», một vỏ chai rượu Pernod, cuốn «Biển khơi», một mẫu kẹo thuốc lá, kim gài đầu, một bản đồ thành phố, một ống tiêu bằng đất nung, cái máy cuộn thuốc lá, những thực đơn cũ, vài danh thiếp, giấy vệ sinh, hộp quẹt... gấp Cunt lúc 4 giờ... cái lăng kính... của Michelet, bệnh lao phế học... Nếu lễ Phục sinh nhầm đúng ngày lễ các bà mẹ, để ý xem phản ứng của nước Anh cõ... từ máu huyết của ngài, sinh ra các người kế vị ngài...

Chiếc dương cầm kè ở một góc phòng, trên có đẽ những chân nến bằng bạc, chiếc chìa khóa đen bị chó gặm. Cạnh đó vô số những cuốn album có dán ảnh nhạc sư Beethoven, Bach, Liszt, Chopin, những giấy bạc cũ sưu tập, bộ đồ đánh móng tay, quân cờ, đá hoa cương và những đồng xèng. Lúc vui vẻ, Cronstadt sẽ mở tập nhạc có ghi chữ «Goya» chơi những bản nhạc viết gam Đô trưởng. Ông ta có thể đòn bắt cứ loại nhạc gì từ nhạc kịch, minuet, rondo, saraband, dạo nhạc, nhạc đuôi

nhau, valse, nhịp đi, ông ta có thể chơi cả nhạc của Czerny, Prokofief hoặc Granados, cũng có khi bắt thăn sáng tác và huýt sáo một bài điệu Provençal, nhưng phải gam Đô trưởng. Như vậy thì dù có bao nhiêu phiếm nhạc đen bị mất, dù con chó lông xù có được ăn hay không, dù nút chuông điện có hỏng, phòng tắm không nước, chân nến đồ, thơ không sáng tác nổi, nước bị cúp, con ở có say mèm, bát chén không rửa, quần áo dơ ráy, thùng rác thối um, giường cũ ọp ẹp, hoa tàn, súra ôi, chậu rửa bát đầy mỡ nhòn, giấy hoa trên tường phai màu, có mói nói cũ, tai họa có xảy tới, hôi miệng, tay cứng đờ, tuyết không tan, bàn đạp đàn hỏng... cũng chả sao cả, miễn là bài nhạc phải ở gam Đô trưởng và ta cũng có thói quen sống một cuộc đời Đô trưởng như vậy.

Bỗng cửa mở ra, nhưng là một con vật lông mượt, ria mép cứng, nét đi thật uyền chuyền: con mèo Mun. Con mèo đặc to, lông đen mượt, hai dịch hoàn lớn nằm khuất dưới cái đuôi dễ thương. Nó đi đường bệ như một con báo đen, hai chân trước nó giơ lên được như con chó, vẻ nhìn thật cú vọ.

Tiếng Cronstadt vọng qua cánh cửa. «Chờ tôi chút nghe, tôi đang bận đồ, hè hè.» Đến lượt Elas tới, cô ta đặt cái khay có những chiếc ly đỏ màu máu trên bàn lò suối. Con mèo cong đuôi lên, ngoeo ngoeo, cà cà vào người cô ta, rồi gù gù, rìa mũi nó có dính ít bụi tiêu cay, đầu mũi nhọn như đầu

đạn. Súng sáu. Nó trườn mình ra mềm mại như con cá không xương. Nó cào cào xuống thảm, và quào giấy hoa dán tường, rồi nằm tròn lại, uốn cong như một triều thiên, giữ bụi ở đuôi và ở ria mép ra. Nó đứng mơ màng như làm thơ giữa sàn, hình như nó đang ngâm nga một bài hát gam Đô trưởng rất khoái trá. Đôi mắt đỏ ngầu như hòn bi ve, sắc bén, dữ tợn, rồi trở thành xanh lè, rồi mầu nâu đất, xanh lơ nước sông Nile. Nó có vẻ lo lắng sợ sệt, hay chọc ghẹo, nó liếm rạt rạt và nháp nháp.

Giờ thì Anna vào, cô ta mang rượu cognac, hạt tiêu đỏ, rượu mạnh, một chai xốt. Có một đàn mèo con giống Temple cùng kéo vào với Anna, nào là con Lili, con Mina, con Kiukiu. Con nào cũng mèo đực cả, có cả con mẹ đi theo. Chúng lăn cù trên sàn nhà với những cái đầu bé nhỏ, nhăn nheo, vờn nhau một cách triu mến. Giờ đây thì chính thi sĩ xuất hiện và hỏi mấy giờ rồi, mặc dầu danh từ thời giờ là tiếng ông ta đả kích nặng nề, thời gian, bà con của tử thần. Tử thần là nghiệm số vô ti và thời gian là đồng loại. Lúc này là lúc đóng kịch, pha một chút dầu ô-liu vào rượu để dễ tiêu. Ông thi sĩ nói «Thời giờ, thời giờ, chip!» rồi ông ta cho ít tiêu đỏ vào rượu cognac. Cái gì cũng có thì giờ của nó, mặc dầu tôi ít dùng tiếng thời giờ, vừa nghĩ thế, tôi nhìn cái đuôi con mèo Mun có buộc sợi chỉ, ông ta gãi lưng sὸn sὸt và thêm rằng phòng tắm vừa mới được lát bạc xong.

Vào đó ta có thể thấy y hệt hình phỏng tăm trong cuốn *humanité*.

Ông nói với Bey «Ông bạn bánh trai quá» vừa nói xong, cửa lại mở và Jill đi vào, anh chàng mặc bộ quân phục Hy Lạp màu xanh sông Nile. Cronstadt nói «Bác có nghĩ rằng cô ta đẹp không?» Mọi sự bỗng trở nên đẹp ngay cả Jocatha sò sề chuyên thủ dâm bằng trái bồ đào, trái chanh hoặc trái vải. Thôi kèn lên và thọc léc cho vui. Cronstadt bị đau ở bụng vì bà vợ mỗi tháng cũng bị đau một lần đều đều như mặt trăng. Khi bị đau, ông ta nằm dài ra, dán cao vào bụng cho khỏi, nhưng không có gì khỏi đau được trừ cognac và tiêu đỏ để làm cho bắp thịt dạ dày co bóp mạnh. Ông ta nói «Tôi gởi bạn ba lời thôi.» Khi con ngỗng đang được chiên trên chảo mỡ: kỳ quái, phù thũng, lao phế. Jill nói «Sao bác không ngồi xuống. Ông ta đang lên con rồi đó!» Con mèo Lili đang nằm ườn trên tập nhạc 24 bài dạo nhạc. Cronstadt nói «Tôi đờn một bản nhanh.» và mở nắp đậy đàn ra và bắt đầu «plink, plank, plunk!» Ông nói «Tôi chơi theo lời trémolo (tiếng đàn run run), ông chụm ngón tay bàn tay phải lại rồi đánh mạnh vào chìa khóa Đô màu trắng ở giữa bìa sách cùng những cờ và bộ đánh móng tay cùng những hóa đơn chưa trả tiền, tay cứ run lên bần bật như người say rượu. Ông nói «Kỹ thuật phải vậy!» Mắt ông bỗng xanh lè và lạnh như sương giá. Chỉ có một thứ có thể đi nhanh bằng ánh sáng đó là thiên thần. Cần phải 1000 năm ánh sáng mới tới được hành

tinh Uranus, ở đó chưa có người và cũng chẳng có ai tới đó được. Đây là tờ báo Chúa Nhật ở Mỹ gởi sang. May bạn có biết người ta đọc báo Chúa Nhật thế nào không? Trước hết xem hình ảnh, rồi đến những truyện vui, tin tức thê thao, tạp chí, kịch trường, điểm sách và các tít lớn. Tin tức rút gọn, rao vặt. Ta hãy định nghĩa những tiếng ta dùng và ta sẽ chẳng bao giờ xài tiếng như là thời gian, cái chết, thế giới, linh hồn. Mỗi chữ đều có sai lầm và sai lầm càng lớn thì con gà hóa con vịt. Chỉ có thơ là một cái gì không khuyết điểm, miễn là ta biết mấy giờ rồi. Mỗi bài thơ là một cái mạng nhện, nhà thơ rút từ chẳng mạng chung quanh mình đúng y theo sự tính toán theo kỹ thuật của mình. Nó luôn luôn trung thực vì nó tự trong mà ra, từ trung tâm mới ra tới ngoại vi...

Điện thoại reo...

«Pythagore đúng... Newton... đúng... Einstein đúng...»

Jill nói «Anh trả lời điện thoại giùm đi.»

«Alo! Vâng, đây là Cronstadt đây. Còn quý danh ông là gì ạ? Bimberg? Vâng. Tôi nghe, ông có nói được tiếng Anh không ạ? Vâng, tôi nói được... Gi ạ? Vâng. Dạ, có phòng tắm, nhà bếp và phòng rửa mặt nữa ạ... Dạ, toilette cũng thường thôi. Dạ, đâu phải. Ở phòng riêng biệt. Dạ, có lần ông đã dùng rồi ạ. Ông thích cái đó, bằng bạc hay bằng vàng lá? Cái gì ạ? Không, phòng toilette đó. Ở đây chỉ có một người di cư ở Munich tới. Tị nạn hả!

Hitler! Hitler! Dạ hiểu! Dạ đúng đó ạ. Vâng, hắn ta có xâm hình chữ vạn màu xanh ở ngực... Cái gì ạ? Ông nghe rõ không ạ, nếu nói là áp-phe thì cũng như nói phải trả tiền mặt. Vâng! Công việc ở đây đều làm thế cả. Trả tiền mặt, phải trả tiền mặt. Người Pháp ít tin ở các ngân phiếu. Tuần rồi có người trả ngân phiếu 750 F. ở một ngân hàng Hoa Kỳ. Cái gì ạ? Vâng, nếu không thích người đó, tôi sẽ tìm cho ông một người khác. Dạ, bây giờ cũng hết rồi, nhưng chúng tôi có thể tìm cho ông được. Ồ chừng 100 F thôi. Có vô số phòng ở lầu ba. Cái gì ạ... không... không... không. Ồ đừng để những cái đó ở đó. Thưa ông Bimberg, ông vẫn nghe đấy ạ? Ông nên nhớ rằng bây giờ đang ở Pháp. Vâng, đúng vậy... Khi ở Rome lại khác. Ông vẫn nghe rõ đấy chứ. Sáng mai ông vui lòng gửi lại cho tôi. Giờ tôi đang ăn trưa. Cái gì ạ? Vâng. Trả tiền mặt. Chào ông!»

Gác điện thoại lên ông nói «Anh thấy không, ngồi ở nhà mà chúng tôi làm việc ghê lắm. Địa ốc mà. Mấy bạn như sống trong thế giới thần tiên, các bạn nghĩ rằng văn chương là tất cả. Quý bạn ăn văn chương như trong nhà này chúng tôi ăn thịt ngỗng vậy. Ủa, thịt ngỗng xong chưa nào. Anna! Cò đi đâu đó, chưa xong à. Bực, thật bức. Ba cô ả di cư. Tôi chả hiểu mấy cô đó ở đâu tới đây. Có người cho họ địa chỉ của chúng tôi. Mấy cô đều đẹp, khỏe mạnh, nhiệt thành, thịt chắc nịch. Ở Đức họ không có chỗ nào để ở cả. Einstein thì bạn viết những bài thơ về ánh sáng. Còn

mấy cô này muốn tìm việc làm để sinh nhai. May bạn có biết ai cần người làm không, giới thiệu cho đi. May cô đó đẹp, có học. Nhưng phải cả ba cô mới làm nổi bữa cơm. Katya thì khá hơn cả vì còn biết cả ủi quần áo. Cô Anna này hôm qua có mượn tôi chiếc máy chữ bảo là muốn đánh máy một bài thơ. Tôi nói tôi không mướn cô để cô làm thơ. Nhà này, nếu có thơ để làm thì phải là tôi. Còn cô phải học cách bếp núc, nội trợ, mang vớ áo rách. Cô xem có vẻ buồn bực. Tôi nói «Anna, cô nghe tôi đây. Cô đang sống trong thế giới tưởng tượng. Thế giới này chả cần bài thơ nào cả. Thế giới này cần bánh và bơ. Cô có thể sản xuất được thêm bánh và bơ không? Thế giới này chỉ muốn có vậy thôi. Cô hãy học thêm tiếng Pháp để giúp tôi việc văn phòng Địa ốc. Ủ, người ta phải sống chứ. Buồn cười thực. Nhưng thực tế nó như vậy đấy cô. Đời đã mãi như vậy rồi và đã mấy ai tin được như vậy đâu. Đời là để cho tương lai... cho hành tinh Uranus... còn lâu. Chẳng ai có thể thám hiểm được Uranus, thế nhưng ai cũng ham. Người ta phải có an cư mới lạc nghiệp, phải ăn bánh, ăn bơ. Để cho tương lai. Quá khứ là như vậy đó, tương lai cũng thế. Còn hiện tại? Một cái gì khác hẳn. Có một tiếng gọi là thời gian nhưng ta không đủ lực định nghĩa. Có một quá khứ và một tương lai, nhưng thời gian trôi qua như một dòng điện. Hiện tại là một hoàn cảnh đầy tưởng tượng, một giấc mơ, như mơ. Tôi dành cho cô một lời: tôi sẽ biến cô thành hiện tại. Hãy viết một bài thơ về hiện tại.

Tôi bạn quá... bù đầu vì địa ốc. Cần có thịt ngỗng và nước xốt ngon... Jill, anh nghe tôi đây. Anh có biết hôm qua tôi kiếm cái tiếng gì không?

- Jim nói nhanh: Omoplate phải không?
- Không phải. Đúng bắt đầu là Omo... omo...
- Omphalos?
- Không phải. Omo... omo...
- À đúng rồi. Omphagia nghĩa là Thói hay ăn thịt sống. Đúng. Đúng.
- Đúng tiếng đó, anh có thích đó không? Chả thích cũng phải thích. Thích thì nhớ lấy. Sao, mời anh uống rượu. Jill, anh có nhớ bữa rượu cocktail hồi nọ mình uống ở quán thằng bồi cám không? Anh có thể tưởng tượng được rằng rượu trộn với đá không? Dẫu sao tôi thấy anh luôn nghĩ rằng văn chương là một cái gì thiết thân của anh. Không phải thế đâu. Đó chỉ là thuần văn chương, tôi cũng làm văn được, nếu tôi không bạn chân vì mấy cái cô di cư này. Anh muốn biết hiện tại là gì phải không? Cứ nhìn vào cái cửa sổ kia. Không, kia kia. Đó, đó. Hàng ngày, họ ngồi ở cái bàn kê sát đó đánh bài—chỉ có hai người thôi. Nàng thì luôn mặc áo đỏ, còn chàng thì luôn làm chân đảo bài. Đó là hiện tại. Nếu thêm một tiếng nào khác thì có thể biến thành thế tiếp tục pháp...» Jill vút nói Jêsu lạy Chúa tôi, đê tôi xem mấy cô này đang làm gì nào!

- Đúng đùng. Mấy cô đang đợi đến giúp một tay đó. Mấy cô mới học được rằng đây mới là thế

giới đích thực. Tôi muốn mấy cô đó phải hiểu vậy. Sau đó, tôi sẽ tìm việc cho các cô. Tôi thiếu gì việc. Trước hết, các cô phải biết nấu cơm cho tôi ăn đã.

Elsa nói «Dạ thưa ông chủ, cơm đã sẵn sàng cả rồi ạ. Mời quý ông vào trong ạ.»

— Anna, Anna, em bưng những chai này vào trong đặt lên bàn nhé.

Anna nhìn Cronstadt một cách vô vọng «Sao cô đứng i ra đó. Mấy cô đó chưa học tiếng Anh. Không biết giờ tôi phải xử sự với mấy cô đó thế nào? Anna, lại đây. Cô giúp họ một tay đi. Cô rót cho một ly đi, khờ quá!»

Phòng ăn đèn sáng dùi dịu. Trên bàn có một chén nến có chao đèn. Chúng tôi vừa vào bàn ăn, chuông điện thoại lại reo lên. Anna cầm ống nghe lên mang lại chỗ Cronstadt ngồi. Ông quát lớn «Alô! Alô!» tay ông vân vê chiếc dây điện thoại, «Vâng, vâng, thưa bà, Cronstadt đây và quý danh của bà là gì ạ! Vâng ạ, có một phòng khách, nhà bếp, hai phòng ngủ, một phòng tắm, một nhà cầu, nhà trệt... Vâng, thưa bà... Dạ, không mắc đâu ạ. Không mắc chút nào cả. Ta có thể dàn xếp được mà... Vậy à, tùy ý bà... Mấy giờ ạ? Vâng, hân hạnh lắm. Sao ạ? Bà vừa nói gì? Dạ không? Trái lại thế. Vâng thật là một hân hạnh lớn lao... Vâng, chào bà ạ.» Cúp điện thoại... «Dạ thưa bà có ngay. Bà có thích được gãi lưng, đấm bóp nữa ạ? Bà có dùng cà phê sữa không?»

Jill nói «Này bác, bà nào dó vậy? Sao anh có vẻ la bà ta dữ vậy. Vâng, thura bà? Bà ta còn mượn ông đi mua đồ uống nữa hả?» Quay lại chúng tôi. «Mấy anh có thể tưởng tượng được không, hắn ta dẫn một cô đào hát lại đây hôm qua lúc tôi đang tắm... đã từng làm điểm ở Casino Paris... cô ta đã từng chuốc rượu hắn say mềm...»

«Jill, anh nói sai cả rồi. Thế này này... Tôi có cho cô ta thuê một căn phòng đẹp lắm có một bồn phòng tắm và cô ta lại nói tôi chỉ giúp cho cô ta biết một bài thơ tiếng Pháp thật hay, tôi đã mang đưa cô xem và cô hứa sẽ in ra bằng tiếng Bỉ.

— Sao lại in bằng tiếng Bỉ vậy?

— Vì cô ta người Bỉ.

— Khi in bằng tiếng Bỉ thì có gì khác khi in bằng tiếng Pháp. Có thể là in ra được đó, nhưng chả ai thèm đọc.

— Nhưng sau cô ta lại nói vậy, cô ta nói như không kịp nghĩ?

— Sao không hỏi tôi. Có thể vì bài thơ đó hay, tôi nghĩ vậy. Tại sao lại thích in thơ?

— Cũng chả biết nữa.

— Xem xem! Cô ta chẳng tin tôi đâu!

— Dĩ nhiên, tôi cũng chả tin cô ta. Nhưng có điều là nghệ sĩ, vũ nữ, hoặc cái gì dính dáng đến Pháp, mặc jupe lịch sự là tôi chém kỹ. Nhất là cái người thuê đó lại đòi in thơ của mình nữa!

— Ấy đấy, chính là lý do tại sao tôi mở văn phòng địa ốc... Nào, ta đi ăn thôi... Xem xem mấy cô

làm ăn sao đây. « — Ông ta hòa thêm ít rượu cognac và hồ tiêu đỏ. Jill nói, « Tôi nghĩ là đủ rồi bác. Jêsu lạy Chúa tôi, hôm nay bác tiếp bao nhiêu người như vậy rồi. »

— Kỳ cục hả. Tôi vừa cho cô ta mướn nhà xong — trước lúc anh tới đây.

Jill nói « Jêsu lạy Chúa tôi, thịt ngỗng đâu rồi. Đè tôi vào xem xem mấy cô làm sao đây? » Cronstadt nói: « Đừng bác a, » rồi ăn ông ta ngồi vào chỗ cũ, « ta cứ đợi chút nữa. Có lẽ thịt ngỗng sẽ không bao giờ được dọn lên đây chăng. Nhưng chúng ta cứ đợi, cứ đợi... chờ đến khi nào đĩa xúp nhẵn trơn, đèn cầy tắt lụn và màn cửa... Ta cứ tưởng tượng mình đang ngồi đây và có người đang xây tường bit chung quanh chúng ta... Ta ngồi chờ Elsa mang thịt ngỗng lên, chờ thời gian trôi qua, trời tối dần, và ta cứ ngồi đây hết ngày này sang ngày khác... Anh có thấy những cây nến này không? Ta ăn được chứ. Cả những bông hoa đàng kia, ăn tuốt. Ta ăn ghế, ăn tủ đựng chén bát, ăn đồng hồ báo thức, ăn mèo, ăn màn cửa, ăn hóa đơn, ăn bộ đồ ăn bằng bạc, ăn giấy dán tường, ăn những con gián núp trong giấy. Chúng ta ăn phần chúng ta và ăn cái thai nhi mới mà Jill đã gói trong bụng cô ta... Ta ăn thịt lẫn nhau... »

Đúng lúc đó thì Pinoc bước vào để chào « Thưa ba con đi ngủ a! » Đầu bé cuí gầm xuống vẻ nhìn kỳ dị.

Jill nói « Sao cô em có chuyện gì, mà xem có vẻ lo lắng bối rối vậy? »

Cô gái đáp «Em cũng chẳng biết nữa. Có một điều em muốn hỏi ông, nhưng rắc rối lắm. Em cũng không biết em định hỏi gì nữa...»

Cronstadt nói «Có gì mà rắc rối, cứ nói phẳng ra xem sao nào. Em biết hắn mà. Cứ nói đại ra xem nào.»

Cô gái cúi gằm mặt, hơi liếc nhìn người cha một cách dè dặt, rồi bỗng nhiên òa lên «Cái gì vậy ba. Sao cha con mình ở đây hoài? Cha con mình không thể có một thế giới riêng biệt sao? Đây đâu phải là nơi độc nhất cha con mình ở không? Đó là điều con muốn biết đó ba?»

Cronstadt hơi ngạc nhiên một chút, nhưng vẫn thản nhiên như không, uể oải nâng ly cognac, thêm hồ tiêu đỏ rồi trả lời cách mơ hồ. «Trước khi ba bắt buộc phải trả lời câu nói đó, thì con phải định nghĩa lời con nói đã.» Đúng lúc đó có tiếng huýt sáo vọng lên ở ngoài vườn. Cronstadt nói «Mowli đó, bảo nó lên đây.» Jill thò đầu ra cửa sổ nói vọng xuống «Lên đi.» — không có tiếng trả lời. Jill nói «Có lẽ hắn chuồn rồi. Tôi không thấy hắn đâu cả.» Giờ thì có một giọng đàn bà vọng lên «Anh ấy say, trời ơi! Say quá!»

Cronstadt hé lén «Bảo mang nó vào nhà đi. Bảo con vợ nó mang vào đi!»

— Anh ấy nói con phải đưa về nhà bác... Vâng, về nhà bác...

— Được không? — tiếng nói vọng lên ở ngoài vườn.

Cronstadt nói «Bảo con vợ nó đừng đánh mất cuốn Poud's Cantos của tao nghe không. Đừng có cho chúng nó lên đây... Trên này hết chỗ rồi. Chỉ còn đủ chỗ cho mấy cô Đức di cư thôi.»

— Jill về chỗ bàn nói «Làm như vậy không được bác ơi!»

Cronstadt nói «Anh làm rồi. Như vậy mới tốt cho chúng nó.»

Jill nói «Bác say rồi. Cô Elsa ơi! Món thịt ngỗng đâu rồi!»

— Ông ơi, đừng bạn tâm làm gì. Đây là một trò đùa mà. Chúng cháu sắp sửa lại ngồi cả ở đây và cứ kéo dài hoài như vậy. Luật chơi là chẵn lại ngày mai và hôm qua nhưng không bao giờ chẵn lại ngày hôm nay. Có lẽ sẽ là một điều lạ, nếu anh cứ ngồi đây như vậy và anh thấy mình cứ nhỏ dần, nhỏ dần... tới khi chỉ còn là một mẩu tí xíu, lúc đó anh ta phải dùng một thứ kính đặc biệt mới nhìn thấy được. Lúc ấy ta chỉ là một cái chấm nhỏ trên khăn bàn và tôi sẽ nói — tí muội, tí mụi... đâu rồi đâu rồi, ồ tí mụi, tí tí tí tí, hạt bụi rót trên trán ai.

Jill nói «Jésu lạy Chúa tôi, Cronstadt, anh say rồi hả.» Lúc đó ông ta tỏ vẻ vui mừng hớn hở, mắt hấp ha hấp háy ra chiều hề hả. Jill nói «Ông đang dịu con một chút đó — vừa nói vừa ngược nhìn cái người mặc áo choàng.

Cronstadt nói «Điều cô ta nói đúng đó. Anh tưởng tôi là con người mâu thuẫn hả. Anh dùng những danh từ Mông Cổ của anh, thế chủ động, thụ

động, anh thấy tôi không phải là con người khó định nghĩa sao. Anh ta đã từng nói về nước Tàu. Đây là Tàu anh không thấy sao? Đây... đây là cái gì! Đưa tôi cái áo choàng, chà tôi lạnh quá, lạnh túi dưới không độ. Tôi biết anh ấm, nhưng tôi đang lạnh đây. Tôi thấy như có áo tuyết choàng lên người. Thật đó. Mọi việc cứ đều đều diễn tiến một cách êm ái, tiền xả ra, nhà thuê được, di cư được định cư, dương cầm được gõ lên, ngỗng đang được chiên lên và chúng ta còn đang chờ gì nữa đây. *Chờ một thời đại nước đá mới.* Kề từ sáng mai bắt đầu thời đại đó. Anh cứ ra cửa sổ mà xem, mọi vật đang đông cứng lại. Chả còn vấn đề gì phải giải quyết, chả còn lịch sử, chả còn gì hết. Mọi sự đều ổn thỏa cả. Chúng ta cứ ngồi đây đợi Anna mang ngỗng quay lên rồi bỗng nhiên tuyết phủ lén toàn thân chúng ta. Tôi thấy lạnh quá sức, bánh cứng ngắc, bơ trắng lèn, thịt ngỗng dài ra, tường thì trắng, trắng xóa, vị thiền thẩn bé nhỏ, phôi thai mà Jill đã gói vào bụng cô nàng cũng đang đông cứng lại, đôi cánh trắng muốt tuyết giá, đôi môi se cứng lại. Mọi vật đều bình lặng, êm ái. Ta thử nói một cái gì ấm cúng xem sao. Ô, chán tôi cứng quá. Sử gia Herodote viết rằng khi chim phượng hoàng bố mà chết thì chim con sẽ chôn trong một cái trứng khổng lồ làm bằng một dược lấy ở sa mạc Arabia, rồi đặt trong đền thờ Mặt trời ở Heliopolis. Anh có thích *truyện đó* không? Theo như Pliny thì mỗi lần nó chỉ để mỗi một trứng và khi nó biết ngày giờ sắp tới thì

nó làm ổ bằng cành cây bã đậu và nhũ hương rồi chết trong đó. Từ xác chết con phượng hoàng sinh ra một con sâu rồi biến hóa thành chim phượng hoàng. Từ đó phượng hoàng là biểu tượng của sự sống lại. *Truyện đó thế nào, hay không?* Tôi cần một cái gì nóng hơn. Đây là câu chuyện khác. Các thày đạo sĩ ở Bulgarie gọi là những người đi trên than hồng. Họ múa nhảy giữa lò lửa vào ngày 21 tháng 5, ngày Đại hội mừng thánh Helena và Constantine. Họ nhảy múa trong lò than hồng tới khi mặt họ xanh le và lúc đó họ nói tiên tri.

Jill nói «Đốt những truyện đó đi, tôi chả thích.»

Cronstadt «Tôi cũng vậy. Tôi thì tôi thích cái truyện con sâu có hồn bay trong tổ phượng hoàng ra để tái sinh. Jill cũng cho vào bụng cô nàng một con sâu đó... Nó đang phát triển, nảy nở. Chả ai làm dừng lại việc phát triển đó được. Hôm qua nó là con nòng nọc, ngày mai đây nó trở thành cây nho kim ngân: chả có thể nói nó sẽ trở thành cái gì... dù là tạm thời. Hằng ngày nó chết đi sống lại... Cứ dán tai vào bụng cô nàng mà nghe xem sao... Anh có thể nghe thấy những tiếng quấy đuôi xôn xao, xào xào... không động cơ. Cô ta nhận một lúc hàng triệu những con nòng nọc vào bụng, chúng ngọ nguậy, loanh quanh trong đó và chúng mong ước trả ra ngoài. Lao xao, lao xao. Nếu anh dùng cái kim chọc thủng cái túi đó... Cứ tưởng tượng xem, hàng triệu, hàng triệu, những con sâu có hồn, chúng đông tới độ ta đếm không xuể. Đó

là sự thật. Chả cần phải viết về nước Tàu. Hãy viết về *cái đó*. Về cái gì trong lòng anh, về những lao xao kỳ lạ đó, về các tinh trùng, về bạch huyết cầu... về lỗ chân lông và bộ phận sinh dục... mỗi thứ là một bài thơ. Loài súra là một bài thơ, một bài thơ tuyệt tác. Bạn choc nó chỗ này, chỗ kia, nó trơn trượt đi, nó run run, chún mình lại, nó có ruột già, ruột non, nó giống hình con sâu, nhưng lại là loại nhuyễn thể. Mowli ở dưới vẫn huýt sáo ra hiệu muốn thuê phòng, anh ta cũng là một bài thơ, một bài thơ có đôi tai to với khóe mắt uớt át, đưa tinh, mập ú, tai voi, bụng xệ, đi như vịt bầu, miệng huýt sáo nghêu ngao, khệnh khà, khệnh khạng khật khà khật khưỡng... Mowli... Mowli, huýt sáo và phì phò...

Jill nói «Chà, ông này mất trí rồi!»

Cronstadt: «Anh lại nói bậy rồi. Tôi tỉnh táo lắm lắm. Đó là thứ trí khôn anh chưa hề tưởng tượng ra được. Anh nghĩ là một bài thơ phải bọc kỹ mà cất đi hẳn. Lúc anh viết thế đó thì còn đâu là thơ nữa. Thơ là hiện tại mà đâu anh có định nghĩa được. Anh sống bài thơ đó mà. Cái gì cũng là thơ cả, nếu thời gian ở đó. Anh đâu cần đáp tàu đi Trung Hoa mới viết được bài thơ. Bài thơ tuyệt tác, tôi đã từng sống là bồn rửa chén. Tôi đã nói với anh như vậy bao giờ chưa nhỉ? Thùng rượu có hai vòi, một vòi lạnh, một vòi nóng. Vòi lạnh có một cuộn ống hết sức căng thẳng, nhờ một cái dây cao su cột vào đai của nó. Nóng thì sáng và khiêm tốn.

Nóng lúc nào cũng nhổ giọt ra. Nhũng ngày thứ Ba và thứ Sáu trong tuần, người ta mang nhũng thùng nước đó tới Giáo Đường Hồi Giáo ở đó có một bệnh viện chữa nhũng voi bị bệnh. Nhũng ngày thứ Ba và Sáu. Lịnh phải làm mọi việc. Nó làm một mình như thủ dâm vậy. Nó là thế giới của nó. Nóng thì tẩy vệ càu nhau gắt gỏng. Anh cần thận với Nóng kéo nó làm tróc da ra bây giờ «phải từ từ.» Có một lần Nóng và Lạnh cùng làm việc chung với nhau, nhưng họa lầm mí vạy. Nhũng đêm thứ Bầy khi tôi chầu rìa trong bồn rửa chén, tôi nghĩ rằng hai voi này cùng cộng tác làm việc thì hay biết bao, không gì thú bằng việc hai voi cùng làm việc chung trong bồn này. Không có gì bắt đầu, cũng chẳng có gì kết thúc. Nóng là Alpha và Lạnh là Oméga, ngoài bất kề nhiệt độ Fahrenheit và Reaumour nào, qua nhũng giây có nam châm cùng nhũng đuôi sao chổi, qua cái nồi sôi sục của Mauna Loa vào ánh sáng khô của chị Hắng. Oméga lạnh chảy ra ngoài qua dòng nước Nóng vào vịnh biển Sargasso, chảy qua nhũng túi, lỗ, qua loài cá voi, qua nhũng vết rạn nứt trong vỏ địa cầu, chảy quanh các đảo trên biển cả, chảy xuống cõi âm ty, xương khô, mùn khô, vào bao noãn, voi dẫn trứng và qua nhũng thế giới chưa thành hình, thế giới nguyên sơ chưa từng được sinh ra và mất đi. Alpha nóng vọt ra thì Oméga âm làm việc không ngừng tạo chân, tay, tóc, mặt mũi, chén đĩa, rau cỏ, cá được rửa sạch, thất vọng, sầu muộn, ghét bỏ, yêu đương, ghen tuông, tội ác... vọt ra, nhỉ

ra. Tôi Cronstadt và vợ tôi Jill, và sau chúng tôi là cả một đạo binh đứng vây quanh bồn rửa chén. Những hạt rơi rớt qua lỗ cống, những cây nhỏ, trái cây xay, trứng cá, mì ống, nước bọt, đờm dài, lá rau diếp, xúp cá sardine, nước xốt Worcester-shire, bột bia, nước tiều, vẩy da, muối nhiễn, bánh mì, thuốc lá nhai, phấn dồi mặt, bụi, mỡ, len, chỉ soi, que diêm, những con sâu còn sống, bột mì bột sữa, dầu ăn, những hạt vứt đi tung tóe đó đây mãi mãi ra đi rồi lại trở về kết thành những chất tổng hợp thuần khiết. Không ai có thể gọi tên, dán nhãn hiệu, phân tích, vẽ ra, chia ra được. Nóng và lạnh, âm và dương cứ như hai chân lý hiển nhiên không ai có thể xóa đi được. Bạn có thể xài nóng hoặc lạnh, hoặc âm ám. Bạn có thể rửa chân hoặc súc miệng, bạn có thể rửa mắt khỏi cay xà bông hoặc rửa các cát bắn ở rau diếp ra, bạn có thể dùng tắm trẻ sơ sinh, hoặc để lau chùi chân tay công đờ của người chết, bạn có thể làm bánh mì ủng ra hoặc pha rượu thành loãng, những đồ vật đầu tiên và cuối cùng của một đời người. Thuốc tẩy thần diệu. Tôi, Cronstadt, đã được nếm rượu tràng sinh bất tử. Tôi, con người của H₂O bị phân tích và tổng hợp lại của Nóng và Lạnh, của tất cả mọi thứ trung gian, cặn bã, vỏ ngoài, những gì tể vi tinh tế nhất không bao giờ bị biến mất, của bộ xương không ăn khớp chặt chẽ với nhau, của những vết nước đá nứt rạn, của những ống nghiệm, của tinh trùng và nhân noãn hòa hợp tan hòa với nhau, rã rời nhau, của cái

nắp bằng cao su và cửa vòi đồng, cửa âm thủy lồn nhồn tinh trùng, cửa lá xanh rau diếp, cửa ánh sáng đóng hộp... Tôi, Cronstadt ngồi bên bồn rửa chén, tâm hồn xao xuyến vẫn vơ, hân hoan, quả là một bài thơ hiện thân, một thi tiết, một bao noãn đang sôi sục, một bạch huyết cầu đã chết. Bồn rửa chén, nơi tôi giải bày tâm sự, chỗ tôi rửa chân thật êm đềm, chỗ tôi bể đúra con đầu lòng, rửa giũ mắt, chỗ tôi đã hát ngao vơ vẫn... bây giờ tôi còn hát và tôi sẽ còn hát mãi mãi dù cống có bị tắc, bộ đồ ăn bằng bạc có bị gỉ sét, dù thời gian có trôi qua, tôi vẫn cứ mãi mãi sống trong hiện tại, đã qua. Ca lên. Lạnh, ca lên, hăng hái lên. Ca vang lên hỡi Alpha và Oméga. Hát vang lên Hallelujah! Hát to, hát vang lên, hỡi bồn rửa chén. Hát vang lên khi thế giới đang đắm chìm...» Hát to lên và rõ như con ngỗng đã chết và đã bị mổ xé trên chính chỗ chúng tôi đã làm thịt nó.

vào đời sống đêm

TRÊN chân giềng là bóng cây thập giá. Có những chiếc xiềng ghì tôi vào chân giềng, xiềng kêu lách cách, chiếc mỏ neo bỏ thấp xuống. Bỗng nhiên tôi thấy có tay ai đặt trên vai, rồi đập mạnh vào tôi. Nhìn ra thì đó là một bà già xấu xí, áo quần dơ dáy. Bà ta vào nhà người thợ hồ, rút ở ngăn kéo ra một khẩu súng lục. Có ba phòng kế tiếp nhau. Tôi đang nằm ở phòng giữa, có kê một tủ sách bằng gỗ quang dầu và một bàn phấn. Bà già cởi áo dài ra đứng soi gương. Tay bà cầm hộp phấn và dồi vào nách, ngực và bắp vế. Rồi bà khóc òa lên như người điên. Cuối cùng bà lấy cái xịtぬốc hoa xịt vào tôi. Tôi nói tóc bà đầy chuột. Tôi nhìn bà già đi lại loanh quanh, hình như bà bị hôn mê thần trí. Bà lại tủ áo lần lượt đóng mở những ngăn kéo một cách máy móc, hình như bà quên một vật gì bà lại lấy phấn dồi vào nách, trên bàn phấn có chiếc đồng hồ quả quít bằng bạc có một dây dài. Cởi áo lót ra bà quàng đồng hồ vào cổ, dây dài tới bẹn. Có tiếng tích tích phát ra và màu bạc biến thành màu đen.

Kế bên là phòng khách, các thân hữu đã tề tựu đủ, ngồi thành hình bán nguyệt, họ chờ tôi nhập bọn. Họ ngồi cứng đơ, một đống như những cái ghế, cầm họ thay vì có mụn com, mụn nhọt lại thấy lún phún lông đuôi ngựa.

Mặc bộ đồ ngủ, tôi tung mình ra khỏi giường nhảy điệu King Kotschei, tay cầm cái dù, nhảy loạn. Họ nhìn tôi không ai nhéch mép. Tôi vẫy tay mời họ cùng nhảy quay tròn một vòng, rồi lấy tay cho vào miệng huýt còi như một con sáo. Chả ai tỏ vẻ tán thành hay không. Họ cứ ngồi đó thật trang trọng và vô cảm. Cuối cùng tôi khịt khịt như một con bò mộng, rồi nhảy nhẹ nhàng như một nàng tiên, rồi đi vênh vang như một con công, nhưng sức nhớ không có đuôi nên thôi. Còn một việc nữa là đọc kinh Koran theo tốc độ ánh sáng, sau đó những tin tức về thời tiết, đọc truyện Người cựu thủy binh và cuốn sách số học.

Bỗng nhiên bà già hoàn toàn khỏa thân vừa múa vừa lao tới, tay bà như bốc lửa; bỗng bà ta gõ vào cái dù, mọi người ò lên. Từ cái dù tung bê ào ra một lũ rắn hổ lao nhanh như ánh sáng, chúng cuốn quanh chân bàn, nằm gọn trong những liễn đựng xúp, nhào vào tủ áo, nằm nghẹt cứng trong các ngăn kéo, chúng ưỡn mình ngo ngoe quanh những khung ảnh trên tường, cuốn quanh những chiếc màn cửa, chui vào những cái nệm, nằm vòng những chiếc nón của các bà, con nào con nấy phun phè phè. Tôi lấy đôi rắn hổ cuốn quanh hai cánh tay, tôi đi về phía bà già mắt đầy sát khí. Từ miệng, tóc, âm hộ bà ta rắn hổ tuôn ra ào ào, con nào con nấy phun phè phè như thề núi lửa đang phun ra. Giữa phòng bỗng mọc lên một khu rừng um tùm. Chúng tôi đứng giữa tổ rắn hổ, thân thề như bị rã rời. Tôi lại thấy mình đang nằm trên chiếc giường

đặt trong căn phòng rất đẹp. Ở sườn tôi mở ra một lỗ lớn không một giọt máu chảy ra. Tôi không thể nói tôi là ai nữa, từ đâu tới, tại sao lạc vào nơi đây. Căn phòng rất hẹp, giường kê sát cửa. Tôi có cảm tưởng có người đường nhìn lén tôi qua khe cửa. Tôi sợ điếc người. Ngược mắt lên, quả tôi thấy người đang rình tôi ở khe cửa. Hắn đội mũ xám lệch, ria mép lưa thưa, quần áo sắc sỡ như bàn cờ đam. Hắn nói tên, địa chỉ, nghè nghiệp, tôi đang làm gì, sắp sửa đi đâu và v.v... Hắn nói một thời một hồi những câu móc họng tôi không trả lời được, trước hết vì tôi không có lưỡi, thứ nữa vì tôi không nhớ được là mình đang nói thứ tiếng gì. « Tại sao mi không nói? » Hắn cẩn vặn tôi, hắn cúi xuống tôi, cười gần ché nhạo, rồi cầm cây roi mây chọc vào lỗ ở cạnh sườn tôi. Tôi lo quá đến độ tôi phải nói dù mình không có lưỡi, không biết mình là ai và từ đâu tới. Tôi dùng hai tay định banh hàm ra, nhưng hai hàm răng cắn chặt vào nhau, thịt cầm tôi rụng ra như một miếng đất sét khô, đề tro hàm răng trắng hếu. Hắn nói với giọng độc ác, tai quái « Nói đi! », lại cầm roi lên, chọc một lỗ khác xuyên qua cạnh sườn.

Tôi nằm tỉnh táo trong căn phòng tối đen lạnh lẽo. Giờ cái giường như chạm tới trần nhà. Tôi nghe thấy tiếng xe lửa chạy rần rần, tiếng xe lửa nhịp nhàng chuyền bánh trên đường ray lạnh lẽo, tiếng xì hơi ngắn gọn, tắc nghẹn của đầu máy làm không khí như tàn thành từng mảnh nhỏ với

sương muối. Tôi cầm một mảnh thịt vừa ra ở cắm cứng như đất sét khô. Răng tôi càng cắn chặt thêm với nhau. Tôi thở bằng những cái lỗ ở cạnh sườn. Từ cửa sổ, tôi có thể nhìn thấy cây cầu Montréal. Qua làn sương mù, những thanh cầu trông như những bộ xương cong, đèn pha như đang bay. Xe chạy lướt trên dòng sông đóng băng trông như một dải lửa đang chạy. Tôi cũng nhìn thấy những cửa tiệm dọc hai bên dốc cầu sáng lên hình chiếc bánh nhân thịt, những chiếc bánh nhân thịt. Bỗng nhiên tôi sực nhớ một cái gì đó, à phải rồi, khi tôi đi qua biên giới, lính biên cảnh hỏi «Ông có gì khai báo không?» Tôi muốn khai: «Tôi là thằng phản bội nhân loại.» Tôi nhớ việc đó xảy ra rõ rệt như tôi đang theo bén gót một người đàn bà mặc váy xòe. Chung quanh chúng tôi đều có gương phản chiếu, có một lan can có thanh mỏng, lát với nhau, kỳ quái như một ảo giác. Tôi lại thấy cây cầu Montréal ở得很 xa, dưới cầu là những tảng băng, xe lửa đang chạy trên cầu. Lúc này người đàn bà nhìn nháo nhác xung quanh, nhìn tôi, bà ta đeo một cái sọ người trên vai và trên vành xương lồng mày của bà hẵn lên một chữ «Tình dục» thật đậm. Tôi thấy mi mắt bà ta rụng rời hẵn ra và mở ra một cái lỗ sâu không đáy. Khi thoát khỏi tay, bà ta cố nhìn xem chữ gì viết trên chiếc xe đang chạy sát bên, nhưng chỉ đọc được vài chữ cuối vô nghĩa.

Theo thường lệ, tôi đứng ở cầu Brooklyn đợi chiếc xe vận tải rồi leo lên đi loanh quanh. Trong cái nóng nực buổi trưa hè, thành phố vươn mình

lên như một con gáy miền Bắc Cực đang rũ tung những hoa phượng vĩ khắp đó đây. Mọi vật như rung rinh, ga đóng nghẹt lại trên trần nhà, khói bụi bay lững lờ. Giữa cảnh hỗn độn của các binh-dinh, tuôn ra luồng hơi người nóng nực quần và vây dính khít nhau. Nước triều dâng lên rửa sạch con đường cong queo và những nếp gấp. Dưới cái ầm ướt là vết chân những con amib trong mờ đang bám vào các tàu thuyền đang qua lại, những cẳng chân đẹp, khỏe như bọc trong giấy nhựa; các mạch máu trắng của chúng hằn rõ qua lớp da thịt màu ngà. Thành phố hỗn hển đồ mồ hôi từ 5 giờ chiều. Từ nóc các nhà chọc trời tỏa lên làn khói mỏng như áo lông của Cléopatre. Không khí nặng trịch, loài doi bay chập choạng, xi măng mềm mủn ra, đường ray xe lửa dẹp ra dưới các bánh xe vận tải khổng lồ. Đời sống được viết ra thành những hàng chữ lớn cao 12 bộ với chấm phết và chấm phết. Cây cầu đu đưa trên cây cầu đầy dầu lửa ở dưới, những trái dưa lăn từ thung lũng Impérial lăn vào, rác rến đi xuống qua cửa Hỏa ngục, cầu tàu trống tron, cột trên boong tàu lóng lánh, dây cáp ghì chặt, cánh cửa tàu cót két. Ở cầu tàu rong rêu bong ra. Một làn sương mù ấm ánh mặt trời trải trên thành phố như một ly mồ, mồ hôi nhỏ xuống giữa những đồi chân trần, quanh những mắt cá chân mảnh dẻ. Một đống lầy nhầy những cánh tay, cẳng chân, trắng lưỡi liềm và thời tiết thay đổi, những trái cầu, trái chuối trái chanh. Đồng hồ điểm 5 giờ xuyên qua cái vắng lặng êm

ả của cảnh xế trưa, cây đà nhà bằng sắt trải ra một bóng mờ mờ. Bánh xe vận tải nặng nề lăn nghiến nát những giấy vụn của lũ đồng và đẽ hắn lên những bánh xe.

Lúc ngồi xuống, tôi thấy một người quen đang đứng dang sau sân ga cầm tờ báo. Chiếc mũ cối treo lủng lẳng sau đầu, tay hắn đẽ trên chiếc xe mô-tô. Sau tai hắn là dây mạng nhện giăng ra như dây đàn piano. Chiếc mũ dạ của hắn nằm như một lát trứng mỏng trên đĩa rau dền xanh của vịnh biển. Tôi thấy tiếng nghiến răng ken két của hắn. Dây cáp đang hú ù ù, cây cầu run lên sung sướng. Hai núm băng cao su đệm dưới chiếc ghế đẽ bót tiếng động trước mặt tôi, ghế động xuống nghe bịch. Cảnh vật tiêu điều, lạnh lẽo, thiếu tiện nghi, thiếu thân mật, rời rạc, mơ hồ... không khác gì ta đọc báo buổi chiều cho người điếc nghe. Trong toàn cảnh khô cằn không có gì chứng tỏ có vết người, tiếng người cả. Chỉ có những hàng chữ lớn viết bằng phấn, mưa xuống xóa sạch đi hết. Chẳng khác gì cuộc hành trình trong sa mạc đầy gai góc và cây xương rồng trên chiếc xe vận tải. Giữa sa mạc có một nhà tắm có đẽ con ngựa gỗ có hai thanh gỗ xuyên ngang. Cạnh đó là cái bàn lát thiếc. Có một người đàn bà đứng nhìn qua khung cửa sổ đầy mạng nhện. Cô ta đứng ở sa mạc như một tượng long não, thân thể trắng bệch màu phiền muộn, vẩy tay chào từ biệt. Cô ta đứng cao hơn tôi một vai và một đầu, mông bụt vượt mức, cái gì cũng quá cỡ

cả: tay, chân, bắp vế, mắt cá chân. Cô ta như con ngựa không có người cưỡi nên trở thành một suối thịt rã rời. Ngoài cái ê hề xác thịt của cô ta, thân xác cô ta hát lên như giọng sắt. Cô gái lòng tôi ước mơ, sao cô lại ở trong cái tồ như thế. Sao cô em đứng bên cửa sổ chết lặng như con kim túc, ngón chân em cứng ngắc, mỏ thì xanh lét. Trông nghiêng, em giống như chiếc rìu. Miệng em nhét đầy rau diếp. Có bao giờ anh nghĩ em tội nghiệp như vậy không? Hãy để anh xem đôi chân yêu quý của em, hãy để anh nghe hơi thở của em cười rúc rích, i ôp.

Qua mạng nhện, tôi lại thấy những con cào cào, những chiếc gai xương rồng, đang nhỉ ra mủ và phấn, những người cưỡi ngựa ngồi trên yên khum khum như lưng lạc đà. Sa mạc khô ráo như mẹ già, người thì sạm đen và gầy gò, xương sống khòm xuống, chân đầy những vết roi thúc ngựa. Ở trên đóa hoa xương rồng, thành phố lộn ngược và người gầy gò sạm đen chân đang lơ quơ trên trời. Tôi nắm chặt lấy đôi vu to đồ sộ, những móng chân xẻ đôi, cái đuôi có lông. Tôi ôm chặt lấy nàng trong thung lũng đầy bọt sủi lên dưới dòng nước bị tắc nghẽn, lượn vòng cùng với cát vàng trong khi thời giờ cứ trôi đi. Trong lúc buồn khổ ghê gớm, cát cứ dần dần đến lắp đầy lỗ xương tôi.

Một cái kéo cùn nắm trên cái bàn bọc kẽm bên cạnh tôi. Cánh tay nàng giơ ra dính liền với thân nàng. Cử động cứng đơ của cánh tay nàng giống như cái giọng kêu thét khàn khàn buồn thảm của

ngày tàn và dày buộc chúng tôi nối với nhau bằng sỏi. Đồng hồ chạy chậm lại, tiếng kêu rất yếu. Cái kéo cứ hoen giở dần, thản kinh căng thẳng, tóc dựng đứng lên, mạch máu nhảy mạnh. Phải chi mọi nỗi buồn khổ đều chịu đựng được như lúc này? Dọc theo rìa cái kéo tôi cảm thấy nỗi buồn hoen giở của ngày tàn. Cái cử động vụng về của người được ăn no, của không gian sạch sẽ, trời đầy sao trong cánh tay của người máy.

Tôi đứng giữa sa mạc đợi xe lửa. Trong tim tôi có một cái chuông nhỏ bằng thủy tinh, dưới đó có cây mẫu tử. Tôi chẳng còn lo ngại gì cả. Dù ở dưới lốp giá băng, tôi cũng thấy trái đất triển dưỡng trong đêm tối.

Đứng dựa vào chiếc ghế da sang trọng, tôi có cảm tưởng là đang đi xe lửa du lịch bên ĐỨC. Tôi ngồi sát cửa sổ xem sách. Tôi nhận thấy có người nhìn qua vai tôi đọc ké. Đó là cuốn sách tôi viết ra mà có đoạn tôi rất thất vọng.

Nhung danh từ chả có nghĩa gì cả, không hiểu được gì cả. Tôi Darmstadt, chúng tôi xuống xe một lúc vì tàu đồi đầu máy. Mái tàu lợp kiếng, có những cột đèn chống đỡ. Ánh nắng xuyên qua kính làm cuốn sách tôi nỗi rõ ra. Khi đè sách bên cạnh sờn tôi, tôi thấy cây mẫu tử trong tim đang nở hoa.

Ban đêm ở Đức khi ta lên xuống sân ga thường có người đến giải thích một cái gì đó cho ta. Những đầu xe lửa tròn, dài gấp nhau trong

một đám mây hơi nước mù mịt âm thanh của tiếng nói xem ra như đi sâu vào đầu óc hơn bất cứ tiếng nói nào đó, như thể bánh bồ dướng trí óc, ngon lành, dư vị nó hàng tháng sau vẫn còn giống như khi ta hút thuốc xong, thở khói ra đàng mũi rồi chiêu một ngụm nước. Cái tiếng «tốt» là tiếng âm thanh dài hơn cả. «Cái đó tốt», có người nào đã nói vậy và âm thanh «tốt» còn lục sục mãi trong đầu óc và trong bụng tôi như miếng chim trĩ quay thật béo bở. Hiển nhiên đi xe lửa đêm khi mọi người trong xe đều buồn ngủ, trí óc ta đầy nhóc chuyện đời. Trí óc lang thang trong cái cảnh đô hội ồn ào, giống như những con ruồi mùa hè bu theo xe lửa. Bỗng nhiên tôi thấy mình ở bờ biển và không nhớ tại sao xe lửa dừng lại, hoặc lúc nó khởi hành. Bị đặt vào bãi biển giống như con sứa biển. Mọi vật đều bần thiú, xấu xí, mỏng như lớp keo dán giấy. Một đảo Coney của thần trí, những căn nhà giải trí đang chạy như bay, các kệ đầy ắp đồ sứ, búp bê, đồng hồ báo thức, bình phóng. Cửa tiệm nào cũng có ba trái cầu ở trên, trò chơi nào cũng có trái cầu cả. Những người Do Thái mặc áo mưa đi lang thang, người Nhật thì mỉm cười, không khí đầy mùi tối đậm thịt chiên thơm phức. Tiếng người nói bếp xép léo xéo, lại có tiếng gào tiếp theo tiếng lì xì liên hồi, tiếng nổ lụp bụp, hơi thở khò khè liên tục rỉ ra từ những cái mũi lẹp nhẹp trong các quán rượu. Những tiếng nổ cầy tung đêm sâu lên, những con sò đang nầm ướn, hậu môn xì ra làn xú khí.

Cuộc chạy viet dã trong đêm ở biển trông y như lúa mì đang ngả nghiêng. Mọi vật như đang trườn đi, sụm xuống, lấp lánh, rung rinh, du đưa, gượng cười.

Còn đâu ấm nóng nhũng ngày hè, khi lần đầu tiên tôi thấy trái đất như mặc tấm thảm cỏ xanh, đàn ông đàn bà đi đi lại lại như nhũng con báo? Còn đâu giọng nhạc êm dịu rì rào từ lòng đất đầy sinh lực dâng lên? Tôi phải đi đâu giờ vì chỗ nào cũng có cửa sập, nhũng bộ xương trắng hếu, một thế giới lộn hêt mặt trái ra ngoài? Tôi có cần đi dọc theo nhũng dãy phố bán giấy bồi, nhũng tấm giấy tôi có thể xuyên thủng và đốt rụi. Cả thế giới trở thành một cái gì hoang mang huyền bí do bọn thợ mộc ma quái đã dựng lên qua một đêm. Mọi sinh vật là một lời nói dối, giả mạo giấy bồi. Tôi đi dọc theo bờ đại dương, trên bãi nhũng con sò đang nằm chờ một người tò mò tộc mач nào đó mở banh ra. Trong huyền náo, nỗi lo âu của họ vẫn tiếp diễn có ai hay. Nhũng làn sóng dập dồn qui tụ họ lại, ánh sáng làm họ lóa mắt, sóng biển cuốn họ xuống sâu. Huyền náo, ồn ào, nhũng tiếng hỉ mũi, tiếng thở khò khè, nhũng trái cầu nho nhỏ lăn tròn trên mặt phẳng đi vào nhũng lỗ nhỏ đầy rãy nhũng vật cũ rich, đồ sứ vỡ, ống nhỏ, bình cắm hoa, búp bê nhồi bông. Nhũng người Nhật mặt bóng nhẫy đang lau nhũng cây cao su bằng giẻ ướt, người Arménie đang già hành nhỏ ra, người Macédonie đang quăng thòng lọng bắt thú. Đàn ông, đàn bà, trẻ con đều mặc áo đi mưa và có bورو ở cổ, vẩy lung tung

mũi dãi, bệnh dáí đường, ho sù sụ, bệnh sung màng óc. Mọi vật đều như lăn tròn, nhào lộn, quay tít, bắn tung ra, đu đưa, lúc lắc, sụm xuống... Tất cả đều được làm bằng đinh vít và bù loong. Vương quốc tinh thần là nỗi khổ của loài khỉ. Uy quyền tuyệt đối là sức mạnh của giấy, những con sò đang thiu thiu ngủ, những ngôi sao đang dần tắt. Mọi vật làm bằng nước giờ đang ngon giấc trong cái túi con linh cẩu. Bình minh trở về như một mái nhà bằng thủy tinh chụp lên trái đất. Biển trong như pha lê, ngủ một giấc thật bình lặng. Đêm không ra đêm, ngày chẳng ra ngày, đó là một bình minh lướt nhẹ trên những làn sóng ngắn như đôi cánh loài hải âu. Những tiếng động vang đến tai tôi như bị dồn ép, chặn lại, bóp nghẹt và như ta làm một cái gì trong lòng nước sâu. Tôi thấy nước triều rút xuống, những làn sóng vỗ dạt dào như không sợ bị nuốt đi. Tôi đi giữa những mảnh trái đất bị tan nát, nhưng chân tôi không bị nghiến nát. Trời không còn biên giới, không có sự phân rẽ giữa đất liền và biển cả. Tôi chui trong những cổng nước, đôi chân lướt nhẹ nhàng. Tôi không nghe, không thấy, không cảm thấy gì cả. Chung quanh tôi, tất cả đều là chân phúc, đêm êm, không chút phân ly. Hơi thở trắng như phấn của xe Plymouth làm khuấy động sườn địa chất. Đầu nó như quần chật lấy lục địa đang đồ vỡ. Trái đất nau không thể lên tiếng, người ta thì tóc xanh màu lá cây rồi biến thành màu trắng sữa xốp. Cảnh tàn phá cuối cùng vào thành trì vô nhân bản, chẳng

ai còn thiết tha hy vọng, thất vọng hoặc buồn sầu. Trái đất nâu, khi trời màu xanh cây thật sự không còn là khi trời hoặc cái gì ta xem được nữa. Bờ biển thật thanh bình, trang nghiêm, không sờ mó được đang tuôn ra luồng khí độc của một loài qui đang lơ lửng trên không như con rồng dữ. Tôi thấy như có những móng vuốt vô hình quắp chặt vào đá. Màu xanh cây nặng nề, chuển choáng của đất bùn cáu bẩn, của lòng can đảm lướt thăng. Tôi mường tượng thấy cái áo trùm đầu màu nâu của các vị tu sĩ, cùng với bộ tóc rối của họ, những móng chân sắc nhọn giấu kín dưới bộ quần áo nhám của họ, len nâu đầy ghét gúa, những nỗi phiền muộn và trống trải tâm hồn. Tôi khát khao ghê gớm để làm sao tới được miền địa cực, vùng đất bắt thường giống như con cá sấu phơi nắng. Từ mi mắt nặng trịch hấp háy của nó toát ra một sự lường gạt bình tĩnh và độc hại. Mõm nó mở ngoác ngáp ngáp trông như một ảo ảnh. Nó giống như biển và những người bị chìm trong lòng biển, xương cốt họ tạo thành những niềm hy vọng và những lâu đài trong mơ hỗn hợp lại thành Anh quốc. Tâm trí tôi vô vọng, tìm lại những hoài niệm cũ rich, bởi vì những huyền thoại đã khắc sâu vào bia đá bị chôn vùi dưới những rặng núi. Dưới căn nhà chọc trời, cửa sổ treo đầy chả và thịt bò xay, hàng rào sắt quay thật nhanh, tôi bỗng nhớ lại những hoài niệm xưa. Tất cả những gì liên quan tới bếp tầu, cầu tầu, ống khói, trực cất hàng, piston, bánh xe, dây thừng, cây cầu... tất cả những gì liên quan

tới đi du lịch, đói khát đều chồm dậy sốt sắng. Khi tới một ngã tư, phố xá nhộn nhịp trải dài ra như một bản đồ rải rác những lều che, tiệm rượu. Sức nóng buổi trưa làm mặt bản đồ nhăn nheo. Đường phố uốn lượn rồi cùt lủn. Đâu có một ngôi sao hoen giả ghi lại dấu vết cũ, thì đáy ồn ào, huyền náo với những bin-định hình kim tự tháp, miệng đen ngòm, răng gãy hết. Có những mùi iot, ête, aldehit foocmic, ammoniac, thiếc, xác ướp mới đồ khuôn bốc lên đó đây. Các tòa bin-định đang oắn xuống, mái rạn nứt và lún xuống, không khí nặng trịch, chua chua, ngọt ngọt. Những lối đi vào bin-định lún thấp hơn cả mặt đường. Có tiếng kêu ọp ẹp như éch vang lên. Một làn hơi ấm, độc, bao bọc chung quanh như đầm lầy vây quanh nhà.

Khi về tới nhà, tôi thấy cha tôi đang đứng ở cửa sổ cạo râu, không cạo râu thì đúng hơn, nhưng đang liếc dao cạo trên da, cho sắc. Trước đây, không bao giờ cha tôi thất hứa với tôi cả, nhưng bây giờ tôi hỏi thì cha tôi như người điếc. Lúc này tôi mới để ý tới chiếc dao cạo gì của người. Mỗi sáng khi uống cà phê tôi đều thấy lưỡi dao cạo sáng nhoáng. Con dao cạo Đức nằm bên cạnh tấm da liếc màu nâu, tuyết bám vào thành cửa sổ, lời nói của người nghe như cái gì hoen giả, tuyết đang tan. Những giọt sương long lanh trên cửa sổ nhòa dần ra nồng mùi hôi cóc và đầm lầy. Người bảo tôi « mang cho ba những con loăng quăng cho cá vàng ăn. » Ba tôi thật nghèo. Tôi quơ tay không trên bàn giấy.

Một đêm lạnh cóng, có một cô gái điếm đang đi lang thang, gặp tôi, cô ta sà đến rồi lôi tôi vào một khách sạn. Khi lên thang gác, tôi nhìn chằm chặp vào cô ta. Cô ta trẻ, khỏe mạnh, và hay hơn cả là vô học. Cô ta chả biết tên một ông vua nào cả, cũng không biết nói tiếng mẹ đẻ cho trúng. Tuy nhiên, tôi nói với cô rằng cô hấp dẫn như mồ nóng. Cô ta có vẻ khoái trá. «Việc chính là làm sao khỏi rét, nếu cần có một lớp áo bằng mồ»—cô ta cắt nghĩa vậy. Khi cô ta đã hút hết cốt tủy của tôi, cô ta kéo vải trải giường xuống thật nhanh nhẹn và cô bắt đầu lo việc riêng của cô. Căn phòng giống như một tổ chim ấm cúng. Trần như nhộng, cô ta chui vào chăn bông, đầu quặp lấy tay thu gọn vào háng. Cô ta trông như một trái cây xanh, đang chín. Bỗng nhiên cô ta nói một cách kệch cỡm kiều Mỹ «Anh xem này, em có thể làm cái này, nhưng không thể làm cái đó.» Rồi cô ta bắt đầu làm cái đó. Cô ta thủ dâm. Đầu cô ta nhỏ, rậm tóc, mắt dù đờ như mắt chó, giống con quỉ trong bức tranh đất Palatinate nở hoa. Tôi ngồi ngàng vì tính chất mâu thuẫn đó. Tôi ngồi trên một ghế đầu: mỗi lần liếc nhìn nàng, tôi thấy mặt nàng có một vết nứt băng sắt, sau kẽ nứt có người mang mặt nạ sắt nhìn tôi. Hết sức khôi hài vì hắn nhấp nháy với đôi mắt mù, đầy màng mộng. Nếu thật sự tay chân quấn chặt lấy nhau, nếu nàng là con rắn mình trơn trượt đang cuộn vòng thì tôi có thể nói đó chính là Alberta, vợ tôi, hoặc là vợ người khác, nhưng tôi nghĩ đó là Alberta. Tôi biết rõ cái

khe của Alberta kết thành hình tam giác giữa đôi cẳng chân, và đó là cái khe tốt nhất trên đời. Đáng sau cái khe luôn luôn có một người đàn ông đeo mặt nạ băng sắt.

Ngồi trên chiếc ghế đầu kê sát đầu giường nàng, dây đeo quần xệ xuồng, đầu tôi chạm vào cái búa, tôi bắt đầu nghĩ tới những người đàn bà tôi đã biết, những người đàn bà đã dạng chân ra để ông bác sĩ thọc bao tay cao su vào bên trong, và để chùi rửa những vết nứt. Những người đàn bà gò lưng trên những chiếc máy khâu, chân đạp nhẹ làm kim khâu kêu ran lên như thác Niagara, những người đàn bà ngồi uốn bụng hàng giờ để xâm mình. Những người đàn bà tru tréo như chó, tóc bờm xòm, những tên ma cô, đĩ diếm. Đúng lúc đó, chiếc dây thép trượt đi, một chiếc đinh đâm suốt qua ngón tay, một chiếc corset đầy mồ hôi, những người đàn bà mặt chó, kỳ quái, cổ đeo cổ cồn cứng, môi phì ra, mắt lão lién, những vũ nữ qui súr, mông to, vú bụ ở Palatinate, cửa luôn hé mở và có những ống phóng, lại có chiếc dù để bên cạnh. Những người đàn bà kỳ lạ, to lớn luôn ngồi trên cái ghế bên cạnh đầu giường. Những ngón tay khéo léo quá đến độ chiếc búa rơi vào tử diêm, phá vỡ chất keo nối liền hai khớp xương. Óc tôi như một đĩa thịt nghiền, ép nhẹp vào một cửa sổ đang bốc khói. Qua hành lang khách sạn, tôi thấy lũ đông tụ tập ở bar. Tôi bước vào và bỗng nhiên nghe tiếng trẻ ré lên đau đớn. Đứa trẻ gái đang đứng trên bàn giữa đám đông có một vết rách ở thái

dương, máu chảy dầm dề trên trán. Mỗi lần thấy vết thương banh ra, tôi lại thấy có cái gì ngọ ngoạy, giống như con gà con. Tôi nhìn thật sát, thật kỹ. Đó là một con chim cu. Ai nấy đều cười. Trong khi đó đứa trẻ khóc ré lên vì đau quá.

Vào phòng đợi, tôi nghe thấy tiếng ho sù sụ và gãi xoàn xoạt của bệnh nhân, cùng tiếng những trang báo xào xạo, tiếng chó sủa chạy rầm rầm ngoài đường. Vợ tôi ngồi trên chiếc ghế đầu trắng, đầu đứa trẻ dựa vào ngực tôi, vết thương ở trán pháp phòng như động mạch chủ. Nhà giải phẫu mặc áo bờ-lu trắng, ông ta đi lên đi xuống, môi mấp máy điếu thuốc lá, thỉnh thoảng ông dừng lại bên cửa sổ để xem thời tiết ra sao, cuối cùng ông rửa tay và tra vào đôi găng cao su. Ông đốt lửa đun sôi dụng cụ giải phẫu, rồi lơ đãng nhìn vào đồng hồ và vân vê mấy tờ giấy cho toa trên bàn. Tôi ôm gọn chân tay đứa trẻ lại, nó quắn quại đau đớn. Tôi đang đợi đun sôi các dụng cụ giải phẫu.

Cuối cùng, giải phẫu gia sẵn sàng, ông ngồi trên ghế đầu trắng lựa một dụng cụ nhỏ, có một điểm cháy đỏ, rồi không báo trước gì cả, ông ta gi ngay vào vết thương đang mở ngoác miệng. Đứa trẻ thét lên, vợ tôi ngất xỉu té xuống sàn. Nhà giải phẫu, mặt lạnh như tiền nói «Bác đừng để ý gì tới em nhỏ nghe!» Ông ta kẹp lấy thân đứa trẻ. «Bác cầm chắc lấy em cho tôi.» Ông ta lại dùng dụng cụ quái ác đó vào nước sát trùng đang sôi rồi áp vào thái dương đứa trẻ và cù cầm như vậy tới khi vết thương cháy thành ngọn lửa. Bỗng nhiên, ông rút

dụng cụ đó ra, rồi gí vào chiếc dây ở mí mắt, dây cháy thành ngọn lửa, oằn lại, rồi thành bụi. Khi bụi rời khỏi vết thương, thì chả còn để lại vết sẹo giải phẫu nào. Dứa trẻ nhìn tôi, cười thanh bình, chuỗi xuống khỏi tay tôi và tới góc nhà ngồi bệt xuống chơi.

Giải phẫu gia nói «Tuyệt diệu! Tuyệt diệu!» Tôi thét lên «Đúng vậy.» Rồi tôi nhảy chồm lên như một thằng điên, tôi đánh hắn nhào xuống ghế, chân tôi ghìm chặt lên ngực hắn, cầm một dụng cụ gần nhất tôi gí vào hắn. Tôi coi hắn như một con quỉ, tôi đâm lòi mắt hắn, làm thủng màng nhĩ, đập dập khí quản, bẹp nát mũi. Rứt tung nút áo hắn, tôi đốt ngực hắn tới khi khói mù lên, thịt khét燎燎, tôi lại lật sấp hắn xuống đồ acit nitric lên, tôi nghe tim, phổi hắn xèo xèo lên, tới khi khói bốc lên tưởng làm tôi chết ngạt luôn.

Lúc đó, dứa trẻ vỗ tay hoan hô tôi, vợ tôi ngồi ở một xó nhà, nàng thều thào «Quỉ! Quỉ!» Tôi chạy bay xuống lầu tìm một vồ nhỏ bằng cây. Trong bóng tối, tôi thấy một thanh cây bằng gỗ mun. Đèn cầy nhập nhèo chỉ đủ sáng chung quanh đầu người đàn ông. Ông này đang đọc lớn tiếng một cuốn sách bằng sắt, giọng đều đều như tụng kinh. Đầu hắn ngửa ra trong thế ngây ngất, trông hắn chẳng khác gì ngọn đèn nhập nhèo trong làn sương mù ẩm ướt.

Khi bóng tối càng dâng lên, giọng hắn càng đều đều hơn, chẳng khác gì quá khứ của tôi cứ lắng chìm xuống. Không những quá khứ của tôi

mà toàn thể nhân loại cùng cuồi trên lưng một con rùa khổng lồ. Chúng ta cùng quay với trái đất theo tốc độ ốc sên. Chúng ta đi theo quỹ đạo trái đất, rồi lại lao xuống thật nhanh qua tất cả cảnh hoang vắng của Hoàng đạo. Chúng tôi nhận thấy những bộ mặt kỳ quái, ảo kỳ của một con vật — trái đất. Có một con chim lông đỏ bay nhanh như mũi tên, luôn hướng về phía Bắc, qua những xác chết. Bay theo nó có cả một bầy sâu thằn bay rợp ánh mặt trời.

Dần dần, tựa chiếc màn bị kéo xuống, bóng tối dâng lên, và tôi thấy được bóng nghiêng một người đàn ông đứng cạnh cây dương cầm, tay cầm cuốn sách bìa sắt thật lớn, đầu hắn ngặt nghèo, miệng đọc kinh cầu người chết với giọng đều đều. Rồi như máy hắn đi đi lại lại như hắn đang luyện tập cái gì một cách lờ đãng. Cử động hắn máy móc làm người xem phải sững sờ, hắn cử động như một con vật bị hủy một phần óc. Mỗi lần đi gần tới dương cầm, hắn lấy ngón tay mò xuống phiến đàn — plink - plank - plunk. Tinh — tinh tàng. Mỗi lần như vậy, hắn làm bầm cái gì trong miệng. Bỗng nhiên quay về bức tường phía Đông hắn làm bầm «lý thuyết về sự thông hơi» — quay nhanh về bức tường phía Tây, hắn làm nhầm «lý thuyết về sự đối lập» — hướng về phía Bắc «lý thuyết về không khí mát đều uớt cả» và cứ thế... cứ thế. Hắn đi lảo đảo như chiếc thuyền bị bão, tay lơ quơ, đầu ngoeo sang một bên. Bỗng nhiên quay về phía Bắc, hắn làm nhầm: N... thay cho

ngựa vằn, Z, Zacharia... không có chữ b thay cho bretzels...

Lần giở những trang sách, tôi thấy đó là cuốn sưu tập các bài thơ thời Trung Cổ, mỗi bài thơ, nội dung là một bài thuốc chữa bệnh ngoài da. Đó là cuốn nhật ký ghi lại thiên tai của một thày tu đạo Do Thái viết ra. Một thứ bệnh ngoài da định kỳ do các người hành đạo hát lên. Bản viết theo lối ghi nốt nhạc, diễn tả những con vật báo điềm gở hay những thói quen bò sát như loài chuột chũi, cóc, kỳ đà, lươn, bọ hung, rùa, chuột bạch. Mỗi bài thơ ghi lại một công thức tổng khứ những con quỉ nhập vào cơ thể làm thối da ra. Tôi liếc từ trang nhạc tới trang viết về chó sói hay lợn vỗn ngoài hàng rào. Đất phủ đầy tuyết, trong miếng đất hình bầu dục ngoài tường biệt thự có hai hiệp sĩ đang cầm giáo dài đâm những con chó sói đến chết. Nhờ tài khéo của hiệp sĩ, chó sói bị dồn vào một chỗ và bị đâm chết. Khi thấy cảnh chết dai dẳng đó, bỗng tôi khoái thú lạ lùng. Thoạt nhìn cái lao sấp tung xuống, ngựa và người cùng hiệp lực tạo ra một cuộc hấp hối dai dẳng. Ngựa, người, chó sói cùng xoay quanh cái trực của tử thần. Khi chiếc lao đâm xuống qua mình chó sói, đất cày nhẹ lên, chân trời như mờ đi, bầu trời xanh như một con dao. Qua dãy cột, lần theo đường nhỏ, tôi ra tới phố. Những căn nhà đang bị bao phủ với làn khói xanh lưu huỳnh.

Cuối cùng, tôi tới một nhà máy làm hộp, từ

trên cửa sổ tôi thấy những người què đang đứng thành hàng bên bờ suối. Chẳng ma nào có chân, có một số ít là có tay, mặt nhẽ nhại mồ hôi, ai cũng đeo mè đay đầy ngực.

Tôi vô cùng kinh ngạc và sợ hãi, khi nhận thấy sát bên tường nhà máy có một dãy những chiếc quan tài đang lao xuống sân, rồi được mở ra và lấy hết những gì đựng bên trong. Khi chiếc quan tài đang rớt xuống, một người chân cùt tới gần ướm thử xem có nâng được không, rồi từ từ lấy ra một cách mệt nhọc. Cảnh đó tiếp diễn không ngừng, không gây ra tiếng động nào cả. Mặt tôi dẫm mồ hôi, tôi muốn chạy nhưng như chết đứng tại chỗ. Hình như tôi không có chân. Tôi nắm chặt thanh cửa sổ, không dám nhìn xuống nữa. Tôi cảm thận và sợ hãi nâng chân lên, tới khi tay tôi chạm gót giầy. Tôi thử lại chân kia. Tôi bỗng sợ hãi vô cùng, muốn chạy trốn. Phòng tôi đang đứng bỗng dung đầy các hộp gỗ, đinh búa, ngồn ngang. Tôi muốn tìm một lối để chạy trốn qua những đống hộp rỗng đó. Tôi bỗng nhìn sang những hộp khác bên cạnh, chả hộp nào rỗng cả, hộp nào cũng có một bộ xương đặt trong đống dãm bào. Tôi chạy sang một hành lang khác, qua phòng đợi tôi ngửi thấy mùi hương thơm. Tôi cố tìm một cầu thang và cuối cùng tìm được. Vừa bước xuống cầu thang tôi thấy hình bàn tay trỏ vào dòng chữ bạc đẽ chữ «Nhà xác.»

Đã khuya lắm, tôi trỏ về nhà. Con đường tôi đi hoang vắng ghê rợn, đến nỗi tôi bị vấp hoài

trong đêm tối, tôi nghe tiếng thở của tôi rõ mồn một. Tôi có cảm tưởng đi trong một hoang đảo đầy đá dựng chung quanh. Cũng có vài cây cầu nhỏ, trên treo đèn lồng, và có những chiếc ghế thô sơ đặt dọc theo con đường lót đá sỏi. Có những ngôi miếu để bán mứt kẹo, chụp đèn, những mảnh đá nhọn lấp ở đỉnh đá dựng, những phong pháo đựng trong những phong giấy lòe loẹt. Một vật có vẻ quen thuộc, kể cả tiếng động cuộc đua ngựa, những con chim ó đang đập cánh trong những cành cây rậm rạp. *Bây giờ là mùa đông.* Đường xá tuyết phủ dày đến độ không sử dụng được nữa. Tôi đứng trên cây cầu cong cong kiểu Nhật Bản, tựa mình vào lan can, cố tập trung tư tưởng. Đường xá song song chạy dài trước mặt. Công viên đầy cây đủ loại, tôi cảm thấy hết sức an tâm. Tôi có thể cứ đứng hoài húy trên cây cầu này một cách thật an tâm. Thỉnh thoảng tôi thấy cần đi một chút vì giờ đây tôi đang đứng trước ngưỡng cửa vương quốc của tôi. Tôi quá rõ biết cây cầu bé nhỏ này, dòng suối chảy róc rách dưới dạ cầu. Tôi biết cây cầu bé nhỏ này cùng những lùm cây rậm rạp và dòng suối chảy dưới chân cầu. Tôi có thể đứng mãi ở đây thẫn trí đắm vào cảnh bình lặng vô bờ bến, tiếng suối róc rách như ru vào cõi thần tiên. Dòng suối cứ chảy mãi trên những tảng đá rêu phong. Một dòng tuyết tan, trên mặt nước chảy lờ đờ, nhưng, dưới đáy chảy thật nhanh. Nước dưới cầu trong như lọc, tưởng như ta có thể nhìn mà ướm được chiều sâu, có lẽ tới cõi.

Giờ đây, bước ra khỏi khu rừng rậm tối, giữa những cây bạch dương và thông xanh, có một đôi nhân tình yêu quái, tay trong tay, dáng đi uể oải. Đôi tình nhân ma quái, mặc áo buổi chiều tà, người đàn bà mặc chiếc áo cổ thấp, áo sơ mi người đàn ông lồng lánh. Trong tuyết giá, bước đi của họ thật nhẹ bồng, tay người đàn bà đeo trán. Không một bóng tuyết rơi, không một làn gió hú. Có một làn ánh sáng tỏa ra, trong dòng suối nhỏ giá tuyết đang tan dần. Không có tiếng nghiến răng kèn kẹt, không một tiếng tru tréo. Những dòng suối nhỏ ở đây róc rách chảy dưới ánh trăng bạc, tiếng sáng như thủy tinh gieo vào trong cái tiếng hoa rơi lá tả trên cầu, hòn đảo bập bềnh trôi đi, cùng với những tảng đá rêu phong... tất cả như cùng trôi vào một thung lũng hẹp, bọt nước trăng xóa. Cứ thế chúng chảy vào chỗ trũng sâu đầy nước lạnh tráng bạc một màu và lấp lánh, xa xa có những tiếng sáng như pha lê chạm vào kim khí. Nước đổ xuống thành một màn mỏng như thủy tinh giữa những mô gó hai bên bờ sông. Nước róc rách xuống chân đồi, cuốn theo những đóa tuyết vụn như những cành hoa nát trong tuyết vụn. Chúng cứ lao về phía trước, rồi dần giải rộng ra như cánh dơi, rồi ráp liền với nhau. Nước cứ dâng cao mãi, không khí như lạnh lẽo hơn, tuyết lấp lánh như những bột kim cương. Từ những cây bạch dương trên đỉnh đồi, chảy xuống một màu xanh kim khí, chảy mãi xuống bờ sông, làm bần những dòng tuyết trăng sâu dưới dòng nước. Người đàn

bà ngồi như một vị thiêng thần bên bờ sông tuyết
đôi cánh giuong ra, tóc xõa sau lưng thành những
làn sóng cúng như tuyết.

Bỗng nhiên, giống như chiếc ly quay tròn dưới
ngọn lửa xanh, dòng nước quẩy lên thành những
lưỡi lửa. Đứng dọc theo con đường đầy màu sắc,
có một đám đông người lúc nhúc. Đó là con đường
sầu muộn mót mở ra, những dãy nhà lầu trải dài
ra như những đoàn xe lửa tiếp nối trên đường ray.
Nhà nào cũng gắn những cọc sắt tua tủa. Một con
đường hơi nghiêng về phía mặt trời, rồi hướng về
đàng trước như một mũi tên mất hút trong không
gian. Chỗ nào nhà cửa vừa cong lại cùng với tiếng
động lạnh lẽo, rít lên, với những màu thô kệch sắc
sỡ, và những bức tường trắng bệch, thì bấy giờ
nó giống như một bộ máy bẻ ghi lại đưa tất cả về
chỗ cũ: nhà xếp thành hàng thẳng, cây cối nở hoa.
Thời gian không mục đích làm tôi phiền muộn.
Tôi như đi vào giữa những tiếng vo ve màu vàng
của những thằn xác lười biếng, ấm áp.

Giống như đứa con phung phá, tôi đi vào cảnh
nhàn rỗi vàng son trên những con đường của tuổi
trẻ. Tôi không bỡ ngỡ, cũng chẳng buồn phiền. Từ
những con đường ngoại vi, tôi theo con đường tắt
trở về trung tâm điểm. Ở đó, tất cả đều thay đổi,
biến dạng, một con cừu trắng luôn luôn rùng rùng
da nó. Khi đi dọc theo những nếp núi, tôi hú lên
vì đau đớn, khi tới thung lũng nước chảy trắng
xóa, tôi bị ngập vì chất kiềm, khi lội qua những

dòng suối cạn, nước chảy lờ đờ, chân tôi bị đá nhọn và vỏ sò làm xước máu. Qua những cánh đồng trồng chanh tôi liếm mồ hôi thấy mặn. Tất cả những việc xảy ra đó, tôi không thể quên được nhưng giờ đây nhớ lại liệu chúng có còn như xưa nữa không?

Khi đi vào con đường lạnh lẽo nghĩa trang, tôi thấy người ta đang đầy những chiếc xe tang. Tôi reo lên vì vui mừng, sao mình đã sẵn sàng lột xác chua chát? Tôi là con chiên, họ kéo tôi ra ngoài để biến thành con hổ vẫn. Trong một bụi cây mọc giữa cảnh quang đãng, tôi đã được sinh ra với bộ lông trắng mềm. Tôi mới gặt cỏ được một thoáng trong cảnh bình an, thì có vuốt nhọn đặt lên tôi. Trong cảnh nắng quái chiêu hôm, tôi nghe có tiếng thở phì phò sau cửa ván. Tôi chậm chậm đi qua nhà nhà, lắng nghe tiếng vỗ cánh nặng nề của máu. Rồi một đêm kia, khi choàng tỉnh dậy, đã thấy mình nằm trên chiếc ghế dài thô cứng giữa căn vườn giá lạnh phía Nam. Nghe tiếng còi xe lửa thét lên, nhìn những con đường cát trắng chiếu sáng như những con đường nọ. Nếu tôi có đi lại lại, thế giới cũng chẳng buồn, vui gì cả. Tại Tallahassee, lò sát sinh, họ sẽ móc ruột tôi ra. Hoặc trong một góc nào đó, chúng sẽ dùng móng vuốt bắn thiêu móc ruột gan tôi ra, với chiếc dao cùn gi, chúng sẽ cắt hết tất cả những gì là riêng, linh thiêng cấm kỵ của tôi. Ở Tallahassee, chúng chọc lòi ruột tôi ra, chúng lôi tôi qua phố và làm tôi có vẫn như cọp. Có lần đi qua phố

lắng nghe tiếng tim đập qua những luồng ánh sáng vàng vọt lọt qua khe cửa. Giờ đây, trong lòng tôi có tiếng gào như ngày đại hội. Hai cạnh sườn thoát ra hàng triệu những tiếng kèn phong cầm. Tôi đi lang thang trên phố phường, lòng sầu muộn miên man cùng với cuộc vui đang tung bừng. Tôi cứ đi và hát lên những bài hát học lỏm được. Một đứa nghèo kiết, vui vẻ, lười biếng lê gót trên mọi nẻo lề đường, đang bày ra cái cảnh hỗn tạp của da thịt con người.

Cạnh căn vườn làm hình tròn ốc, ở bình dinh, tôi thấy một người đàn bà đang đi, nét khêu gợi vô cùng. Tôi nghe bà lầm bầm. *Nghĩa trang?* *Chưa thấy họ đã làm cái gì ở nghĩa trang cả.* Đi lách qua những thùng rác mùi ẩm, sân nhà đầy nhóc trẻ con, tôi cứ miên man nghĩ tới lời nói của bà. Bà ta với vàng đi dọc theo đường phố với những tư tưởng đen tối đó, cõi trần, chân đi chử bát. Một mùi thơm ẩm nóng miền Nam bao phủ lấy tôi, tôi thấy tự nhiên khoan khoái, máu chảy mạnh như cánh võ của loài chim ưng. Điều họ đã làm cho đường phố cũng giống như điều Joseph đã làm cho dân Ai Cập. Họ đã làm gì cho một vùng đất có những bắp ngô chín vàng, có những người da đỏ và hoảng đen. Họ là ai, tôi chả xét. Tôi chỉ biết rằng họ đã chinh phục đất đai và làm đất vui ca lên, họ đã chiếm nghĩa địa và biến thành vùng đất mầu mỡ. Những hòn đá mỏ đã được dời đi, chẳng còn một vòng hoa tang hay cây thập tự nào. Sát với nhà tôi nhà cửa mọc lên như bàn cờ đam

vĩ đại, ánh nắng chan hòa, rơm khô chất thành núi. Đất sét trộn rơm màu đen, mỡ màng, những con la khỏe mạnh, nhẫn耐 đang dầm chân trong đất sét ướt, những luống cày đã cắt ngang trông như bờ mềm. Toàn nghĩa trang đang ca lên với những sản phẩm mầu mỡ, phong phú. Những ngọn lúa mì, đại mạch, tiêu mạch đang ca lên, nghĩa trang đang dâng lên với những thực phẩm, những con la đang quay đuôi, những người da đỏ sạm đen đang hát thầm thì và tụng kinh, mồ hôi chảy lăn tròn xuống đồi bắp chân. Cả phố bây giờ sống nhở nguồn tiếp liệu phong phú của nghĩa địa xưa. Của ăn cho người, rơm khô cho bò ngựa rồi lại biến thành máy hơi nước, thành tiếng hát khiêu vũ. Ai có ngờ đâu dưới những phiến đá nghĩa trang, giờ lại dâng lên những điều khôn ngoan như vậy. Ai có nghĩ rằng xưa kia những người tu đạo Luther mập mạp lại đã gặt được một mùa gặt thịt xương rữa thối, giòi bọ rúc rỉa? Giờ đây cái gì cũng trở thành yếu tố tạo phì nhiêu, kè cả đá mộ bia vỡ nát. Dưới lớp cỏ xanh mềm, những con ma cà rồng dâm ác đang huy hoàng trong vinh quang và quyền lực. Tôi chưa thấy một nghĩa địa nào trên thế giới lại phát triển như nghĩa địa này. Không đâu trên thế giới có nhiều phân bón tốt như vậy. Hồi cây thập tự, ta ôm lấy người. Còn đâu những bộ mặt xám ngoét, trắng bệch, những chiếc sọ Beethoven, những bộ xương bắt tréo nhau, và những cẳng chân ống sậy. Tôi chỉ còn thấy ngô, khoai, những cây mây, tử đinh hương, tôi đã thấy

nhũng móng chân quen thuộc, lừa ngựa, loài nào
 giống nấy, chân bẹt nứt ra, đắt nhét vào các khe.
 Tôi thấy nhũng chiếc khăn tay màu đỏ, nhũng
 chiếc áo sơ mi xanh, nhũng chiếc nón thuộc địa
 rộng vành bóng nhãy mồ hôi. Tôi nghe thấy tiếng
 ruồi đang vo ve, lười biếng. Không khí vang vang
 một niềm vui vô tư, vô ưu, nhũng con bướm nhỏ
 chập chờn bay. Chẳng còn nghe tiếng chuông, tiếng
 kèn, tiếng chiêng, hoặc tiếng thắng xe rit lên nữa,
 chỉ nghe tiếng lừa đậm móng chân cộp cộp, nước
 chảy rí rách, tiếng đàn guitar và harmonica, tiếng
 trống đậm nhịp và tiếng chân nhịp theo điệu nhảy.
 Tôi nghe thấy tiếng cửa chớp được bỏ xuống, tiếng
 lừa kêu be be trong máng lúa. Cám ơn Chúa Kitô,
 chẳng còn đâu nhũng bộ mặt xám ngoét nữa. Tôi
 thấy nhũng cu-li da đen, nhũng người đàn bà da đỏ,
 tôi thấy nhũng bóng cây sô-cô-la, cây chanh, ôliu Địa
 Trung Hải, một thứ vàng màu da của dân Hawaii,
 tôi thấy mọi thứ bóng thánh giá rất tinh khiết,
 nhưng không có bóng nào trắng cả. Sọ và nhũng
 đôi chân bắt tréo đã biến mất cùng với nhũng
 nấm mồ, xương trắng của loài da trắng đã bày
 ra một mùa gặt phì nhiêu. Tôi thấy mọi vật đều
 có tên riêng, mọi hoài niệm đã biến mất, tôi điên
 lên vì sung sướng. Trong cánh đồng đậm dòn cỏ
 xanh, tôi đi lướt qua nhũng luống cỏ ướt sũng
 sương, bên phải bên trái tôi là nhũng bắp cải
 mồ màng, bánh xe ướt nhẹp bùn, nhũng trái
 dâu tây bị nghiến nát, trái ô-liu bếp nhẹp
 mùi chua chua. Trên nhũng đồi xác chết, tôi đè

dẹp chúng gi xuống cỏ xanh, tôi vừa đi vừa ban phép lành. Tôi đi lảo đảo như thủy thủ say, chân uớt, tay khô nhìn qua lúa mì, hướng về một đám mây, mắt tôi nhìn vơ vẫn trên dòng sông, nhìn con tàu buôn hắc nô chở khắm, buồm trôi lờ đờ. Mặt trời đang tỏa ánh gắt gay, hút trọn hơi thở của dòng sông. Trên bờ sông xa hơn, thấy nổi bật những cọc nhọn, trên những chòi của người da đỏ có những cuộn khói lười biếng tỏa lên. Tôi thấy chiếc rìu nhỏ của người da đỏ vút qua trong không gian với tiếng thét người quen thuộc. Tôi thấy những bộ mặt rách, xám hình những chuỗi hạt óng ánh, những cuộc khiêu vũ đi giày da nai của người da đỏ, những đôi vú bẹt, dài thòng và trẻ em da đỏ dề bím tóc.

Các sắc dân da đỏ Delaware, Lackawanna, Monongahela, Mohawk, Shenandoah, Narragansett, Tuskegee, Oskaloosa, Kalamazoo, Seminole, Pawnee, Cherokee, Manitou, Blackfeet, Navaho: giống như một đám mây đỏ vĩ đại, giống như cái chày bằng lửa đỏ, một thế giới sống ngoài vòng cương tỏa của pháp luật chúng ta đang diễu hành trước mắt tôi. Tôi không còn thấy ai là người Lett, Croat, Finn, Dane, Swede nữa. Không còn những con lai, những người Ý di cư sang Mỹ, không còn người Trung Hoa, người Ái Nhĩ Lan, những kẻ hèn hạ, những kẻ hung bạo, không còn dân Do Thái. Tôi thấy những người Do Thái ngồi trong tổ của họ, mặt khô rắn như da thuộc, sọ nhăn nhúm không xương.

Lại một lần nữa, cái rìu lại lóe lên, những da sọ bay tung lên, xa xa ngoài sông đang lập lòi trôi một đám mây màu sáng rõ. Từ các suòn núi, từ các hang lớn, từ các đầm lầy miền Nam Mỹ đồ ra một dòng người toàn thân vẩy máu. Từ dãy Sierra tới dãy Appalache, đất bốc hơi màu máu giết người. Da sọ tôi bị lóc đi, vành tai treo lủng lẳng, chân tôi mất tiêu, hai cạnh sườn bị tên bắn găm lúa tủa. Tôi nằm lòi ruột trên khoảnh đất bên cạnh hàng giậu, tất cả chỉ còn là đống lầy nhầy đẫm máu, chỉ còn là da và thịt nhẽ nhại. Gió lùa qua ruột già nát bấy của tôi, hú lên như sáu chục tên da trắng cùng hú một lúc. Một ngọn lửa trắng, một tia nước đá xanh, một bó đuốc đang quay trong ruột tôi. Tay tôi gãy lia. Thân xác tôi là một nấm mồ, ma cà rồng đang nấp trong đó quạt súng máy ra. Minh tôi đầy những viên ngọc sáng lạnh. Tia nắng mặt trời tựa như hàng ngàn những chiếc lao nhọn xuyên qua người tôi, bảo ngọc tôi bốc lửa, dạ dày thét lên như xé vải. Đêm ngày, tôi mơ mơ màng màng chẳng hiểu gì cả, vòm thế giới như sụm đồ nổ tan. Trong ngọn lửa máu, tôi cảm thấy như có cái kẹp lạnh buốt kẹp cứng người, lưỡi lửa quấn kéo tôi đi qua cửa sông, một kẻ mù lòa, không ai giúp đỡ, ngập thở, kinh sợ, thét lên với tình trạng bất lực, yếu đuối. Tôi nghe tiếng nước lạnh buốt róc rách chảy xa xa, tiếng chó sói tru dưới những rặng thông già, một chấm sáng le lói trong cánh rừng đen xanh, một chấm sáng mùa xuân, làm tuyết bần thêm, làm những dòng sông

thêm đục ngầu. Một thứ tiếng róc rách nghẹn ngào, một thứ âm ti bình thản giống như thiên sứ xòe cánh bay dưới dạ cầu. Cống đầy những tuyết là tuyết. Trời mùa đông, mặt trời chiếu làn ánh sáng nhợt nhạt buỗi trưa. Chừng vào một hay hai giờ chiều, mặt trời còn chiếu sáng, thì mọi vật đều biến thành nước, cái gì cũng chảy, nhỏ giọt và róc rách. Trong tôi, một làn nước lạnh làm tắc các hối mạch của tôi. Một dòng nước trong xanh đang luân lưu trong tôi từ ngón chân tới kẽ tóc. Tôi hoàn toàn trong tình trạng tan rã, vui đến nghẹn ngào.

Đi qua phố trên những chỗ bằng phẳng, một nguồn vui tươi xanh rực lên trong huyết quản, nhỏ bé, bị tắc nghẹn của tôi. Tuyết đang tan, cống nước đang trôi lập lò. Phiền muộn và vui vẻ cùng tan đi, nhỉ ra thành nước và trôi vào cống lớn. Bỗng nhiên chuông bắt đầu nồi inh ỏi, những hồi chuông chiêu hồn man rợ, chát chút làm nát máu trong huyết quản tôi. Trong cảnh tuyết tan, một cảnh tàn sát đang diễn ra, những con ngựa Tầu thấp, lưng đeo lủng lẳng sọ người và những khúc xương màu trắng hếu. Trước mỗi căn nhà có hàng rào sắt mỗi cọc nhọn đều cắm những bông hoa xanh.

Trên con đường sầu não, bà mẹ yêu quái đi ngược gió, áo sống bà phùng lên vai, đeo đầy sọ người. Chúng tôi vò cùng khiếp sợ, chạy trốn đêm thâu, chăm chú đọc cuốn album ngoài có vẽ chiếc xương chéo và cái trán gồ. Mùi hôi thối từ cống rãnh xông lên, trong những bị cột chặt, những tiếng rắn xì xì nghe ghê rợn. Những bông hoa màu

xanh da trời có chấm như những con báo vẩy đầy máu. Trái đất nhuộm màu xanh, vàng, màu tủy xương, bụi xương trắng. Khắp nơi tuyết tan. Trong một góc cầu thang, một người cầm chiếc mũ nồi, áo xanh, quần cọt, râu bạc mọc chỏm lởm. Vừa ăn nút điện, thì nhựa thuốc chảy ra, những trái chanh chín vàng, ngà voi...

Một trận gió sắc mùi nước đái quỉ và nhũ hương cuốn những cái lều bay tung lên không. Ánh sáng ban mai cứ tăng dần lên, cửa kiếng nhỏ giọt nước. Một người tóc dài tới chân đang bước chậm chậm, một người tay cầm chiếc chong chóng quay phắt rời biến luôn. Một người không nghĩ gì cả, nhưng đi làm lũi trong một đêm sáng sao tìm một chỗ trú và cắt bộ tóc rậm đi...

Chị Monica đang chơi guitar, áo mở toang, nơ buộc đầu bỏ loi, hai bên tai đeo tòng teng, mặt chị đầy mồ hôi muối, mắt mờ đi, lờ đờ...

Con đường sầu muộn cứ rộng mở thêm, có những đôi môi xám nguệch mấp máy, đôi cánh hải âu lờ lững, cổ nó dài ra, nghiến... cả một bầy vật rừng xồ lồng, la hé... đêm đẫm máu, đêm man rợ, các chân chim ó đều bị cắt cọt, các tháp chuông hát lên sầu muộn, những bắp thịt oằn oai, các ngón chân bị treo đi, tóc bị lóc ra, răng gãy vụn, xương sống kêu răng rắc. Suốt đêm xương sườn gãy răng rắc. Hai lần bình minh ló dạng, rồi lại lặn mất. Tuyết tan nhỏ thành giọt nước, không khí bốc hơi. Trên các đường phố, xe tang đi lại rầm rập, các bác tài ra roi quất ngựa chạy mau.

Đông, Tây, Nam, Bắc vạn vật sôi nổi, la hét, lao lung... Sóng bạc đầu đầy bọt sóng quật lên bờ ào ào. Nước triều gào thét dưới những tảng đá xanh. Trái đất quay nhanh hơn lên.

Ánh sáng quay cuồng để thoát ra cái cảnh hỗn loạn này.

Thoát ra cái cảnh hư vô tĩnh lặng và thiếu quân bình mãi mãi này.

... Cái vật diên khờ gọi là giấc ngủ cứ chạy đều như một chiếc đồng hồ lên dây tám ngày.

Tới Paris, rời Paris, thì Paris vẫn luôn là Paris, nước Pháp vẫn là nước Pháp và nước Pháp lại là nước Trung Hoa. Tất cả những chuyện đó xem ra khó hiểu, nhưng nó cứ ám ảnh tôi hoài như một bức tường dày trên thung lũng tôi thường hay dạo chơi. Trong bức tường đó, tôi có thể sống cuộc sống Trung Hoa của tôi một cách thanh bình. Tôi không phải là khách lảng du, cũng không phải là kẻ lang thang vô mục đích, nhưng tôi thấy như mình phải làm việc trong một đường hầm đen tối, phải buoi móc trong lòng đất để tìm ra nước uống và ánh sáng. Vì sống ở Mỹ châu, nên tôi không thể tin được rằng còn có một nơi khác trên thế giới mà con người thực sự sống ra con người. Vì hoàn cảnh mà tôi bị buộc trở thành một người Tầu sống trong quê hương tôi. Tôi đã làm nô lệ cho nàng tiên

nâu, để có thể đương đầu với cảnh bần thỉu của đời sống, mà tôi không được dự phần. Bình thản và tự nhiên như một cành cây khô rót xuống dòng sông Mississippi rồi trôi vào đời sống Mỹ. Tôi nhớ mọi việc đã xảy ra cho tôi, nhưng tôi chả muốn nhắc lại quá khứ, tôi chẳng ước muôn cũng chẳng luyến tiếc gì. Tôi chẳng khác gì một người thức dậy sau một giấc mơ dài. Tôi sinh ra và sống như một kẻ không được sinh ra, người không được sinh ra thì chết như một kẻ đã sinh ra. Cứ sinh ra rồi lại tái sinh hoài hoài. Sinh ra khi đang đi dạo phố, khi đang trong quán càfê, trong khi nằm bên một kỹ nữ. Sinh ra rồi tái sinh hoài hoài. Phải làm không được chết một cách đơn giản, nhưng phải chết đi sống lại hoài. Cứ cầm như tôi đã được vào thiên đàng khi cánh cửa mở ra và dưới chân tôi là những lề đường. Tại sao tôi lại học đi sớm thế? Tôi đi bằng chân nào vậy? Giờ tôi đang đi về nghĩa trang, dự đám tang của chính tôi. Tôi nghe tiếng xéng cuốc rộn ràng, và một đám mưa đất lục bục trên quan tài. Tôi hơi nhắm mắt lại, tôi như không có giờ để ngủi một đóa hoa, tôi như bị ngập trong đó khi người ta hạ huyệt. Tôi lại sống trong tình trạng bất tử khác. Khi trở về và lia xa trái đất, tôi thấy như luôn trong tình trạng báo động. Tôi đã để thán xác cho giời bọ rúc rỉa và giữ tâm hồn trong trắng để hiến dâng cho Chúa.

Vào những buổi xế trưa, khi ngồi ở quán La Fourche, tôi bình tĩnh tự hỏi «Tôi từ đâu tới?» Lúc đêm xuống, hình như tôi lên du nguyệt điện

rồi trở về. Tôi ngồi chỗ ngã tư đường mơ màng nghĩ về tất cả những gì được kể như riêng tư và bất hủ của tôi. Tôi khóc trong lade. Đêm đêm, khi trở về Clichy, tôi có cùng một cảm nghĩ đó. Bất cứ khi nào tôi trở lại quán La Fourche là y như tôi thấy một con đường sáng dài hun hút tận chân trời, và trong tôi có vô số những cái tôi đang ngự trị. Tay trong tay, tôi cùng đi với những cái tôi đó trên những con đường có lần tôi đã độc hành, mà tôi gọi là những bước đi vĩ đại quý giá của sự sống và sự chết. Tôi nói với những bạn đồng hành tôi tự tạo ra đó cũng đã nhiều như thế tôi nói với chính tôi là tôi đã vô cùng bất hạnh khi chờ được sống và chết có một lần ở trần gian và luôn luôn phải sống cô độc. *Giờ thì tôi chẳng bao giờ cô độc nữa. Trong những nghịch cảnh tệ hại nhất, tôi vẫn luôn ở với Chúa.*

Có một cái gì luân quẩn trên con đường từ công trường tới quán La Fourche làm cho những cuộc đi dạo có một cái ám ảnh gợi khêu kỳ thú bỗng bật dậy. Cầm bằng tôi vừa rời quán càfê Wepler và vừa cầm cuốn sách «nghệ thuật viết văn và ý chí,» có lẽ tôi chỉ hiểu lọc choạc đôi ba dòng. Có lẽ cả một buổi chiều, tôi chỉ đọc có mỗi một trang sách. Có lẽ tôi không còn ở quán càfê Wepler cũng nên. Nhưng khi nghe nhạc cất lên, thán xác tôi như cất cánh tung bay. Và giờ, tôi đang ở chỗ nào nhỉ? Tại sao tôi lại ra ngoài và phải bỏ buộc đi dạo như vậy? Một cuộc dạo chơi ngắn

ngủi 60 năm cuộc đời hoặc hoàn tất trong thoáng giở một trang sách.

Lúc tôi vừa rời quán Wepler, tôi nghe có tiếng gì xì xào lạ lăm. Chả cần quay lại nhìn tôi biết là thân xác tôi đang với vã bắt kịp tôi. Đúng vào lúc đó, những ống hút phẩn được xếp giăng ngang đường, những ống bằng cao su vắt ngang đường như là những con sâu to bò lồm ngồm. Những con sâu mập đó đang hút phẩn ra khỏi các hầm cầu tiêu. Chính cảnh này gây cho tôi niềm lạc thú tinh thần và nhìn vào trắc diện của tôi. Tôi thấy mình đang cúi gò trên cuốn sách trong tiệm Wepler; tôi thấy một kỹ nữ ngồi sát cạnh tôi đang đọc qua vai tôi, tôi cảm thấy hơi thở của cô ta trên cổ tôi. Cô ta đợi tôi ngược mắt lên, có lẽ để nhò mồi lửa điếu thuốc cô đang cầm trong tay. Cô sắp sửa hỏi tôi làm gì một mình ở đây và có buồn không. Cuốn sách viết về «nghệ thuật viết văn và ý chí» tôi đã mua đem vào tiệm càfè đọc vì đọc trong tiệm càfè ồn ào mới hay và đó cũng là cách để trị bệnh. Nhạc trong tiệm càfè đông khách cũng hay và làm tăng cảm giác cô độc của ta lên. Tôi thấy đôi môi nàng kỹ nữ lầm nhầm trên vai tôi. Đôi môi hình trái tim, mềm như nhung. Đôi môi run lên khi hát những giọng cao và mơ màng như nai tơ bên bờ suối. Giờ tôi như đang ôm cứng lấy mình. Cái khoảng gian nhỏ hẹp từ công trường Clichy tới tiệm càfè La Fourche, từ những lối đi tối om dọc khoảng đường có đầy nhóc gái điếm, giống như loài doi bay ra ăn đêm. Họ chạm

vào tóc, tai, mắt tôi. Họ bám vào tôi bằng những móng vuốt sắc nhọn để hút tủy... Họ có mùi những cây sau trận mưa lớn suốt đêm họ ăn sương trong những ngõ hẻm. Họ gây ra những tiếng động nho nhỏ như tiếng vỏ cây nứt nở, những tiếng kêu ngu khờ, đầy quyền rũ làm xác thịt khóc thét lên. Họ ùa đến tôi như cháy rận có những chiếc vòi dài như các rễ cây bám vào chân lồng tôi. Đến điểm, âm nhạc, lũ đồng, những bức tường, đèn trên tường, phân, ống hút phân chạy đều một cách can đảm. Tất cả đều họp thành một đám mây nước rồi tụ lại thành giọt mồ hôi lạnh buốt như thây ma.

Đêm nào cũng thế, khi tôi đi về phía quán cà phê La Fourche, tôi như phải so gươm với một ai đó. Đêm nào tôi cũng như bị lột da và búa rìu quật tới tấp. Tôi về nhà, rũ lũ cháy rận khỏi quần áo và rửa máu bê bết trên người. Tôi đánh một giấc, ngáy thật to. Đó là cái mặt phải của tôi. Giữ cho thân thể êm á và tâm hồn trong trắng.

Căn nhà tôi đang ở rụm xuống. Buồng nào cũng trống hoác. Nhà tôi chẳng khác nào một người xương gioi ra hết vì bị lột da. Giấy dán tường rách tả tơi, giường không mền, bồn rửa mặt không có. Mỗi đêm trước khi vào nhà, tôi đứng lặng nhìn cảnh đó. Cảnh ghê tởm này ám ảnh tôi. Cuối cùng tại sao tôi không ghê tởm một chút thôi nhỉ? Mỗi người là một viện bảo tàng chứa những gì ghê tởm của nòi giống mình. Mỗi người thêm vào khu triển lãm mới cho viện bảo tàng. Cũng thế, mỗi đêm

đứng trước căn nhà dột nát, tôi cô gắng để nắm được ý nghĩa của nó. Cảnh bên trong căn nhà càng phơi bày ra tôi lại càng thương căn nhà tôi ở. Tôi thương nó, dù có chiếc bồn tiểu cũ nằm dưới gầm giường, chả ai dùng tới nữa.

Ở Hoa Kỳ, tôi đã sống trong nhiều căn nhà, nhưng nhớ là chưa thấy căn nào như vậy. Tôi phải nhớ rõ những gì đã xảy ra cho tôi và tôi đi phố cùng với những cái đó. Có lần tôi thuê chiếc xe ngựa cũ đi xuống Đại lộ IV. Lúc ấy vào xế trưa mùa thu, tôi đang đi qua những phố phuờng trong tỉnh tôi ở. Đàm ông đàm bà đang đi dạo trên lề đường: những con vật kỳ lạ, nửa người nửa ngợm. Đi đi lại lại trên đường phố, nửa điên nửa dại, răng thi tr匡 hếu, mắt láo lién. Đàm bà mặc quần áo thật đẹp, bà nào, cô ấy cười thật tươi. Đàm ông thỉnh thoảng nhéch mép cười, cứ như thể họ đang đi vào hòm để gặp Chúa Cứu Thế. Mỉm cười như vậy suốt đời với cái nhìn láo lién, điên khờ, đi tiều một cách ngang nhiên vào cống rãnh. Tôi cầm khẩu súng và khi tới con đường số 40, tôi nhả đạn. Chả ai để ý tới cả. Tôi bắn họ ngã ra bên phải, bên trái, nhưng lũ đông cũng chẳng thura đi. Người sống đẹp lên người chết mà đi, miệng vẫn cười tươi khoe bộ răng trắng ớn. Chính nụ cười trắng hếu này làm tôi nhớ đời tôi thấy lại cảnh tượng đó trong giấc ngủ. Khi tôi giơ tay ra để van xin nụ cười của George bay lơ lửng trên những nải chuối treo ở tiệm trái cây. Hoa Kỳ mỉm cười trên cảnh nghèo khổ. Điều đó đâu có đáng mỉm cười

và tại sao mình lại mỉm cười khi đi lang thang trên chiếc xe thồ môt. Cười lên, và thế giới sẽ cười với bạn. Cười lên bên cạnh người hấp hối để người ra đi yên lòng hơn. Cười lên. Chẳng bao giờ tắt lịm trên môi cả!

Vào một trưa thứ Năm, khi tôi đang đứng đối diện một người Âu châu xấu xí trong xe điện ngầm. Mặt hắn còn vương lại một vẻ đẹp đã bị tàn phá, như thể trái đất và hắn đã cùng dự vào cuộc dâu bể của vạn vật. Lịch sử của nòi giống họ đã in hằn trên khuôn mặt họ, da họ chẳng khác giấy giá thú ghi lại tất cả những diễn biến của nền văn minh. Những cuộc di cư hận thù, chém giết, chiến tranh của Âu châu: tất cả đều để lại vết tích trên mặt họ. Họ không mỉm cười, mặt họ đã được sửa soạn kỹ rồi, những gì đã viết tên họ đều kết thành ngôn ngữ của giống nòi, tính tình, lịch sử. Tôi thấy trên mặt họ chiếc bản đồ Âu châu sắc sỡ, rách buom. Một bản đồ có những đường dọc kẻ ngang vẽ đường xe lửa, đường tàu biển và đường hàng không, với những biên giới quốc gia, và những thành kiến không bao giờ xóa bỏ được. Chính những chỗ lồi lõm, vòng vèo, những lỗ trống lớn chỉ thị biển cả và những đại hò, những đường gãy chỉ thị các đảo, tất cả những chỗ trống lơ lửng có vẻ thẫn thoái lại là những bán đảo, tất cả những vết hằn và soi mòn chỉ thị những cuộc tranh chấp tiếp diễn mãi không ngừng, giữa con người và thực tại. Tôi vô cùng cảm kích khi nhìn vào chiếc bản đồ này, nhìn vào

cái lục địa mênh mông còn hơn ta tưởng, và trong thực tế đó không phải là lục địa nhưng chỉ là một phần của địa cầu mà nước đã cắt chia ra. Nếu không có chút kiến thức gì về địa lý, ta chẳng hiểu thế nào là cảnh bờ đâu mà lục địa Âu châu đã từng hứng chịu với những mạng lưới sông ngòi, đại hồ và những vùng biển nay không còn nữa. Ta có thể thoáng nhìn thấy những cống găng vĩ đại con người đã kinh qua bao nhiêu thời kỳ, và ta thấy đó không phải là những cống găng luống công, vô ích. Hiện nay ta còn nhận ra sự thay đổi ghê gớm về khí hậu tiếp theo việc đất nổi lên. Nếu với con mắt nhà họa địa đồ, khi nhìn vào tấm bản đồ này, ta có thể tưởng tượng ra được cái cảnh 50 hoặc 100.000 năm sau sẽ thay đổi thế nào.

Cứ thế, khi nhìn vào biển cả và đất liền tạo thành cái lục địa cho loài người, tôi thấy cái cảnh đổi thay kỳ lạ, quái gở, hết cái nợ đến cái kia, chứng kiến sự chiến đấu anh dũng của con người, tôi có thể vạch ra theo con đường quanh co dài dặc của sông ngòi sự mất sức mạnh, niềm tin, lòng can đảm, sự duyên dáng và làm cho tâm hồn dần dần mòn hao vì sầu khổ. Tôi có thể thấy rằng những biển cả được các biên giới tự nhiên giới hạn lại, trong chúng vẻ nồng nàn và mong manh như những dọn sóng thay đổi bất kỳ. Tôi có thể cảm thấy chỗ nào thì thời tiết thay đổi, chỗ nào là vùng phì nhiêu bảy giờ nhưng mai sau sẽ khô cằn sỏi đá, và chỗ khác sỏi đá bảy giờ nhưng mai sau lại nở hoa. Tôi tin chắc rằng với một bách phân nào đó, huyền

thoại là một sự thật, và rồi con người sẽ tìm ra được những dây liên lạc thực sự đầy tình người, rằng những lỗi lầm quá khứ sẽ được sáng tỏ ra, và sự hờn giận cũng như những sự làm lẩn là những điều ta cần xóa bỏ đi. Là người, nên ta có đầy đủ mọi yếu tố đã cấu thành trái đất, ta mang chúng đi khắp nơi với ta, cùng với sự thay đổi về địa chất và khí hậu. Trước mắt ta, bản đồ Âu châu đang thay đổi, không ai sẽ biết rằng tân lục địa sẽ bắt đầu ở đâu và kết thúc ở đâu.

Tôi đứng giữa cảnh thay đổi vĩ đại, quên cả tiếng mẹ đẻ và cũng không nói thứ tiếng mới. Tôi đang ở Trung Hoa và nói tiếng Trung Hoa. Ở đây, không có một đồng hồ nào, chẳng có luật lệ gì cả. Căn cứ vào bản đồ thì tôi đang ở Paris, chiếu theo lịch sử, tôi đang ở thế kỷ 20. Tôi đang ở Trung Hoa và đang ngược dòng Dương Tử giang trên một con tàu Ả-rập 200 tấn; thực phẩm tôi gom góp được là lấy ở rác rến của những tàu Mỹ thảm đi. Tôi phải bỏ ra cả một ngày tròn để sửa soạn một bữa cơm hầm bà lằng, nhưng bữa ăn đó ngon tuyệt vì tôi có một dạ dày băng sắt.

Những người Louvecienne đang đi vào... Dưới chân tôi là thung lũng sông Seine. Toàn cảnh Paris nổi bật lên như một cái nhìn thật gần. Tôi nhìn kinh đô Paris hết phố nọ sang phố kia, làng trong làng, pháo dài trong pháo đài. Giống như một gốc cây cổ thụ có bướu của một rừng già chờ vỡ, oai hùng. Paris đứng giữa một cánh đồng

mênh mông bên dòng sông Seine. Nó đứng li ở đó mãi, khi thì thu hẹp lại lúc bành trướng thêm ra, cái mới do cái cũ sinh ra, cái cũ suy vi và chết đi. Trải qua bao thời gian dài bể, Paris vẫn đứng đó yêu diệu, ngọc ngà, một kinh thành linh thiêng, những con đường huyền diệu của nó lách dưới biển những mái nhà để thoát ra cánh đồng mênh mông.

Trong lúc thời gian vô vị trôi qua, tôi ngồi mơ màng với ly rượu khai vị. Trời lặng, mây yên. Tôi ngồi giữa cảnh náo nhiệt, an tâm nghe tiếng rạt rào của đời sống mới dâng lên giữa những cảnh suy vi quanh tôi. Chân tôi đụng phải một thân xác vĩnh cửu mà tôi không biết gọi tên là gì. Tôi đang cảm thông với toàn thể trái đất. Tôi đang nằm trong lòng thời gian và không có gì hất tôi ra khỏi cảnh thanh bình trong lòng được. Một kẻ lang thang đã thấy hứng khởi hoạt động. Tôi ngồi giữa phố để làm một bản nhạc. Đó là bài tôi đã nghe từ hồi còn thơ dại, bài hát tôi đã quên mất trong thế giới mới và không thể nào nhớ lại được không khác gì một cành cây nhỏ rơi vào lòng đại dương. Đối với người phải bỏ buộc mơ màng với đôi mắt mở rộng, thì mọi cử động như đảo ngược cả, và tan ra như mảnh kiếng vụn hoa. Khi tôi trải qua cảnh ghê tởm của hiện tại, tôi tin rằng chỉ những ai can đảm nhầm mắt lại, coi cảnh ảo là cảnh có thật là có thể ảnh hưởng tới vận mệnh của mình. Một khi chạm trán với cảnh kinh tởm đó, tôi tin rằng mọi tài nguyên của nền

văn minh hiện tại cũng không đủ để khám phá ra cái hạt cát nhỏ xíu cần thiết để đánh đổ những cảnh cũ rich ngày xưa, chính nó làm mất thế quân bình của thế giới ngày nay. Tôi tin rằng chỉ cái kẻ mơ màng, không sợ sống, cũng không sợ chết mới có thể tìm ra cái mảy may vi ti đó gồm đủ sức mạnh rung chuyển vũ trụ thật chớp nhoáng. Không phải trong chốc lát mà ta tìm ra cái diễn tiến từ từ, khổ nhọc và huy hoàng, hợp lý, tầm thường và cao cả của vạn sự vật. Tôi tin rằng toàn thể vũ trụ chứ không riêng gì trái đất, với tất cả mọi sinh vật, và vật chất cấu thành trong vũ trụ, trong tầm quan sát của ta hoặc vượt ngoài tầm quan sát của ta, trong tầm hiểu biết hoặc ngoài tầm hiểu biết của ta, đều thét lên vì đau khổ, điên cuồng. Tôi tin rằng, nếu một mai loài người khám phá được những phuong tiện, nhờ đó ta có thể bay tới những tinh cầu xa xăm nhất, tới một thế giới mà theo sự tính toán của loài người, ánh sáng của nó chỉ tới trái đất khi chính trái đất tan rã — tôi tin rằng, nếu một mai ta đỗ bộ những tinh cầu đó thì chúng ta cũng lại gặp thấy nguyên cái cảnh ghê sợ, khốn cùng và điên khờ của loài người như hiện giờ. Tôi tin rằng, nếu ta hòa nhịp được với những bước đi của các tinh tú để tránh sự va chạm đồ vỡ thì chúng ta cũng hòa nhịp được với vận mệnh hiện nay đang điều khiển ở đây, ở đó, trên trái đất này cũng như trên những tinh cầu xa lắc xa lơ. Dù bắt cứ nơi đâu, ta cũng không tài nào tránh khỏi cái định mệnh khắc khe đang kiềm chế mỗi người, mọi người,

nhân loại, loài vật, cây cối, đất dai, sông ngòi, núi đồi...

Vào một đêm, khi không còn tên nào nữa để gọi cho sự vật, tôi đi về phía mút con đường và giống như người bị buộc chân đi hết tầm dây, tôi nhảy qua cái hố chia biệt sự sống với cái chết. Khi nhảy qua bên kia bức tường nghĩa địa, ở đó chiếc bồn tiều bằng đá cuối cùng còn đang róc rách, bỗng cả một thời thơ ấu của tôi dâng lên làm nghẹn họng như một khúc xương to. Tuy nhiên tôi đã vùng vẫy, chiến đấu như một thằng điên để thoát khỏi quá khứ. Cuối cùng quá khứ đã ca khúc khải hoàn. Cuối cùng tôi cũng nhận ra rằng tương lai là một cái gì giả tạo, một gương chiếu bắn thỉu, cát ở dưới đáy. Chiếc đồng hồ cát, một cái gì còn sót lại ở một chiếc lò lửa đã thiêu tàn. Cứ đi mãi, tôi tới trung tâm của Levallois-Perret, và đi ngang qua một người Ả-rập đang đứng ở lối đi vào một ngõ hẻm đen tối. Hắn đứng trong một vòng cung ánh sáng tưởng chừng như đã bị hóa đá. Không có gì chứng tỏ hắn là người cả. Không có đòn bẩy, lò xo nào có thể hất tung hắn ra khỏi chỗ hắn đã đứng lì ở đó. Tôi càng đi lang thang hình ảnh hắn càng in sâu trong tiềm thức, hình ảnh một người Ả-rập đứng trên một hòn đá tảng trong vòng cung ánh sáng. Hình ảnh một người đàn ông và một người đàn bà khác đang đứng co ro ở đường phố — mặt thì có vẻ người nhưng đang bị hóa đá. Kể từ lần đầu tiên khi đi vào đời sống phố phường tôi chả thấy tôi thay đổi mấy

may. Những điều tôi đã học được, đều là vô dụng và sai lầm. Giờ đây, tôi gạt bỏ cái bộ mặt sai lầm của trái đất. Từ cái đống ối mửa này, tôi đã sinh ra, rồi tôi sẽ chết ở đó không lối thoát, không Thiên đàng để tôi trú ẩn. Bàn cân ở mức thăng bằng. Chỉ còn một hạt cát nhỏ thôi, nhưng không đâu tìm ra nó. Tinh thần và ý chí thiếu sót cả. Tôi lại nghĩ tới cái vẻ lả lùng và ghê gớm mà lần đầu tiên phổi phường gợi ra cho tôi. Tôi còn nhớ căn nhà tôi ở, mặt nạ của nó, cùng là con quỷ ở trong đó cùng những sự huyền bí bao quanh nó. Tôi nhớ mọi sự việc đã xảy ra trong thời ấu thơ, cùng với vẻ lạnh lùng, ánh hào quang vây phủ, những cảm giác của thân xác, mùi vị của ấu thơ. Tôi nhớ những ngày trong tuần lễ và những ông thần cai trị những ngày đó, cùng với số mệnh và những hương vị của mỗi vị thần. Mỗi ngày đều là một cái gì thật mới mẻ huy hoàng hoặc lại quá dài lê thê hoặc trống rỗng ghê gớm. Tôi nhớ căn nhà tôi đã xây cất lên cùng những vật liệu tạo thành căn nhà đó. Tôi nhớ những thay đổi của năm tháng với những kết cuộc có tính cách quyết liệt, ghê gớm giống như cuốn lịch mỗi ngày giờ sang trang. Tôi cũng nhớ những giấc mơ ban đêm cũng như ban ngày. Từ khi đi qua người Á-rập, tôi đã đi qua một chặng đường dài vô tận, hoặc ít ra tôi có cảm tưởng là đang đi trên con đường dài vô tận. Tôi quên rằng có những sự việc như những nếp địa tầng, dù độ nghiêng thế nào đi nữa, thì tên Á-rập vẫn cứ đứng tro đó. Dù tôi có tiếp tục đi mãi thì

tôi cũng vẫn đứng trơ đó hoài. Ở mỗi ngã tư đường, tôi sẽ gặp một bộ mặt người đứng ở một hòn đá ngăn đôi đường, một bộ mặt hướng về một lối đi đen tối, trên đầu hắn có một vầng sáng tỏa rực rỡ.

Hôm nay, tôi không còn khao khát đi dạo đó đây nữa. Tôi và thằng tôi dính quyết lấy nhau. Trời đứng yên, không khí yên tĩnh. Bên kia bức tường, các nhạc công đang hòa nhạc. Lại sống thêm một ngày trong cảnh thất bại. Tôi lầm bầm điều đó rồi đi tắt qua nghĩa trang vào phố Rue de Maistre, và đi vào trung tâm Paris. Nhũng con đường phố ngoằn ngoèo ở Montmartre không khác gì một con dao kỳ lạ đẫm máu. Tôi đang đi giữa máu, tim tôi bốc lửa. Ngày mai đây, tất cả nhũng cái đó đều bị tận diệt, cả con người của tôi nữa. Bên kia bức tường, quỷ sứ đang gào thét. Tim tôi càng bốc lửa hừng hực.

Trèo lên Montmartre, thánh An-tôn ở bên tôi, Diêm Vương một bên. Một người thì đứng trên đồi cao, rực rỡ màu trắng. Một kẻ trong hoàn cảnh đen tối rình rập. Trời đất quay cuồng, tôi trèo lên nhũng mái nhà và ống khói cao nghẹu...

Chỗ phố Lepic quẹo trông cong như chiếc cắp tóc, lượn lên lượn xuống trông như nước lụt đã rút đi, để lại đất bồi. Nhũng tiệm nhảy, bar, tú屋 quán, tất cả nhũng bóng điện đêm đều mờ đi trước núi nhũng đồ ăn được nấm ngồn ngang dưới chân đồi. Paris đang quét sơn lại tháp chuông của mình, đang hé môi cười, đang nhịn miệng để

chờ ăn bữa tiệc sắp tới. Thân xác tôi đang chuyển động trong môi trường của mình giống như một cuộc rước linh đình vẽ trong những bích họa trong đền thờ Ai Cập, giống như truyện biến ngôn của dân Etruscan và như một buổi sáng vinh quang của đảo Crete. Mọi vật đều sinh động, vô số các sự vật khác biệt nhau, hơi ấm của thân xác con người, các chùm nho quyện lại với nhau, mật ong đóng lại như kim cương. Các phố phuờng lướt trong bàn tay tôi. Tôi nắm gọn nước Pháp trong bàn tay. Tôi đang ở giữa cái tồ ong mật, tôi đang nằm trong bụng sôi ầm ầm của quái vật Sphinx. Tôi cùng với trái đất run rẩy với sức nặng sống động kỳ thú của nhân loại. Chung qui chỉ thấy có thân xác là thật, còn ngoài ra chỉ là hoài nghi, thất vọng, ảo tưởng. Xác thịt là nền tảng cho cái gì không bị tiêu diệt.

Mặt trời đang lặn xuống dọc theo phố Orsel. Có lẽ mặt trời đang chìm xuống thì phải, có lẽ chính đường phố đang thu mình nhỏ lại thành một tiền đường. Máu tôi đang chìm xuống cái sự giòn mỏng, lạnh lẽo của thần kinh. Trên mặt tiền rõ chằng chịt có một màng mỏng mỏng, một lớp màng của số phận, của bệnh điên. Rồi tất cả bỗng thay đổi thật nhanh, phố phuờng mở ngoác miệng ra trống như một giấc mơ của đá. Nhà thờ Sacré Coeur vụt đứng thẳng lên. Mỗi buổi trưa muộn màu trắng nặng nề của nó như làm ta ngập thở, buồn ngủ nặng trịch giống như cái bụng mệt mỏi của người đàn bà mang thai. Trước sau, thấy máu là máu tuôn tràn, vành ngoài

một lớp mỏng bao quanh, ở giữa uốn cong lên và cứng như núm vú trinh nữ. Trên bờ dốc, hàng cây đứng nghiêng mình ra ngoài, cành lá sum suê ngả nghiêng lờ đờ trên một dòng nước vô hình đang lững lờ trôi qua dưới rẽ. Có những mảnh trời bám chặt vào đỉnh cây, giống như những nắm bông gòn nhuộm màu xanh, lớp lớp chồng lên nhau. Đất xanh rải rác những vụn bánh cùng với những con chó ghẻ, những con vật ăn thịt đồng loại nhảy xổ ra như từ túi bụng con kangaroo nhảy ra.

Tử bộ xương của vị tử đạo—những bộ xương vẫn còn vặn vẹo đau đớn trong cơn hấp hối, những cẳng chân êm như lụa bắt tréo thành thập tự, có lẽ là những cẳng chân của những con diếm, của những người đẹp đã chết. Toàn thể căn biệt thự gỗ nhô ra với da trắng bệch của nó, những thạch nhũ nặng nề rủ xuống Paris với định mệnh thuyết của Moorish. Đêm vẫn xuống đều, đêm của những đại lộ vùng trời hực đỏ như lửa địa ngục, từ phố Clichy tới Barbès là một bức họa những huyệt mộ mở toang. Đêm Paris êm đềm giống như những bậc thang lát cao su và giống như loài ma cà rồng nhoèn cười giữa bậc thang. Suốt dọc chân đồi, các bồn tiểu cứ róc rách, lỗ cống tắc đầy bánh mì nhão. Cứ vào ban đêm, nhà thờ Sacré Coeur mới đứng bật nổi lên với vẻ duyên dáng của nó. Rồi từ cái vẻ trắng nặng nề của da nó, hơi ấm từ đá bốc ra đọng thành nước chảy xuống hòa với máu. Đêm và Paris trả ra dòng máu trắng bệch. Thời gian lăn tròn trên dương cầm, mặt trắng kêu vang

lên, trí óc ta căng thẳng. Đêm đến như một ống phóng bị lộn nhào, những đóa hoa đẹp đẽ của trí óc, những cây trường thọ mạ vàng, những cây thuốc phiện trắng xóa đã nhào thành nước dài lê thê. Trên ngọn đồi Montmartre dưới một tấm vải màu xanh da trời, những con ngựa lớn bằng đá gặm sỏi soạt, móng chân chúng đập xuống đất rung lên. Địa cầu lăn tròn trên con đường êm như nhung của những đại lộ. Càng ngày nó càng lăn nhanh, trong khi đó các nhạc công ở vòng ngoài đang lèn dây đờn. Tôi lại nghe điệu nhạc của vũ khúc ác quỷ với thuốc độc, đạn trái phá, của tim hực lửa gào thét trong đêm đen.

Vào một đêm xuân, trên đồi cao, một mình tôi cô độc trong thân xác cá voi, tôi lộn ngược đầu xuống, mắt căng mọng máu, tóc trắng như bông. Cái thân xác không lồ của con cá voi và cái thân xác bé nhỏ con người cứ mục dần, nát dần giống như chiếc bào thai nằm dài ánh mặt trời thiêu. Người và cháy rận: một cuộc diễn tiến liên tục hướng về đồng giới. Đây là mùa xuân mà Chúa Cứu Thế đã ca vang lên, bợt biến tấm dấm chua đưa lên miệng ngài và loài cóc nhái ó la, múa nhảy. Không có vết tích gì của gỉ sét, buồn phiền. Đầu ngoeo xuống giữa ngực trong tư thế mơ màng, đầy thất vọng đen tối, quá khứ dần dần chìm mất đi, hình ảnh múa nhảy, kết chặt lại với nhau. Trong bụng nào cũng có tiếng vó ngựa sắt giật mạnh. Mọi nǎm mồ có tiếng rit của đạn đại bác, rồi từ đó chui ra cây vạn thọ. Người và ngựa giờ đây cùng cử động

trong một thân xác, cánh tay mềm mại, móng chân ngựa chẻ đôi. Ngựa càng ngày đến càng đồng, bờm dựng ngược, mắt đỏ lừ. Xuân đang về trong đêm thâu với những tiếng gầm thét, cùng với những tiếng ngựa hí, lỗ mũi chúng phì hơi.

Lên phố Caulain Court, trên cầu nghĩa địa, một làn mưa xuân đang rơi nhẹ nhè. Dưới chân tôi những nhà nguyện nhỏ quét vôi trắng trong đó người chết được chôn. Một vùng bóng gày những cầu thang tỏa xuống. Cỏ đang chui ra khỏi đất, xanh hơn ban ngày. Xa hơn, tôi gặp một người đàn ông và một người đàn bà. Người đàn bà đội mũ dạ, tay cầm chiếc dù gấp. Khi tôi đi lại gần bà ta, tôi nghe bà nói «Đó là một bộ đồ lót.» Tôi bấm mạnh vào tai. Chà, đó là một thứ quần áo lót đặc biệt và chẳng bao lâu, lớp lót bằng da thú cũng bay hết luôn. Giờ đây, tôi mới hiểu tại sao cái dù lại mở ra. Bà ta hé lén «Bộ đồ lót!» tiếp đó bà lại cùp dù lại. Tôi nói «Không phải đâu, cô bạn!»

Cảnh đó làm tôi sung sướng lạ thường, không phải vì tôi thấy bà ta kẹp ông ta bằng cái dù, nhưng vì tôi đã quên ý nghĩa của chữ «bộ đồ lót.» Tôi nhìn sang bên phải và thấy con đường dẫn tới thành phố Paris. Ta có thể biết hết mọi ngõ ngách của Paris. Nhưng một khi ta đã quên chỗ ta đang ở trong khi trời mưa nhẹ nhè, bỗng nhiên trong cảnh phiêu bồng vô chủ đích, ta đi tới một con đường ta đã từng đi qua. Chính con đường này ta thấy một người nằm trên vỉa hè dang tay ra như vừa được gỡ xuống khỏi thập tự. Chả có ai

bên cạnh hắn cả đẽ xem là hắn còn sống hay đã chết. Hắn nằm ngửa, tay dang, bất động. Khi lại gần hắn, tôi biết là hắn chưa chết, hắn đang thở một cách nặng nhọc, một dải nhựa thuốc lá nhiều dài trên mép. Tôi bỏ đi và tiếp tục bát phố, nhưng vừa đi được một chút, bỗng có tiếng cười giòn tan vang dội vào tai. Bỗng nhiên cửa ra vào một tiệm đầy nhóc người vào ra và các mặt tiền hàng khác cũng nhung nhúc người. Cả phố bỗng náo nhiệt. Đàm ông, đàm bà tay chống mạnh, nước mắt chảy dài trên má. Tôi lách nhìn qua đám đông đang bu lại cái người nằm dài ở lề đường. Tôi không thể hiểu được lý do tại sao bỗng mọi người đều chú ý và có một cái vẻ hài hước như vậy. Cuối cùng tôi rẽ đám đông đi sát vào người nằm đó. Hắn vẫn nằm yên như vậy. Có một con chó đứng bên hắn ngoáy đuôi vui mừng. Mũi nó sục vào chiếc áo mở phanh của hắn ta. Đó là lý do tại sao mọi người đều cười rõ. Tôi cũng ráng cười thật to, nhưng không được. Tôi bỗng thấy buồn da diết, như chưa bao giờ buồn như vậy trong đời tôi.

Khi đang đi trên đường phố, bỗng nhiên tôi nhớ lại cảnh tượng đó. Đứng ở mặt tiền một tiệm bán thịt bên kia đường, có tấm vải sọc che nắng. Tôi đi trên lề đường ướt và gặp một người nằm dang tay ra như vậy. Tôi lại gần để nhìn kỹ hơn. Cũng đúng là thằng cha đó, chỉ khác một điều là bây giờ áo hắn mở toang ra và hắn đã chết. Tôi cúi xuống thật sát để xem là hắn thực sự chết

chưa. Tôi biết chắc hắn chết rồi và tôi lại đứng dậy tiếp tục đi. Tôi dừng lại ở góc phố một chút. Tôi đang đợi gì đây? Tôi kiêng chân lên, hy vọng lại được nghe một tràng cười nữa mà tôi đã nhớ một cách rất sống động. Không thấy một bóng người nào cả. Cả phố chỉ mình tôi và cái xác chết đó nằm vật ra trước tiệm thịt. Có lẽ đó chỉ là giấc mơ. Tôi nhìn vào bảng tên đường phố, để xem có cái tên nào mình biết không. Tôi sờ bức tường bên cạnh, xé rách một chút giấy ở tờ cáo thị dán trên đó, rồi lấy cái ghim ghim lại ném xuống cống. Nó trôi đi ngay và rơi vào một vũng nước bắn óng ánh. Xem ra tôi không phải là mơ, và tôi thấy sợ hãi hết sức. Nếu không mơ thì chắc là mình cũng điên rồi! Nhưng có một điều nếu tôi điên thì tôi cũng chẳng có thể chứng minh được rằng mình tỉnh hoặc mơ. Tôi lại nghĩ rằng, cần chi chứng minh với lại không chứng minh. Tôi là người độc nhất biết chuyện đó và nghi ngờ chuyện đó. Càng nghĩ về chuyện đó, tôi càng biết chắc rằng điều làm tôi khổ sở không phải vì là tôi điên hay mơ mà恰恰 là chính vì cái người nằm dang tay ra đó là chính tôi, hay không phải nữa, chả biết. Nếu thật sự ta có thể rời bỏ thân xác trong giấc mơ hoặc trong cái chết, hoặc ta có thể rời bỏ thân xác mãi mãi để đi lang thang hoài trong cảnh không xác thân, không bấu víu vào đâu, không tên, tâm hồn lảng lâng, lạnh đạm với tất cả, một linh hồn bất tử, không bị hủy diệt như Thượng Đế — ai trả lời chính xác được đây?

Thân xác tôi — những nơi nó biết thảy đều lạ lùng và chả liên quan gì đến tôi cả. Thần Ajax cắm tóc tôi lôi đi qua những đường phố và những nơi xa lạ... Quebec, Chula Vita, Darmstad, Brownsville, Suresnes, Monte Carlo, Czernowitz, Canrsie, Carcassonne, Cologne, Clichy, Cracow, Budapest, Avignon, Vienne, Prague, Marseilles, London, Montréal, Colorado Springs, Imperial City, Jacksonville, Cheyenne, Omaha, Tucson, Blue Earth, Tallahassee, Charmonix, Greenpoint, Parasite Point... Aix la Chapelle... Bonn, Nuremberg, Hanover, Hanoi, Honolulu, Seatle, Indianapolis... (tác giả kê ra có hơn hai trăm thủ đô trên thế giới...) Ở mỗi nơi này đều có một cái gì xảy ra cho tôi một cái gì thật ghê gớm. Mỗi nơi tôi đều để lại một xác chết nằm thẳng căng, tay dang rộng. Mỗi lần cúi nhìn con người tôi đều biết rõ là xác tôi còn sống, và chắc rằng đó chính là xác mình, tôi lại tiếp tục đi, cứ thế! Tôi vẫn còn đi, còn sống động, nhưng khi mưa bắt đầu rơi và khi tôi bắt đầu đi lang thang vô chủ đích, tôi nghe thấy tiếng những xác chết đó rơi lộp bộp trên đường tôi đi. Tôi tự hỏi — rồi còn gì nữa đây? Ta có thể nghĩ rằng thân xác ta chịu đựng đến một mức nào đó, nhưng lại không có. Thân xác lơ lửng trên cao đau đớn biết rằng tất cả đều bị tàn tạ, trừ lại ít móng chân, tay, mó tóc và cái mầm sống bất diệt sẽ còn lại mãi. Vì thế, dù ta có chết thực sự đi nữa hoặc bị quên lãng thì ta vẫn còn một phần bé nhỏ của ta còn mọc lên, tiếp nối cái đã qua, cái đang chết.

Tôi đứng dưới nắng gắt gay một buổi xế trưa ngoài một sân ga bé nhỏ ở Louveciennes, một phần bé nhỏ của tôi còn sống động và đang nảy mầm. Người ta nói rằng đó là giờ mà các bản báo cáo đi qua không gian — trên không gian. Trong quán cà phê nhỏ bên kia nhà ga có giấu một cái máy, máy phát ra một lời nói. Tiếng nói đầy vẻ đên khờ nói rằng — Đây là đài Điện Thoại Liên Mỹ American Tel... và tiếng Pháp cũng nói như vậy, mà nghe có vẻ khờ hơn. Bỗng nhiên giống như Jacob khi leo lên chiếc thang bằng vàng có tiếng nói từ Trời phán ra. Giống như một suối nước nóng vọt lên từ vùng đất tro troi, toàn thể phong cảnh nước Mỹ tuôn ào ra: American Tel, Atlantic and Pacific, Standard Oil, United Cigars, Father John, Uneeda Biscuit, Seaboard Airline, Sapolio, Nick Carter, Trixie Friganza, Foxy Grandpa, Tom Sharkey... (tác giả kể ra hơn năm trăm tên các thương cuộc, công ty, hăng kẽ nghệ, thương mại hàng không... nghĩa là mọi vẻ mọi mặt của Hoa Kỳ...)

Mọi cái gì là Mỹ đều ào ào đi tới. Tên nào cũng có hàng ngàn chi tiết thân mật ghép vào đời tôi. Bọn người Pháp đi qua tôi ngoài phố tưởng tôi là một cuốn tự điển các tên gọi. Mỗi tên có một đời sống và một xác chết. Khi tôi đang đi phố với một vẻ sung sướng, có con éch nào biết tôi như vậy không? Nó có biết rằng tôi đang đi lang thang trong bốn bức tường nước Trung Hoa? Tôi chẳng lộ một vẻ gì đặc biệt trên mặt, không có gì là vui vẻ, hy vọng, đau đớn, thất vọng. Tôi đi phố mắt

lờ đờ như một tên cu-li. Tôi thấy đất trụt xuống, nhà cửa bị tàn phá, gia đình nát tan. Mỗi thành phố tôi đi qua đều như giết tôi, cảnh khốn cùng quá mênh mông và sự đau khổ thật vô tận. Tôi lê gót từ thành phố này sang thành phố khác, đè lại đè sau cả một lô những xác chết và những cái thura dư cặn bã của tôi. Nhưng cái thằng tôi vẫn cứ tiếp tục đi và đi mãi. Và nghe có một cái gì nhức nhối đang dâng lên trong da thịt...

Tôi lại đi qua khu phố 14. Tôi gặp thần tượng của tôi Eddie Carney, anh chàng tôi đã lâu không gặp kể từ ngày tôi rời bỏ xóm giềng ngày xưa. Anh ta người dong dỏng, đẹp trai kiều dân Ái Nhĩ Lan. Tôi mê anh ta cả tâm hồn lẫn thể xác. Có ba phố North First, Fillmore Place và Driggs Avenue. Những phố này làm thành biên giới của một thế giới đặc biệt. Bên kia là Thule, Ultima Thule. Kề từ thời San Juan Hill, Free Silver, Pinocchio, Uneeda. Trong vung biển không xa chợ Wallabout bao nhiêu có những tàu chiến bỗ neo. Một con đường trải nhựa gần một chợ nhỏ có thể đi xe đạp đè tới Coney Island và trở về. Ở mỗi bờ hàng của Sweet Caporals có một bức ảnh đôi khi của một nữ minh tinh, đôi khi của một người vô địch, đôi khi là một lá cờ. Paul Sauer thường có thói quen gọi món dưa cải. Cũng vào buổi chiều Lester Reardon hanh diện như một ông hoàng đi qua tiệm bánh. Phía Nam là nhà của các ông luật sư, vật lý gia, chính trị gia, kịch gia, lính cứu hỏa, âm quách, nhà thờ Tin Lành, phông-ten nước.

Phía Bắc là nhà máy thép, nhà bác sĩ thú y, nghĩa trang, trường học, ty cảnh sát, nhà xác, lò thịt, những bồn chứa hơi đốt, chợ cá, câu lạc bộ Dân chủ. Có ba người đáng sợ: ông già Ramsay — cây vả trong Phúc âm. George Denton, người bán hàng rong và Doc Martin nhà diệt rệp. Có nhiều hạng người ta khó phân biệt: làm hè, đào đất, điên khùng, những nhà tu huyền bí, lao lực, tác phong kỳ bí, khùng khùng, say sura, nói dối, giả hình, đĩ điếm, bạo dâm, sợ hãi, khummings, những kẻ gây tội ác, ông thánh ông hoàng. Jim bắt chước loài khỉ, Bet là người không tốt, Joe làm trai mà yêu điệu như đàn bà, Stanley là người bạn đầu tiên của tôi. Hắn tính mèo rùng. Hắn chỉ biết mỗi luật roi da ông già hắn để ở tiệm hớt tóc. Khi bị ông già quất cho, hắn khóc ầm ĩ. Trong thế giới này, cái gì cũng được làm ở chốn thanh thiên bạch nhật cả. Khi Silberstein, anh chàng thợ may mất trí nằm ở lề đường trước nhà anh ta, người ta để mặc hắn như vậy rồi đặt chiếc áo gi-lê sọc lên người anh ta. Giáo sư Martin, vua giết rệp, vừa trở về sau một bữa tiệc, túi ông có hai cái dải băng tơ thô lén. Stanley vứt những dây đó xuống cống. Hắn nghĩ là trông khờ quá đi. Dưới cái tiệm sơn bên kia đường, Maine đang đứng dựa tường nguyên rủa cuộc đời chó má. Linh cữu hỏa táy xịt nước vào anh ta. Ông già hắn nghiền rượu gọi Cảnh sát tới và cảnh sát đã đến đập cho ông ta một trận nên thận. Trong lúc đó Carren đang dãi bạn một chầu sâm-banh trong bar. Suất

matinée đã vãn và cả mari sến, gái điếm ở quán Bum đang đứng chật ních ở phòng sau với các bạn trai thủy thủ. Denton khùng đang lái xe ngựa ngoài phố, tay cầm chiếc roi, tay cầm cuốn Kinh Thánh. Hắn cất cao cái giọng khàn khàn như là lên: «Dù các con có làm một sự gì cho người rốt hết trong anh em con, thì cũng như làm cho cha.» Hoặc một vài câu đại loại. Bà Gorman đang đứng ở cửa ra vào, quần áo bẩn thỉu, trông bà ta nửa khôn nửa khờ, luôn miệng lảm bảm. «Chắc! Chắc! Chắc!» Bà ta là hội viên của nhà thờ Father Carroll ở vùng phía Bắc «Chào cha ạ! Sáng nay đẹp quá cha hả?»

Cứ mỗi buổi chiều sau bữa ăn, tôi lại nhớ đến bọn nhạc sĩ và những vũ điệu của họ. Carl và tôi cùng nhau sửa soạn bữa nhậu, những món thật ngon: củ cải đỏ, ô-liu ngâm, cà, cá sardine, phomát, bánh mì không men, chuối, xốt táo, một cặp rượu nho Alger 14°. Ngoài trời không khí ấm cúng thanh tĩnh. Chúng tôi vừa ăn vừa hút thuốc thật thỏa mãn, hắn ta vừa ăn vừa ngủ gục. Bữa ăn thật ngon dưới ánh đèn màu. Hai chúng tôi ngồi yên lặng. Chung quanh nhà có một bầu không khí thanh tĩnh bình lặng. Chiều nào cũng vậy, sau khi ngồi yên lặng một chút, phòng như tối thui anh ta bắt đầu kể chuyện về mình nhất là chuyện quá khứ. Có một nỗi buồn mênh mang lan tỏa, không diễn ra thành lời giống như một thứ âm nhạc dâng lên từ rượu nho Alger, từ củ cải đỏ, từ ô-liu ngâm. Hắn nói với bà mẹ, về những đứa con bà sắp sinh hạ,

rồi nói về hắn, về anh chị em hắn, về đồng bào ruột thịt, khi chiến tranh xảy ra, người ta bảo hắn bắn bỏ những người đó, nhưng hắn làm sao bắn nỗi, rồi nhà tù, nhà thương điên, rồi chiến tranh kết liễu, hắn lại được tự do như con chim trời tung cánh. Không biết tại sao câu chuyện cứ miên man mãi như vậy, tôi cũng chả nhớ nữa. Chúng tôi bàn về chuyện bà góa vui vẻ, về Linder, về Prater ở Vienna rồi bỗng nhiên chúng tôi đề cập tới chiến tranh Nga-Nhật, rồi bàn về Trung Hoa, về một nhân vật Claude Farrère đã nói tới trong cuốn *La Bataille*. Có vài câu chuyện về Trung Hoa như ghi ấn tượng thật sâu trong lòng hắn, rồi quanh quẩn hắn lại nói về người mẹ, lòng mẹ, cuộc chiến tranh xảy ra, sự tự do, rồi cứ thế hắn đi sâu vào quá khứ. Tôi cứ sợ mang hắn trở về quá khứ.

Tự do như con chim. Tôi tưởng tượng khi nghe hắn nói thấy cửa nhà tù mở ra, người ta chạy xô ra ngoài, tất cả đều tự do và chiến tranh kết liễu. Khi cánh cửa nhà tù rộng mở, tôi lại đi phố, bạn Stanley lại ngồi cạnh tôi trên thềm nhà, cùng chia nhau mầu bánh chua. Nhìn ra xa xa là nhà thờ Cha Carroll. Chiều dâng lên, hồi chuông chiều ngân nga. Chúng tôi ngồi đầu mặt vào nhau, buồn buồn khó tả. Hồi chiến tranh kết liễu, chúng tôi đã ngồi với nhau ở Clichy giữa bóng đêm vây phủ. Hắn ta nghĩ về mẹ, tôi nghĩ lung tung. Hắn vẫn nói hoài: « Tao chả muốn đi đánh nhau. Chán thấy mẹ! Tao mới có mười tám tuổi đòi mà. » Lúc đó, chiếc máy hát vừa bắt đầu chơi bản nhạc The Merry

Widow điệu Valse. Bên ngoài mọi vật đều bình lặng như hồi tiền chiến. Stanley đang tâm sự với tôi ngoài thêm của câu chuyện về Thượng Đế và người Công giáo. Carl ném một củ cải vào bóng tối. Hắn nói «Dù có nghèo khổ thế nào chăng nữa, ta cần phải sống.» Anh ta lại thò tay lấy một củ cải khác ném đi. «Được sống, chăng có gì đẹp bằng.» Nói xong, hắn lại nhón một miếng củ cải ném vào miệng, như thể xác nhận rằng hắn đang tự do như con chim trời. Giờ đây, toàn thể phố xá cũng đều tự do như loài chim. Tôi thấy những chàng trai đang đợi đến phiên được đem ra chiến trường để chết trong bom đạn, hoặc lưỡi lê. Những chàng trai đó như là Tom, Sylvester, Martin, Paul, Carney, Lester, Maine, Borowski, Pirosso, Maloney... Những chàng trai từ miền Bắc, những chàng trai từ miền Nam đều biến thành một đống bầy nhầy, ruột gan họ tung tóe trên thép gai, tòng teng trên ngọn cây. Chả có người nào trong bọn họ được trừ ra cả. Kề cả đại vĩ nhân Lester Reardon. Cả một quá khứ đã xóa mờ. Còn sống được tự do như chim trời là đẹp rồi. Công nhà tù đã mở và tôi có thể đi đó đi đây tùy thích. Nhưng Carney đâu rồi? Stanley đâu rồi?

Đây là mùa Xuân mà Chúa Jésu đã ngợi ca. Bọn lý hình đưa dấm chua mật đắng lên miệng Ngài, bọn sâu bọ lèn làm người đang múa nhảy. Trong lòng nhân gian đều quấn đau xé ruột, trong mọi nấm mồ vang lên tiếng gào thét của đạn bom. Cả một bầy thiên thần sa đọa roi từ trời xuống

như sa mù. Toàn thể trái đất này đã trở thành một vết thương chảy máu mãi không ngoi. Khi tiếng kèn tận thế nỗi lèn chẳng khác gì ta bấm vào cái nút: khi người đầu tiên ngã xuống chân hắn đạp vào người kế tiếp và người kế tiếp, kế tiếp... và cứ thế mãi. Cả một dãy người nằm xuống quanh trái đất từ Nữu Uớc tới Nagasaki, từ Bắc Cực tới Nam Cực. Khi con người ngã xuống, hắn sẽ đầy con voi té xuống, rồi cứ thế dây chuyền con voi đầy con bò cái, bò cái đầy con ngựa, con ngựa đầy con la... và cứ thế, tất cả đều nằm vật cả xuống. Kẻ truóc người sau giống như dãy linh bằng chì bị gạt đồ tuốt lượt. Thành phố này là cả một trái bom nổ tung. Sẽ chẳng còn có một cọng cỏ nào mọc lên. Liều thuốc độc giết chết tất cả không làm ai sống nổi. Chỉ còn Yên lặng, Tĩnh mịch và Đêm thâu, không còn một tiếng rên than. Bóng tối êm đềm bao phủ như cả một đại dương màu đen.

bọn hέ

DỨNG trong một cái bar, nhìn một gái điếm người Anh có bộ răng giả, bỗng nhiên tôi nghĩ tới câu «Đừng nhô lên sàn nhà.» Nó đến với tôi như là một giấc mơ. «Đừng nhô lên sàn nhà.» Lúc đó là ở bar Freddie, đường Pigalle, và một người đàn ông ngón tay búp măng, mặc sơ-mi lụa trắng, tay đang xòe ra rì rầm nói chuyện rồi nói «Good Bye Mexico!» Cô gái nói rằng việc chả nhiều nhặt gì nhưng cứ lai rai. Cô ta làm việc ở Đài phát thanh Big Broadcast, cô đang bị đau chân và đau miệng. Cô ta cứ đi lại phòng rửa mặt tung cái rèm bằng hạt cườm. Chiếc thụ cầm chùng dây, lúc nào cô cũng có vẻ hơi say sura và cố gắng tỏ ra như một mệnh phụ. Tôi có một bức thư của một người Hà Lan gửi cho nhét trong túi. Anh ta mới từ Sofia trở về. Thư viết: «Đêm thứ Bảy, tao cứ mong được mày ngồi bên cạnh (ở đâu, không thấy nói). Có điều tao có thể viết cho mày là bây giờ là lần moi rời bỏ cuộc sống ồn ào ở Nữu Ước, tao đã sống một cách bình thản, êm ả tại thành phố Scheveningen.»

Tôi đã đọc lá thư suốt một buổi chiều, nhưng khi cô gái điếm người Anh mở miệng ra tôi thấy cả một hàm răng rụng hết trơn của nàng, cái câu nói «Đừng có nhô lên sàn nhà» bỗng nhiên hiện trước mắt tôi. Anh chàng người Hà Lan và tôi đang cùng nhau đi dạo trong xóm Do Thái. Hắn ta mặc đồng

phục thông tin viên. Tin tức hắn đã gởi hết và cả buổi chiều hắn rỗi rãi. Chúng tôi cùng đi về phía Café Royal để gọi vài ly bia, cho thanh thản cuộc đời. Tôi đã cho hắn ngồi với tôi vì hắn là tôi, tôi là chủ, ngoài ra hết giờ làm hắn muốn làm gì thì làm.

Hai chúng tôi cùng đi bộ dọc theo đại lộ thứ II, hướng về phía Bắc. Bỗng tôi thấy một cửa tiệm có chiếc đèn ống hình thập tự và có dòng chữ «Ai tin ta, sẽ được sống đời.» Chúng tôi bước vào thấy một người đứng ở sàn nói «Cô Powell, cô đã sửa soạn bài hát xong chura. Nào, mời anh chị em, một người sẽ hát thử bài đó. Vâng! Ca vịnh số 73. Sau cuộc hội họp này, chúng ta sẽ đi thăm người chị em đáng kính của chúng ta, bà Blanchard. Giờ chúng ta tất cả hãy đứng lên hát ca vịnh số 73.

Chúa đã đặt chân tôi lên xe miền đất cao hơn. Khi hát được một lúc, tôi thấy một người leo lên tháp chuông quét vôi tháp chuông lại rồi vẽ dòng chữ tôi vừa hát khỏi miệng «*Chúa đã đặt chân tôi lên miền đất cao.*» Ngoài ra còn khẩu hiệu «Chúa là Chúa chiên tôi, tôi không còn thiếu chi.» Có một cái bảng nổi bật nhất đặt trên sàn nhà là bảng «*Đứng nhở xuống sàn.*» Mọi người đều ca vang ca vịnh số 73, để mừng tháp chuông mới. Chúng tôi đứng ở chỗ cao hơn nên thấy rõ cái bảng để chỗ thánh thư «*Đứng nhở xuống sàn.*» Chị Powell đang nhấn các phiến phong cầm. Trông chị thật thánh khiết, đầy ơn thiên sủng. Người đứng trên bục cao hát to hơn mọi người và mặc dầu ông

ta thuộc lòng lời ca, ông vẫn nhìn vào cuốn Thánh Ca. Ông ta trông chả khác gì anh thợ rèn thay thế cho mục sư, nhà nghề. Tiếng ông ta rất to và đượm phần hăng hái. Ông cố gắng trong lúc hát để thôi thúc mọi người cùng bày tỏ niềm tin. Thỉnh thoảng có giọng the thé vang lên «Tôi ca ngợi Chúa vì ơn cứu độ và ơn quan phòng của Ngài.»

Amen! Sáng danh Chúa. Hallelujah! Ông thợ rèn gào lên. «Đến đây, ai trong anh em sẽ tuyên hứa? Nào ông bạn Eaton, ông bạn có muốn tuyên hứa không?» Eaton đứng dậy, lúng túng nói «Ngài đã cứu chuộc tôi bằng một kho tàng vô giá.» Amen. Amen. Hallelujah. Chị Powell đang lấy khăn tay lau tay một cách hết sức siêu nhiên. Lau xong chị nhìn bức tường đối diện một cách thật mờ màng. Trông chị cứ y như Chúa đã nhập vào rồi. Rất sốt sắng.

Eaton vừa tuyên hứa xong, ngồi khoanh cánh yên lặng. Ông thợ rèn cắt nghĩa rằng. Chính Chúa đã lấy máu của Ngài cứu chuộc Eaton. Máu Chúa đã đổ ra trên thập giá trên núi Calvary. Ông ta lại muốn có một người tuyên hứa nữa. «Có bạn nào muốn xin tuyên hứa nữa. Nào. Xin mời!» Trong một thoáng, ông ta cắt nghĩa rằng, lát nữa đây, anh em chúng ta sẽ cùng đi thăm chị Blanchard vì con chị vừa qua đời đêm qua. Nào, có vị nào muốn tuyên hứa. Nào. Xin mời!»

Có một giọng nói run run «Thưa quý anh chị, thật ra tôi chưa muốn tuyên hứa, nhưng có một

câu Kinh Thánh tôi rất thích đó là câu trích thơ thánh Paul gởi giáo hữu Colossius: «Hãy đứng lên và nhìn xem sự cứu rỗi của Chúa.» Vậy thì chúng ta hãy đứng yên, yên lặng và cố nghĩ về Chúa. Hãy thử xem sao. Hãy quì xuống và cố nghĩ về Ngài. Cố lắng nghe Ngài nói. Anh chị em thân mến, câu nói trích ở Colossius 3 tôi rất thích «Hãy đứng lên và nhìn xem sự cứu rỗi của Chúa.» Hãy lắng nghe. Lắng nghe! Sáng danh Chúa. Hallelujah!

Ông ta lau mặt rồi nói «Chị Powell, chị đã sẵn sàng đệm đàn cho một bài hát khác chưa? Trước khi đi thăm con chị Blanchard lần cuối, ta hãy hát Thánh Vịnh «Chúa Jêsu là bạn hữu tôi.» Tôi tin rằng, anh chị em đã thuộc lòng bài đó cả rồi. Anh chị em thân mến, nếu chúng ta không được tắm gội trong máu Chiên Thiên Chúa, chúng ta sẽ không được cứu thoát. Chúng ta đứng đuổi Chúa ra ngoài. Biết đâu, đêm nay, chúng ta phải đi gặp Ngài... đêm nay, chúng ta hãy sẵn sàng đón nhận Ngài ngay từ giờ phút này. Nào, ta cùng ca ngợi Chúa «Chúa Jêsu là bạn hữu tôi... Ca vịnh số 97. Chúng ta hãy cùng đứng lên hát vang bài Thánh Vịnh số 97 trước khi đến thăm con trai chị Blanchard lần chót.

Mọi sự đã xong xuôi, nào chúng ta cùng đi thăm con trai chị Blanchard lần chót. Tất cả chúng ta, bốn đạo Colossius, Pharisieu, giọng bồng, giọng trầm... tất cả cùng đi thăm một lần cuối. Tôi không biết cái thằng Hà Lan khờ khi đã nhậu nhẹt rồi phản ứng thế nào. Nào, chúng ta cùng nhau

đích thân thăm chị Blanchard. Người Juku hay là Kalik, ca vịnh số 73 và Đừng nhồ xuống sàn. Này, Pritchard, anh tắt hết đèn đi chứ. Chị Powell sửa soạn sẵn một bài hát nhé. Chào Mexico. Chúng tôi cùng đi thăm chị Blanchard. Cùng đi để đặt chân lên miền đất cao hơn.

Đây có một chiếc mũ bỏ quên, kia là cặp kính. Què quặt, sồ mũi, ho đàm, sốt sáng, khô khan, có nhiều cháy rận, điên khờ... tất cả đều đi xuống để sơn lại cây tháp cho đẹp hơn. Tất cả là bạn Chúa Jêsu. Tất cả đều đứng yên để nhìn xem sự cứu độ của Chúa. Anh Eaton đi thu những chiếc mũ bỏ quên, chị Powell lau những bãи nước miếng nhồ trên tường. Tất cả đều được chuộc lại bằng giá mua một điều xì gà ngon. Giờ đây, Scheveningen yên lặng, bình tĩnh như kẻ mất cảm giác. Mọi thư tín đã gửi đi hết. Để cất giữ tro than người chết đáng quý này, chúng tôi đã có một vài cái khán xay vào tường để đặt bình đựng tro. Con chị Blanchard đang nằm trong nước đá, ngón tay đang xù ra. Phần mộ đã dành một chỗ cho cả gia đình, họ hàng nằm bên nhau trong một căn nhà tuyết trắng vừa cao và khô trên mặt tuyết trắng. Nước và khí ẩm không lọt vào được.

Đi về phía Công viên quốc gia mùa đông trong một chiếc taxi màu vàng. Sự bình tĩnh của Scheveningen đã làm tôi xúc cảm. Thư tín như âm nhạc khắp nơi vang lên bài ca Tôn Vinh Chúa vì ơn cứu độ của Ngài. Khắp nơi tuyết phủ giăng

đầy. Hãy như cái cửa sổ đã quá cũ kỹ này, ta cần bỏ quách đi. Sáng danh Chúa. Hallelujah!

Người ta che giấu sự nghèo nàn trong những bộ áo lông. Tắm hơi, tắm kiều Nga, tắm kiều Sita... tắm không kỳ cọ. Clara lại nói «Tình yêu kiều Paris.» Quỷ thần của Jacob Gordin lén theo những con vật hút máu người. Thánh đường St Martin trông vui tươi màu cánh gián, hoa hoét khắp nơi. Moskowitz đang đánh não bạt và làm cho cẩn hàng của Tolstoi vui hẳn lên. Cẩn hàng chuyên đồ nhậu. Cả trái đất đè sô ruột ra ngoài đè làm thành mực cóc, bورو, mụn nhọt, tóc bạc, bورو cỗ. Nhà thương nhận bệnh miễn phí. Tất cả những kẻ nào khổ đau, yếu đuối, gánh nặng ch襌 lở đầy người, thối miệng, hoạn thư, thủy thũng... nên nhớ rằng cửa bệnh viện lúc nào cũng rộng mở miễn phí. Hãy đến mau! Hãy đến! Hãy đến hồi những con người giả dối, những kẻ Pharisieu. Hãy đến đè các người được chữa lành bệnh khỏi phải đưa đi nhà xác. Hãy đến đêm nay. Chúa Jêsu muốn các bạn tới. Đến mau lên kéo quá muộn. Chúng tôi sẽ đóng cửa đúng 19 giờ 15.

Cleo đêm nào cũng nhảy múa. Cleo, một vị thần được các chư thần quý mến. *Má oi, con về đây, má oi, con muốn được círu thoát. Con đang lên thang đây má.* Sáng danh Chúa. Colossius 3. Mẹ của tất cả các vị thánh, giờ đây con ở trên trời. Con đang đứng cùng dãy người xếp theo hình chữ Z. Vị mục sư đang đứng ở bậc thềm nhà thờ cầm mảnh gỗ viết «Cấm đậu xe ở đây.» Những thầy ký đang

ngồi ở quầy bán vé hát mơ tới sông Shannon. Phim thời sự Pathé chạy rẹt rẹt. Các thày đang từ từ leo lên đỉnh Hy Mã Lạp Sơn để cầu nguyện cho mọi người từ khắp nơi trên thế giới sáng ra thíc dậy sẽ bắt đầu một ngày mới với những tư tưởng trong sạch, tử tế, can đảm. Cảnh thế giới hiện ra trước mắt. St Moritz, các kịch sĩ Hy Lạp, vua Oedipus, những con chó Tàu, bão lốc, người đẹp bơi lội... Tâm hồn tôi thanh thoát. Nếu tôi có một ly lave, một khẩu bánh mì xăng-uých, thịt heo bầm, tôi sẽ là bạn thiết của Chúa Jêsu. Dẫu sao màn đêm cũng đã kéo lên rồi Shakespeare có lý: Kịch là cuộc đời.

Và bây giờ, kính thưa quý vị khán giả, màn đã kéo lên rồi, chúng tôi xin trình bày một show hay nhất, nhanh nhất chưa hề được trình diễn ở Tây bán cầu. Kính thưa quý vị, màn đã kéo lên rồi và, những cảnh chúng tôi trình diễn ở đây thì gần như là phần trên bụng, phần bụng, và phần bụng dưới. Những chỗ được lựa chọn này thật đặc biệt. Giá vé vào cửa chín mươi tám đô-la, chưa bao giờ được trình diễn ở Mỹ cả. Minsky, vua trình diễn người Do Thái đã du nhập lối trình diễn này để đặc biệt trình diễn ở Rue de la Paix. Đây là một show đẹp nhất, nhanh nhất Nữu Uớc. Giờ đây, trong khi chờ người soát vé còn đang làm công việc xịt nước tẩy uế rạp, chúng tôi đưa quý ông bà xem một số carte postale của Pháp, cái nào cũng đảm bảo là đặc biệt. Mỗi tấm bưu thiếp lại kèm theo tấm kiếng hiển vi của Nhật chế tạo ở Zurich. Thưa quý ông,

đây là show hay nhất. Minsky, vua trình diễn người Do Thái cũng phải công nhận như vậy. Màn đang kéo lên... Trong bóng tối, những người dẫn chỗ ngồi đang xịt thuốc rệp vào trong các kẽ ghế, kẽ cửa. Ngoài kia, những người Do Thái nghèo khổ, mặc áo lông đi bán hộp quẹt dạo và dây giày. Ngoài kia trông giống như trường Vosges hoặc hội chợ Haymarket, hoặc Covent Garden... Màn đã kéo lên: một mùi thơm kẹo cao su hiệu Wrigley's Spearmint, mỗi miếng một thỏi vuông. Màn đã kéo lên và chỉ chừa một phần thần thể, phần còn lại sẽ nói nhiều hơn. Cuộc sống tháng 12: yêu đương là ngọn lửa đỏ, nhưng bụng đói mềm. Minsky đang mơ màng trong quầy bán vé hát, chân anh đang đặt lên một miền đất cao hơn. Các kịch sĩ Oberammergau đang diễn ở một nơi nào đó. Những con chó Tàu đang được tắm, xức nước hoa, đeo dải xanh ở cổ để trình diễn. Chị Blanchard đang ngồi ở ghế xích đu, bụng chình inh. Tuổi đến, thân xác tàn tạ. Bệnh sán khí có thể chữa được. Nhìn từ lò sưởi ta có thể thấy cái cảnh đẹp đẽ bất tận đúng như Cézanne đã họa: nào những bình đựng than gỉ sét, những chiếc mở hộp hoen gỉ, những chiếc xe đầy trẻ em gầy vụn, những thùng tắm bằng thiếc, những nồi súp de bằng đồng thau, bánh bích qui bị chuột gặm nấm trong những bọc giấy nhựa. Đây là một vở tuồng trình diễn nhanh nhất, hay nhất ở phố Rue de la Paix. Ta có thể chọn một trong hai điều: một là nhìn xuống cái chiều sâu đen tối, hai là nhìn lên cao quanh ánh sáng mặt trời, niềm hy vọng

pháp phói trên những ngọn cờ, những niềm hy vọng nguyên sơ trong sáng. Hồi người, hãy đứng lên và nhìn xem sự cứu rỗi của Chúa. Cleo đêm nay nhảy múa hát ca và suốt cả tuần lễ đều đều như vậy. Giá vé rẻ mạt, hơn cả giá tiền chôn cất thông thường. Tứ thần đến từ tứ phía. Cleo đang tới. Vị thần đáng yêu hơn mọi vị thần, hoàng hậu của chiếc ghế điện.

Giờ đây chỉ còn là sự bình lặng của Scheveningen ngự trị, giống như bệnh vô cảm giác. Màn đã kéo lên. Colossius ba. Cleo bước ra khỏi bóng đêm, bụng nó đầy những hơi cõng rãnh hôi hám. Sáng danh. Sáng danh. Tôi đang trèo lên thang gác. Vượt ra khỏi bóng đêm là cây cầu Brooklyn vĩ đại, cũ kỹ, một giấc mơ tê mê dưới ánh trăng khuya và bọt nước. Một điệu nhạc trầm buồn rên rỉ miên man rên xiết trong các phiến đàn. Một tia sáng của ngọc thạch, một tia lửa chập chờn của dầu lửa. Đêm lạnh buốt, nhưng hoàng hậu thì không một mảnh vải che thân, đang múa nhảy trên đống thanh lạnh của ghế điện. Cleo, người được các người Do Thái quý yêu, đang nhảy múa trên đầu những món chân đã sơn màu. Mắt của nàng đảo điên, tay đầy máu. Nàng đã múa nhảy suốt một đêm lạnh lẽo để được trả một món tiền xứng đáng. Nàng sẽ nhảy múa suốt tuần này để mở đường cho những cây cầu bằng bạch kim. Hồi người, nàng sau giọng hát thở than, nàng sau cái hệ thống thập nhị phân và đường hàng không Seaboard có hoàng hậu của Tammany

Hall đứng đó. Hoàng hậu đứng chân không, bụng bà đầy hơi thổi cống rãnh, lỗ rốn của bà lồi lên như một câu thơ ru hồn. Cleo, hoàng hậu thuần khiết nhất, hơn cả nhựa đường thuần khiết, ấm hơn là giọng hát ấm nóng nhất, tinh nhân của các thân mình đang nhảy múa trên các ghế điện bằng thạch ma. Vào bình minh, hoàng hậu sẽ nhỏ neo đi Singapore, Mozambique, Rangoon. Con thuyền của Ngài sẽ bỏ neo ở cống rãnh nước bên đường. Các nô lệ của bà nhung nhúc chí rận. Suốt cả đêm thâu bà nhảy theo bài ca Cứu Rỗi. Tất cả chúng ta cùng đi xuống phòng Vệ Sinh dành cho đàn ông ở một khoảng đất trống cao hơn. Chỗ đó thấy khỏe khoắn, khô ráo và gợi cảm như một nghĩa trang.

Ta cứ tưởng tượng giờ đây màn đêm đã hạ rồi và đó là một ngày đẹp trời, ở đây hương thơm lành, và mùi sò từ bãi biển xông lên. Ta cứ bước đi dọc bờ Đại Tây Dương trong bộ áo bằng xi măng, chân đi guốc gót vàng và tai nghe tiếng gào của Chop Suey. Đại lộ Trắng đầy những bugi xe hơi. Những trạm xe đã mở cửa. Bạn gắng ngồi xuống, đừng làm mất nếp quần. Hãy ngồi phết lên nhựa đường và hãy để các con công mồ vào họng các bạn. Cống rãnh chảy đầy rượu xâm-banh. Chỉ có cái mùi độc nhất đưa hơi sò từ bãi biển vào. Đó là một ngày đẹp đầy hương thơm lành, các radio đều mở nhất loạt. Bạn hãy đeo lủng lẳng một chiếc bến cạnh sườn, rồi mở dài Manila hoặc Honolulu, khi bạn đang đi. Bạn có thể thêm

nước đá vào ly đá lạnh hoặc cả hai trái cật đều bị cắt đi một lúc. Nếu bạn bị chứng cứng hàm, thì có thể cho một ống vào ruột cùng và tưởng tượng là mình đang ăn. Đòi hỏi cái gì cũng chẳng được. Đó là một ngày đẹp trời, đầy hương thơm lành và mùi sò từ bãi biển xông lên. Tại sao vậy? Vì Mỹ Châu là một xứ vĩ đại nhất Trời đã dựng nên, nếu bạn không thích xứ đó thì cứ việc trở về bản quán. Chả có gì Hoa Kỳ sẽ làm cho bạn ở trên đời này cả, nếu bạn đòi hỏi Hoa Kỳ phải xử với bạn như một người. Bạn có thể ngồi trên chiếc ghế điện và trong khi sắp sửa xử bạn, bạn có thể ung dung đọc về cuộc xử bạn ra sao. Bạn có thể nhìn thấy chính bạn đang ngồi ở ghế điện trong khi chờ giờ hành quyết.

Một cuộc trình diễn suốt sáng chí tối. Một cuộc trình diễn nhanh nhất, sạch nhất thế giới. Nó quá nhanh quá rõ đến độ làm bạn thất vọng và cô độc.

Tôi trở về đứng trên cây cầu Brooklyn, ngồi trên tuyết đối diện với căn nhà tôi đã sinh ra. Một nỗi cô độc ghê gớm, vỡ tim xâm chiếm tôi. Tôi chưa thấy tôi đứng ở bar Freddie đường Pigalle. Tôi không trông thấy con đĩ người Anh bộ răng cửa rụng hết. Chỉ là cảnh tuyết trắng phau nổi bật căn nhà nhỏ tôi đã sinh ra tại đó. Trong căn nhà đó, tôi đã mơ thành một nhạc sĩ.

Ngồi trước căn nhà tôi chào đời, tôi thấy mình là kẻ tuyệt đối độc nhất. Tôi thuộc về một ban Đại Hòa Tấu nhưng chưa có bản nhạc nào viết cho ban đó chơi cả. Bản nào cũng lạc điệu cả, kè

cả bản Parsifal. Cái bản Parsifal giờ đây cũng giống như một tai nạn nhỏ, nhưng nó còn có được giọng nhạc đúng. Lòng yêu thích âm nhạc của tôi, sự cô đơn kệch cỡm của tôi đối với Mỹ quốc cũng vậy...

Một đêm đang đứng ở hành lang rạp Metropolitan Opera House. Nhà đã bán rồi và tôi đang đứng ở chỗ ba dãy nhà sau đường ray xe lửa. Chỉ có thể trông thấy một phần nhỏ của sân khấu nhưng phải dài cõi ra mà nhìn. Tuy nhiên tôi nghe thấy được bản nhạc Parsifal của Wagner, một bản nhạc tôi nghe đĩa đã quen. Có những màn kịch thật là buồn chán, buồn chán hơn bất cứ nhạc kịch nào. Nhưng cũng có những màn thật là siêu vời tuyệt diệu trong lúc đó tôi bị chen dẹp như con cá sardine thì có một điều bất tiện là tôi bị... cứng lên. Người đàn bà tôi đang đẩy ép có lẽ cũng đang du theo diệu nhạc của Holy Grail. Cả hai chúng tôi cùng nỗi hứng nên càng ép cứng vào nhau như đôi cá sardine. Lúc tạm nghỉ người đàn bà rời chỗ và đi xuống hành lang. Tôi đứng ở chỗ cũ và nghĩ rằng bà ta sẽ trở lại với tôi. Lúc nhạc bắt đầu lại, bà ta lại trở về chỗ cũ, y như thê chúng tôi là đôi vợ chồng và không gì tốt đẹp như vậy cả. Suốt cả màn cuối cùng chúng tôi cùng sung sướng vô biên. Cảnh đó thật đẹp tuyệt vời gần giống với Boccaccio hơn là Dante nhưng tuyệt diệu và cao vời thì như nhau.

Ngồi trong tuyêt trước căn nhà tôi chào đời, tôi nhớ sự việc đó một cách thật sống động. Không biết tại sao lại như vậy, có lẽ cảnh này có liên hệ

với cái cảnh cô độc đến độ kỳ quái trống rỗng và bí thiết với tuyết trắng phau với cảnh thiếu màu sắc và âm nhạc. Khi ngồi xe nhanh quá người ta dễ buồn ngủ. Người ta bắt đầu bằng những rung cảm tuyệt vời nhưng kết thúc bằng một nỗi chán đời ghê gớm.

Thí dụ, những trưa thứ Bảy, người ta lai rai ở quán Bill Woodruff. Cả một buổi xế trưa mà tốn mất có 50 xu. Vui thật! Tối đến Bill Woodruff lại có nhạc kịch, mình lại có cái thú nhìn người đàn bà bên kia sân có thói quen cởi đồ trong bóng tối. Cuộc tò chunderscore nhạc kịch này thường làm cho vợ lão cắn nhăn. Để tỏ bộ giận dữ, bà ta thường mặc bộ đồ rách mướp. Vợ ông là một người đàn bà lãnh cảm, con của một người đàn bà dữ dằn thường khi hắn đuổi tổng vợ ra ngoài để tìm đến một người bạn trai rồi hắn nói «Này thử xem con mẹ đó nó lạnh đến thế nào. Cứ như là nước đá băng ấy thôi! Chán bỏ mẹ!» Vì thế, bà ta thường đi một vòng để mỗi người ôm rờ bà ta một chút làm bà ta ấm lên. Đôi vợ chồng kỳ lạ. Đôi khi ta có cảm tưởng là họ yêu nhau tha thiết. Bà ta luôn làm ông ta đau khổ, nhưng lúc nào cũng kè kè bên cạnh. Ông ta thường nói «Mỗi tháng tôi chỉ được ngủ với nó có mỗi một lần—khi nào tôi cảm thấy vui.» Quen nói như vậy trước mặt bà ta, nhưng bà ta cũng chẳng thấy khó chịu gì, bà ta có lối cười trừ, làm như thể chả có gì quan trọng.

Nếu chỉ bị lạnh lùng không thôi thì cũng đỡ, bà ta còn có cái thói tham lam. Lúc nào cũng thấy

kêu rên thiểu tiền, luôn cắn nhẫn thiểu thốn khi muối sầm sủa thúc gì. Việc đó làm ông chồng nỗi nóng, cái đó cũng dễ hiểu vì ông ta thì bê tha hoang đàng. Tuy nhiên, một hôm ông ta bỗng có một ý tưởng đặc biệt và nói với vợ «Bà muốn có thêm tiền phải không? Được, chả có gì khó, tôi sẽ cho bà tiền, thì trước hết bà phải cho tôi, lâu lâu... với bà một chút chứ. (Không bao giờ một người bê tha hoang đàng làm tình với một người đàn bà vì thương người đó). Lạ thật, kể từ đó, mỗi lần ngủ với chồng, bà ta cứ ôm riết lấy ông ta như thỏ. Ông ta lấy làm lạ lăm. Có lẽ bà ta thích cứ thế mãi sao đây. Và dần dần nhờ cách đó, ông ta đã biến một người vợ lạnh lùng thành một người vợ hay hưng tình vì mỗi lần ngủ xong, ông ta phải đền lại cho bà ta một món tiền, như là đền hối lộ.

Trong khi đó, bạn bè và xóm giềng khám phá ra rằng vợ của Bill Woodruff lại không bị lãnh cảm như mọi người tưởng. Bà ta lang chạ lung tung hết Tom đến Dick, rồi Harry. Không hiểu tại sao ông ta lại dễ cho vợ làm như vậy. Bà ta làm như thế thách thức ông ta vậy. Lúc đầu thì coi như không có gì xảy ra. Và dù bà ta bẩm sinh bị lãnh âm hay không cũng chẳng sao và cho tới khi ông khám phá ra rằng bà ta sinh ra để làm khổ ông ta cho tới khi ông xuống lõ.

Tuy nhiên Bill Woodruff là một con người tinh đời. Tuy mang tiếng là bê tha tầm thường thế nhưng lúc cần thì cũng tinh ranh ra phết. Khi biết sự thế ông ta miệng kín như bình. Cứ y như chả

biết gì cả. Rồi một đêm, sự việc đã đi quá xa ông ta thức trắng đêm để đợi bà ta, một việc ông ta ít khi làm, vì ông thì hay dậy sớm, bà thì hay về muộn. Tuy nhiên, đêm nay ông đợi bà đến khi bà đi ào vào nhà; mặt vui vẻ, tinh táo, sáng láng lên hơn mọi ngày, lạnh như thường lệ, ông dám dâng hỏi «Đêm nay bà ở đâu?» Bà ta cố giữ vẻ điềm nhiên. Ông ta nói «Cởi đồ ra và lên giường.» Câu nói đó làm bà ta khó chịu và tỏ ra không thích như vậy. «Bà không thích tôi đi phố chứ! Được rồi. Tuy nhiên lúc này tôi muốn sưởi bà ấm lên một chút—ông to tiếng—Nói đoạn, ông ta chồm dậy trói gô vợ vào chân giường, nhét giẻ vào miệng và đi lấy một lưỡi dao cạo. Vào trong bếp, ông ta lấy một chai mù tạc, cầm dây liếc dao cạo quất vào mặt vợ tiếp đó ông ta sát mù tạc vào các vết roi và nói «Tao làm như vậy để cho mày ấm nóng suốt đêm nay.» Nói xong, ông ta bắt vợ xoạc cẳng ra. Giờ tao sẽ trả tiền cho mày như thường lệ! Rồi lấy tờ giấy bạc, ông ta vừa nhét ở túi áo ra đút vào... bà ta.

... Đó là tất cả chuyện về Bill Woodruff, mặc dầu khi tôi nghĩ về chuyện đó, tôi muốn đào sâu thêm một chút vào tâm hồn để hiểu tại sao ông ta lại có thể can đảm để bà ta cảm động sững sờ trên đầu.

Mục đích của tất cả những chuyện đó là gì. Để minh chứng cái còn chưa được chứng minh gọi là: Một nghệ sĩ đại danh là người chinh phục được con người lồng mạn trong nội tâm mình.

TGC viết tắt là thuốc giết chuột... Bạn hỏi? Thế là nghĩa lý gì?... Tuy nhiên, cứ đến lúc phải đi thămdì Mele ở nhà bà cụ nội lúc ăn cơm, bà vừa dề chai rượu ra giữa bàn ăn và nói «Dì Mele lúc nào cũng thích uống rượu Kümmel.» Khi đến lượt bà mẹ đến dì Mele cũng lại nói «Con có thích uống rượu Kümmel không?» Mele lắc đầu và nói rượu Kümmel nào, tôi chả thấy rượu nào là Kümmel cả, và tại sao tôi lại cho là dì điên và tôi đã biếu dì rượu Kümmel. Mele sẽ có cảm giác nào khi mấy giọt Kümmel trôi qua cổ họng vì dì ngớ ngẩn tới độ ăn cả phân của mình! Nếu là một ngày hanh nắng. Stanley, bạn tôi, được ông cậu, người chuyên thầu đám tang, sai chôn một đứa bé chết trong bụng mẹ ở nghĩa trang. Chúng tôi sẽ thuê một chiếc phà tới đảo Staten, chờ tới khi nào chỉ còn thấy tượng thần Tự Do chỉ còn ở xa xa mạn tàu thế thì chúng tôi vớt tòm xác chết xuống biển. Nếu là một ngày mưa, chúng tôi sẽ đi một hướng khác và vứt xác xuống cống nước. Một ngày như vậy được kể là ngày đại hội của bầy chuột cống. Vì chúng được thi nhau bò lên một cái thế giới cao hơn. Hồi đó, việc chôn cất một đứa trẻ chết trong bụng mẹ như vậy tốn mất 10 đô-la. Sau khi lái xe thồ mộ về, chúng tôi thường nhấm nháp vài ly lave và đó là một thú vị tinh thâm.

Tôi đã kể những việc làm tôi nổi bật vào lúc đầu. Bạn đang ở vào thời khai thiên lập địa, trong một căn vùরn đã được ngăn từng khu vực. Đầu

trời dồn cục lại như những cồn cát, không phải chỉ có một nhung có cả hàng triệu mảnh trời. Võ các hành tinh đều có khắc một con mắt người, một con mắt không bao giờ chớp hoặc lim dim cả. Bạn sắp viết một cuốn sách ghi lại mọi nỗi vui buồn, đặt tên là «Tổng luận về vô thức.» Bạn sẽ bọc bằng bìa da trắng, chữ vàng. Nó có thể là câu chuyện đời bạn không lời giải thích. Ai cũng ham đọc cả vì nó chứa tất cả sự thật, tuyệt đối là thật không có gì giả dối. Đây là câu chuyện làm bạn cười phá lên khi đang ngủ say, làm trào nước mắt khi bạn đang trong phòng khiêu vũ. Rồi bỗng nhiên bạn nhận ra rằng chung quanh bạn chả ai hiểu được tài năng của bạn cả. Họ sẽ cười và khóc ra sao khi họ được đọc tất cả những điều bạn viết là thật cả, sự thật tuyệt đối của đáy lòng bạn. Cuốn sách sẽ làm cho người đọc cười và khóc như chura bao giờ đã khóc và cười như vậy. Ngay trang đầu, cuốn sách đã là một cái gì mới lạ nỗi bật nhất: cuốn sách bìa trắng chữ vàng. Cuốn sách có ghi rất nhiều câu thơ làm bạn thích thú vô cùng. Sau cuốn này thì mới kể tới cuốn Kinh Thánh, kinh Koran và tất cả những sách thánh của Đông phương. Tất cả những cuốn sách này đã được viết từ thuở khai thiên, lập địa. Giờ đây, tôi xin kể mặt kỹ thuật và lai lịch của cuốn sách... Khi mở sách này ra, bạn sẽ ngửi thấy ngay cái mùi nước mũi kỳ dị trên các tấm hình. Hóa phầm chẳng có một cái nhìn viễn ảnh gì là đúng cả. Ngay ở đầu là một bức tự họa, tác giả mặc một

quần bó sát đứng nghiêng. Mắt đeo kính cận thị nặng, hiệu Toric gọng số U-31. Lúc bình thường, tác giả nhìn mắt không rất cận thị đến độ các vật nhìn gần như là giấc mơ tất cả. Nhờ kỹ thuật mơ như vậy, hắn bật mí được tất cả cái vỏ bè ngoài hay chết của hắn và đi tới chỗ nằm được con người sẽ là của hắn và những tính nết đang hình thành. Giờ đây chỉ còn khía cạnh vô định của bản chất hắn là thấy rõ rệt. Nhờ cách đè nén những chủ thể thấy được, hắn đã đi sâu vào cái ngai thiêng của thói quen điện dien khùng khùng của hắn và hắn bơi lội trong đó một cách vô cùng khoái trá... trong vũng bùn lầy nhớ nhớp của cái tôi thật sự của hắn. Nhưng bạn sẽ hỏi, thế ý nghĩa hình con chim bên tay trái hắn là gì? Nó có nghĩa thế này: con chim biểu tượng cho cái gì siêu hình, đó là giống thiên curu từ thời đệ tứ đại. Lung nó có một lỗ nhỏ phát ra những giọng ca ríu rít nói về bản chất sự vật. Về hình thù, thì giống chim đó đã mất giống từ lâu rồi, nhưng người ta còn lấy nó làm vật tượng trưng rất phù hợp. Người Đức đã bắt tử hóa nó trên những chiếc đồng hồ treo. Ở Thái Lan, người ta đã đúc hình nó trên những đồng tiền hời Vương triều thứ 23. Nếu nhìn kỹ, ta thấy đôi cánh nó bị què, vì trong cảnh gần như tê bại vì giấc mơ, nó chả cần bay, nhưng chỉ cần tưởng rằng nó đang bay. Hai bên mỏ nó trông lộn xộn như chiếc bạc đạn đặc biệt bị mất khi nó đang bay qua sa mạc Gobi. Con chim hoàn toàn không dám ô và chả bao giờ ta thấy nó nằm ở cả.

Nó để chỉ một cái trúng cỡ hạt dẻ để khỏi mất giống. Khi đó, nó ăn chất tuyệt đối, nó không phải như chim quạ chỉ ăn xác chết. Nó luôn luôn thiền cư và mặc dù đôi cánh bé nhỏ, nó luôn bay trên những con đường vĩ đại tưởng tượng. Điều này đã rõ rồi, giờ ta sang một cái gì ta thấy tác giả đeo lủng lẳng ở khuỷu tay trái. Thành thật thì cái này hơi khó cắt nghĩa vì đó là hình ảnh của một vẻ đẹp tuyệt vời làm trí óc ta rung động. Trước hết, ta thấy dù nó có tiếp xúc với khuỷu tay, nhưng lại không treo đúng ở khuỷu tay. Nó nằm giữa cánh tay, nghĩa là nó là một biểu tượng hơn là một ý niệm chính xác. Con số viết trên đó tượng trưng với một câu châm ngôn. Con số này luôn nằm ở dưới các khuôn nhạc. Như thứ toán học không thể lượng được. Con số này làm ta nhớ lại dạng thức về cơ thể, hình thức kiến trúc của nó cũng tuyệt vời như luận lý học. Hiều được điều này rồi, tôi xin thêm rằng cái hình chóp nón ở phía sau có thể có ý nghĩa như vậy: sự làm biếng. Đó không phải là thứ làm biếng thông thường như lý thuyết của Pauline, nhưng là thứ làm biếng định kỳ, do ảnh hưởng của sự khoái lạc đem lại. Có thể cái quầng trên hình chóp nón không phải là chiếc đĩa sắt của môn liêng đĩa, hoặc cái phao nhưng là chỉ có tính cách biểu thức nghĩa là một thứ ảo tượng biểu trưng cho cái vòng vây quanh Hải Vương Tinh.

Giờ đây, bạn đọc thân mến, tôi muốn bạn hãy sẵn sàng hỏi tôi câu nữa trước khi tôi xếp bức vẽ đó vào mục D thay cho Dã Yên Thảo. Có ai có điều

chi minh xác trước khi ta nhìn vào bộ mặt chết
đáng yêu này, một lần nữa? Tôi có nghe thấy ai
đang nói hoặc nghe tiếng giày lộp cộp không? Hình
như tôi nghe như có ai muốn hỏi điều gì? Có người
hỏi tôi phải chăng cái bóng đáng nhỏ nhở ở chân
trời là một người có vóc nhỏ phải không? Đúng
không? — Anh Eaton, có phải anh hỏi thế phải
không? Anh Eaton đâu có biết. Anh nói có thể
đúng có thể không. Vậy thì anh đúng và anh sai.
Eaton à. Sai, bởi vì theo luật cầm đồ thế nợ không
cho phép ta nói cái gì đã biết lại bảo là không biết;
sai, bởi vì cái phuơng trình ghi bằng một ngôi sao
nhỏ, trong khi điểm ghi lại ở chỗ vô cực. Đúng, vì
tất cả những điểm này đều sai, không chắc, phải
sửa lại, vì chưa đủ yếu tố quyết định. Eaton ơi,
anh thấy ở chân trời là một người có dáng vóc
nhỏ hay là một chiếc mũ bị vò ra. Đó là hình ảnh
của một thói quen. Nó thu hẹp lại để lại trở thành
lớn lao. Khi thói quen che mờ cả vàng trăng thì
con người càng ngày càng mất hình ảnh đích thực
của mình. Khi đã dàn giải ra khắp nơi rồi thì nó
chả còn gì gọi là bóng ảnh nữa. Và nó sẽ đứng ở
câu thứ 49 của bài về chưa được viết và sẽ tan
hút trong lửa lạnh. Có thể lúc ấy sẽ chả còn gì là
diễn khùng, quá trớn mọi sự đều đã thăng bằng.
Thân xác lột hết da. Cơ quan trong cơ thể lộ liễu
hết. Có lẽ rồi lại có biến khi bạn phải lại xếp lại
ruột gan theo đúng vị thế của chúng. Bình minh

dâng lên trong nội tạng. Không cần có luận lý và
tiên đoán nữa. Có thể là một Trời Mới, Đất Mới.
Con người sẽ được xá tội. Ghi chữ T thay chữ
THIỀN ĐỊNH.

sa mạc người

*Cứu tưởng tượng trong tay bạn chẳng
có gì ngoài Định Mệnh. Bạn ngồi
trong lòng mẹ để giết thời giờ hoặc
thời giờ giết bạn. Bạn ngồi và ca lên
bài tâm ca vạn vật ngoài tầm tay bạn.
Luôn luôn ở ngoài tầm tay...*

LÚC thành phố đáng yêu nhất là lúc lưỡi hái của thần Chết ra tay. Ở đô thị người ta sống như bất cần thiên nhiên, chỉ cần hơi điện tủ lạnh và những bức tường ngăn âm thanh. Nhà cửa chẳng khác gì những cái hộp chồng lên nhau. Đường phố len lỏi giữa những bức tường khô ráo với những móng tay sơn bóng, áo lông phơ phất trên nền trời chập chùng. Từ đáy những quan tài ta thấy mọc lên những đóa hoa giả do bưu điện gởi tới. Dưới dòng sông, có những nén vàng nằm yên. Một sa mạc đầy mica và tiếng chuông điện thoại reo vang vang.

Vào sầm tối, khi thần Chết vặn xương răng rắc, lũ đồng đi lại đầy đặc, khuỷu tay đụng cùi chỏ, mỗi người là một thế giới cô độc, ngực chạm ngực, đầy nhau vào bức tường của ích kỷ, phản kháng, cô độc, ép nhau như cá mòi, tất cả đều tìm một lối sống riêng cho mình. Khi sầm tối, lúc đám đông chan hòa ánh điện, cả mặt trái thành

phố như vùng đứng dậy nhất tè, xô đẩy những cửa ngăn rụm xuống hết. Trong cảnh tán loạn đó, có một con người trùu tượng rẽ đám đông mà đi. Hắn vô cùng ích kỷ và nằm tròn trong cái vỏ ốc đơn độc của hắn. Người ta gọi hắn là «con người của chiều sâu,» hoặc là đơn nhất tính. Ai cũng tự cho mình là chẳng biết, chẳng nhớ gì cả ngoại trừ «con người chiều sâu» của mình, nhưng cái đó cũng thật sâu thăm thẳm như những vì sao xa tít mù trên không gian. Đầy khắp không gian và thời gian là cái cảnh đơn độc vô cùng. Danh hiệu đó cứ lan tỏa mãi mãi và trở thành một cái gì trường tồn vĩnh cửu: Thượng Đế. Trong đám đông, đi không ai nghe tiếng động, trong cảnh xô bồ tán loạn, người cô độc đó là một nỗi kinh hoàng nhất trần gian: Thượng Đế. Thượng Đế cháy sáng như một vì sao trên vòm trời lương tâm của con người: Thượng Đế của những con trâu, của những con tuần lộc, của con người... của...

Không bao giờ Thượng Đế hiện hữu trong một đám đông vô thần như vậy. Không bao giờ Thượng Đế lại hiện hữu trong cái cảnh sầm tối, khi xương sống rung lên vì những điện tín báo ai tín, với những bài ca yêu đương luồn trong mọi thớ thần kinh phát ra từ các radio ở những cửa tiệm trên đường Broadway. Radio đốp chát với máy phóng thanh và máy quay đĩa, ampli. Không bao giờ con người lại thăm thia nỗi cô đơn trong cái đám đông lũ lượt như thế. Con người

của thành phố bị bao vây vì chính những phát minh của mình. Con người bị chìm trong cảnh đồng nhất mênh mang. Cái thành trì đầy mạng nhện chăng của con người cô độc được xây lên trong mê tách ra khỏi cái thành trì cô độc thiếu tình thương của lũ đồng. Chỗ trú ẩn cuối cùng này không một lối thoát, ngoại trừ đường lên trời. Từ đó ta bay về Trời, ghi lại những vết tích trên không trung.

Sống đời ở dưới lòng đất, những con sâu róm dần dà mọc cánh bay. Mắt hút, không nhìn, không nghe, ngủi, nếm được, nó bay nhào về cõi Vô Tri. Bay mãi. Bay mãi. Bay tới bất cứ nơi nào trong vũ trụ: Thồ Tinh, Hải Vương Tinh, Vega... không cần biết là đi tới đâu, miễn đi khỏi trái đất là được. Cao lên trên không xanh với những tiếng nồ lốp bối ở đằng sau. Con sâu thiên thần đó bay như dien. Nó uống và ăn ngược đầu, ngủ cũng ngược đầu luôn. Làm gì cũng ngược cả. Với tốc độ nhanh nhất, thân thể nó nhẹ hơn không khí. Ở một nhịp độ tối đa, nó là một giấc mơ. Một mình trong không xanh, nó tung cánh hướng về Thượng Đế với tiếng kêu vù vù. Chuyến bay cuối cùng. Giấc mơ cuối cùng của sự sanh đẻ trước khi dạ con bị chọc thủng.

Giờ đây, đâu là kẻ đã vùng ra khỏi cơn ác mộng vô tận để vụt ra ánh sáng. Ai là kẻ đứng trên mặt đất với bộ phồi xếp lép, miệng ngậm con dao, mắt như nồ ra? Đớn đau vì phiền muộn và

hấp hối, nó đứng kinh hoàng giữa dòng nước chảy xiết, bại hoại của thế giới. Mắt đỏ ngầu máu, hắn nhìn cái thế giới này có vẻ huy hoàng biết bao. Cái thế giới của loài người đầy tươi sáng và đẫm máu xiết bao. Nhìn xem kia, hắn đang ngồi trên xe trượt tuyết lăn tròn, chân cùt, mắt lồi ra hết. Bạn có nghe hắn đang đàn không? Hắn đang đàn «Bài Ca Tình Bác Ái,» khi hắn đang lướt trên xe trượt tuyết bé nhỏ. Ở quán càfè, một mình với giấc mơ, súng lục giấu dưới tim, có một người khách đang ngồi, một kẻ thất tình. Khách đã đi hết rồi còn mình hắn. Hắn cô độc với nỗi cô độc của hắn. Khẩu súng lục im lặng. Bên cạnh hắn có một con chó và một khúc xương. Con chó không cần ăn xương. Chó cũng cô độc. Ánh nắng ủa tràn vào cửa sổ, chiếu sáng trên cái sọ màu tim của kẻ bị tình phụ. Mặt hắn tái mét, cắt không một giọt máu.

Mùa đông cuộc đời đẹp xiết bao. Mặt trời tái mét và các thiên sứ bay về trời với tiếng pháo nổ lốp b López. Ta cứ đi thật nhẹ nhàng và suy tư qua các phố. Vận động trường mỏ toang và ta thấy những hình nhân mới được làm bằng các ống khói bếp và các ống tròn chuyền động theo các lược đồ. Hình nhân mới này không thể bị tàn tạ vì các bộ phận có thể thay thế được. Những con người mới này không có mắt, mũi, tai, miệng, không đầu gối và bàn chân. Những con người không biết cách mạng và nỗi loạn là gì cả. Phố

phường vui vẻ và đông đúc xiết bao. Trên cửa hầm rượu, Jack và Ripper đang đứng xoay một cái trục, vị linh mục đang lèn tòa giảng... bị cuong lên thủng cả quần. Các chưởng lý đang đi tay khệ nệ những bìa đựng giấy dày cộm, còi xe hơi bóp hết cỡ. Con người đang say sưa với niềm tự do mới được thành lập. Một cảnh tượng vô tận của máy điện báo ghi âm, những người không bàn tay điều khiển các hình trụ; trụ nhà máy chạy suốt đêm ngày để sản xuất thêm nào là lạp xưởng, xúc xích, nào là giày dép quần, cúc áo, lưỡi lê, than đốt, nha phiến tẽ, những chiếc rìu sắc hơn, những chiếc súng lục tự động hơn.

Tôi không thể nghĩ rằng có một ngày nào khác lại đẹp hơn cái ngày đó giữa thế kỷ hai mươi, khi mặt trời úa héo, có một người bé nhỏ ngồi trên xe trượt tuyết thõi sáo «Bài Ca Tình Bá Ái.» Ngày đó chiếu sáng trong lòng tôi với làn ánh sáng nhợt nhạt, như thể tôi là con người buồn nhất trên đời mà tôi vẫn không muốn lia bở trái đất.

Cuộc thiên cư vĩ đại, cuộc bay cuối cùng về trời tới đô thị linh thiêng. Nhìn xuống, tôi thấy trái đất mềm như bông và rất đáng yêu. Trái đất không người. Trừ tuyệt hết mọi kẻ săn Thượng Đế, trừ tuyệt hết mọi cảnh truy lạc dâm ô. Người Mẹ của mọi sinh vật quay cuồng một cách đáng yêu, và uy hùng. Trái đất không còn biết Chúa, không còn biết tình bác ái và tình yêu thương. Trái đất là một tử cung vừa sáng tạo vừa phá hủy.

Loài người không thuộc về trái đất nhưng thuộc về Thượng Đế. Hãy dẫn hắn về với Thượng Đế trong cảnh trần truồng, truỵ lạc, rách nát, chia rẽ, cô độc hơn là cái hổ thầm. Tuy nhiên hôm nay, một chút Tiến Bộ và Phát Minh đã cùng tôi đang lên đỉnh núi cao. Mai đây, con người văn minh trên trái đất sẽ chết vì thuốc độc và gurom giáo, súng đạn. Nhưng hôm nay, bạn còn có thể tắm gội trong tình yêu thương kỳ diệu của Thượng Đế. Hôm nay đây, vẫn còn phòng ca nhạc, giấc mơ, ảo tượng. *Chỉ còn năm phút cuối cùng.* Một giấc mơ, một bài luân xướng khúc, không có đoạn chót. Mọi nốt nhạc chết đi như những miếng thịt treo trên móc câu, một chứng hoại thư mà âm điệu bị chìm trong vũng mủ thối. Một lần nữa, cơ thể cảm thấy trong vòng tay thần Chết, đang sung sướng run người. Một niềm phấn khởi vượt lên cơn hấp hối của một người chết vì đệ nhất khoái và đệ tam khoái là một. Cái xoáy nước! Mọi vật bị hút vào đó và chìm luôn trong đó. Cái man rợ chưa từng thấy trên đời, bắt đầu quẫy cái đuôi lung tung và khắp mọi ngõ ngách trong những mê lộ và giờ đây nó tiến tới trung tâm tử diêm, quay tít và tóe ra những tia lửa xuyên vào mọi ngõ ngách tâm hồn. Cứ quay cuồng hoài hủy như ma cà rồng xoi hết vòng bụng, thùng chứa rượu, xương sườn, da, máu, các mô, tinh thần, trái tim... tất cả đều bị tiêu ma chẳng còn sót một cái gì cả.

Đây là đô thị và đây là âm nhạc. Một dòng sống bất tận của thói lâng mạn thoát ra từ cái hộp

đen nho nhỏ, có những con cá sấu khóc. Tất cả đều hướng đi lên phía đỉnh núi. Tất cả đều tiến lên từng bậc. Từ căn nhà uy quyền, Thượng Đế đồ tràn xuống phố những âm nhạc và âm nhạc. Chính Thượng Đế vặn nhạc lên mỗi chiều chúng ta quên vặt. Có vài người trong chúng tôi được Chúa ban cho mẫu bánh, có người được chiếc bích qui Rolls Royce. Tất cả đều hướng về các lối đi ra, bánh đóng đầy trong các hộp. Cái gì làm cho tất cả chân chúng tôi cùng hợp lại để hướng tới cảnh cao siêu, tươi sáng. Phải chăng đó là bản «Bài Ca Bác Ái» mà Ba Vua Phượng Đông đã được nghe trong máng cỏ. Một người không chân, mắt mù đang ngồi trên xe trượt tuyết nho nhỏ thòi sáo Bài Ca Bác Ái. Chiếc xe lăn bánh qua Đô Thành linh thiêng. Chính Bản Ca Bác Ái đã đồ ra hàng triệu những hộp nho nhỏ từng đợt lại từng đợt, đến nỗi những người anh em da màu cua đồng bé nhỏ mãi tận Phi Luật Tân cũng được nghe. Chính Bài Ca Bác Ái tuyệt vời này đã tăng sức mạnh cho chúng ta để xây lên những tòa nhà cao ngất, hạ thủy những chiến hạm lớn nhất và bắc những cây cầu qua những con sông rộng nhất. Chính Bài Ca Bác Ái này đã ban cho chúng ta lòng can đảm để giết hàng triệu người túc khắc bằng cách chỉ bấm vào một cái nút. Bài ca này cũng cho ta có nghị lực để cưỡng đoạt trái đất và làm cho mọi sự vật thành trần trụi.

Đi lên đỉnh núi, tôi khảo cứu những góc cạnh cứng ngắc của những bin-định, mà mai đây sẽ

đồ rụm trong khói lửa ngắt trời. Tôi khảo cứu chương trình hòa bình của chúng ta kết thúc bằng một trận bão đạn, mưa bom. Tôi khảo thấy trong các cửa tiệm lắp lánh đầy những sáng chế tối tân để mai đây thành vô dụng. Tôi khảo thấy bộ mặt rách nát vì lao nhọc, đau khổ và dạ dày lép kẹp của bạn. Tôi khảo cứu con người cá nhân của anh và thấy anh thối tha quá mức. Anh thối tha như Thượng Đế với tình yêu đầy xót thương và sự khôn ngoan của Ngài.

Thượng Đế, đãng ăn thịt người! Thượng Đế, loài cá mập đang bơi cùng với những loại ký sinh!

Ta nên nhớ chính Thượng Đế mỗi buổi sáng đã vặn radio lên. Chính Thượng Đế đã làm mắt ta ngợp trong ánh sáng chói lòa. Không bao lâu, chúng ta sẽ về với Thượng Đế và nằm gọn trong lòng Ngài, cùng tụ họp với nhau trong niềm hạnh phúc đời đời với Ngôi Lời và bình đẳng trước Pháp Luật. Đó tất cả cũng nhờ tình yêu, một tình yêu bao la vĩ đại mà bên cạnh đó thì máy phát điện mạnh nhất cũng chỉ như tiếng muỗi vo ve.

Giờ đây, tôi tạm biệt bạn cùng với đô thành linh thiêng của bạn. Giờ đây tôi ngồi trên đỉnh núi để chờ 10.000 năm khác trong khi bạn chiến đấu để vượt lên vùng ánh sáng... Chiều nay, tôi chúc bạn làm sao cho ánh sáng dịu bớt đi, và bạn sẽ làm cho các máy phóng thanh câm họng hết. Chiều nay, tôi muốn ngồi suy ngẫm trong bình an và thanh

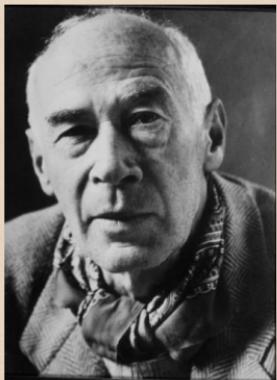
tĩnh. Tôi muốn quên đi trong giây lát rằng bạn đang hung hăng trong căn nhà bé nhỏ của bạn.

Ngày mai đây, bạn có thể thực hiện công việc tàn phá chính thế giới của bạn. Ngày mai, bạn sẽ ca hát trên Thiên Đàng bên trên những cảnh tàn phá đang bốc khói của chính cái Thành Đô tràn gian của bạn. Nhưng đêm nay, tôi muốn nghĩ tới một con người, một kẻ cô độc, không có tên gọi, không có quê hương, một con người mà tôi kính trọng bởi vì người đó là một cái gì tuyệt đối, độc đặc, không có gì là giống với bạn cả đó là chính THẮNG TÔI. Đêm nay, tôi muốn suy tư về cái con người của tôi là gì.

LOUVECIENNES; CLICHY;
VILLA SEURAT 1934-35.

SÀI-GÒN VIỆT-NAM.
MÙA THU 1971
Biệt Thự: QUỲNH-DAO





HENRY MILLER

HENRY MILLER đã viết rất nhiều tác phẩm. Tác phẩm này (MÙA XUÂN ĐEN) quan trọng hơn cả.

WEBSTER SCHOTT. Kansas CITY

Nghệ thuật tả thực của MÙA XUÂN ĐEN thật là tuyệt diệu. Là văn, nhưng không khác gì hội họa. HENRY MILLER quả là một tiêu thuyết gia vĩ đại nhất của thế kỷ XX.

MAXWELL GEISMAR

Tác phẩm MÙA XUÂN ĐEN được viết giữa hai cuốn HẠ CHÍ TUYẾN (TROPIC OF CANCER) và ĐÔNG CHÍ TUYẾN (TROPIC OF CARPICORN) nên đã gồm tóm được tất cả những tư tưởng hàm súc của thế-giới-văn-chương HENRY MILLER.

THE NEW YORKER

Những sách của Henry Miller đầu tiên bị liệt vào loại sách cấm bán ở Mỹ vì tính chất sex... và Anti-America... nhưng dân Mỹ lại khoái xem truyện của Henry Miller vì «hay quá» «It's a dirty book, that's worth reading.» Và dân Mỹ đã phải mua «giá chợ đen» các sách của Henry Miller xuất bản ở Pháp do các du khách mang về Mỹ...

VĂN HỌC SỨ HOA KỲ